CAO XUÂN DỤC

VIÊM GIAO TRƯNG CỔ KÍ

(GHI CHÉP SƯU TẬP
DI TÍCH CỔ NƯỚC NAM)

NHÀ XUẤT BẢN THỜI ĐẠI
TRUNG TÂM VĂN HOÁ NGÔN NGỮ ĐÔNG TÂY

CAO XUÂN DỤC

VIÊM GIAO TRƯNG CỔ KÍ

(Ghi chép sưu tập di tích cổ nước Nam)

Dịch chú: NGUYỄN VĂN NGUYÊN

NHÀ XUẤT BẢN THỜI ĐẠI
TRUNG TÂM VĂN HOÁ NGÔN NGỮ ĐÔNG TÂY

LỜI GIỚI THIỆU

Viêm Giao trưng cổ kí là một tập hợp những ghi chép của Cao Xuân Dục về các di tích cổ ở Kinh đô và các tỉnh trong cả nước. Theo lời Tựa của tác giả, đây là những điều tai nghe mắt thấy được ông ghi chép lại trong các chuyến đi công cán ở các địa phương. Đến khoảng năm Thành Thái thứ 12 (1900), được sự gợi ý của một người Pháp, ông đã đem những tài liệu ghi chép đó biên soạn thành sách. Viên quan Khâm sứ Đại thần Tá quốc Quận vương họ Phu mà tác giả nói trong lời Tựa tên là Léon Jules Pol Boulloche. Ông sinh ngày 10 tháng 5 năm 1859, học ở trường Trung học Stanislas, Paris. Năm 1887 ông sang Đông Dương làm Công sứ Chánh Văn phòng tòa Khâm sứ Trung Kì Rheinart. Ngày 27 tháng 2 năm 1894, được bổ nhiệm làm Khâm sứ Trung Kì. Sau đó lần lượt làm Công sứ ở các tỉnh Thanh Hóa, Bắc Ninh. Từ tháng 6 đến tháng 8 năm 1896 ông làm Cục trưởng Cục Hải quan Trung Kì và Bắc Kì. Vào thời gian 1895 đến 1896, ông được bổ nhiệm làm Khâm sứ tại Lào. Năm 1897, ông trở lại làm Công sứ Bắc Kì, rồi làm Khâm sứ Trung Kì từ ngày 7 tháng 3 năm 1898, Khâm sứ Cao Miên từ ngày 9 tháng 5 năm 1901 đến 1902. Ngày 21 tháng 10 năm 1902, ông được bổ nhiệm làm Phó Toàn quyền Đông Dương và giữ cương vị này cho đến ngày 9 tháng 10 năm 1903. Ông về hưu ngày 1 tháng 10 năm 1907. Ngày 25 tháng 5, nước Pháp có sắc lệnh phong cho ông làm Toàn quyền danh dự các xứ Thuộc địa.

Sách có bố cục khá chặt chẽ, tài liệu về các di tích cổ ở khắp trong toàn quốc được trình bày theo từng địa phương, bắt đầu từ Kinh đô (phủ Thừa Thiên) rồi lần lượt đến 26 tỉnh trong nước. Di tích trong mỗi tỉnh được sắp xếp thống nhất theo môn loại, thành các mục Cổ tích,

Núi sông, Lăng tẩm, Đền miếu, Chùa quán v.v... và dựa theo những qui tắc được soạn giả nêu rõ ràng trong Phàm lệ. Đối với mỗi một di tích, cách trình bày cũng theo qui cách của loại tài liệu địa chí cổ, đều chỉ ra một vị trí địa lý xác định, mô tả cảnh quan, tóm lược giới thiệu lịch sử hoặc sự tích liên quan. Điều đặc biệt ở chỗ đối với nhiều di tích quan trọng hoặc một số công trình mà tác giả có thể đã có điều kiện tham gia hoặc chứng kiến xây dựng trùng tu, sự trình bày không chỉ dừng ở mức giới thiệu danh lam thắng tích mà đã mang đậm tính chất khảo cứu bởi những miêu tả tỉ mỉ chi tiết về qui mô cũng như quá trình lịch sử hình thành và lưu truyền di tích, như quần thể lăng tẩm ở Kinh đô hoặc nhiều chùa miếu quan trọng thuộc các địa phương. Do đặc điểm như vậy, Viêm Giao trưng cổ kí có thể coi là bộ sách hoàn chỉnh và đầy đủ nhất về các di tích cổ trong toàn quốc so với những tài liệu cùng loại.

Văn bản Viêm Giao trưng cổ ký được chúng tôi sử dụng để dịch và giới thiệu trong sách này là một văn bản duy nhất còn giữ lại được đến ngày nay. Đó là bản chép tay gồm 84 tờ giấy gió, hiện lưu giữ tại Thư viện Hiệp hội Á Châu (Societe asiatique) nước Cộng hòa Pháp, kí hiệu HM2232.

Với những đặc điểm về mặt nội dung cũng như tính chất quí hiếm của văn bản, hi vọng rằng cuốn sách này không chỉ góp phần tìm hiểu những di tích cổ được hình thành và tồn tại trong quá trình lịch sử lâu đời của nước ta, mà đồng thời qua đó cũng giúp giới học thuật tìm hiểu thêm một lĩnh vực mới trong khối di sản biên soạn và sáng tác đồ sộ của ông quan bác học triều Nguyễn Cao Xuân Dục.

Nguyễn Văn Nguyên

VIÊM GIAO TRƯNG CỔ KÍ TỰ

Tôi từng đọc *Chiến quốc sách* thấy trong lời *Tựa* có nói rằng: "Trong các sự việc không có gì to lớn bằng bảo tồn vốn cổ; trong khoa học không có gì quan trọng bằng tìm ra những chỗ khuyết nghi". Câu nói thật ý nghĩa lắm thay. Cho nên từ *Sưu thần kí* của người đời Tấn, *U quái lục* của người đời Đường, cho đến các tập *Thập di kí, Bác vật chí,* những sách ấy được soạn ra đều bởi nguyên nhân đó.

Nước Việt ta do các bậc Đế vương sáng suốt nối tiếp trị vì, đến nay trải đã hàng trăm nghìn năm. Trong suốt thời gian đó đã có muôn vàn chuyện kì thú về đất, về qui thần, về nhân vật, nhiều không thể đếm kể xiết. Những chuyện đó kẻ làm quan mọn này mỗi khi đi ra ngoài bắt gặp đều có ghi chép lại, hiếm nỗi chưa biên tập lại thành sách, âu cũng là một thiếu sót. Những sự kiện thông thường được chép lại trong kinh sử là nhằm duy trì giáo hóa ở đời, trong khi những sự tích lạ kể trong truyện kí được tập hợp lại để mở rộng sự hiểu biết. Nhưng cứ để như thế mà tín truyền tín, nghi truyền nghi, sách chép những sự việc quái dị cùng tồn tại lẫn lộn với những sách ghi lại sự việc có thực, điều đó làm mất đi sự sâu rộng của các kiến thức thu lượm.

Quan Khâm sứ Đại thần Tá quốc Quận vương họ Phu[1] sinh trưởng ở phương Tây, phải nói là một nhân tài uyên bác của một xứ sở uyên bác, nhiều lần vâng mệnh đi sứ sang ta, dấu chân lưu lại khắp chốn núi sông, tầm mắt hẳn đã trải thấy được rất nhiều cái mới mẻ, trong lòng hẳn cũng thu lượm được nhiều điều kì lạ. Mỗi lần ngài đi xe tới bản quán, thường

---

[1] Tức viên Khâm sứ Trung Kì Léon Jules Pol Boulloche.

luôn nhắc nhở đến chuyện sưu tìm và bảo tồn vốn cổ, tấm lòng ấy của ngài nghĩ thực sâu sắc lắm.

Vì thế tôi bèn đem các tài liệu ra biên tập lại, phân chia thành từng tỉnh, sắp xếp theo từng loại, đặt nhan đề là *Viêm Giao trung cổ kí* để làm tài liệu tham khảo cho các bậc quân tử uyên bác bước đầu tìm hiểu về cổ tích nước ta, trong đó có những điều chắc còn thiếu sót nghi vấn, bởi đó chỉ là những thu lượm của kẻ hiểu cổ tập hợp lại mà thôi.

Phàm lệ

- Địa thế nước ta một dải kéo dài dọc theo dãy núi và giáp biển, phàm khắp các núi cao sông lớn trong đó nơi nơi đều có những thắng cảnh đẹp nên không thể kể ra hết được. Trong sách chỉ trích nêu những di tích cổ xưa và kì lạ mà thôi.

- Lệ nước ta tại các địa phương ở bên ngoài Kinh đô đều có dựng những đền miếu được thờ phụng theo nghi thức nhà nước (như Miếu thờ Xã tắc, Miếu thờ Sông Núi, Văn miếu, Võ miếu, Miếu Hội đồng v.v...), nay chỉ nêu riêng các miếu ở Kinh đô mà thôi, còn ở các tỉnh thì không nêu ra nữa để tránh rườm rà.

- Tục nước ta coi trọng việc tế tự thờ phụng Thần, Phật, nên các địa phương sở tại đều có những đền miếu. Ở đây chỉ nêu những di tích cổ xưa, có sự linh thiêng kì dị, hoặc tuy không có gì đặc biệt để lưu truyền nhưng lại có liên quan tới việc tạo dựng của Tiền triều, hoặc là nơi từng được Đế vương các triều đại lui tới thăm viếng, ban tặng biển ngạch, hay lưu thơ đề vịnh. Những di tích còn lại thì xem ở các sách khác.

- Đối với các di tích cổ của Tiền triều, bất kể là của dân tộc Kinh hay thiểu số, có sự tích kì dị hay không thì đều kê ra đầy đủ để bảo tồn vốn cổ.

Ngày 15 tháng Giêng năm Thành Thái thứ 12 (1900).

Quốc sử quán Tổng tài, Hiệp biện Đại Học sĩ, An Xuân Nam, Cao Xuân Dục biên tập và kính cẩn đề *Tựa*.

THỪA THIÊN

CỔ TÍCH

Thành cổ vua Chiêm Thành

Thành tại xã Nguyệt Biều huyện Hương Thủy, tương truyền là nơi ở của vua Chiêm Thành. Di chỉ còn lại bức thành đất, tục gọi là Thành Lồi. Vào khoảng đời Minh Mệnh cho dựng tại đó một ngôi miếu để thờ. Tại xã Thành Trung huyện Quảng Điền cũng có di tích bờ thành của Chiêm Thành dài hơn 300 trượng. Ở xã Cổ Tháp cũng còn lưu lại một tòa tháp cổ.

NÚI

Núi Ngọc Trản (Núi Hòn Chén)

Núi ở huyện Hương Trà, mạch núi từ phía Tây Bắc trập trùng kéo về, hình như rồng cuộn hổ ngồi, quanh co đổ về hướng Nam, thẳng tới bờ sông Hương thì nổi lên một đỉnh tròn giống như hình cái chén, nên mang tên như thế. Chân núi gối xuống vực sông sâu, nước trong xanh tuyệt đẹp. Nước ở đây thường được lấy về tiến vua.

Núi Phụ Ổ

Ở huyện Hương Trà. Núi tuy không cao lắm nhưng rất đẹp, mặt trước nối với dãy núi trập trùng, mé sau tiếp giáp với cánh đồng rộng

thênh thang. Thế Tông Hoàng đế[2] triều ta dựng am tại đây, đặt tên là am Bạch Vân, phía trước dựng chùa Bạch Vân, cảnh trí tươi đẹp, vua thường xa giá đến viếng thăm. Di tích nay vẫn còn.

Núi Thúy Vân

Núi ở phía tây huyện Phú Lộc, gối đầu ra cửa biển Hà Trung. Năm Minh Mệnh thứ 6 (1825) vua ban tên là núi Thúy Quang, đến năm Thiệu Trị nguyên niên (1841) mới đổi ra tên gọi ngày nay. Hiện còn tấm bia đề *Thúy Vân thắng tích bi kí.*

Núi Linh Thái

Núi ở phía đông núi Thúy Vân, cao 150 trượng, xưa gọi là núi Qui Sơn, đến năm Minh Mệnh thứ 17 (1836) mới đổi thành tên gọi ngày nay. Trên đỉnh núi có chùa Trấn Hải, được xây dựng từ triều trước, nay còn lại di chỉ. Trước cổng chùa có tòa tháp cổ, tương truyền do người Chiêm Thành dựng lên, nay đã đổ nát, còn lại cột hoa biểu ở đằng trước có vết tích chữ viết của người Man, không hiểu được là viết gì. Hồi đầu dựng nước[3], các vua thường lui tới lên núi ngắm cảnh, dựng phủ để dừng chân nghỉ ngơi, nay vẫn còn di chỉ.

Núi Hải Vân

Núi thuộc huyện Phú Lộc, nơi tiếp giáp giữa Thừa Thiên và Quảng Nam. Núi rất cao, dựng đứng hiểm trở. Vào đời Minh Mệnh

---

[2] *Thế Tông Hoàng đế*: chỉ Chúa Nguyễn Phúc Khoát, ở ngôi 1738-1765. Chữ "Tông" trong miếu hiệu của các vua chúa nước ta, từ đời Nguyễn, vì trùng với tên húy vua Thiệu Trị (Miên Tông) nên trong nguyên bản đều đổi thành chữ "Tôn" theo lệnh kiêng húy ban bố tháng 2 năm Thiệu Trị thứ 2 (1842). Bản dịch khôi phục lại chữ "Tông" theo cách gọi truyền thống.

[3] Dịch chữ "Quốc sơ", cách nói của người đời Nguyễn, có nghĩa là thời kỳ mới gây dựng cơ nghiệp của nhà Nguyễn, chỉ thời kì Chúa Nguyễn Đàng Trong.

cho lát đá con đường đi vượt lên đỉnh núi, thiết lập 3 cửa quan để kiểm soát việc đi lại, một cái đặt tên là "Thiên hạ đệ nhất hùng quan", cái thứ hai là "Hải Vân quan", cái thứ ba là "Sơn Hải quan". Vào năm đầu đời Thành Thái (1889), quí quan Đại Pháp xẻ vách đắp đường mới đi men theo chân núi khiến ngựa xe qua lại dễ dàng hơn.

LĂNG TẨM

Lăng Trường Cơ

Lăng ở núi Khải Vận thuộc xã Định Môn huyện Hương Trà, là lăng của Thái Tổ Gia Dụ Hoàng đế[4]. Năm Gia Long thứ 7 (1808) tu đắp tường thành, vòng trong cao 5 thước, chu vi 16 trượng 4 thước 2 tấc; vòng ngoài cao 6 thước 3 tấc; chu vi 30 trượng 9 thước 2 tấc, xây bằng gạch nung. Phía trước mở một cổng. Năm Thiệu Trị nguyên niên (1841) phụng mệnh cho tu sửa, sai Lê Văn Thảo ra phụ trách cai quản công việc.

Lăng Vĩnh Cơ

Lăng đặt tại xã Hải Cát huyện Hương Trà, là lăng của Gia Dụ Hoàng hậu[5]. Năm Gia Long thứ 7 (1808) xây tường thành, vòng trong cao 5 thước, chu vi 15 trượng 8 thước 8 tấc; vòng ngoài cao 6 thước 3 tấc, chu vi 28 trượng 4 thước 3 tấc, xây bằng gạch nung, mở 1 cổng phía trước. Năm Minh Mệnh thứ 21 (1840) vâng mệnh tu sửa lại, sai Tạ Quang Cự phụ trách cai quản công việc.

---

[4] *Thái Tổ Gia Dụ Hoàng đế*: Miếu hiệu của Nguyễn Hoàng, tức Chúa Tiên (ở ngôi chúa 1558-1613).

[5] *Gia Dụ Hoàng hậu*: vợ của chúa Tiên.

Lăng Trường Diễn

Lăng tại xã Hải Cát huyện Hương Trà, là lăng của Hi Tông Hiếu Văn Hoàng đế[6]. Năm Gia Long thứ 7 (1808) xây tường thành, vòng trong cao 5 thước, chu vi 15 trượng 7 thước 6 tấc; vòng ngoài cao 6 thước 3 tấc, chu vi 28 trượng 4 thước 2 tấc, xây bằng gạch nung, mở 1 cổng phía trước. Năm Minh Mệnh thứ 21 (1840) vâng mệnh tu sửa lại, sai Nguyễn Tăng Minh phụ trách cai quản công việc.

Lăng Trường Diên

Lăng đặt tại xã An Bằng huyện Hương Trà, là lăng của Thần Tông Hiếu Chiêu Hoàng đế[7]. Năm Gia Long thứ 7 (1808) xây tường thành, vòng trong cao 5 thước, chu vi 16 trượng 1 thước; vòng ngoài cao 6 thước 3 tấc, chu vi 29 trượng 3 thước 4 tấc, xây bằng gạch nung, mở 1 cổng phía trước. Năm Thiệu Trị nguyên niên (1841) vâng mệnh tu sửa lại, sai Hoàng Đăng Thận phụ trách cai quản công việc.

Lăng Trường Hưng

Lăng tại xã Hải Cát huyện Hương Trà, là lăng của Thái Tông Hiếu Triết Hoàng đế[8]. Năm Gia Long thứ 7 (1808) xây tường thành, vòng trong cao 5 thước, chu vi 15 trượng 4 thước; vòng ngoài cao 6 thước 3 tấc, chu vi 28 trượng 4 thước 6 tấc, xây bằng gạch nung, mở 1 cổng phía trước. Năm Minh Mệnh thứ 21 (1840) vâng mệnh tu sửa lại, sai Bùi Công Nghị phụ trách cai quản công việc.

---

(6) *Hi Tông Hiếu Văn Hoàng đế*: Miếu hiệu của Nguyễn Phúc Nguyên, tức Chúa Sãi hay Chúa Phật (ở ngôi chúa 1613-1635).

(7) *Thần Tông Hiếu Chiêu Hoàng đế*: Miếu hiệu của Nguyễn Phúc Lan, tức Chúa Thượng (ở ngôi chúa 1635-1648).

(8) *Thái Tông Hiếu Triết Hoàng đế*: Miếu hiệu của Nguyễn Phúc Tần, tức Chúa Hiền (ở ngôi chúa 1648-1687).

Lăng Vĩnh Hưng

Lăng trên núi thuộc xã An Ninh huyện Hương Trà, là lăng của Hiếu Triết Hoàng hậu[9] (họ Chu). Năm Gia Long thứ 7 (1808) xây tường thành, vòng trong cao 5 thước, chu vi 15 trượng; vòng ngoài cao 6 thước 3 tấc, chu vi 28 trượng 8 thước, xây bằng gạch nung, mở 1 cổng phía trước. Năm Minh Mệnh thứ 21 (1840) vâng mệnh tu sửa lại, sai Nguyễn Tiến Lâm phụ trách cai quản công việc.

Lăng Quang Hưng

Lăng đặt tại xã Định Môn huyện Hương Trà, là lăng của Hiếu Triết Hoàng hậu (họ Tống). Năm Gia Long thứ 7 (1808) xây tường thành, vòng trong cao 5 thước, chu vi 12 trượng 5 thước 3 tấc; vòng ngoài cao 6 thước 3 tấc, chu vi 25 trượng 9 thước 6 tấc, xây bằng gạch nung, mở 1 cổng phía trước. Năm Minh Mệnh thứ 21 (1840) vâng mệnh tu sửa lại, sai Lê Văn Thảo phụ trách cai quản công việc.

Lăng Trường Mậu

Lăng đặt trên núi thuộc xã Kim Ngọc huyện Hương Trà, là lăng của Anh Tông Hiếu Nghĩa Hoàng đế[10]. Năm Gia Long thứ 7 (1808) xây tường thành, vòng trong cao 5 thước, chu vi 15 trượng 8 thước 6 tấc; vòng ngoài cao 6 thước 3 tấc, chu vi 28 trượng 7 thước 2 tấc, xây bằng gạch nung, mở 1 cổng phía trước. Năm Thiệu Trị nguyên niên (1841) vâng mệnh tu sửa lại, sai Lê Văn Thảo phụ trách cai quản công việc.

---

(9) *Hiếu Triết Hoàng hậu*: vợ của chúa Hiền Nguyễn Phúc Tần.

(10) *Anh Tông Hiếu Nghĩa Hoàng đế*: Miếu hiệu của Nguyễn Phúc Trăn, tức Chúa Ngãi (ở ngôi chúa 1687-1691).

Lăng Vĩnh Mậu

Lăng đặt trên núi thuộc xã Định Môn huyện Hương Trà, là lăng của Hiếu Nghĩa Hoàng hậu[11]. Năm Gia Long thứ 7 (1808) xây tường thành, vòng trong cao 5 thước, chu vi 15 trượng; vòng ngoài cao 6 thước 3 tấc, chu vi 28 trượng 4 thước 6 tấc, xây bằng gạch nung, mở 1 cổng phía trước. Năm Minh Mệnh thứ 21 (1840) vâng mệnh tu sửa lại, sai Nguyễn Hữu Lễ phụ trách cai quản công việc.

Lăng Trường Thanh

Lăng đặt trên núi thuộc xã Kim Ngọc huyện Hương Trà, là lăng của Hiển Tông Hiếu Minh Hoàng đế[12]. Năm Gia Long thứ 7 (1808) xây tường thành, vòng trong cao 5 thước, chu vi 16 trượng 6 thước 6 tấc; vòng ngoài cao 6 thước 3 tấc, chu vi 28 trượng 4 thước 2 tấc, xây bằng gạch nung, mở 1 cổng phía trước. Năm Thiệu Trị nguyên niên (1841) vâng mệnh tu sửa lại, sai Hoàng Đăng Thận phụ trách cai quản công việc.

Lăng Vĩnh Thanh

Lăng đặt trên núi thuộc xã Trúc Lâm huyện Hương Trà, là lăng của Hiếu Minh Hoàng hậu[13]. Năm Gia Long thứ 7 (1808) xây tường thành, vòng trong cao 5 thước, chu vi 15 trượng 9 thước 3 tấc; vòng ngoài cao 6 thước 3 tấc, chu vi 28 trượng 5 thước, xây bằng gạch nung, mở 1 cổng phía trước. Năm Thiệu Trị nguyên niên (1841) vâng mệnh tu sửa lại, sai Hoàng Đăng Thận phụ trách cai quản công việc.

---

(11) *Hiếu Nghĩa Hoàng hậu*: vợ của Chúa Ngãi Nguyễn Phúc Trăn.

(12) *Hiển Tông Hiếu Minh Hoàng đế*: Miếu hiệu của Nguyễn Phúc Chu, tức Chúa Minh (ở ngôi chúa 1691-1725).

(13) *Hiếu Minh Hoàng hậu*: vợ của Chúa Minh Nguyễn Phúc Chu.

Lăng Trường Phong

Lăng đặt trên núi thuộc xã Định Môn huyện Hương Trà, là lăng của Túc Tông Hiếu Ninh Hoàng đế[14]. Năm Gia Long thứ 7 (1808) xây tường thành, vòng trong cao 5 thước, chu vi 15 trượng 3 thước 6 tấc; vòng ngoài cao 6 thước 3 tấc, chu vi 28 trượng 2 thước, xây bằng gạch nung, mở 1 cổng phía trước. Năm Thiệu Trị nguyên niên (1841) vâng mệnh tu sửa lại, sai Lê Văn Thảo phụ trách cai quản công việc.

Lăng Vĩnh Phong

Lăng đặt trên núi thuộc xã Long Hồ huyện Hương Trà, là lăng của Hiếu Ninh Hoàng hậu[15]. Năm Gia Long thứ 7 (1808) xây tường thành, vòng trong cao 5 thước, chu vi 15 trượng 9 thước 8 tấc; vòng ngoài cao 6 thước 3 tấc, chu vi 28 trượng 4 thước 2 tấc, xây bằng gạch nung, mở 1 cổng phía trước. Năm Minh Mệnh thứ 21 (1840) vâng mệnh tu sửa lại, sai Hoàng Đăng Thận phụ trách cai quản công việc.

Lăng Trường Thái

Lăng đặt trên núi thuộc xã La Khê huyện Hương Trà, là lăng của Thế Tông Hiếu Vũ Hoàng đế[16]. Năm Gia Long thứ 7 (1808) xây tường thành, vòng trong cao 5 thước, chu vi 14 trượng 4 thước 2 tấc; vòng ngoài cao 6 thước 3 tấc, chu vi 28 trượng 5 thước, xây bằng gạch nung, mở 1 cổng phía trước. Năm Thiệu Trị nguyên niên (1841) vâng mệnh tu sửa lại, sai Lê Văn Thảo phụ trách cai quản công việc.

---

(14) *Túc Tông Hiếu Ninh Hoàng đế*: Miếu hiệu của Nguyễn Phúc Trú, tức Chúa Ninh (ở ngôi chúa 1725-1738).

(15) *Hiếu Ninh Hoàng hậu*: vợ của Chúa Ninh Nguyễn Phúc Trú.

(16) *Thế Tông Hiếu Vũ Hoàng đế*: Miếu hiệu của Nguyễn Phúc Khoát, tức Võ vương (ở ngôi chúa 1738-1765).

Lăng Vĩnh Thái

Lăng đặt trên núi thuộc xã Dương Xuân huyện Hương Thủy, là lăng của Hiếu Vũ Hoàng hậu[17]. Năm Gia Long thứ 7 (1808) xây tường thành, vòng trong cao 5 thước, chu vi 14 trượng 4 thước 2 tấc; vòng ngoài cao 6 thước 3 tấc, chu vi 28 trượng 5 thước, xây bằng gạch nung, mở 1 cổng phía trước. Năm Thiệu Trị nguyên niên (1841) vâng mệnh tu sửa lại, sai Hoàng Đăng Thận phụ trách cai quản công việc.

Lăng Trường Thiệu

Lăng đặt trên núi thuộc xã La Khê huyện Hương Trà, là lăng của Duệ Tông Hiếu Định Hoàng đế[18]. Năm Gia Long thứ 7 (1808) xây tường thành, vòng trong cao 5 thước, chu vi 15 trượng 2 tấc; vòng ngoài cao 6 thước 3 tấc, chu vi 27 trượng 6 thước 6 tấc, xây bằng gạch nung, mở 1 cổng phía trước. Năm Thiệu Trị nguyên niên (1841) vâng mệnh tu sửa lại, sai Lê Văn Thảo phụ trách cai quản công việc.

Lăng Cơ Thánh

Lăng đặt trên núi Hưng Nghiệp thuộc xã Cư Chính huyện Hương Thủy, là lăng của Hưng Tổ Hiếu Khang Hoàng đế[19]. Năm Gia

---

(17) *Hiếu Vũ Hoàng hậu*: vợ của Vũ vương Nguyễn Phúc Khoát, sinh ra Hưng Tổ Nguyễn Phúc Luân.

(18) *Duệ Tông Hiếu Định Hoàng đế*: Miếu hiệu của Nguyễn Phúc Thuần, tức Định vương (ở ngôi chúa 1765-1777).

(19) *Hưng Tổ Hiếu Khang Hoàng đế*: Miếu hiệu của Nguyễn Phúc Luân, Hoàng tử thứ hai, con của Thế tông Hiếu vũ Hoàng đế Nguyễn Phúc Khoát và Nguyên phi họ Trương, là cha đẻ của vua Gia Long. Theo *Đại Nam thực lục*, sau khi Thế tử Hiệu mất, chúa Nguyễn Phúc Khoát muốn lập ông làm Thế tử, bèn sai Nội hữu Trương Văn Hạnh làm thầy dạy học, muốn để cho nối ngôi. Tháng 5 năm Ất Dậu (1765), Thế Tông Hiếu Vũ Hoàng đế băng. Bấy giờ quyền thần Trương Phúc Loan vốn ghét Nguyễn Phúc Luân, mật cùng Thái giám Chử Đức và Chưởng dinh Nguyễn Cửu Thông đổi di mệnh

Long thứ 7 (1808) tu sửa tôn lăng, sai Quốc thúc Tôn Thất Thăng, Chưởng quân Phạm Văn Nhân, Nguyễn Hữu Nhân, Nguyễn Đức Xuyên, Lê Chất, Đô Thống chế Nguyễn Văn Khiêm, Trần Văn Năng chia nhau trông coi công việc, kính dâng tôn hiệu. Tường thành xây 6 thước 3 tấc, chu vi 28 trượng, xây bằng gạch nung, mở 1 cổng phía trước, xây hai cấp bái đình, phía Đông có nhà thay áo, phía Tây có thần khố, mỗi cái gồm 3 gian. Năm Minh Mệnh thứ 21 (1840) vâng mệnh tu sửa lại, sai Phạm Văn Điển phụ trách cai quản công việc.

Lăng Thụy Thánh

Lăng đặt trên núi thuộc xã Định Môn huyện Hương Trà, là lăng của Hiếu Khang Hoàng hậu[20]. Năm Gia Long thứ 11 (1808) bắt đầu được xây dựng, sai Sơn lăng sứ Tống Phúc Lương, Lê Quang Định trông coi công việc, bọn Trần Quang Thái trông coi việc xây tường thành, vòng trong cao 5 thước 5 tấc, chu vi 19 trượng, ở giữa xây một ngôi nhà bằng đá; vòng ngoài cao 8 thước 2 tấc, chu vi 28 trượng 7 tấc, mở 1 cổng phía trước, lại xây ba cấp bái đình. Phía trước có hồ hình vuông, bên trái có điện Thụy Thánh. Năm Thiệu Trị nguyên niên (1841) vâng mệnh tu sửa lại, sai Hoàng Đăng Thận phụ trách cai quản công việc.

Lăng Thiên Thụ

Lăng đặt trên núi thuộc xã Định Môn huyện Hương Trà, là lăng hợp táng của Thế Tổ Cao Hoàng đế[21] và Thừa Thiên Cao Hoàng

---

lập Duệ Tôn Nguyễn Phúc Thuần lên ngôi chúa, bắt Nguyễn Phúc Luân giam vào lãnh thất. Nguyễn Phúc Luân lo buồn sinh ốm, đến tháng 9 về phủ đệ thì mất, thọ 33 tuổi, táng tại xã Cư Chính huyện Hương Trà.

[20] *Hiếu Khang Hoàng hậu*: tên là Nguyễn Thị Hoàn, vợ của Nguyễn Phúc Luân, mẹ của vua Gia Long.

[21] *Thế Tổ Cao Hoàng đế*: Miếu hiệu của Nguyễn Phúc Ánh (ở ngôi vua 1802-1819), lấy niên hiệu là Gia Long.

hậu[22]. Năm Gia Long thứ 13 (1814), cử Tống Phúc Lương, Phạm Như Đăng giữ chức Sơn Lăng sứ cùng với Lê Duy Thanh đi chọn tìm cát địa rồi sai binh lính dân phu xây đắp tường thành, vòng trong cao 7 thước 5 tấc, chu vi 23 trượng, bên trong xây 2 ngôi nhà bằng đá; vòng ngoài cao 8 thước 3 tấc, chu vi 29 trượng 8 thước 2 tấc. Mặt trước xây cổng bằng đá mái bằng đồng, bệ cao 5 bậc, lại có 7 cấp bái đình, hai bên tả hữu có 4 pho tượng người lính và 6 tượng thị vệ bằng đá đứng chầu, lại thêm 2 tượng voi đá và 2 tượng ngựa đá. Mặt trước là Nguyệt hồ; bên phải lăng có điện Minh Thành xây trên núi Bạch Sơn, dãy chính có 5 gian, dãy đằng trước 7 gian; bên ngoài là giải vũ phía đông và phía tây, mỗi bên 3 gian. Cổng điện phía trước gồm 3 gian, cất thành hai tầng, đều lợp bằng ngói phẳng. Bên trái lăng cất ngôi đình bia trên núi Thanh Sơn, có 1 gian. Năm Minh Mệnh nguyên niên (1820) vâng mệnh dựng tấm bia *Thần công Thánh đức bi* ở đây, chữ bia đều mạ vàng. Năm Minh Mệnh thứ 10 (1829) tu sửa cổng tường điện Minh Thành. Năm Minh Mệnh thứ 17 (1836) tu sửa bờ hồ phía trước. Năm Thiệu Trị thứ 5 (1845) thay mái bằng đồng cho cổng tường thành (nguyên làm bằng gỗ).

Lăng Hữu Thiên Thụ

Lăng đặt trên núi Thuận Sơn thuộc xã Định Môn huyện Hương Trà, là lăng của Thuận Thiên Cao Hoàng hậu[23]. Bắt đầu được xây dựng vào năm Minh Mệnh thứ 20 (1839), sai Trung quân Tạ Quang Cự, Thượng thư Đặng Văn Hòa làm Đồng lí trông coi công việc. Sang đến năm Minh Mệnh thứ 21 (1840), đổi sai Lại bộ Thượng thư Lê

---

(22) *Thừa Thiên Cao Hoàng hậu*: tên là Tống Thị Lan, vợ của vua Gia Long, mẹ của Hoàng tử Cảnh.

(23) *Thuận Thiên Cao Hoàng hậu*: Tên là Trần Thị Đang, vợ của vua Gia Long, mẹ của vua Minh Mệnh.

Đăng Doanh sung làm Đổng lí, Công bộ Biện lí Nguyễn Văn Điển làm Đốc công, Nguyễn Danh Bi sung làm Tùy biện. Năm Thiệu Trị nguyên niên (1841) tiếp tục công việc sửa sang hoàn chỉnh, sai Đại thần Nguyễn Trung Mậu, Thống chế Nguyễn Trong Tính làm Đổng lí trông coi công việc. Năm Thiệu Trị thứ 6 (1846) xây dựng lăng tẩm, sai Ninh Lạc tử Nguyễn Tiến Lâm, Kiêu Dũng tướng Dương Đài, Binh bộ Tham tri Hoàng Tế Mĩ cùng sung làm Đổng lí Đại thần, lại tăng cường thêm Kí Vũ dinh Thống chế Nguyễn Doãn tới cùng hợp sức đẩy nhanh công việc. Tường thành vòng trong cao 5 thước 2 tấc 6 phân, chu vi 19 trượng 2 thước 8 tấc, bên trong xây 1 ngôi nhà bằng đá; vòng ngoài cao 6 thước 7 tấc, chu vi 33 trượng 2 thước 7 tấc. Phía trước xây cổng mái lợp bằng đồng, bộ cao 7 bậc, bên ngoài có 2 cấp bái đình. Trước mặt là Nguyệt hồ. Bên phải xây điện Gia Thành, dãy chính 3 gian, dãy trước 5 gian, lợp bằng ngói âm dương. Trong cổng Nguyệt môn là phòng trực tả hữu, bên ngoài có đông vu tây vu, mỗi bên 3 gian. Phía trước là cổng Minh Ý cao 2 tầng. Bên phải là kho Thần khố 3 gian.

Hiếu Lăng

Lăng đặt trên núi Cẩm Khê thuộc ấp An Bằng huyện Hương Trà, là lăng của Thánh Tổ Nhân Hoàng đế[24]. Công việc xây lăng bắt đầu năm Minh Mệnh thứ 21 (1840), Hiệp biện Đại Học sĩ Trương Đăng Quế, Thượng thư Hà Duy Phiên được cử làm Đổng lí trông coi công việc. Năm Thiệu Trị nguyên niên (1841) xây dựng lăng tẩm, cử Tạ Quang Cự, Hà Duy Phiên sung làm Đổng lí Đại thần, lại cử Chưởng vệ Tôn Thất Đường cùng với Trần Hữu Lễ, Nguyễn Tri Phương làm Phó Đổng lí Đại thần. Tường thành lăng một đầu cao 5 thước 6 tấc,

---

[24] *Thánh Tổ Nhân Hoàng đế*: Miếu hiệu của Nguyễn Phúc Đảm, (ở ngôi vua 1820-1840), lấy niên hiệu là Minh Mệnh.

một đầu cao 8 thước 1 tấc, chu vi 62 trượng, cổng xây bằng đá, mái lợp bằng đồng, bệ cổng gồm 33 bậc. Phía trước có hồ Tân Nguyệt, mé trái hồ xây cầu đá, gọi là cầu Thông Minh Chính Trực, mé phải là cầu Yển Nguyệt. Ở hai đầu mỗi chiếc cầu đều xây cổng. Trước mặt hồ có 3 ngọn núi gọi chung là núi Tam Tài, có dựng cột biểu trụ, giữa dựng ngôi đài 3 tầng, trên xây tòa lầu Minh Lâu 2 tầng 3 gian. Bên phải chỗ ăn ra bờ nước dựng Điếu Ngư đình, bên trái chỗ dốc núi xây Nghinh Lương quán. Phía trước lầu có hồ Trừng Minh, có 3 chiếc cầu đá bắc qua. Cầu ở chính giữa là cầu Chính Đạo, hai cầu hai bên là cầu Tả Phụ và cầu Hữu Bật. Chính diện phía trước lăng là núi Phụng Thần, trên đó xây điện Sùng Ân, gồm dãy chính 5 gian, dãy trước 7 gian. Trong cổng Nguyệt môn là hai sân tả hữu, bên ngoài là điện thờ hai bên đông, tây, mỗi điện 3 gian. Hai cổng, phía sau là cổng Hoằng Trạch, phía trước là cổng Hiển Đức, mỗi cổng đều 3 gian, ở giữa dựng điện thờ trên tầng lầu. Chính giữa, gần cổng Đại Hồng dựng tòa đình bia *Thần công Thánh đức bi*, chữ bia mạ vàng. Bên ngoài nhà, chầu ở hai bên tả hữu có hai con kì lân đá mạ vàng, 4 tượng lính, 6 tượng thị vệ và 2 ngựa đá 2 voi đá. Ngọn núi ở bên trái tường thành gọi là Tĩnh Sơn, trên có phòng Tả Tòng, núi bên phải gọi là Ỷ Sơn, trên có phòng Hữu Tòng, các phòng đều 3 gian. Phía nam phòng Tả Tòng có ngọn núi gọi là núi Đức Hóa, trên dựng hiên Thuần Lộc. Lại ở mé nam có núi Khải Trạch, trên dựng gác Phương Linh 2 tầng 3 gian. Hơi tiến về phía bắc có ngọn núi nhỏ chạy ra bờ hồ gọi là núi Đạo Thống, trên dựng sở Quan Lan. Mạn bờ phía bắc là đảo Trấn Thủy, trên dựng nhà thủy tạ Hư Hoài. Lại hơi lui về phía sau là 3 gian kho Thần khố để cất giữ đồ tế khí. Núi ở bên trái đình bia là núi Phúc Ấm, trên dựng nhà Truy Tư Trai. Phía trước xây 3 cổng, chính giữa là cổng Đại Hồng, bên trái là cổng Tả Hồng, bên phải là cổng Hữu Hồng, đều xây bằng gạch trát vôi vữa, bốn góc có treo chuông. Bên ngoài cổng Đại Hồng, hai bên đều có kì lân đá đứng chầu, ở giữa có bình phong. Phòng trực

ở hai phía đông, tây đều có 5 gian và 5 gian nhà ở của binh lính. Bên ngoài là tường thành. Năm Thiệu Trị thứ 6 (1846) xây thêm điện Sùng Ân, cột trụ tiền doanh, gác mái cong, cửa tầng trên cổng Hiển Đức, sai Chưởng vệ Tôn Thất Cung phụ trách trông coi công việc.

Lăng Hiếu Đông

Lăng trên núi thuộc xã Cư Chính huyện Hương Thủy, là lăng của Thánh Tổ Nhân Hoàng hậu[25]. Khởi công xây dựng năm Thiệu Trị nguyên niên (1841), sai Thống chế Vũ Văn Giải, Chưởng vệ Hồ Văn Lưu làm Đổng lí, tăng cường thêm các quan văn là Công bộ Thị lang Nguyễn Văn Điển cùng tham gia tiến hành công việc. Tường thành lăng vòng trong cao 6 thước 2 tấc 4 phân, chu vi 14 trượng 2 thước 8 phân, ở giữa xây một ngôi nhà bằng đá; vòng ngoài phía trước cao 9 thước, phía sau cao 7 thước 9 tấc 6 phân, chu vi 21 trượng 1 thước 7 tấc, phía trước xây cổng gạch mái đồng, bệ cổng cao 5 bậc, bên ngoài có bái đình 3 bậc. Đằng trước lăng là Nguyệt hồ. Bên ngoài hồ có cột biểu trụ ở hai bên. Bên trái lăng xây tòa công sở 5 gian. Hồ Văn Lưu, Nguyễn Văn Điển được cử làm Đổng lí trông coi công việc.

Xương Lăng

Lăng trên núi Thuận Đạo thuộc xã Cư Chính huyện Hương Thủy, là lăng của Hiến Tổ Chương Hoàng đế[26]. Lăng được xây dựng vào năm Thiệu Trị thứ 7 (1847) (Xét: Đó là vào ngày mồng 3 tháng 10 năm ấy, do chưa đổi niên hiệu, nên vẫn ghi theo niên hiệu Thiệu Trị), cử Vũ Văn Giải, Hà Duy Phiên sung làm Đổng lí Đại thần, Tôn Thất Đắc, Nguyễn Văn Điển sung làm Phó Đổng lí. Sang năm Tự Đức

---

[25] *Thánh Tổ Nhân Hoàng hậu*: tên là Hồ Thị Hoa, vợ vua Minh Mệnh, sinh ra Hoàng tử Miên Tông, tức vua Thiệu Trị.

[26] *Hiến Tổ Chương Hoàng đế*: Miếu hiệu của Nguyễn Phúc Miên Tông, (ở ngôi vua 1841-1847), lấy niên hiệu là Thiệu Trị.

nguyên niên (1848) tăng cường thêm Thự Chưởng vệ An Khương nam Trần Tri sung làm Phó Đồng lí hợp sức cùng các vị Đại thần được cử trước đó để cai quản công việc. Tường thành cao 8 thước 1 tấc, chu vi 36 trượng, cổng đá mái đồng, bệ cổng cao 35 bậc. Trước mặt là ao Ngưng Thúy, trên bắc 3 chiếc cầu đá, ở giữa là cầu Chính Trung, hai bên là cầu Đông Hòa và cầu Tây Định. Hai đầu cầu đều xây cổng, mỗi cổng có 3 cửa, cột đồng, giữa xây lầu Đức Hinh 3 gian 2 tầng. Phía trước xây đình bia, trong dựng bia *Thần công Thánh đức bi*, hai bên tả hữu có tượng đá 4 người lính, 6 thị vệ, 2 voi đá 2 ngựa đá. Bên ngoài cổng trước dựng bình phong, bên ngoài bình phong là hồ Nhuận Trạch. Bên trái lăng xây điện Biểu Đức, dãy chính 5 gian, dãy trước 7 gian. Bên trong cổng Nguyệt môn có sân tả, hữu, bên ngoài có phối điện ở hai phía đông, tây, mỗi điện đều 3 gian. Chính giữa mặt tiền lại có cổng Hồng Trạch gồm 3 gian. Mé phải tường thành là bãi cát, chếch về phía sau xây gác Hiển Quang 2 tầng 3 gian (hướng tây bắc), đằng trước mở 1 cổng. Bên phải gác là kho Thần khố 3 gian. Bên phía ngoài tường sau của điện Biểu Đức chếch bên trái đặt 1 căn tòng phòng. Bên ngoài quả núi án trước cổng điện đặt 1 trực phòng. Bên phải thần khố là nhà ở của lính.

Khiêm Lăng

Đặt trên núi Khiêm Sơn thuộc xã Dương Xuân Thượng huyện Hương Thủy, là lăng của Dực Tông Anh Hoàng đế[27]. Lăng được xây dựng vào năm Tự Đức thứ 17 (1864), bấy giờ sai Thống chế Nguyễn Văn Xa làm Đồng biện, Biện lí Nguyễn Văn Chất làm Đốc biện. Đến năm Tự Đức thứ 20 (1867) thay đổi, cử Hiệp biện Đại học sĩ, lãnh Công bộ Thượng thư Trần Tiễn Thành, Lễ bộ Thượng thư Nguyễn Văn Phong, Thống chế Kiên Dũng Nam Lê Sĩ làm Đồng lí. Chính

---

[27] *Dực Tông Anh Hoàng đế*: Miếu hiệu của Nguyễn Phúc Hồng Nhậm, (ở ngôi vua 1848-1883), lấy niên hiệu là Tự Đức.

giữa lăng xây điện Hòa Khiêm, dãy chính 5 gian, dãy trước 7 gian. Phía sau xây điện Lương Khiêm 5 gian. Phía đông có Minh Khiêm đường, phía tây có Ôn Khiêm đường. Bên phải phía sau hai tòa điện đặt 4 viện, đặt tên là Tòng Khiêm, Dụng Khiêm, Y Khiêm và Trì Khiêm. Phía trong, ngoài cổng cung đặt 4 dãy giải vũ, gọi tên là Công Khiêm, Cung Khiêm, Lễ Khiêm, Pháp Khiêm. Liền ngay phía sau hậu điện có gác nhỏ là gác Ích Khiêm. Phía trước cổng mặt tiền xây nhà hành lang gọi là Chí Khiêm, ở giữa có ao Khiêm Trì chảy ra Khiêm Hồ. Giữa hồ dựng xường Thủy Lục. Bên cạnh hồ đặt 2 nhà thủy tạ, một tòa 2 tầng gọi là Xung Khiêm, một tòa 3 tầng gọi là Dũ Khiêm, làm Điếu ngư đài. Giữa hồ có đảo to, dựng ba tòa đình, đặt tên là Nhã Khiêm, Tiêu Khiêm và Lạc Khiêm. Mặt hồ bắc 3 cây cầu gỗ. Trên sườn núi có nhà Chấp Khiên trai (về sau là nơi vua Giản Đế giữ lăng). Trên đỉnh núi có lầu Di Khiêm. Có 3 cổng ngoài, đặt tên là Vụ Khiêm, Tự Khiêm và Thượng Khiêm. Có 6 cổng trong, đặt tên là Tất Khiêm, Nhu Khiêm, Huy Khiêm, Năng Khiêm, Mục Khiêm và Liêm Khiêm. Bố trí hai bên tả, hữu ở phía ngoài là Thần trù, Thần khố và nhà lính.

ĐIỆN

Điện Thụy Thánh

Ở bên trái lăng Thụy Thánh, là tẩm điện của Hiếu Khang Hoàng hậu.

Điện Minh Thành

Ở bên phải lăng Thiên Thụ, là tẩm điện của Thế Tổ Cao Hoàng đế, Thừa Thiên Cao Hoàng hậu.

Điện Gia Thành

Ở bên phải lăng Thiên Thụ Hữu, là tẩm điện của Thuận Thiên Cao Hoàng hậu.

Điện Sùng Ân

Ở phía trước Hiếu Lăng, là tẩm điện của Thánh Tổ Nhân Hoàng đế.

Điện Biểu Đức

Ở bên phải Xương Lăng, là tẩm điện của Hiến Tổ Chương Hoàng đế.

Điện Hòa Khiêm

Ở phía trước Khiêm Lăng, là tẩm điện của Dực Tổ Anh Hoàng đế.

ĐÀN MIẾU

Đàn Nam Giao

Đàn ở xã Dương Xuân, được xây dựng năm Gia Long thứ 5 (1806). Đặt lệ bá quan mỗi người chia nhau vào trồng cây thông, có gắn biển đồng đề tên. Tại đây cứ vào tháng 2 hàng năm mở đại lễ Giao tế trời. Nay đổi lệ cứ 3 năm tế một lần.

Đàn Xã Tắc

Đàn ở phường Hữu Niên trong thành nội Kinh thành, xây dựng vào năm Gia Long thứ 5 (1806), thờ thần Xã Tắc. Các tỉnh địa phương cũng đều có đàn này.

Đàn Tiên Nông

Đàn ở địa phận hai phường Hậu Sinh và An Trạch trong thành nội Kinh thành, xây dựng vào năm Minh Mệnh thứ 9 (1828), thờ thần Tiên Nông. Các tỉnh địa phương cũng đều có đàn này.

Miếu thờ Lịch đại Đế vương

Miếu ở xã Dương Xuân phía nam bên ngoài Kinh thành, xây dựng vào năm Minh Mệnh thứ 4 (1823).

Văn miếu

Miếu ở xã An Ninh phía tây Kinh thành, thờ Tiên thánh Khổng Tử cùng Tứ phối[28], Thập triết[29], 72 hiền nhân và các vị Tiên hiền các triều đại của nước ta. Hồi đầu mới dựng nước, miếu đặt ở xã Triều Sơn, đến năm thứ 5 đời Duệ Tông Hoàng đế[30] di dời đến xã Long Hồ. Năm Gia Long thứ 7 (1808) mới chuyển đến chỗ hiện nay. Khắp các tỉnh hạt trong cả nước đều lập dựng văn miếu riêng thờ phụng rất long trọng.

Võ miếu

Miếu ở xã An Ninh phía tây Kinh thành, thờ phụng danh tướng các triều đại. Các tỉnh trong nước cũng đều có Võ miếu.

Miếu Đô Thành Hoàng

Miếu tại phường Vệ Quốc ở phía tây nam nội thành Kinh thành, được dựng vào đầu triều Gia Long. Các tỉnh trong nước cũng đều có Võ miếu.

Miếu thờ Quốc vương Chiêm Thành

Miếu tại xã Nguyệt Biều huyện Hương Thủy.

Miếu thờ Nam Hải Long vương

Miếu tại xã Thiều Dương huyện Hương Thủy, xây dựng vào đầu

---

(28) *Tứ phối:* Bốn học trò của Khổng Tử được phối thờ là: Nhan Uyên, Tử Tư, Tăng Sâm và Mạnh Kha.

(29) *Thập triết*: Mười vị học trò của Khổng Tử được xếp thị hầu bên Khổng Tử trong Văn miếu là Mẫn Tử Khiên, Nhiễm Bá Ngưu, Trọng Cung, Tể Ngã, Tử Cống, Nhiễm Hữu, Lí Lộ, Tử Du, Tử Hạ và Tử Trương.

(30) *Năm thứ 5 đời Duệ Tông Hoàng đế*: tức năm 1769 thời chúa Định vương Nguyễn Phúc Thuần.

triều Gia Long. Thời Minh Mệnh, nhà vua ngự chế bài Kí về sự linh ứng của miếu, khắc vào bia dựng trong nhà bia.

Miếu Quan Công

Miếu ở ấp Xuân Lộc ngoại thành phía đông Kinh thành, thờ Quan Thánh Đế quân Thọ Đình hầu[31] đời Hán. Đầu triều Gia Long nguyên thờ tại bên cạnh chùa Thiên Mụ, đến thời Thiệu Trị mới chuyển về chỗ hiện nay. Tại xã Trạc Linh huyện Hương Trà cũng có miếu thờ Ngài rất to lớn, không biết rõ dựng từ thời nào. Mỗi khi gặp phải tai họa, đến miếu cầu đảo đều rất linh nghiệm. Năm Minh Mệnh thứ 12 (1830) tiến hành trùng tu. Tại các tỉnh hạt trong nước, cả người ta và người Thanh đều tự lập đền thờ phụng Ngài rất hoành tráng.

Miếu Huệ Nam

Miếu trên sườn núi Ngọc Trản (Hòn Chén) thuộc huyện Hương Trà, thờ Thiên Y A Na Diễn Chúa Vương phi Thần nữ. Miếu được xây dựng từ Tiền triều. Đến thời Đồng Khánh được tu sửa lại rất to đẹp. Sự tích của thần xem ở phần *Tỉnh Khánh Hòa*. Các tỉnh hạt trong nước cũng có lập đền thờ.

Vườn lăng tẩm Anh Duệ Hoàng Thái tử

Tại xã Vĩ Dã huyện Hương Thủy. Ông là con trai cả của Thế Tổ Cao Hoàng đế[32].

---

[31] *Quan Thánh*: tức Quan Vũ, người Hà Đông đời Hán, tự là Vân Trường, kết nghĩa anh em với Lưu Bị. Do có công chém Nhan Lương nên được phong Hán Thọ Đình hầu. Phò Lưu Bị, được phong làm Thái thú Thương Dương, giữ Kinh Châu. Sau trúng kế Tôn Quyền, bị sát hại. Ông nổi tiếng là trung nghĩa, được người đời sau thờ phụng như bậc thánh.

[32] *Anh Duệ hoàng thái tử*: tức Hoàng tử Cảnh, con trai cả của vua Gia Long và Thừa Thiên Cao Hoàng hậu Tống Thị Lan.

Miếu Khai quốc Công thần

Miếu ở bên trái Miếu thờ Trung Hưng Công thần, thờ phụng các vị: Hoằng Quốc công Đào Duy Từ, Anh Quốc công Nguyễn Hữu Tiến, Tĩnh Quốc công Nguyễn Hữu Dật, Vĩnh An hầu Nguyễn Hữu Kính.

Miếu Trung tiết Công thần

Miếu ở bên phải Miếu thờ Trung Hưng Công thần, thờ phụng các vị từ Chưởng dinh Nguyễn Hữu Thụy, Tả quân Nguyễn Hữu Dật trở xuống, gồm 114 vị.

Đền Hiển Lương

Tại xã An Ninh thuộc bờ tây nam trước mặt Kinh thành, dựng năm Tự Đức thứ 11 (1858), thờ các vị từ Cần Chánh điện Đại Học sĩ Trịnh Hoài Đức, Đức Quốc công Phạm Đăng Hưng trở xuống, gồm 39 vị.

Đền Trung Nghĩa

Ở bên cạnh đền Hiển Lương, dựng năm Tự Đức thứ 11 (1858), thờ các vị từ Thống chế Lê Mậu Cúc, Nguyễn Văn Thận trở xuống, gồm 469 vị.

CHÙA QUÁN

Chùa Thiên Mụ

Chùa nằm trên đồi thuộc xã An Ninh Thượng huyện Hương Trà. Vào năm Tân Sửu, năm thứ 44 thời Thái Tổ Hoàng đế[33] (1601), Chúa

---

[33] *Thái Tổ Hoàng đế*: tức Thái Tổ Gia Dụ Hoàng đế Nguyễn Hoàng. Nguyên văn chép nhầm là "năm thứ 14". Bản dịch căn cứ vào *Đại Nam thực lục* đính sửa lại.

thượng ngự giá tới Hà Khê, thấy giữa đồng bằng nổi lên một đồi gò cao như hình đầu rồng nằm ngoảnh đầu lại, phía trước thì nhìn ra sông lớn, phía sau thì có hồ rộng, cảnh trí rất đẹp. Nhân hỏi chuyện người địa phương, họ đều nói rằng gò này rất thiêng, tương truyền ngày xưa có người đêm thấy bà già bận áo đỏ quần xanh ngồi trên đỉnh đồi nói rằng: "Sẽ có vị chân chúa đến xây chùa ở đây, để tụ khí thiêng, cho bền long mạch". Nói xong bà già biến mất. Bấy giờ nhân đấy mới gọi là đồi Thiên Mụ. Chúa cho là đất ấy có linh khí, mới dựng ngôi chùa gọi là chùa Thiên Mụ. Năm thứ 17 đời Thái Tông Hoàng đế (1666) tu sửa lại chùa. Năm thứ 19 đời Hiển Tông Hoàng đế (1709) đúc quả chuông lớn. Về sau chùa bị quân Tây Sơn phá hỏng, chỉ còn lại di chỉ. Năm Gia Long thứ 14 (1815) trùng tu lại chùa. Trong chùa khu chính giữa là điện thờ Phật, phía sau là điện Di Lặc, điện Quan Âm. Năm Thiệu Trị thứ 5 (1845) xây tòa tháp 7 tầng, cao 5 trượng 3 thước 2 tấc, đặt tên là tháp Phúc Duyên.

Chùa Diệu Đế

Chùa ở ấp Xuân Lộc huyện Hương Trà bên ngoài Kinh thành, nguyên là đất phát tường của Hiến Tổ Chương Hoàng đế. Chùa hướng tây, phía trước giáp bờ sông. Khu giữa vườn chùa là điện Đại Giác. Tháp đằng trước gọi là gác Đạo Nguyên, dãy nhà bên trái gọi là Cát Tường, bên phải là Trí Tuệ. Trước chùa có hai ngôi đình, bên trái là lầu chuông, bên phải là nhà bia. Chùa được xây dựng vào năm Thiệu Trị thứ 2 (1842).

Chùa Long Quang

Chùa ở xã Xuân Hòa huyện Hương Trà, không rõ được xây dựng từ thời nào. Năm thứ 6 đời Duệ Tông Hoàng đế (1770) tiến hành trùng tu. Biển ngạch ở tầng lầu trên cổng chùa đề 4 chữ đại tự "Tuệ chiếu Nam Thiên", biển treo ở tầng dưới đề tên chùa "Long Quang

tự". Vào năm Thành Thái thứ 2 (1890), bà Bác Huệ Từ Dũ Thái Hoàng Thái hậu quyên góp trùng tu.

Chùa Từ Ân

Ở bên cạnh chùa Long Quang, qui mô cũng to lớn. Vào năm Thành Thái thứ 2 (1890), chùa được bà Bác Huệ Từ Dũ Thái Thái Hoàng Thái hậu quyên góp trùng tu.

Chùa Linh Hựu

Chùa ở phường Ân Thịnh phía bắc sông Ngự trong thành nội Kinh thành, xây dựng vào năm Minh Mệnh thứ 19 (1829). Ở giữa là điện Trùng Tiêu, bên trái là gác Tử Vân, bên phải là gác Tường Quang. Trước chùa có cổng tam quan. Ngoài nữa chỗ sát sông Ngự xây cổng linh tinh[33]. Năm Thiệu Trị thứ 3 (1843) khắc bia, xây nhà bia để dựng. Nay đã dỡ bỏ.

Chùa Giác Hoàng

Chùa ở phường Đoan Hòa bên trong Thành nội Kinh thành. Phía trước là điện Phật, phía sau là điện Thái Bảo, bên trái là thiền đường, bên phải là nhà trai. Tương truyền đây là đô thành của Tiền triều nước ta. Hồi đầu triều Gia Long đây là nơi ở của Thánh Tổ Nhân Hoàng đế khi chưa lên ngôi, về sau đem ban cho Thiệu Hóa Quận công làm công phủ. Năm Minh Mệnh thứ 2 (1821) lại cấp cho Quận vương tử Thiện Khuê[34] lấy đất ấy xây dựng chùa. Bên chùa có giếng nước gọi là giếng Thanh Phương, có bia đá ghi chép lại. Năm Thiệu

---

[33] *Cổng (cửa) linh tinh*: loại cổng được cấu tạo bằng các thanh gỗ có khắc hoa văn được ghép thành từng ô.

[34] Tôn Thất Thiện Khuê là con trưởng của Thiệu Hoá Quận vương, được tập phong làm Thiệu Hoá quận công.

Trị thứ 3 (1843) khắc bia, xây nhà bia. Sau đó trở thành nơi hội họp thương nghị, nay đặt thành viện Cơ mật.

Chùa Thánh Duyên

Chùa ở núi Thúy Vân thuộc huyện Phú Lộc. Kính xét: Vào năm thứ 19 đời Thái Tông Hoàng đế triều ta, tức năm Đinh Mùi (1667), Chúa thượng xa giá tới cửa Tư Hiền, thấy cảnh trí núi Qui Sơn rất đáng yêu, đỉnh núi có tháp cổ của Chiêm Thành, bèn sai di dời tháp đó để xây ngôi chùa gọi là Vinh Hòa tự. Sau thời kì chiến tranh chùa chỉ còn lại di chỉ. Đến năm Minh Mệnh thứ 17 (1836) chùa được trùng tu.

Đồi Long Thọ

Đồi ở xã Nguyệt Biều huyện Hương Thủy, gối đầu ra bờ nam sông Hương, đối diện bên kia sông là đồi Thiên Mụ. Hồi trước có tên là Thọ Khang, tương truyền ngày xưa trên đó có nhà cửa, vào tiền triều, các vua Anh Tông, Hiển Tông, Uyên Tông, Thế Tông đã dựng dinh ở tạm nơi đây. Sau hồi loạn Tây Sơn thì bị phế bỏ.

Chùa Khánh Vân

Chùa ở xã Lựu Bảo huyện Hương Trà. Chùa dựng trên núi, phía trước có dòng suối chảy quanh co, cây cối um tùm, cảnh trí tuyệt đẹp. Năm thứ 9 đời Thế Tông triều ta, tức năm Đinh Mão (1747) ban cho tấm biển vàng, trên khắc 5 chữ "Sắc tứ Khánh Vân tự", dòng lạc khoản bên trái khắc 8 chữ "Quốc vương Từ Tế Đạo nhân ngự đề".

Chùa Thiên Ấn

Chùa ở xã Xuân Hòa huyện Hương Trà, không rõ được xây dựng từ thời nào. Vào đầu triều Tự Đức, Hoàng Thái hậu đã quyên góp tiền của để trùng tu chùa.

Chùa Quang Bảo

Chùa ở xã Kim Long huyện Hương Trà, do Thuận Thiên Cao Hoàng hậu quyên góp tiền của xây dựng vào đời Minh Mệnh.

Chùa Phú Ốc

Chùa ở xã Phú Ốc huyện Hương Trà. Chùa đã cổ xưa lắm, được xây dựng từ hồi đầu mở ra nhà Nguyễn và rất linh thiêng.

Chùa Bảo Sơn

Tại xã An Ninh huyện Hương Trà có di chỉ ngôi chùa cổ. Vào đời Minh Mệnh, Thuận Thiên Cao Hoàng hậu đã quyên góp tiền của trùng tu.

Chùa Báo Quốc

Chùa ở ấp Trường Giang huyện Hương Thủy, tương truyền là do Giác Phong Hòa thượng khởi tạo. Năm Đinh Mão (1747) đời Thế Tông Hoàng đế triều ta ban cho chùa tấm biển vàng, trên khắc 5 chữ đại tự "Sắc tứ Báo Quốc tự" và dòng lạc khoản ở bên trái khắc 8 chữ: "Quốc vương Từ Tế Đạo nhân ngự đề". Năm Tự Đức thứ 11 (1858) trùng tu. Mé bắc chùa có chiếc giếng cổ , gọi là giếng Hàm Long, sâu tới 4, 5 thước. Đáy giếng có tảng đá hình đầu rồng, nước từ trong kẽ đá phun trào ra, nước trong vị ngọt. Hồi đầu gây dựng cơ nghiệp nhà Nguyễn thường lấy nước ở đây đem tiến vua chúa, nên còn gọi là Giếng Cấm.

Chùa Kim Tiên

Chùa ở ấp Bình An huyện Hương Thủy, tương truyền là do Bích Phong Hòa thượng xây dựng, được trùng tu vào thời Thế Tông Hoàng đế triều ta. Phía trước chùa có chiếc giếng cổ sâu đến hơn 30 thước, nước trong vắt. Tương truyền ngày xưa có tiên nữ ra tắm ở giếng này, vì thế gọi là Giếng Tiên.

Chùa Quốc Ân

Chùa ở ấp Phúc Quả huyện Hương Thủy, tương truyền là do Hoán Bích Thiền sư xây dựng. Trước cửa chùa có tháp Phổ Đồng. Đầu triều Gia Long Mật Hoằng Thiền sư đã trùng tu lại chùa.

Chùa Thiền Lâm

Chùa ở xã An Cựu huyện Hương Thủy, tương truyền do Thạch Liên Hòa thượng xây dựng nên. Phong cảnh chùa rất âm u tịch mịch. Đầu triều Gia Long, chùa được Thừa Thiên Cao Hoàng hậu quyên góp tiền của tiến hành trùng tu. Chùa có quả chuông lớn, cao 4 thước, vòng thân chuông đến 6 thước, dày 4 tấc, trên mặt có khắc chữ cho biết chuông đúc vào năm Vĩnh Thịnh thứ 12 (1716).

Chùa Từ Hiếu

Di tích chùa cổ tại xã Dương Xuân huyện Hương Thủy. Năm Thành Thái thứ 11 (1899), các quan Thái giám quyên góp tiền của trùng tu.

Chùa Linh Thông

Chùa tại xã Dương Xuân Thượng huyện Hương Thủy, không rõ được xây dựng từ thời nào. Năm Thành Thái thứ 5 (1893), An Xuyên Quận vương cùng các quan Thị lang Phạm Tự, Bố chính Nguyễn Đình quyên góp tiền của trùng tu.

Chùa Thiên Hưng

Chùa tại xã Dương Xuân Thượng huyện Hương Thủy. Chùa cũ đã được Hoàng giáp Nguyễn Thượng Hiền quyên góp tiền của cải tạo lại vào năm Thành Thái thứ 7 (1895).

Chùa Ưu Đàm

Chùa tại xã Ưu Đàm huyện Phong Điền, không rõ được xây dựng từ thời nào. Mé bên phải chùa có tảng đá nổi hình tượng Phật, khoảng chiều phía trước có bình phong đá, chiều cao và rộng đều 3 thước, ẩn hiện hình người, ngựa như được tạc trên đá. Dân làng lập am thờ phụng. Năm Minh Mệnh thứ 2 (1821) trùng tu.

TỈNH QUẢNG TRỊ

CỔ TÍCH

Thành cổ Chiêm Thành

Thành ở xã Đan Duệ huyện Vĩnh Linh, tương truyền do người Chiêm Thành xây đắp. Nay vẫn còn di chỉ.

Thành cổ Hóa Châu

Sách *Ô Châu cận lục*[35] chép: Thành Hóa Châu ở địa phận huyện Đan Điền, phía tây có dòng sông chảy qua, lại có con sông nhỏ chảy ở trong thành. Trên bờ hữu ngạn con sông này đặt nha môn Học đô thừa của phủ Triệu Phong. Vào năm Đại Trị thứ 5 (1362) triều Trần, triều đình sai Đỗ Tử Bình xây đắp thành này, nay không còn khảo cứu được nữa.

Thành cổ Thuận Châu

Sách *Ô Châu cận lục* chép: Thành ở địa phận huyện Hải Lăng. Một dòng sông lớn chảy qua về phía tây nam, có cầu bắc qua, phố chợ sầm uất. Trị sở của huyện đặt tại đây, kho thóc lúa cũng cất trữ cả ở trong thành. Trải qua nhiều biến đổi, nay không còn khảo cứu được nữa.

---

[35] *Ô Châu cận lục*: Sách địa chí về Ô Châu (tức khu vực miền Trung từ Quảng Bình trở vào đến Quảng Nam) do Dương Văn An, Tiến sĩ triều Mạc biên soạn vào khoảng sau năm 1553.

Tháp Dương Lệ

Tháp dựng ở xã Dương Lệ huyện Hải Lăng. Di chỉ cũ nay vẫn còn.

Tháp Trung Đan

Tháp ở xã Trung Đan huyện Hải Lăng, tương truyền là do người Chiêm dựng nên. Phía tây trập trùng khe núi, mạn nam đầm nước mênh mông. Phía đông bắc có dòng sông uốn lượn. Ngọn tháp cao hơn trăm thước.

NÚI

Động Tam Thạch

Ở phía tây bắc huyện Thành Hóa, tục gọi động Tam Thai. Động bên trái nhô lên một đỉnh núi nhọn đẹp lạ kì, động bên phải vách đá dựng đứng, hai bên đối diện nhau, cùng cao mười mấy trượng. Động ở giữa lại chẽ ra 3 đỉnh thấp hơn mà bằng phẳng ngay ngắn. Cảnh trí rất đẹp. Truyền rằng vào triều trước đây xa giá nhà vua từng đi qua núi này.

ĐỀN MIẾU

Đền Trảo Trảo phu nhân

Đền tại xã Ái Tử huyện Đăng Xương, thờ thần là Trảo Trảo Linh Thứu Phổ Trạch Tương Hựu Phu nhân. Ngày xưa, khi Thái Tổ Gia Dụ Hoàng đế vào trấn Thuận Hóa, có viên tướng nhà Mạc là Lập Bạo đem quân tới đánh, vua thân chinh ra trận đánh giặc, đóng quân ở bờ sông Ái Tử. Đang đêm nghe văng vẳng có tiếng xào xạo phát ra từ bờ sông, vua lấy làm lạ bèn đi ra xem thì thấy sóng cuồn cuộn nổi lên. Vua bèn khấn Giang thần, nếu có linh thiêng xin hãy giúp ta phá giặc. Đêm ấy vua nằm mộng gặp một người đàn bà đi tới trước mặt, xin nhà vua hãy dùng mĩ nhân kế. Vua tỉnh giấc, nghe theo mưu ấy, sai người thị tì sang

dụ Lập Bạo rồi dùng quân mai phục giết chết được hắn. Đánh thắng trận ấy, vua phong cho nàng làm Phu nhân, dựng ngôi đền ở bên tả ngạn để thờ. Đời Minh Mệnh có gia ban sắc phong. Năm Thiệu Trị thứ 2 (1842) nhà vua ngự chế bài thơ ghi lại sự tích, đem khắc vào bia đá.

Đền Luân Quốc công

Đền ở phường Giang Hiến huyện Đăng Xương, thờ vị tướng thời chúa Nguyễn là Đặc tiến Phụ quốc Thượng trụ quốc Công thần, gia tặng Thuận Hóa trấn Vũ doanh Luân Quốc công Tống Phúc Hiệp.

Đền Anh Quốc công

Đền ở xã Cổ Thành huyện Đăng Xương, thờ vị tướng thời chúa Nguyễn là Tiết chế Anh Quốc công Nguyễn Hữu Tiến.

Đền thờ Danh tướng đời Trần

Đền tại xã Đan Duệ huyện Minh Linh. Vào thời nhà Trần, Trần Nhật Duật, Trần Quốc Chẩn theo vua Anh Tông đi đánh Chiêm Thành. Sau khi thắng trận, nhiều tướng sĩ tham gia vào cướp bóc của cải, riêng hai vị nghiêm cấm quân lính không được mảy may xâm phạm dân lành, đồng thời lại phủ dụ chiêu tập người địa phương trở về khôi phục làm ăn sinh sống. Sau khi hai người mất, dân cảm ân đức ấy bèn lập đền thờ phụng. Sau này, khi vua Lê Thánh Tông cất quân đi đánh Chiêm Thành, đêm nằm mộng thấy hai vị tướng hiện ra xin đi theo ngầm trợ chiến. Thánh Tông cho triệu các bô lão đến hỏi, sự tích quả nhiên khớp với mộng báo. Vua bèn cho trùng tu lại đền, ban sắc phong cho hai vị là Đại vương. Trải các triều đại sau đó đều ban sắc gia phong. Năm Minh Mệnh thứ 5 (1824) ban sắc phong cho là Trung đẳng thần.

Đền Đại Càn Quốc gia Nam Hải Tứ vị Thánh nương

Đền ở huyện Vĩnh Linh. Sự tích xem ở phần tỉnh Nghệ An. Tại các tỉnh hạt trong nước đều có lập đền thờ các vị.

Đền Thiên Tôn

Đền ở xã Đâu Kinh huyện Đăng Xương, do Thái Tông Hoàng đế triều Nguyễn xây dựng. Năm Minh Mệnh thứ 21 (1840) trùng tu.

CHÙA QUÁN

Chùa Tịnh Quang

Chùa nằm bên bờ sông thuộc xã Ái Tử huyện Đăng Xương, được xây dựng vào hồi đầu gây dựng cơ nghiệp nhà Nguyễn. Chùa được ban biển đề "Sắc tứ Tịnh Quang tự", năm Minh Mệnh thứ 21 (1840) trùng tu.

Chùa Long Phúc

Chùa ở phường An Định huyện Vĩnh Linh. Hồi đầu dựng nước, dân 3 phường An Định, An Hướng và Phương Xuân vì cảm kích ngưỡng mộ ân đức của Thái Tổ Hoàng đế nên lập ra ngôi miếu thờ phụng. Đến năm Minh Mệnh thứ 5 (1824) vâng mệnh đổi thành chùa, kính được nhận ban biển ngạch.

Chùa Bình Trung

Chùa ở xã Hà Trung huyện Minh Linh, do Tham chính Hoàng Đình Ân xây dựng từ hồi đầu dựng nước. Có tấm bia Công thần do vua ban dựng ở trước chùa.

Chùa Cổ Trai

Chùa ở xã Cổ Trai huyện Do Linh. Hồi trước dân xã quê ngoại của Hiếu Khang Hoàng hậu cảm kích ân đức của Hoàng hậu đã dựng ngôi đền thờ bà. Đến năm Minh Mệnh thứ 5 (1824) vâng mệnh đổi thành chùa.

TỈNH QUẢNG BÌNH

CỔ TÍCH

Phế thành Lâm Ấp

Thành ở xã Trung Ái huyện Bình Chính, từ núi Thành Thang kéo dài tới các xã Tô Xá, Vân Tập, Phù Lưu, tại những đoạn vượt đỉnh núi, vòng suối khe đều có đắp những bờ ụ. Tương truyền là thành cổ của người Lâm Ấp, di chỉ nay vẫn còn. Trong sử có nhắc đến Lật Thành ở khu Lâm Ấp, phía nam cỏ dòng Lãnh Thủy, ngờ rằng chính là thành này.

Phế lũy Lâm Ấp

Trên núi Hoành Sơn phía bắc huyện Bình Chính, men dọc theo dải núi ở đây đá xếp lại thành lũy vắt ngang ra đến biển. Tương truyền lũy do Phạm Văn người Lâm Ấp dựng lên làm ranh giới phân chia giữa Lâm Ấp với Giao Châu.

Thành cổ Ninh Viễn

Thành ở xã Qui Hậu huyện Lệ Thủy, xây dựng từ triều Lê. Người ta kể rằng, thành Ninh Viễn một mặt dựa vào vách núi, ba mặt còn lại ngăn với biển, địa hình hiểm trở nên trở thành phên dậu che chở cho vùng Hóa Châu. Cổng phía nam của thành có khắc trên đá chữ "Ninh Viễn thành". Đời Lê có nói đến tên thành Địa Lí, ngờ rằng chính là thành này.

NÚI SÔNG

Núi Đâu Mâu

Núi ở phía nam huyện Phong Lộc. Núi trập trùng các đỉnh liên tiếp chồng xếp nhau, cây cối mọc rậm rạp, thế núi hùng vĩ, đỉnh nhọn nhô cao vút như hình chiếc mũ đâu mâu, nên có tên gọi như vậy. Tương truyền bên rìa núi có cái giếng sinh trưởng loài cá lạ. Dải núi chạy ra gối đầu vào sông Nhật Lệ, khe đá ở đây sản sinh nhiều cua đá. Hồi đầu triều ta có cho đắp Trường lũy ở núi Đâu Mâu, tức chính là núi này.

Núi Thần Đinh

Núi đá ở phía nam huyện Phong Lộc, đỉnh dựng cao chót vót. Trên núi có chùa Kim Phong. Sườn núi có động, cửa hẹp, người vào phải lách nghiêng mình bám vào vách đá trườn xuống, thì thấy bên trong mở rộng ra, những tảng đá lớn nằm la liệt như bàn ghế, có tảng đá như hình tượng Phật. Bốn xung quanh nhũ đá dàn từng lớp rủ xuống, mơ hồ như ẩn như hiện, có chỗ xòe ra như cái lọng vàng, có chỗ lại như hình con voi. Rẽ sang bên cạnh lại có một cái hang gọi là Hang Cấm, bên trong vắng lặng tịch mịch, không ai dám đi vào sâu. Hai bên tả hữu bên ngoài động lại có hai cái hang nhỏ, gọi là Hang Chuông và Hang Trống, bên trong có những khối nhũ đá buông rủ xuống, gõ vào tiếng vang như tiếng trống. Tại cửa động có 2 giếng đá, nước có vị ngọt, quanh năm bốn mùa không bao giờ cạn. Người ta thường truyền nhau rằng núi ở Đâu Mâu nhiều thần tiên, còn ở núi Thần Đinh thì nhiều Phật.

Núi Chu Thị

Núi ở phía tây bắc huyện Bố Trạch. Năm thứ 13 đời Thái Tông Hoàng đế triều ta, sai Nguyễn Hữu Dật đắp lũy từ cửa biển An Niểu đến núi Chu Thị, nối liền với lũy Động Hồi, chính là ở núi này.

Núi Thuận An

Núi ở về phía bắc huyện Bố Trạch. Mạn đông nam núi ăn ra gối xuống cửa biển, đá dựng đứng như lội giữa mặt nước nên tục gọi là "Đá nhảy". Đỉnh nhô cao xen giữa những vách đá dựng đứng. Vào năm Thiệu Trị thứ 4 (1844) có khắc bài văn bia dựng ở ngọn núi bên trái.

Núi Hoành Sơn

Núi ở phía đông bắc huyện Bình Chính, giáp giới với huyện Kì Anh tỉnh Hà Tĩnh. Một dải núi xa từ Trường Sơn đổ về, ngọn cao trùng điệp nối nhau kéo ngang ra đến biển, nom như một bức trường thành. Trên núi có tuyến lũy đá do người Lâm Ấp xây đắp nên. Hồi đầu Trung hưng triều ta đã làm con đường đá, xây quan ải trên đỉnh núi, khắc bia để ở nhà bia.

Động Chân Linh

Động ở xã Lệ Sơn phía tây huyên Bình Chính. Núi đá ở đây chạy tới sát sông suối. Tương truyền ngày xưa có Chân Linh tiên nữ thường đến ở trong động này. Một hôm có nhà sư rất giỏi đạo pháp đến cầm kiếm chém vào thân núi làm chân núi đứt ra. Tiên nữ phải bỏ chạy đến phường Phúc Lâm. Nhà sư đuổi theo, rồi cùng hóa thành đá. Ngày nay từ trên núi nhìn ra thấy hai ngọn núi, một ngọn giống hình tiên nữ đang bay trong gió, một ngọn lại có hình nhà sư vươn cánh trên mây. Trên sườn núi có vết đá bị xẻ ra, dân bảo là vết dao chém của nhà sư. Chân núi đá nằm lởm chởm, bảo là chỗ nhà sư chém rời chân núi. Giữa vách đá có chỗ lõm, bên trong dựng ngôi đền thờ tiên nữ.

Suối Thang

Ở phía tây bắc huyện Bình Chính. Nước ở giữa lòng suối đùn lên như sôi. Nước suối ở đoạn thượng lưu hạ lưu đều rất lạnh, riêng ở chỗ

này là nóng. Hàng năm cứ vào mùa thu đông, mặt nước mờ mịt sương khói, dân không ai dám đến gần.

ĐỀN MIẾU

Đền Mai Công

Đền ở xã Thủy Vận huyện Lệ Thủy. Mai công tên là Mai Văn Bản. Hồi xưa vua Lê Thánh Tông đi đánh Chiêm Thành, đem quân đến địa phận xã này, tập hợp dân phu định đào cảng để vận chuyển lương thảo. Ông Văn Bản tâu vua rằng chất đất ở đây toàn là cát, hễ đào lên là lại bị lấp đầy, nên chỉ uổng phí sức dân mà thôi. Vua Thánh Tông tức giận cho là ông dám chống lệnh, sai đưa ra chém đầu. Sau đó cảng đào xong quả nhiên lại bị lấp cát đầy như cũ. Vua đánh thắng giặc trở về, một đàn 24 con voi trận đi đến cảng cứ đứng ì ra trên bờ không chịu lội qua. Vua phải sai người cầu khấn mới qua sông được. Lê Thánh Tông bèn phong cho ông làm Thổ thần, dựng đền thờ phụng.

Miếu Song Trung

Miếu ở xã Niểu Kinh huyện Minh Chính, thờ công thần triều Lê Hoàng Vĩnh Tự và con là Hoàng Vĩnh Dụ. Trong đền có bia miếu Song Trung, nay vẫn còn.

Đền Hoằng Quốc công

Đền ở cửa quan Vũ Thằng huyện Phong Lộc, thờ vị Khai quốc công thần Đào Duy Từ.

Đền Anh Quốc công

Đền ở ấp Tráng Tiệp huyện Phong Lộc, thờ Khai quốc công thần Nguyễn Hữu Tiến. Hồi đầu dựng nước, ông chỉ huy quân sĩ đóng đồn

trên đường ngăn chặn quân họ Trịnh. Sau khi ông mất được dân làng dựng đền thờ phụng.

Đền Tĩnh Quốc công

Đền ở xã Vạn Xuân huyện Phong Lộc, thờ Khai quốc công thần Tĩnh Quốc công Nguyễn Hữu Dật.

Đền Vĩnh An hầu

Đền ở xã Chiểu Tín huyện Phong Lộc, thờ Khai quốc công thần Vĩnh An hầu Nguyễn Hữu Kính.

Đền Liễu Hạnh Công chúa

Đền ở chân núi Hoành Sơn thuộc thôn Vĩnh Sơn huyện Bình Chính. Sự tích xem ở phần tỉnh Nam Định.

CHÙA QUÁN

Chùa Kim Phong

Chùa trên đỉnh núi Thần Đinh thuộc huyện Phong Lộc, không rõ dựng từ thời nào. Chùa bị phá hủy hồi loạn Tây Sơn. Năm Minh Mệnh thứ 6 (1825), sư trụ trì chùa là Trần Gia Hội dựng một ngôi đền lợp ngói. Năm Minh Mệnh thứ 10 (1829), ông Lê Văn Trúc người địa phương quyên góp tiền của tiến hành trùng tu.

Chùa Cảnh Tiên

Chùa ở ấp Tráng Tiệp huyện Phong Lộc, do Khai quốc công thần Nguyễn Hữu Dật xây dựng. Chùa được Tiên triều ban cho biển ngạch đề "Sắc tứ Cảnh Tiên tự". Năm Minh Mệnh thứ 8 (1827) được ban tiền để trùng tu.

Chùa Hóa

Chùa ở xã Hữu Bổ huyện Phong Lộc. Xung quanh chùa đều là đầm nước, ở giữa nổi lên một gò đất cây cối um tùm rậm rạp. Tương truyền chùa này biến hóa bất thường. Ngày nhàn đến vãn du chốn này ngẫu nhiên thì có thể thấy rõ ràng di tích, còn nếu cố ý tìm kiếm thì bỗng lại chẳng thấy chùa đâu nữa. Vì thế mới có tên gọi là chùa Hóa.

Chùa Hoằng Phúc

Chùa ở phường Lệ Trạch huyện Lệ Thủy, xây dựng vào năm thứ 52 (1609) thời Thái Tổ Hoàng đế. Chùa còn gọi là chùa Thiên Kính.

Chùa Đại Phong

Chùa ở địa phận hai xã Đại Phong, Tuy Lộc huyện Lệ Thủy. Trước chùa là dòng sông lớn, bên phải có dòng suối nhỏ. Đây là một di tích cổ.

Chùa Linh Quang

Chùa ở phường Chính An huyện Bố Trạch, xây dựng từ hồi đầu dựng nước. Trải loạn Tây Sơn, chùa bị phá hủy. Đến năm Tân Dậu dân phường tiến hành trùng tu. Năm Minh Mệnh thứ 21 (1840) nhân dịp lễ mừng thọ vua ngũ tuần, chùa được nhận tiền triều đình ban tặng.

TỈNH HÀ TĨNH

CỔ TÍCH

Trấn cổ Nghệ An

Di chỉ hiện còn tại xã Trung Duệ huyện Kì Anh.

Đài Trang Vương

Đài trên đỉnh Hương Tích núi Hồng Lĩnh thuộc huyện Can Lộc, không rõ khởi dựng từ thời nào. Tương truyền là nơi Trang Vương xuất gia đến tu hành, xây thành đá, trong thành tạc đá tạo ra 99 nền nhà, nhưng lâu ngày bỏ hoang phế, nên không còn nhận ra được đầy đủ. Bên cạnh có am Hương Tích, là nơi hóa thân của người con gái thứ 3 của Trang Vương

Thành cổ Lâm Ấp

Di chỉ lũy xưa hiện còn trên núi Hoành Sơn.

Nhà cổ Quỳnh Viên

Di chỉ trên núi thuộc địa giới phía nam xã Dương Tân huyện Thạch Hà. Trên núi có ao nước sâu không thấy đáy, bên bờ ao là di chỉ của ngôi nhà cổ gọi là Quỳnh Viên. Tương truyền Chử Đồng Tử đến đây tu luyện lập ra phiên trại, ngờ rằng đây chính là di chỉ cũ đó.

Đồn Thông Lĩnh

Di chỉ ở thôn Xuân Sơn huyện Kì Anh, nay vẫn còn dấu tích của tường thành bằng đá và pháo đài.

Thành cổ Doanh Cầu

Thành ở xã Hà Trung huyện Kì Anh. Thời Lê sơ trấn lị Nghệ An đặt tại đây, về sau mới dời về Quyết Dũng, thành được giữ lại làm đồn Doanh Cầu. Di tích cũ hiện vẫn còn.

Lầu cổ Nhuận Hồ

Ở xã Tả Ao huyện Nghi Xuân. Ngày trước Hồ Hán Thương dựng lầu tại đây, nay vẫn còn di chỉ.

NÚI SÔNG

Núi Nam Giới

Núi trên biển thuộc xã Dương Luật phía đông huyện Thạch Hà, chu vi vài chục dặm, ngọn cao lớn hùng vĩ. Mỏm cao nhất ở phía đông bắc hình giống như đầu rồng, nối liền với sống núi kéo xuống như mũi rồng, lại có hai khe tròn ở hai bên như mắt rồng, bên dưới mũi nổi lên một ngọn tròn trịa như long chuẩn, bên dưới có ao thiên trì rộng vài mẫu như miệng rồng. Ao này sâu không có đáy, xung quanh cỏ nước mọc um tùm, được các nhánh núi hai bên bao bọc nom như râu rồng. Một ngọn núi ở bên trái chắn ngang luồng gió làm rung lên âm thanh nghe như muôn tiếng sấm rền, gọi là ngọn Long Ngâm. Trên ao thiên trì có di chỉ của nền nhà, tương truyền là nơi tu đạo của Chử Đồng Tử và Tiên Dung thời Hùng Vương, gọi là núi Quỳnh Viên.

Núi Mã Yên (Yên Ngựa)

Ở bên dưới xã Hà Trung huyện Kì Anh núi thoải xuống thành đồi bằng phẳng, phía nam quả đồi có cầu bắc qua suối và dòng sông Trí Giang. Thời Lê đặt làm dinh trấn Nghệ An, di tích của lũy cũ nay vẫn còn.

Suối Vũ Môn

Ở núi Khai Trướng (Giăng Màn) huyện Hương Sơn. Giữa vùng cây cối xanh biếc, một dòng suối chảy xuôi dài vài trăm trượng nom như dải lụa mềm. Cứ đến ngày 8 tháng Tư hàng năm mây mưa lại kéo đến đổ xuống núi này. Tương truyền đây là nơi cá chép hóa rồng. Dân chài bủa lưới ở phía hạ lưu thường bắt được những con cá có chấm ở trên đầu.

Núi Hồng Lĩnh

Núi nằm ở phía bắc huyện Can Lộc, phía nam huyện Nghi Xuân, hình khối cao to đẹp đẽ. Tương truyền có đến 99 ngọn núi, trong đó ngọn Am Lam vươn hẳn lên trời, bốn mùa phủ đầy sương mù. Phía tây ngọn núi này có ao thiên trì sâu không thấy đáy. Phía nam của ao có động lớn chứa được hàng trăm người. Bên dưới động có nhiều đá tảng giống như hình người, hình ngựa. Lại có ngọn núi cao khác, phía nam cũng có ao, nước đổ vào sông Lam. Còn có ngọn Sư Tử, giữa sườn núi có con suối treo đổ nước xuống bờ đá, nước chảy xói vào đá tạo thành vực. Ở miệng vực có tảng đá trắng nằm vắt ngang bên trên, gọi là cầu Cốc Tiên. Cạnh đó lại có tảng đá dựng đứng như hình khăn phác đầu có đủ cả dải khăn với vòng đeo tai, gọi là vực Đầu Cân (Khăn đội đầu). Một ngọn núi ở phía đông ăn ra biển, màu xanh của núi hòa hợp với màu mây, mưa giăng đều đặn theo mùa trong năm. Lại còn ngọn Hồ Phong trên đỉnh có hai phiến đá lớn châu đầu vào nhau, giữa chúng là ao thiên trì, nước trong sạch thơm mát uống được.

Núi Côn Bằng

Núi trên biển thuộc xã Bình Điền huyện Can Lộc. Núi bằng phẳng, chồng chất những khối đá kì dị, xếp thành 5 nhóm, sắp đều nhau đối diện ở hai bên phải trái, ở giữa có khối đá lớn gọi là "đá

Tướng". Lại một khối đá lớn hơn gọi là "đá Đại tướng". Thầy phong thủy gọi đó là thế "ngũ quân xuất trận". Từ xa trông lại như cá côn xòe vây, chim bằng gương cánh, vì thế mới đặt tên là Côn Bằng.

ĐỀN MIẾU

Đền Vũ Mục vương

Đền ở dưới ngọn Long Ngâm núi Nam Giới thuộc địa phận xã Dương Luật huyện Thạch Hà, thờ con của anh trai Lê Thái Tổ là Lê Khôi, làm quan đến chức Kiểm hiệu Tư không Bình chương sự. Ông qua đời tại đây, tên thụy là Vũ Mục. Dân địa phương tưởng nhớ công đức của ông lập đền thờ phụng.

Đền đôi Thần Đầu

Đền ở thôn Thần Đầu huyện Kì Anh, thờ hai vị thần. Một vị là Lê Quảng Chí, đỗ Bảng nhãn triều Lê, làm quan đến chức Đông các Đại Học sĩ, sau khi mất được tặng chức Thượng thư, phong làm Phúc thần; một vị là Lê Quảng Ý, đỗ Tiến sĩ triều Lê, làm quan đến chức Chưởng Hàn làm viện, kiêm lãnh Tứ thành binh mã, tước Quận công, sau khi mất được phong Phúc thần. Dân địa phương dựng đền tại đây thờ hai vị.

Đền Chế Thắng Phu nhân

Đền ở thôn Hải Khẩu huyện Kì Anh. Vào thời vua Trần Duệ Tông, cung nữ Nguyễn Bích Châu theo thuyền vua đi đánh Chiêm Thành. Giữa biển bỗng nhiên trời nổi sóng lớn, thuyền sắp lật. Nàng Bích Châu tình nguyện gieo mình xuống nước, thuyền vua nhờ đó mới được an toàn. Sau này, vua Lê Thánh Tông đi đánh Chiêm qua đây, đêm mộng thấy nàng Bích Châu hiện ra kêu cứu. Lê Thánh Tông liền viết bài hịch ném xuống nước trách lỗi Quảng Lợi vương.

Một lát sau thấy xác nàng Bích Châu nổi lên trên mặt nước, nhan sắc vẫn tươi như khi còn sống. Vua bèn sai đem đi làm lễ chôn cất rồi lập đền thờ phụng.

Đền Điện Quận công

Đền ở thôn Sơn Triều huyện Kì Anh, thờ hậu duệ của Thọ Quận công là Phạm Hoành, làm quan trấn giữ Nghệ An đời Lê. Ông có công lao đánh giặc, được phong tước Quận công. Sau khi qua đời được dân thôn lập đền thờ phụng.

Đền Thọ Quận công

Thần họ Phạm, không rõ tên, có công phò vua Lê đánh nhà Mạc. Sau khi qua đời được dân địa phương lập đền thờ phụng.

Đền Diên Quận công

Đền ở xã Trung Tiết huyện Thạch Hà, thờ thần tên là Trần Hoa, người bản xã, có công phò vua Lê đánh nhà Mạc, được ban tước Diên Quận công, phong làm Phúc thần. Sau khi qua đời được dân thôn lập đền thờ phụng.

Đền Tam thần Quyền Hoành

Đền thờ 3 vị thần ở xã Quyền Hoành huyện Kì Anh. Một vị là Hào Quận công, một vị là Thái bảo và một vị là Thiếu bảo, đều làm quan đời Lê ra trấn thủ Nghệ An, có nhiều công đức với dân, nên sau khi mất được dân lập đền thờ phụng.

Đền Long Vương

Đền nằm trên bờ sông thuộc hai thôn Chi Châu Đông, Chi Châu Nam huyện Thạch Hà, thờ thần Long vương. Hồi trước vua Lê Thánh Tông đem quân đi đánh dẹp phương nam, trảy thuyền đi qua đền, thuyền bỗng mắc lại không tiến lên được. Dân phu đem sự việc tâu

lên, bèn sai quan ra tế ở đền, chỉ lát sau thuyền lại rẽ nước lao về phía trước như tên bắn. Sau ngày thắng trận trở về, vua ban sắc gia phong cho thần, lệnh cho địa phương duy trì tế lễ hàng năm.

Đền Uy Cảm

Đền ở xã Việt Yên Hạ huyện La Sơn.

CHÙA QUÁN

Chùa Cảm Sơn

Chùa ở xã Đại Nại huyện Thạch Hà. Núi Cảm Sơn nổi lên giữa đồng bằng, trước mặt là sông lớn. Chùa ở trên núi, gọi là Cảm Sơn tự, xây dựng từ niên hiệu Thịnh Đức triều Lê.

Chùa Ngạn Sơn

Chùa ở trên núi thuộc xã Trảo Nha huyện Thạch Hà.

Chùa Bàn Độ

Chùa ở sườn núi Bàn Độ thuộc thôn Phú Duyệt huyện Kì Anh. Bên trái chùa có dòng suối, trên không có nguồn, dưới không có đáy mà vẫn có nước trào ra, nước rất trong và mát.

Chùa Phú Dẫn

Chùa ở xã Phú Dẫn huyện Kì Anh. Trước cửa chùa núi cao chất ngất, hình dạng như rồng, phượng, rùa. Bên cạnh chùa có dòng suối trong, cảnh rất đẹp.

Chùa Nhân Lí

Chùa dựng trên gò đất thuộc xã Nhân Lí huyện Kì Anh. Cảnh trí cũng rất đẹp.

Chùa Hương Tích

Chùa trên ngọn núi Hương Tích của dãy Hồng Lĩnh, thuộc huyện Can Lộc. Trên núi có am đá, bên phải là chùa Hương Tích. Thông mọc xanh um, là nơi danh thắng đệ nhất của tỉnh Nghệ An.

Chùa Thiên Tượng

Chùa trên ngọn núi Thiên Tượng của dãy núi Hồng Lĩnh, thuộc huyện Can Lộc. Giữa sườn núi mở rộng thành một vùng trũng, khe suối nước chảy róc rách qua kẽ đá. Chùa nằm giữa khu này, bên cạnh là khu nhà ở của sư sãi. Trước mặt có hồ lớn dẫn nước từ suối khe chảy vào. Đây cũng là một phong cảnh đẹp của núi Hồng.

TỈNH NGHỆ AN

CỔ TÍCH

Thành Vạn An

Thành ở xã Hương Lâm huyện Nam Đường, là thành cổ của Mai Hắc Đế. Di chỉ nay vẫn còn.

Lũy cổ

Ở xã Lâm Thịnh huyện Nam Đường. Bốn xung quanh dựng cao lên như hình cái đấu. Tương truyền vào cuối đời Trần, quân Chiêm Thành sang xâm lấn đã đắp thành này lấy làm nơi đong đếm quân lính.

Thành Bình Ngô

Thành ở ngọn Cương Trú núi Thiên Nhận thuộc xã Bích Hồ huyện Thanh Chương. Phía nam ngọn núi có di tích ngôi thành cổ, dài khoảng 1 dặm. Chân thành có những tảng đá hình người, ngựa, giáo, mác. Hồi đầu Lê Thái Tổ mới dấy binh khởi nghĩa, đại quân từ Tương Dương men theo núi kéo xuống phía đông, chia quân đóng đồn thành hàng để lợi dụng địa hình hiểm trở. Thủy quân giặc Minh tiến đến đây không sao đánh nổi, thua to tháo chạy. Vì thế gọi thành này là thành Bình Ngô. Di tích nay vẫn còn.

Thành Lục Niên

Thành ở ngọn Lạp Phong núi Thiên Nhận thuộc xã Nam Kim huyện Thanh Chương. Bên trái ngọn núi có di tích bức thành đá rộng

khoảng hơn 1 mẫu, do Lê Thái Tổ xây đắp nên để chống cự với viên tướng giặc Minh Phương Chính ròng rã trong suốt 6 năm, vì thế mới có tên là thành Lục Niên. Còn có cách giải thích khác nói Lê Thái Tổ từ lúc khởi nghĩa cho đến khi vào được thành Nghệ An mất đến 6 năm, nên thành mới có tên như thế. Về sau vị Hương cống người La Sơn là Nguyễn Thiếp do được cử trông coi hạt này, nên sau khi từ quan về hưu cất nhà ở ẩn tại đây, vua nhiều lần cho vời nhưng không chịu ra, nên lấy hiệu là Lục Niên, cũng còn tên hiệu khác là Lạp Phong, nổi tiếng là bậc cao sĩ thời Lê mạt.

Thạch Thành

Thành ở trên núi Hùng Sơn thuộc xã Nghĩa Liệt huyện Hưng Nguyên. Thành xây bằng đá cao 6 thước. Chu vi ước khoảng 1 dặm, tương truyền là do viên tướng người Minh Trương Phụ xây đắp nên. Trên chót đỉnh núi có một chỗ trũng sâu xuống, rộng đến 4, 5 thước. Tương truyền đó là chỗ chôn cột đồng ngày xưa. Lại có một đống đá cao rộng khoảng 3, 4 thước, tương truyền là chỗ đặt cột cờ của Trương Phụ. Di chỉ hiện vẫn còn.

Thành đá Cự Lại

Thành ở xã Tây Lũy huyện Đông Thành, chu vi dài ước hơn 100 trượng, cao cỡ 4, 5 thước. Thành xếp bằng đá, tương truyền do tướng nhà Minh dựng nên. Di chỉ hiện vẫn còn.

Thành cổ Tương Dương

Thành ở xã Chính An huyện Tương Dương, xây dựng vào thời Trần. Gần đây do nước sông chảy xói vào bờ, thành cổ chỉ còn lại mấy tảng đá trắng vương vãi giữa lòng sông mà thôi.

Đá ma nhai

Ở phía tây xã Trầm Hương huyện Tương Dương. Vách đá dựng

đứng như bức tường cao nghìn nhận, phía dưới có động có thể chứa được vài chục người. Con đường núi dẫn lên sâu thẳm đầy hiểm trở. Vào năm Khai Hựu thứ 7 (1335) triều Trần, nhà vua thân chinh đi đánh Ai Lao, thắng trận trở về qua núi này sai văn thần là Nguyễn Trung Ngạn mài vách đá ghi lại chiến công, chữ to bằng bàn tay khắc sâu vào đá hàng tấc. Nay vẫn còn.

NÚI

Núi Kim Nhan

Ở thôn Kệ Tràng huyện Lương Sơn. Dãy núi từ phủ Tương Dương đổ tới, nhấp nhô từ đỉnh đến chân toàn là đá, ngọn núi nhọn chĩa thẳng lên trời. Trên đỉnh cao nhất có hang trống rất sâu, không có vết chân người trèo tới. Tương truyền ở đó thường có một dải mây màu đỏ, lúc kéo dài như dải lụa, lúc xòe rộng như cái tán mui xe, hoặc thu nhỏ như đốm lửa ngọn đuốc bay vào núi này, qua hốc đá mà nhập vào hang. Lúc đó trên núi phát ra tiếng vang rung động ầm ầm như sấm. Dân địa phương bảo đó là tinh của người chết qui tụ vào trong hang, vì thế còn gọi núi này là núi Thu Tinh.

Núi Hùng Sơn

Ở địa phận hai xã Nghĩa Liệt và Phú Điền huyện Hưng Nguyên. Núi trập trùng nối liền nhau, trên một đỉnh ở giữa có di chỉ thành của Trương Phụ và các chùa An Quốc, chùa Am Hà. Bên sườn núi có đền Tuyên Nghĩa. Đó là vào hồi Trương Phụ trở về Bắc quốc, ủy quyền cho viên tướng Thái Phúc lưu lại trấn giữ. Lê Thái Tổ từ huyện Đỗ Gia kéo quân tới đánh, tướng Minh phải tử thủ trong thành. Lê Thái Tổ cho là trung nghĩa, bèn phong cho là Tuyên Nghĩa Sơn thần. Ngày nay, trấn thành và kho tàng của quân vua Lê vẫn còn di chỉ.

Núi Di Lặc

Ở hai xã Quan Trung, Thái Xá huyện Đông Thành. Núi cao trung bình, hai bên thấp xuống như hai vai, nên đặt tên như thế. Mặt bên kia của núi Hai Vai có động, bên trong thạch nhũ ngũ sắc rủ buông rực rỡ; mặt bên này đá dựng đứng như hình người, được dân đi biển lấy làm điểm chuẩn. Xưa vua Lê Thánh Tông đi tuần phương nam, từ ngoài biển vọng vào trông thấy như hình bùi tóc tiên, bèn sai đặt tên núi là Quát Sơn.

Núi Vũ Kì

Ở xã An Lạc huyện Đông Thành. Vách đá núi bày thành hàng ngang như những lá cờ. Mé đông có hang, bên trong có bình phong đá, lư hương đá, đỉnh hang có lỗ thông lên trời. Phong cảnh cũng rất đẹp.

Núi Hổ Sơn

Núi ở thôn Trung Phường huyện Đông Thành, đứng đối diện với núi Di Lặc. Trên sườn núi có hang, phải lọt qua cửa hang mới thấy có thể đi sâu vào trong. Trong hang dần dần mở rộng và bằng phẳng, trông như lầu gác xếp chồng lên nhau đến 4, 5 tầng. Soi đuốc nhìn thấy có 9 lỗ, trong đó một lỗ tròn sâu không thấy đáy. Xế về hướng đông có một lỗ nhỏ có thể đi lọt, qua lỗ này hang lại mở rộng ra như đoạn trước. Bên trong có cột đèn đá. Tương truyền ở đây có 3 cái hang ăn thông với suối. Phía tây núi này có chùa Hưng Phúc.

Núi Hùng Lĩnh

Ở hai xã Đông Liệt và Tú Lãm huyện Đông Thành. Mạch núi từ Đại Hoành Sơn đổ về, phía bắc có sông Cương, phía nam có sông Lam. Chân núi là vệ Vạn An, nơi có di chỉ lũy cổ của Mai Hắc Đế, nay ở đó vẫn còn miếu thờ. Phía dưới vệ này có chợ, đối diện ở bờ bên kia

là cửa quan Lương Tráng, thông ra cửa biển. Đường bộ đường thủy hội lại, đây trở thành nơi đô hội của đất Nghệ An.

Núi Lập Thạch

Ở xã Đặng Điền huyện Chân Lộc. Núi nhô lên giữa bãi cát bằng phẳng, phong cảnh kì thú. Chân núi có hang nhỏ và hẹp, bên trong có hai chữ "Trấn triều" không rõ tạc khắc từ thời nào. Núi có khối đá rất giống hình người, gọi là ngọn Tiên Nhân. Mé tây có hồ nước mặn. Ngày trước Hoàng giáp Phạm Nguyễn Du dựng nhà ở bên hồ, dựa theo vị trí các tảng đá mà đặt ra bệ ngồi câu cá, cửa sổ uống trà, vách thơ, ghế tiên, sập ngồi uống rượu, bàn cờ, nghiên mực, giá bút v.v...

ĐỀN MIẾU

Đền An Dương vương

Đền trên núi Mộ Dạ xã Tập Phúc huyện Đông Thành. An Dương vương nhờ có nỏ thần lấy móng rùa thiêng mà phá giặc có được đất nước, đặt kinh đô ở thành Cổ Loa thuộc Bắc Ninh, ở ngôi 15 năm. Về sau vì con rể là Trọng Thủy trộm mất nỏ thần nên bị Triệu Đà đánh bại, bỏ chạy về phương nam, cưỡi con tê vằn 7 tấc xuống biển. Người đời truyền rằng nơi ông xuống biển chính là ở núi Mộ Dạ xã Cao Xá huyện Diễn Châu.

Đền Mai Hắc Đế

Đền ở xã Hương Lam huyện Nam Đường. Vua thân đen mặt sắt, tướng mạo hùng dũng, được dân chúng tôn kính theo về qui phục. Vào niên hiệu Khai Nguyên nhà Đường, Quang Sở Khách[36] lĩnh

---

[36] *Quang Sở Khách*: Người huyện Lạc An (nay thuộc Quảng Đông), làm quan

chức An Nam Đô hộ, áp dụng chính sách cai trị tham lam tàn ác, dân chúng không chịu đựng nổi. Vì thế vua đi đến đâu dân chúng đều theo về qui phục. Thế rồi vua liên kết với các nước Lâm Ấp, Chân Lạp ở bên ngoài, đánh chiếm lấy châu, xưng Vương, đóng đô ở thành Vạn An. Nhà Đường sai Nội thị Dương Tư Húc sang đánh, quân vua bị thua chạy về núi Hùng Sơn rồi mất, an táng tại phía nam núi này. Dân địa phương lập đền thờ phụng.

Đền Uy Minh nhà Lí

Đền ở núi Quả Sơn xã Bạch Đường huyện Lương Sơn. Vương họ Lí, tên là Nhật Quang, con trai thứ 8 của vua Lí Thái Tông, được phong tước Uy Minh vương, cai quản phủ Nghệ An, được dân chúng tin yêu cảm phục. Bấy giờ Chiêm Thành xin thực hiện nghĩa vụ chức cống với nước ta, được mấy năm thì người bộ lạc nước họ làm phản, nước Chiêm sai người sang ta cầu viện. Vương liền dẫn quân thủy bộ tiến thẳng tới cửa biển Thi Nại. Bộ lạc Chiêm hay tin vội tới qui lạy trước cửa quân ta, thề xin nghe theo mệnh lệnh chúa Chiêm mà không dám còn có tâm địa nào khác. Ông dẫn quân trở về Nghệ An. Người Chiêm tưởng nhớ ân đức của ông, dựng đền thờ ở chân núi Tam Tòa thờ phụng. Về sau ông dời trị sở của châu về xã Bạch Đường. Sau khi ông mất, dân địa phương cũng lập đền thờ ông.

Đền Tứ vị Thánh nương Cần Hải

Đền ở xã Hương Cần huyện Quỳnh Lưu. Vào niên hiệu Tường Hưng đời nhà Tống, quân Tống bị thua trận ở Nhai Sơn. Dương Thái hậu cùng ba vị Công chúa phải nhảy xuống biển tự vẫn. Bỗng gió bão nổi lên cuốn bốn vị trôi đến cửa biển Càn Hải, nhan sắc vẫn tươi như

Đô đốc Quế Châu, được phong tước Tùng Tư Huyện hầu. Nguyên bản chép là "Nguyên Sở Khách", các bộ sử của ta cũng chép nhầm như vậy. Người dịch căn cứ *Tân Đường thư*, q.207 đính sửa lại.

khi còn sống. Dân địa phương bèn lập đền thờ. Về sau vua Trần Anh Tông thân chinh đánh Chiêm Thành, khi thuyền quân đi qua cửa Cần Hải, ban đêm vua mộng thấy thần hiện ra thưa rằng: Thiếp nguyên là cung phi của nhà Triệu Tống, bị quân Nguyên bức hại, rồi nhân sóng gió đưa đến chốn này, từ lâu đã được Thượng đế phong cho làm Hải thần. Nay xin theo trợ giúp Thánh thượng đánh giặc lập công. Thế rồi quân của vua tiến thẳng tới thành Đồ Bàn. Đại thắng trở về, vua sai ban sắc phong gia tặng cho thần, lập đền thờ phụng. Đến thời Hồng Đức triều Lê, vua lại thân chinh dẫn quân đi đánh Chiêm Thành qua đây cũng vào đền cầu khấn, nhờ vậy tiến thẳng vào đất Chiêm đánh bại chúng. Sau khi trở về, vua mệnh cho ghi chép hạng bậc của thần vào điển thờ, xây dựng sửa sang thêm đền miếu. Các triều sau đó đều có phong tặng, triều Nguyễn ta cũng có gia tặng mĩ tự.

Đền Liễu Hạnh Công chúa

Đền ở xã Cao Xá huyện Đông Thành phủ Diễn Châu. Còn có đền thờ nữa ở xã La Hoàng huyện Hưng Nguyên. Sự tích xem ở mục Đền miếu của huyện Vụ Bản tỉnh Nam Định.

Đền thần Cao Vương

Đền ở hai tổng Quan Trung và Thái Xá huyện Đông Thành. Sự tích xem ở phần tỉnh Hải Dương.

CHÙA QUÁN

Chùa An Quốc

Chùa trên núi Hùng Sơn thuộc xã Nghĩa Liệt huyện Hưng Nguyên. Đằng sau là núi Tượng Đầu, trước mặt có suối Tiên Châu. Bên sườn núi tuôn ra dòng nước thơm, dân gọi là suối An Quốc. Vào thời Trần, Nguyễn Biểu bị giặc Minh hãm hại đã tử tiết ở nơi đây.

TỈNH THANH HÓA

CỔ TÍCH

Thành Nhà Hồ

Thành nằm ở địa phận các ấp Hoa Nhai, Phương Nhai và Tây Nhai huyện Vĩnh Lộc. Thành có 4 cổng ra vào, vốn xưa là các đường phố cổ, nên mới có các tên ấp như thế. Ngày nay vẫn còn lại những viên đá lát đường.

Cung Nhà Hồ

Tại địa phận thôn Trung xã Kim Âu huyện Vĩnh Lộc, Hồ Quí Li xây Li cung ở đây. Đối diện bên trái dựng lầu Chọi gà, bên cạnh cung dựng chùa Phong Công. Ngày nay cung chỉ còn lại vài ba cột trụ bằng đá, 3 cái giếng đá và di tích của tường thành mà thôi.

Lam Kinh Nhà Lê

Ở xã Quảng Thí huyện Thụy Nguyên, phía đông nam núi Lam Sơn. Phía nam là sông Lương Giang, phía bắc là núi. Đây là đất dấy nghiệp của vua Lê Thái Tổ. Đầu niên hiệu Thuận Thiên lấy đất này làm Lam Kinh, xây dựng cung điện. Từ sau khi nhà Lê mất, Lam Kinh bị bỏ đổ nát gần hết, chỉ còn lại nền móng ngày xưa.

Thành cũ Lê Chích

Thành ở xã Chu Xuyết huyện Nông Cống. Tại đây có một tấm bia đá đã bị mờ mòn không thể nhận lại nét chữ. Di tích của thành vẫn còn.

Nhà cũ của Nghĩa Quốc công

Ở xã Tân Qui huyện Tống Sơn. Ông là người trang Gia Miêu Ngoại, có công phò lập vua Lê Tương Dực, được phong Nghĩa Quốc công[37], dời nhà đến ở đây. Vua Lê Tương Dực có ban cho ông bài thơ ngự chế khắc vào bia, nay vẫn còn.

Hồ Thuyền Đồng

Hồ ở huyện Yên Định. Tương truyền ở huyện Quân Ninh Giao Châu có hồ Thuyền Đồng, cách Hợp Phố 40 dặm. Vào những ngày trời âm u, người ta thường thấy có thuyền bằng đồng trôi nổi trên mặt nước. Lại có con trâu hiện lên trong hồ. Biện lễ gà rượu đến tế thì đánh được nhiều cá, còn nếu không tế lễ thì chỉ vớt được phân trâu mà thôi. Ngày nay không rõ vị trí hồ này nằm ở đâu.

Động Từ Thức

Động ở xã Trị Nội huyện Nga Sơn, ngày xưa gọi là động Bích Đào. Động rất thoáng và rộng, có cây xanh tốt. Tương truyền Từ Thức là người đời Trần, làm quan Tri huyện huyện Tiên Du, bỏ quan đi tu đạo, lên núi hái thuốc, gặp tiên nữ Giáng Hương ở đây bèn lấy làm vợ. Bên động có ngòi đền thờ Bích Động Linh tiên. Hang bên trong rất sâu và tối, đi vào phải liên tiếp thay đuốc nhiều lần, nhưng xưa nay cũng chưa có ai đi được tận cùng tới đáy. Trong động thạch nhũ rủ xuống tạo thành hình dáng quả chuông cái trống, gõ vào phát ra âm thanh, lại chỗ này như hình bầu rượu, bức màn trướng, chiếc lọng che, chỗ kia giống hình viên thuốc, đống thóc, củ khoai sọ, đống muối, ao bèo, lại có các hòn đá bày ra như bàn cờ với quân cờ, kì quái muôn hình vạn trạng, thực đúng là dấu tích thần tiên, cảnh trí thì đẹp đẽ vô cùng.

---

[37] *Nghĩa Quốc công*: tên là Nguyễn Văn Lang, em họ của Trường Lạc Hoàng Thái hậu, làm quan đến chức Thái úy.

Động Hổ Công

Động ở phía bắc núi Xuân Đài huyện Vĩnh Lộc. Khe động trên ngọn núi phía nam, có tảng đá hình con cóc nằm. Trong động có thạch nhũ màu đỏ, hang đá quanh co kéo dài hơn nghìn trượng, người có thể đi lại bên trong. Chỗ tận cùng có cái giếng đá sâu không biết đâu là đáy. Trong động còn có hai pho tượng đá, tương truyền là tượng của Hổ Công và Phí Trường Phòng.

NÚI

Núi Triệu Tường

Núi nằm trên địa phận các trang Đông Bình, Khắc Ninh, Quảng Phúc thuộc Quí hương[38] huyện Tống Sơn. Lăng Trường Nguyên của triều ta đặt tại đây. Mạch núi chạy từ huyện Thạch Thành kéo về, có 12 ngọn nối tiếp nhau, cây cỏ tốt tươi, trông như tấm gấm thêu. Phía đông bắc núi này có núi Tam Điệp, núi Thần Phù uốn lượn ở bên trái; phía tây là núi Xuân Sơn, núi Điều Doanh; chuyển qua phía nam có rú Trạch Nam, tức là núi Trang Chư quanh co ở bên phải; phía nam có sông Tống Giang ôm vòng trước mặt. Núi vốn gọi là núi Thiên Tôn, năm Minh Mệnh thứ 2 (1821) mới được phong tên Triệu Tường ngày nay.

Núi Thần Đầu

Còn có tên gọi là núi Thần Phù hoặc Hiệp Sơn, nằm ở huyện Nga Sơn. Mạch núi chạy từ núi Tam Điệp, qua núi Cẩm Đái, Phú Dương đổ xuống, giữa chừng có dòng sông nhỏ xẻ ngọn núi thành hai dải, dải phía nam chính là núi này. Còn dải phía bắc từ trang Mĩ

---

[38] *Quí hương*: Huyện Tống Sơn có trang Gia Miêu Ngoại, quê của Nguyễn Hoàng, là đất phát tích nhà Nguyễn nên được tôn gọi là "Quí hương".

Quan nối đến xã Trị Nội, nơi có chùa Bạch Ác và động Từ Thức rồi gặp biển thì dừng lại. Đá núi tranh hùng với sóng nước, phong cảnh kì vĩ rất ngoạn mục.

Núi Cốc Sơn

Núi ở xã Phú Ổ huyện Quảng Xương. Núi từ huyện An Lạc tỉnh Ninh Bình đổ sang, cao vài trăm trượng. Suối đổ xuống chân núi tạo thành ao sen. Đỉnh núi có ngôi đền, đá ngoài cửa đền phải lách người mới vào được.

Núi Vân Lỗi

Núi ở xã Thạch Giản phía nam huyện Nga Sơn. Núi từ xã Kim Âu huyện Vĩnh Lộc kéo xuống đến đây nổi lên một ngọn cao, phía đông sát với đầm Bạch Câu. Trong núi có động, cảnh trí tịnh mịch, ngày xưa gọi là động Thúy Vân, có bia ghi chép, nay vẫn còn.

Núi Linh Trường

Núi ở hai xã Kim Xuyết và Ngọc Lâm phía bắc huyện Hoằng Hóa. Núi bắt đầu từ phía nam ngọn núi Bích Giang, trập trùng 7 ngọn liên tiếp men dọc theo dòng sông kéo dài ra biển. Có một mỏm đá từ dưới vươn lên như muốn vượt lên mặt nước. Giữa muôn trùng sóng nổi lên mấy ngọn núi con, đó là núi Da Sơn (núi Dừa), núi Mũi Hài, núi Bò Mẹ Bò Con của huyện Hậu Lộc. Trên núi có đền thờ Nam Hải Tứ vị Thánh nương. Ngày trước có người lên núi du ngoạn đã khắc vào đá hai chữ "Tiên Châu", chữ nay vẫn còn.

Núi Cô Sơn

Núi ở xã Bản Thủy huyện Vĩnh Lộc. Núi từ dãy Hùng Lĩnh đổ về, đến đây nổi lên ngọn núi đất. Ngày trước có hòn đá tròn hình sư tử hí cầu. Lại có các ngọn núi xếp thành nhị thập bát tú ở bên trái, trong đó

ngọn ở giữa gọi là Hoàng Phong, vách đá dựng đứng, trên có khắc 8 chữ lớn "Thanh Tri Điền Trí Thanh Tri Điền Tri", chữ cao khoảng 1 trượng, không trèo lên được, không rõ chữ khắc vào thời nào, cũng không đoán được ý nghĩa nói gì. Lại còn một ngọn núi đất nổi lên giữa đồng bằng, hình khum tựa ngôi nhà chỉ có một cửa. Tương truyền núi này thường tìm thấy nhiều long cốt.

Núi Kim Sơn

Còn có tên gọi là núi Biện Lĩnh. Mạn đông dọc theo sông Mã kéo xuống, gồm 19 ngọn núi, từ xa trông tới, chỗ thì giống như tán lọng, cờ quạt, chỗ thì nom tựa voi đá, bức màn, bức tranh, màu sắc biến đổi tùy theo từng lúc trời râm hay nắng, buổi sáng hay chiều. Trong có 2 cái động, một gọi là động Tiên Phàn, một gọi là động Ngọc Long, trong động có nhũ đá. Một ngọn ở phía nam gọi là Mai Sơn, có nhiều trúc, sườn núi có ao liên tri rộng hàng mấy mẫu, bốn mùa nước trong xanh. Ngọn phía đông là Cốc Sơn, cao khoảng 30 trượng, chân núi có vòm đá, trong có đầm sâu, bên trên có động, gọi là động Kim Sơn có thể chứa được vài trăm người. Vòm có 2 cửa, thiên nhiên sắp đặt một cây gỗ to không cần chằng buộc mà rất vững chãi, tục gọi là Tiên Kiều. Lại một vòm hang khác ăn thông sang quả núi bên trái. Có tấm bia khắc 3 chữ lớn "Trú Quân sơn" (núi Trú Quân), nay vẫn còn.

ĐỀN MIẾU

Miếu Triệu Việt vương

Miếu ở xã Trinh Hà huyện Mĩ Hóa, nơi từng đặt trướng phủ khi hành quân của Triệu Việt vương. Sự tích xem ở phần tỉnh Hà Nội. Nhiều tỉnh hạt ở Bắc Kì có lập đền thờ ông.

Miếu Lê Đại Hành Hoàng đế

Miếu ở xã Trung Lập huyện Thụy Nguyên. Xã này là nơi có gia sản cơ nghiệp từ đời trước của vua Lê Đại Hành. Có thuyết nói đây là nhà ở cũ của vua, về sau nhân lấy đó lập thành đền thờ, nơi đó nay vẫn còn bia ghi chép. Nhiều tỉnh hạt ở Bắc Kì cũng có đền thờ ông.

Miếu các vua Lê

Tên cũ gọi là lăng Hoằng Đức, tại thôn Kiều Đại xã Bố Vệ huyện Đông Sơn. Vốn xưa lăng ở xã Quảng Thí Lam Sơn, đến năm Gia Long thứ 4 (1805) triều ta mới di dời về xây dựng tại đây. Đền thờ chung 24 vị vua, 28 vị Hoàng hậu đời Lê, được cấp 140 suất phu trông nom, mỗi năm cấp 3000 quan tiền để thờ phụng. Các tỉnh hạt khác về phía Bắc cũng có đền lập ra để thờ phụng.

Đền Quang Thục Thái hậu triều Lê

Đền ở xã Đồng Bàng huyện Yên Định. Thái hậu là người xã này, họ Ngô, sinh ra vua Lê Thánh Tông. Về sau bà được suy tôn là Quang Thục Thái hậu, xây dựng nhà Phúc Quang đường. Dân xã dùng tòa từ đường này để thờ bà.

Đền Sùng Trân

Đền ở núi Cổ Đam, Phú Dương thuộc huyện Tống Sơn, thờ Liễu Hạnh Công chúa. Sự tích xem phần tỉnh Nam Định.

Đền thần Đồng Cổ

Đền trên núi Đồng Cổ thuộc xã Đan Nê huyện Yên Định. Trên núi có quán Triều Thiên. Tương truyền khi vua Lê Đại Hành đi đánh Chiêm Thành đóng quân ở chân núi Khả Lao, đêm mộng thấy người thần hiện ra xin được đem trống đồng dùi đồng đi theo vua trợ chiến. Vua ưng thuận. Đến khi lâm trận đối địch với quân Chiêm, văng vẳng

nghe thấy tiếng trống thúc trận vang rền. Trận ấy quả nhiên đánh thắng giặc. Vua trở về truyền đổi tên núi là núi Đồng Cổ, ban sắc phong tặng cho thần. Các vua triều sau đó từ Lí Thái Tông, Lê Thái Tổ, Lê Hồng Đức, Lê Cảnh Hưng mỗi khi chinh chiến đi qua đây đều được thần hiển linh phù trợ, nên từ đời Lí đến đời Lê liên tiếp ban sắc gia phong, tặng phong cho thần. Triều ta cũng có gia phong. Tương truyền trong đền có chiếc trống đồng không rõ làm từ thời nào, nặng khoảng trăm cân, đường kính đai trống 2 thước 1 tấc, cao 1 thước 5 tấc, trống chế tạo rỗng trong, không đáy, mặt trống có 9 gờ tròn, thành bên có khắc chữ kiểu hình nòng nọc, năm tháng đã mờ mòn không đọc ra được, một góc hơi bị khuyết. Hồi Tây Sơn đánh đến đây lấy đem đi, nhưng sau đó một người ở huyện Hậu Lộc lại tìm thấy ở bến sông rước về đền thờ. Trống ấy nay vẫn còn.

Đền thần Đổng Thiên vương

Đền ở xã Trịnh Điện huyện Yên Định. Thần người làng Phù Đổng thuộc Cổ Ninh. Sự tích xem ở phần tỉnh Nghệ An.

Đền Tản Viên sơn thần

Đền ở xã Quan Phác huyện Cẩm Thủy. Sự tích xem ở phần tỉnh Sơn Tây.

Đền Triệu Ẩu

Đền ở huyện Yên Định. Thần là con gái của Triệu Việt vương, có sức khỏe dũng mãnh, giỏi võ nghệ. Đến tuổi cập kê, có người muốn hỏi làm vợ, bà than rằng: Nom chỗ nào cũng thấy đầy rẫy bọn con trai khỏe mạnh mà lại cam chịu sự ràng buộc của người phương Bắc, ta biết lấy kẻ nào đây! Thế rồi không chịu lấy chồng. Vào niên hiệu Xích Điểu nhà Ngô, quan lại trong quận tham lam tàn ác khiến dân lành không sao sống nổi. Bà nổi dậy tập hợp dân chúng trên núi Bồ Điền

tiến đánh xuống các quận huyện. Bà thường cưỡi trên lưng voi trắng hô hào đốc chiến khiến giặc thua tơi bời. Bà hùng cứ cả vùng Cửu Chân. Về sau bị Thứ sử Lục Dận đánh bại, mất rồi hóa thành thần. Các triều vua đời sau nhiều lần ban sắc phong tặng.

Đền Khương Công Phụ

Đền ở thôn Cẩm Cầu huyện Yên Định. Ông đỗ Tiến sĩ thời Đức Tông nhà Đường, làm quan chức Trung thư Môn hạ Bình chương sự. Đến thời Thuận Tông đổi làm Thứ sử Thanh Châu. Sau khi mất được tặng chức Thượng thư. Người đời truyền nhau rằng quê tổ của ông ở huyện Hoằng Hóa. Đến thời Lê Cảnh Hưng, Hải Quận công Phạm Đình Trọng đem sự việc tâu lên triều đình, phong cho ông là Thượng đẳng thần và dựng đền thờ tại đây để biểu dương bậc hiền nhân danh tiếng.

Đền Chiểu Bạch Sơn thần

Đền ở thôn Bình Lâm huyện Nga Sơn. Ông[39] người huyện Hoằng Hóa, thời trai trẻ khỏe mạnh dũng cảm, được Lí Thái Tôn phong cho làm Vũ vệ Tướng quân. Khi vua Thái Tông lên ngôi, ba vị Vương câu kết nhau gây biến loạn, ông đem quân dẹp yên, được thăng Đô thống Thượng tướng quân, đi đánh giặc Chiêm Thành lập công. Sau khi mất được tặng phong là Phúc thần.

Đền Thái úy đời Lí

Đền ở xã Ngọ Xá huyện Vĩnh Lộc. Ông tên là Lí Thường Kiệt, làn quan dưới triều Lí Thánh Tông, thường đi kinh lược vùng Thanh Hóa, Nghệ An, có nhiều công đức với dân. Sau khi ông mất, dân chúng tưởng nhớ công ơn của ông lập đền thờ phụng.

---

[39] Tức Lê Phụng Hiểu.

Đền Thần Tham Xung

Đền ở xã Biện Thượng huyện Cẩm Thủy. Tương truyền thần là người huyện Nông Cống, có tài lược dẹp loạn. Vào niên hiệu Đại Nghiệp nhà Tùy, ông làm tướng đi đánh giặc, vào trận ông bị lưỡi đao chém, đầu gần lìa khỏi cổ, nhưng vẫn cưỡi ngựa chạy về đến bờ sông thôn Cổ Định rồi mới ngã ngựa mà chết, được dân xã ấy lập đền thờ phụng.

Đền Phòng Ngự sứ

Đền ở huyện Đông Sơn, do dân 4 xã Thọ Sơn, Triệu Xá, Triệu Thiên và Hàm Hạ cùng thờ phụng. Ông tên là Thiều Thốn, làm quan Phòng Ngự sứ Lạng Sơn dưới triều Trần Dụ Tông, có tài phủ dụ binh sĩ. Sau khi ông mất được dân thôn lập đền thờ phụng.

Đền Trần Tướng quân

Đền ở xã Phương Vệ huyện Vĩnh Lộc. Thần tên là Trần Khát Chân, là Thượng Tướng quân đời Trần. Khi Hồ Quí Li khởi loạn, ông và Thái bảo họ Trần[40], họ Nguyễn[41] cùng mưu trừ gian nhưng không thành, bị chúng sát hại. Người đời sau tưởng nhớ ân đức lập đền thờ phụng.

Đền Tô Thái úy

Ở các huyện thuộc 3 phủ Hà Trung, Thiệu Hóa và Tĩnh Gia đều có đền thờ. Thần tên là Tô Hiến Thành, làm quan Thiếu phó dưới triều Thiệu Minh nhà Lí. Ông từng có công bắt kẻ tiếm

---

[40] Tức Thái bảo Trần Hăng

[41] Họ Nguyễn: Không rõ chi ai. Trong số những người tham gia mưu giết Hồ Quí Li ở hội thề Đốn Sơn, theo *Toàn thư*, không có ai mang họ Nguyễn.

nghịch hiệu là Thân Lợi[42]; đánh dẹp nước phiên trái mệnh là Ngưu Hống, Ai Lao[43]. Về sau làm Đô tướng, chỉ huy quân sĩ đi tuần đường biển giữ yên biên cương. Niên hiệu Bảo Ứng có công đánh Chiên Thành[44], được thăng Thái phó Bình chương quân quốc trọng sự. Ông nhận di chiếu của vua phò ấu chúa, hết dạ trung thành. Ông làm quan đến chức Thái úy, trở thành nhân vật hàng đầu của triều Lí[45], được tôn hiệu là "Tô Đại Liêu". Sau khi ông mất, phàm những nơi nào từng được ông trải qua lúc sinh thời đều dựng đền thờ ông.

Đền Thần Uy Minh

Hai xã Du Độ và Đồng Loan thuộc huyện Ngọc Sơn mỗi xã đều có một ngôi đền thờ. Thần là con trai thứ 8 của vua Lí Thái Tổ, được phong tước Uy Minh hầu, từng được cử ra trông coi trấn Nghệ An, có nhiều công trạng, được truy phong tước Vương, nhận tiết việt. Ông có nhiều chính tích ân huệ cho dân, nên sau khi mất được nhân dân tưởng nhớ công đức lập đền thờ phụng.

---

[42] Theo *Toàn thư* (Bản kỉ, q.5): Năm Canh Thân niên hiệu Thiệu Minh (1140), tháng 10, có người thầy bói Thân Lợi tự xưng là con của Nhân Tông đem đồ đảng mưu làm loạn. Sang năm sau Thân Lợi tiếm xưng là Bình Vương, lập vợ cả, vợ lẽ làm Hoàng hậu và Phu nhân, con làm Vương hầu, cho đồ đảng quan tước theo thứ bậc khác nhau, rồi chiếm châu Tây Nông, đánh lấy phủ Phú Lương, họp bè đảng mưu cướp Kinh sư. Về sau Thái phó Tô Hiến Thành bắt được Lợi, giao cho Anh Vũ đóng cũi giải về kinh sư xử trảm.

[43] Theo *Toàn thư* (Bản kỉ, q.5): Năm Đại Định thứ 20 (1159), tháng 5, Ngưu Hống và Ai Lao làm phản. Sai Tô Hiến Thành đi đánh, bắt được người và trâu ngựa voi, vàng bạc châu báu rất nhiều.

[44] Theo *Toàn thư* (Bản kỉ, q.5): Năm Chính Long Bảo Ứng thứ 5 (1167), tháng 7, sai Thái uý Tô Hiến Thành đi đánh Chiêm Thành.

[45] Nguyên văn chép nhầm là "triều Trần".

Đền Chiêu Văn

Đền ở xã Văn Trinh huyện Ngọc Sơn. Thần là Hoàng tử thứ 6 của vua Trần Thái Tông, tự là Nhật Duật, được phong là Chiêu Văn vương, làm tướng phò tá trải 4 triều vua, hai lần được cử đi coi giữ trọng trấn. Đến đâu ông cũng thi hành chính sách tốt đẹp. Sau khi ông mất được nhân dân tưởng nhớ công đức lập đền thờ phụng.

Đền Thần Ngu Uyên

Đền ở xã Yên Thành huyện Hoằng Hóa. Tương truyền hồi Lí Thái Tông thân chinh đánh dẹp dân man miền núi Ái Châu, chiến thuyền theo đường biển qua cảng mà vào, nhưng nước quá nông nên không đi được. Vua ngẫm khấn thần linh, chỉ một lát có một con cá lớn ngảy vọt ngay trước mũi thuyền, nước lập tức dâng cao. Vua lấy làm kinh dị, phong cho thần là thần Tam Kì Ngu Giang, rồi lập đền thờ phụng.

Đền Trịnh Thái úy

Đền ở xã Kim Bôi huyện Hậu Lộc. Thần tên là Trịnh Khả, theo Lê Thái Tổ khởi nghĩa, trải mấy chục chiến trận có nhiều công lao to lớn. Vào niên hiệu Thuận Thiên được phong Thượng Tướng quân. Thời Thái Hòa, quân Chiêm Thành sang lấn chiếm, ông đi đánh dẹp được giặc, được thăng Thái úy Quân quốc trọng sự. Sau khi mất được truy tặng Hiển Khánh vương, dựng đền thờ phụng.

Đền Lương Thượng thư

Đền ở xã Văn Hà huyện Thụy Nguyên. Ông đỗ Tiến sĩ đời Cảnh Trị, làm quan Thượng thư bộ Binh. Ông thi hành chính sách nhân hậu khoan dung, khiến dân chúng được nhờ. Sau khi mất được tặng tước Quận công. Dân địa phương dựng đền thờ phụng.

Đền Hiển Từ Hoàng Thái hậu đời Lê

Đền ở xã Thủy Chú huyện Lôi Dương. Hậu là người bản thôn, sinh ra vua Lê Thái Tổ. Sau khi Thái Tổ thu phục được đất nước cho dựng đền tại làng để thờ phụng.

Đền Cung Từ Hoàng Thái hậu đời Lê

Gọi là đền Hiển Nhân, ở xã Thịnh Mĩ. Bà là Hoàng hậu của vua Lê Thái Tổ, mẹ sinh ra Lê Thái Tông.

Đền thần Đông Hải họ Đoàn

Đền ở xã Đồng Đội huyện Ngọc Sơn. Thần họ Đoàn, tên Thượng. Sự tích xem ở phần tỉnh Hải Dương.

LĂNG

Lăng Trường Nguyên

Lăng ở núi Triệu Tường huyện Tống Sơn tỉnh Thanh Hóa, là lăng hợp táng của Triệu Tổ Tĩnh Hoàng đế[46] và Tĩnh Hoàng hậu. Năm Gia Long thứ 7 (1808) kính dâng tên lăng. Năm Minh Mệnh thứ 3 (1822) xây nhà bia. Năm Thiệu Trị nguyên niên (1841) xây nền vuông phía trước lăng, hướng về phía đông. Nền xây bằng gạch, cao 2 thước 3 tấc 5 phân, bốn cạnh trước sau phải trái đều dài 2 trượng 1 thước. Xung quanh xây tường cao 2 thước 9 tấc, tường trước và sau đều dài 3 trượng 3 thước 6 tấc 5 phân, tường phải và trái đều dài 3 trượng 7 thước. Có 3 cổng mở ra ở mặt trước và hai bên tả hữu, tại bốn góc dựng 10 cột trụ đá. Bên phải có 2 nhà bia, mỗi nhà đều 1 gian lợp ngói phẳng. Một nhà dựng tấm bia khắc bài kí ngự chế của vua

---

[46] Triệu Tổ Tĩnh Hoàng đế: tức Nguyễn Kim, tước An Thanh hầu, cha đẻ của Nguyễn Hoàng..

Thánh Tổ Nhân Hoàng đế, nhà kia dựng tấm bia khắc bài thơ ngự chế của vua Hiến Tổ Chương Hoàng đế.

Vĩnh Lăng của Lê Thái Tổ

Lăng tại xã Lam Sơn huyện Thụy Nguyên. Trong lăng hiện còn bi kí. (Các lăng dưới đây cũng đều có bia).

Hựu Lăng của Lê Thái Tông

Chiêu Lăng của Lê Thánh Tông

Dụ Lăng của Lê Hiến Tông

Kính Lăng của Lê Túc Tông

Lăng Phúc Lộc của Lê Gia Tông

Lăng ở xã Phúc Lộc.

Lăng Bình Ngô của Lê Thuần Tông

Lăng ở xã Bình Ngô.

Lăng Phù Nguyên của Lê Hiến Tông

Lăng ở xã Phù Nguyên.

Lăng Thúy Hoa của Lê Anh Tông

Lăng ở xã Trạc Xá huyện Đông Sơn. Nay vẫn còn bia.

Lăng Hoa Man của Lê Kính Tông

Lăng ở xã Trạc Xá huyện Đông Sơn.

Lăng Hoa Phố của Lê Chân Tông

Lăng ở xã Phú Cốc huyện Đông Sơn.

Lăng Phúc Lâm của Lê Hi Tông

Lăng ở thôn Phú Lâm.

Lăng Diễn Phúc của vua Lê

Lăng ở xã Thọ Hạc. Không rõ vị hiệu của vua.

Lăng vua Lê Thần Tông

Lăng ở thôn Bái Trạch xã Bàn Thạch huyện Lôi Dương.

Lăng vua Lê Huyền Tông

Lăng ở thôn Quả Nhuệ Thượng huyện Lôi Dương. Có đền thờ.

Lăng vua Lê Hiển Tông

Lăng ở xã Bàn Thạch huyện Lôi Dương.

Lăng vua Lê Chiêu Thống

Lăng ở xã Bàn Thạch huyện Lôi Dương.

Lăng Bạch Nguyệt của Ý Đức Thái hậu triều Lê

Lăng ở xã Tịnh Xá huyện Đông Sơn.

Lăng vua Lê Ý Tông

Lăng ở xã Phù Nguyên huyện Đông Sơn.

Lăng vua Lê Tuyên Tổ

Lăng ở xã Như Áng huyện Lương Sơn.

CHÙA QUÁN

Chùa Lục Vân

Chùa trên núi Thần Phù thuộc trang Chính Đại huyện Tống Sơn.

Núi đá ở đây dựng đứng, ở giữa có động Lục Vân, nhân lấy động này làm thành chùa. Phía đông vạt đá thành bia khắc 4 chữ "Thần Xích Sơn bi". Một dòng sông nhỏ chảy qua phía trước, cạnh đó là hang thông lên trời. Trong hang có 2 tảng đá, một tảng giống hình rồng, một tảng tựa hình hổ, người đời truyền nhau rằng đó là "Long hổ tranh quang" (Rồng hổ đua nhau vẻ đẹp). Phong cảnh nơi đây tuyệt đẹp, nên các đời đều có thơ đề vịnh khắc trên đá, vẫn còn lưu lại đến ngày nay.

Chùa Nguyên Hải

Chùa ở huyện Tống Sơn, do Thái Tổ Gia Dụ Hoàng đế triều ta xây dựng. Năm Quang Hưng thứ 20 (1597) trùng tu chùa, dựng bia khắc bài văn bia do Thông Quận công Đỗ Chú soạn.

Chùa Hồng Mông

Chùa ở xã Kim Âu huyện Vĩnh Lộc. Chùa nằm trên sườn núi, từ xa nhìn thấy cao chót vót. Bên dưới là đường cái quan, tấp nập người đi du ngoạn vãn cảnh.

Chùa Kim Âu

Chùa ở xã Kim Âu huyện Vĩnh Lộc. Phía nam quả núi là cung cũ của nhà Hồ. Trong thành có chùa. Bên trái chùa là cung Bao Tiêu, nơi ở của vua Thuận Tông hồi cuối đời Trần.

Chùa Du Anh

Dưới chân núi Xuân Đài ở xã Thiên Thành huyện Vĩnh Lộc có ngôi chùa cổ. Chùa được trùng tu vào năm Hoằng Định thứ 6 (1605), Thái tể Phùng Khắc Khoan soạn bài văn bia, nay vẫn còn. Hai bên nách chùa có hồ Nhật và hồ Nguyệt, phía sau vách đá dựng bình phong, trước mặt đỉnh núi cao chót vót. Đây vốn là một thắng cảnh nổi tiếng.

Chùa Linh Xứng

Chùa ở phía nam núi Ngưỡng Sơn thuộc xã Hoàng Ngưu huyện Vĩnh Lộc. Vào niên hiệu Thiên Phù Duệ Vũ đời Lí, Thái úy Lí Thường Kiệt khi vào kinh lược các xứ Nghệ An đã cho xây dựng chùa này ở đây. Chùa có bia và tháp, nay vẫn còn.

Chùa Thái Bình

Chùa ở xã Bằng Trình huyện Thụy Nguyên. Trước chùa nhìn xuống dòng sông Lương Giang. Giữa lòng sông đá nổi lên nhấp nhô. Sau chùa có động đá, miệng hang ăn xuyên qua núi hai bên đông tây ăn thông với nhau, thực là sự khéo bày đặt của thiên nhiên. Chùa do Thiền sư Như Ngọ sáng lập vào thời Chính Hòa nhà Lê. Bên chùa có am đá, tháp đá và những tấm bia khắc vào các triều đại, nay vẫn còn.

Chùa Đại Hùng

Chùa ở núi Bàn A thuộc xã Đại Khánh huyện Đông Sơn. Chùa lấy bờ đá làm vách, trên đó tạc một pho tượng lớn chỉ thấy một nửa kim thân Đức Phật, không rõ có từ thời nào. Trước cửa chùa có một tấm bia đá tạc vào niên hiệu Quang Thuận nhà Lê và một bài thơ, nay vẫn còn.

Chùa Tiên Sơn

Chùa dựng trên một mỏm vách đá chân núi Khế Sơn thuộc thôn Nhuệ xã An Hoạch huyện Đông Sơn. Chùa dựng ăn vào vách đá, cao chỉ 4 thước, rộng không quá 1 trượng, bên trong có tượng Phật, đều do đá đẽo thành. Sườn núi phía bắc chùa có một khe đá nứt ra thành hang rộng đến 5, 6 thước, dài 2 trượng, được xây thành 2 cửa. Trên vách đá khắc tượng truyền thần của Quan Đế, bên cạnh là Chu Thương và 5 tượng khác ở hai bên. Một đầu tòa khắc hai chữ "Nghiễm nhiên" theo lối chữ triện. Hai phía bức tường có đủ cả người

đá, voi đá, ngựa đá. Trên vách núi cao khắc chìm 4 chữ "Thiên cổ vĩ nhân" và một chữ "Thần" khắc nổi, cỡ chữ to đến hơn một thước. Trên vòm đá ở bên trái có lỗ đục, xuyên dây xích sắt qua để treo quả chuông. Chùa do người làng là ông Lê Đình Truyền xây dựng vào năm Hoằng Định thứ 10 (1609), đến cuối đời Cảnh Hưng, quan Trấn thủ Thanh Hóa Nguyễn Trung Nghĩa tiến hành trùng tu, có bài văn khắc trên vách đá, nay vẫn còn.

Chùa Quỉ

Ở phía nam xã Đồng Hòa huyện Ngọc Sơn có một dòng nước, giữa dòng nhô lên một đống đá. Bên sườn một vách đá nổi lên thành bức tượng đá. Dân chúng nhân đó lập thành chùa, gọi là Chùa Quỉ.

Chùa Trạch Lâm

Chùa ở xã Trạch Lâm huyện Tống Sơn, do công chúa Ngọc Tú triều Nguyễn tạo dựng, về sau được Tổng đốc Tôn Thất Tĩnh trùng tu. Lần trùng tu trước là của cựu Tổng đốc Tôn Thất Dao, bia chùa rêu phong khiến chữ mòn mờ không nhận rõ năm tháng, chỉ còn lại tượng của Công chúa mà thôi.

Chùa Thanh Thọ

Chùa ở Cửa Đông tỉnh thành Thanh Hóa. Bên chùa là miếu thờ Quan Công. Chùa được Thự Tổng đốc Tôn Thất Dao trùng tu vào thời Tự Đức.

TỈNH NINH BÌNH

CỔ TÍCH

Cố đô thời Đinh - Lê

Ở hai xã Trường An Nội, Trường An Ngoại phía tây huyện Gia Viễn. Kinh đô cổ có thành nội và thành ngoại, có cổng đá, cửa cống đá, và nhiều di chỉ cũ hiện còn những tên gọi cầu Đông, cầu Giền, Tràng Tiền (bãi đúc tiền), chùa Tháp, chùa Nhất Trụ (Một Cột). Sau này khi Lí Thái Tổ dời đô về Thăng Long vẫn dùng lại các tên gọi địa danh đó.

Thành cũ Nhà Hồ

Thành ở xã Quảng Công huyện Yên Mô, là di chỉ cũ của Hồ Quí Li, nay vẫn còn.

Thành Cổ Lộng

Thành ở huyện Gia Viễn, chỗ giáp giới với huyện Kim Bảng tỉnh Hà Nội, đắp dựng vào đời Vĩnh Lạc nhà Minh. Hồi trước vua Trần Giản Định đế đánh quân Minh ở Bồ Cô, khiến Mộc Thạnh phải bỏ chạy vào thành này. Di chỉ hiện vẫn còn.

Trấn cổ Vân Sàng

Nay ở về phía đông bắc tỉnh lị Ninh Bình, thời Lê là trị sở của Thanh Hóa Ngoại trấn. Có thuyết lại nói trấn cổ ở xã Thiện Trạo. Thiện Trạo vốn là tên gọi đơn vị thủy quân của triều nhà

Đình, vì thế lấy làm tên xã. Thủy đồn đặt tại hai xã Trầm Hương và Bích Đào. Về sau đổi làm trị sở của trấn, rồi lại đổi làm trị sở huyện Yên Khánh.

Sơn doanh Ngọc Lâu

Ở huyện Lạc Yên, do Lê Duy Mật dựng vào năm Cảnh Hưng thứ 2 (1741).

Kho cổ núi Dục Thúy

Năm Quí Tị niên hiệu Cảnh Hưng thứ 34 (1773) đời Lê, Kiều Nhạc hầu Nguyễn Lệ giữ chức Trường An Đồn điền sứ, mộ dân phu khai thác đồn điền, chở lương thực xây kho tàng cất trữ ở đây.

Tháp cổ núi Dục Thúy

Tháp ở xã Đại Đăng huyện Yên Khánh, dựng vào niên hiệu Quảng Hựu đời Lí, sau đó bị bỏ hoang phế. Đến khoảng niên hiệu Khai Hựu, Thiệu Phong đời nhà Trần vị sơn tăng là Trí Nhu tiến hành trùng tu, đặt tên là tháp Linh Tế. Trương Hán Siêu có viết bài kí khắc vào đá, nay vẫn còn.

Vườn Long Viên

Vườn ở xã Đề Cốc, nhà của người mẹ thân sinh và là nơi ở lúc chưa lên ngôi của Đinh Tiên Hoàng, di chỉ nay vẫn còn. Phía trước vườn là dòng sông, có cầu Ngự Kiều, Phanh Kiều. Bên trái vườn có gò đất bằng phẳng, là nơi vua hồi nhỏ phất cờ bông lau tập trận.

Bến đò Mô

Ở xã Yên Mô huyện Yên Mô. Sử nhà Trần chép vua Giản Định Đế lên ngôi tại bến đò Mô thuộc châu Trường An, chính là chỗ này. Bến cũ nay đã bị cát lấp thành đồng ruộng.

Cảng Lẫm

Tức sông Thần Phù. Hồ Quí Li tránh quân Minh ra ở tại xã Quảng Công phía tây dòng sông, rồi chở đá lấp sông để ngăn chặn thuyền quân Minh. Ngày nay hai bên bờ sông cũng như dưới đáy sông vẫn còn di tích những tảng đá chất đống.

ĐỀN MIẾU

Miếu Đinh Tiên Hoàng

Miếu ở chân núi Triều Sơn thuộc xã Trường An Thượng huyện Gia Viễn.

Miếu Lê Đại Hành Hoàng đế

Miếu ở chân núi Đại Vân thuộc xã Trường An Hạ huyện Gia Viễn.

Miếu Trần Văn Tông

Ở hai địa phương là tổng Vũ Lâm huyện Yên Khánh và xã Trường Khê huyện Yên Mô đều có đền thờ.

Miếu Trần Giản Định, Miếu Trần Trùng Quang

Do thôn La Phù xã Bồ Châu huyện Yên Mô thờ phụng. Tương truyền lăng tẩm của hai vị cũng ở tại thôn này.

Miếu Triệu Việt Vương

Các địa phương thuộc huyện Yên Khánh, Tiên Hưng[47], Yên Mô đều có miếu thờ.

Đền Áp Lăng Chân nhân

Đền ở thôn Nhân Phẩm huyện Yên Mô. Dân cả tổng cùng thờ

---

[47] Nguyên văn chép là "Quang Hưng".

chung đền này. Thân họ La, tên Viện, tu hành đắc đạo từ khi còn trẻ. Khi vua Hùng Vương đi đánh giặc phương nam đi qua cửa biển gặp sóng gió ngăn trở suốt hơn một tháng ròng. Vua thực hành trai giới rồi sai Viện ngồi thuyền đi phía trước, đi đến đâu sóng yên đến đấy, nhờ vậy thuyền của vua mới đi được thuận lợi. Trở về giữa đường thì Viện qua đời. Vua xuống chiếu phong cho là Áp Lăng Chân nhân, dựng đền thờ ở phía nam cửa biển Thần Phù.

Đền Cao Sơn Đại vương

Đền ở huyện Phụng Hóa. Thần là một trong 50 người con theo mẹ lên núi của Lạc Long Quân. Vào thời Lê, quân triều đình theo đường thượng đạo đi qua chỗ này, thấy địa hình núi gò san sát trải trên một vùng rộng, có một đầm nước gọi là Lâm Uyên nước trong tĩnh lặng, ở đó thấy một ngôi đền, bên trong có một phiến đá khắc đề chữ "Cao Sơn Đại vương". Quan quân vào đền cầu khấn, thế rồi trận ấy quét sạch được quân giặc. Sau khi trở về đem sự việc tâu lên xin lập đền thờ phụng để biểu dương công đức của thần. Năm Hồng Đức thứ 2 (1471) triều đình sai soạn khắc bài văn bia.

Đền Trần Thái sư

Đền ở xã Trà Tu huyện Yên Mô, thờ người con trai thứ 6 của vua Trần Thái Tông tên là Nhật Duật rất giỏi trận mạc, từng mấy lần tham gia đánh bại quân Nguyên, được phong là Tá Thánh Thái sư Chiêu Văn vương.

Đền Trương Hán Siêu

Đền ở thôn Phúc Am huyện Yên Mô. Thần là Trương Hán Siêu, từng phụng sự 4 triều vua Trần là Anh Tông, Minh Tông, Hiến Tông và Dụ Tông, làm quan đến chức Tả Gián nghị Đại phu, Tham tri chính sự. Hồi chúa Chiêm Thành làm phản, ông chỉ huy

các đạo quân Thần Sách ra trấn giữ Mục Châu. Sau khi mất được tặng Thái phó.

Đền Lương Quận công

Đền ở xã Đàm Khánh huyện Yên Mô. Thần tên là Nguyễn Thể. Hồi nhà Mạc tiếm ngôi nhà Lê, nghe tin Triệu Tổ Hoàng đế triều ta dấy quân ở Thanh Hóa, ông là người đầu tiên đi theo phục vụ, lập được nhiều công lớn, giữ chức Đô đốc Lương Quận công. Đến hồi Phạm Hãng gây loạn, ông chỉ huy quân dân địa phương đánh dẹp được, trở thành một vị Trung hưng Công thần của nhà Lê. Sau khi ông mất được phong làm Phúc thần. Dân địa phương lập đền thờ phụng.

Đền thần An Quốc

Đền ở xã Đa Giá huyện Gia Viễn, thờ vị Thiên thần. Trên ngọn núi nhỏ ở phía sau đền có động, có tượng của thần đứng ở cửa động, tay cầm bảo kiếm, chân đạp lên rùa rắn. Dân cả tổng cùng thờ chung ở đền này.

Đền thần Đại Càn Nam Hải Tứ vị Thánh nương

Đền ở thôn Càn huyện Yên Mô. Sự tích xem ở phần tỉnh Nghệ An.

Đền Liễu Hạnh Công chúa

Đền ở xã Nhân Lí huyện Yên Mô. Sự tích xem ở phần tỉnh Nam Định.

LĂNG MỘ

Lăng Đinh Tiên Hoàng

Lăng trên đỉnh núi Mã Yên xã Trường [An] Thượng huyện Gia

Viễn. Vào năm Minh Mệnh thứ 21 (1840) triều ta tiến hành xây dựng tu sửa và dựng bia.

Lăng Lê Đại Hành Hoàng đế

Lăng ở chân núi phía bắc núi Hoàn Ỷ xã Trường An Hạ huyện Gia Viễn. Vào năm Minh Mệnh thứ 21 (1840) triều ta tiến hành xây dựng tu sửa và dựng bia.

CHÙA QUÁN

Chùa Động Sơn

Chùa nằm trên chân núi phía tây núi Động Sơn, ở bên trong tỉnh thành. Nhân vách núi mà dựng thành chùa, có tượng Tam thế Phật tạc khắc trên vách chùa.

Chùa cổ Linh Quang

Chùa trên núi Động Sơn. Động ở đây rộng rãi có thể trải chiếu ngồi. Trước chùa có cổng tam quan, bên ngoài lại có cửa bán nguyệt trông xuống dòng sông Tam Kì. Chùa nay đã bị phế bỏ.

Chùa Sơn Thủy

Chùa ở chân núi phía bắc núi Nga Kiều huyện Yên Khánh. Chùa nguyên ở trên núi Hộ Thành, nay đã di chuyển về đây, vẫn lấy tên chùa cũ. Có bia khắc 3 chữ "Sơn Thủy tự". Phía trước có hồ bán nguyệt, gần đó có tòa đình vuông. Giếng đá ở đây nước trong và ngọt. Năm Minh Mệnh thứ 2 (1821) vua xa giá bắc tuần đã mệnh lấy nước đó dâng lên cho vua dùng, vì thế nay gọi là Giếng Ngự. Cảnh sắc thiên nhiên kì diệu, là một thắng cảnh nổi tiếng của địa phương. Quan tỉnh thần là Tôn Thất Tịnh và Ngô Kim Lân kế tục nhau tu bổ sửa sang lại, trở thành 3 chùa Thượng, Trung, Hạ, xây đài Vân Tiêu trên đỉnh núi.

Chùa Cổ Am

Chùa ở phía tây động núi Nghiễm Sơn thuộc xã Địch Lộng huyện Gia Viễn, nhân núi mà làm thành chùa, phong cảnh tự nhiên. Năm Minh Mệnh thứ 2 (1821) vua xa giá bắc tuần có lên thăm chùa. Năm Minh Mệnh thứ 3 (1822) được triều đình ban cho 4 pho tượng Phật bằng đồng thếp vàng và 50 lạng bạc.

Chùa Bích Động

Chùa ở núi Bích Động xã Đam Khê huyện Yên Mô. Chùa có 3 ngôi, ở lưng chừng núi có 2 ngôi đều là nhân vách núi mà làm thành chùa. Một ngôi ở chân núi, có dùng nhân công sửa sang thêm, dựng vào thời Lê, nổi tiếng là một thắng cảnh.

Chùa Tam Động

Ở hai xã Phục Cổ và Hiền Quan huyện Yên Hóa. Tam động gồm động Ngọc Cao, động Quang Động và động Bạch Động. Vào năm Tự Đức nguyên niên (1848) dân địa phương xây 3 ngôi chùa, dựng bia ghi chép. Cũng là một danh lam trong huyện.

TỈNH HÀ NỘI

CỔ TÍCH

Phế thành Long Biên

Tương truyền là trị sở của quận Đông Hán phủ Giao Châu. Thời Hán trị sở quận tại Luy Lâu, thời Hậu Hán đặt tại Long Biên. Năm Hoàng Vũ thứ 6 nhà Tôn Ngô, Giao Châu cũng theo sự cai trị từ Phiên Ngung. Các đời Tấn, Tống sau đó cũng theo như thế. Theo sách *Thủy kinh chú*, năm Kiến An thứ 23 nhà Hán, khi bắt đầu xây thành có giao long cuộn vây nằm ở hai bờ nam và bắc, nhân đó đổi Bàn Uyên thành Long Biên.

Phế thành Ô Diên

Thành ở huyện Từ Liêm. Hồi xưa khi Hậu Lí Nam đế giảng hòa với Triệu Việt vương đã dời về đây ở. Về sau Triệu vương Quang Phục kế thừa ngôi báu cũng đóng đô ở đất ấy. Năm Vũ Đức thứ 4 đời nhà Đường nhân theo tên cũ mà đặt ra huyện Ô Diên, ngày nay là địa phận xã Hạ Mỗ, ở đó vẫn còn đền thờ Nhã Lang.

Phế thành Đỗ Sứ quân, Thành Đấu đong quân Ngô

Thành ở nơi giáp ranh hai xã Bảo Đà và Ninh Dương huyện Thanh Oai, rộng chừng hơn 7 mẫu. Sách *Dư địa chí* chép: Sứ quân Đỗ Cảnh Thạc chiếm cứ vùng Đỗ Động, đắp đất làm thành. Đến cuối đời Hồ, giặc Minh sang xâm lược, mắc bệnh dịch chết rất nhiều, phải đắp đất tạo ngôi thành làm cái đấu đong đếm số lượng

binh lính. Căn cứ vào ghi chép đó thì có hai ngôi thành, mà nay chỉ thấy có một di chỉ còn sót lại. Phải chăng là thành này do Sứ quân đắp nên, quân Minh nhân lấy thành đó dùng để đong quân, sự thật cũng khó mà biết được.

Lũy cổ Mi Dương

Lũy ở xã Mi Dương huyện Thanh Oai, gọi là Lỗi Dương. Đất ở đây giáp bờ sông, trên bờ có bãi thoáng rộng, tương truyền lũy do nhà Mạc xây dựng, nay vẫn còn. Quãng từ Mi Dương đến Nga Mi cỏ lác rậm rạp nhưng cây cối thưa thớt, đó chính là chỗ lũy xưa vậy.

Đàn Nam Giao cổ đời Lí

Đàn ở huyện Thọ Xương, phía nam tỉnh thành, được xây dựng từ thời nhà Lí để dùng làm nơi tế tự. Di chỉ nay vẫn còn.

Đàn Xã Tắc cổ đời Lí

Đàn ở huyện Vĩnh Thuận, phía nam tỉnh thành, xây dựng từ năm Thiên Cảm Thánh Vũ thứ 5 (1048), các triều đại sau đó đều nhân đó sử dụng. Di chỉ nay vẫn còn ở thôn Thịnh Hào.

Đàn Tiên Nông, đài Quan Canh (xem cày ruộng) đời Lê

Đàn ở huyện Thanh Trì, Thuần Hoàng đế nhà Lê xây dựng, nay thuộc địa phận xã Bạch Mai huyện Thọ Xương vẫn còn di chỉ.

Xứ Diễn Võ

Ở phía tây nam huyện Đông Quan bên ngoài thành Giao Châu, chu vi khoảng 12 dặm, bên trong có đàn Tướng. Phía bắc đàn là đình Diễn Võ, gồm 3 gian. Bên ngoài đình cách độ hơn 10 trượng có tòa thành đất dài khoảng 50 dặm, bên trong có 12 dinh Tổng binh, mỗi dinh đều mở 4 cửa thông ra bên ngoài. Các dinh

đều do Trương Phụ dựng ra. Nơi ấy nay là trại Giảng Võ thuộc huyện Vĩnh Thuận[48].

Kho cổ Đặng Xá

Kho ở huyện Kim Bảng. Vào thời Lê, ở xã Đặng Xá có người đàn bà tên là Thị Đình, nhà giàu có, cung tiến cho triều đình hàng nghìn mẫu ruộng. Vua Lê sai lập hẳn một cái kho để thu tô về cất trữ tại đó. Dân gọi là kho Thị Đình. Di chỉ nay vẫn còn.

Lớp học cổ Hoàng Cung

Tại huyện Thanh Trì, nơi nhà Nho vĩ đại thời Trần Chu Văn Trinh xây nhà mở lớp dạy học. Dân bản huyện nhân lấy di chỉ cũ lập thành đền thờ ông. Gò đất lớn hiện ở xã Hoàng Cung chính là chỗ ấy.

Bến cổ Chương Dương

Bến ở huyện Thượng Phúc, nguyên là thực ấp của Dương Tam Kha được Ngô Xương Văn ban cho, nằm đối diện với xã Đông Hàm Tử của tỉnh Hưng Yên. Đây là nơi Trần Nhật Duật đại phá quân của Nguyên soái Toa Đô nhà Nguyên.

Bãi Quân Thần

Bãi thuộc huyện Từ Liêm, nơi ngày xưa Hậu Lí Nam đế giảng hòa phân chia địa giới với Triệu Quang Phục, nay là đất hai xã Thượng Cát và Hạ Cát.

Ninh Kiều

Ngày trước khi Vương Thông nhà Minh đánh sang, bị các viên tướng của Lê Lợi là Lê Triện, Lê Bí bố trí quân mai phục ở Ninh Kiều đánh cho đại bại. Nơi ấy nay là Bùi Giang huyện Chương Đức.

---

[48] Nguyên văn chép nhầm là "huyện Vĩnh Lại".

Thành nhà Hồ

Thành ở hai xã Kiện Khê và Vũ Xá huyện Thanh Liêm. Nơi đây bốn bề là núi vách đá dựng đứng, khoảng trống bằng phẳng ở giữa rộng khoảng 70, 80 mẫu. Ở đây có một nền đất tương truyền là di chỉ thành cổ của nhà Hồ.

NÚI

Núi Hương Tích

Núi ở phía nam huyện Hoài An, trên có chùa Thiên Trù. Cửa chùa có động, trước động có hai cây cầu ở hai bên. Trống chuông đồng treo ngay ở trên vách đá cửa động. Có 5 chữ đại tự "Thiên Nam đệ nhất động" được khắc vào thời nhà Lê.

Núi Tuyết Sơn

Núi ở phía nam huyện Hoài An. Hồi trước vào đời Lê, nhà vua thường lên núi du ngoạn, khắc lên đá 3 chữ đại tự "Bạch Tuyết môn", nay vẫn còn. Cạnh núi có hành cung, gọi là di chỉ Bảo Đài. Bên trên là động có khắc 3 chữ đại tự "Ngọc Long động".

Núi Long Đọi

Núi ở huyện Duy Tiên, nơi vua Lê Đại Hành cày ruộng tịch điền hồi trước. Vua Lí Thái Tông cho xây chùa và tháp Diên Linh, có tấm bia ghi chép lại sự việc, mặt sau bia khắc bài thơ ngự chế của vua Lê Thánh Tông. Bia nay vẫn còn.

ĐỀN MIẾU

Miếu Đinh Tiên Hoàng

Tại hai xã Ninh Thái, Ứng Liêm huyện Thanh Liêm và xã Thường Vệ huyện Hoài An đều có miếu thờ ông.

Miếu Lê Đại Hành Hoàng đế

Tại hai xã Ninh Thái, Ứng Liêm huyện Thanh Liêm và xã Tả Thanh Oai huyện Thanh Oai đều có miếu thờ ông.

Miếu Lí Thánh Tông Hoàng đế

Miếu ở thôn Chuyết Lưu xã Đông Lỗ huyện Sơn Minh.

Miếu Triệu Việt vương

Miếu ở xã An Trạch huyện Nam Xương. Vương họ Triệu, hiệu là Quang Phục, người Chu Diên, là Tả tướng quân cho Tiền Lí Nam đế. Khi quân nhà Lương sang xâm lược, vua sai Vương đi đánh giặc. Vương dẫn quân vào trong đầm, chém chết tướng giặc Dương Sàn, dẹp được giặc Lương, tự lập lên ngôi, xưng là Nam Việt vương. Hồi đầu đóng đô ở Long Biên, sau dời đến Vũ Ninh. Các triều đại về sau đều ban sắc phong tặng.

Đền Phùng Vương

Đền ở phường Thịnh Quang huyện Vĩnh Thuận[49]. Vương họ Phùng, tên Hưng, người Đường Lâm. Sự tích xem ở phần tỉnh Sơn Tây.

Đền Lí Ông Trọng

Đền ở xã Thụy Hương huyện Từ Liêm. Thần là người xã này, làm quan Tư lệ nhà Tần. Vua Tần Thủy Hoàng sai ông đem quân ra trấn giữ Lâm Thao, uy danh của ông chấn động cả giặc Hung Nô. Tuổi già về hưu vui cảnh điền viên rồi mất. Tần Thủy Hoàng cho ông thuộc hàng dị nhân, đúc pho tượng ông bằng đồng đem đặt tại cổng Tư Mã ở Hàm Dương. Quân Hung Nô ngỡ ngàng Hiệu úy vẫn còn sống nên không dám mon men vào xâm phạm. Vào

---

[49] Nguyên văn chép nhầm là "huyện Vĩnh Lại".

đời Đường, Triệu Cao làm Đô hộ Giao Châu, ban đêm thường nằm mộng được cùng ông đàm đạo về kinh *Xuân Thu, Tả truyện*, bèn nhân nhà ở của ông lập thành đền để tế lễ phụng thờ. Đến thời Cao Biền đi đánh Nam Chiếu, thường được ông hiển linh trợ giúp thắng trận. Cao Biền trùng tu lại đền, khắc gỗ tạc tượng ông, gọi là đền Lí Hiệu úy. Các triều trước và triều ta đã nhiều lần ban sắc gia phong.

Đền Sóc Thiên vương

Đền ở xã Minh Tảo huyện Từ Liêm. Thần hiệu là Tì Sa Thiên vương. Vào niên hiệu Thiên Phúc nhà [Tiền] Lê, Thái sư Khuông Việt từng nằm mộng thấy thần, bèn khắc tượng của ngài, dựng đền ở núi Vệ linh thuộc hương Bình Lỗ để thờ. Đến hồi quân Tống sang xâm lăng, vua Lê sai người tới miếu cầu đảo, chốc lát chợt thấy một người rũ tóc trợn mắt từ dưới sóng nước hiện lên, khiến quân Tống sợ hãi mà tự tan vỡ. Vua bèn sai lập thêm đền thờ thần. Đến thời Lí phong cho thần là Thượng đẳng thần. Các triều sau đó cũng nhiều lần ban sắc phong tặng.

Đền Uy Linh Thủy thần

Đền ở phường Yên Phụ huyện Vĩnh Thuận. Tương truyền thần và các đệ tử của mình phân chia nhau làm các thần cai quản các địa phương Nhật Chiêu, Quảng Bố, Tây Hồ, Yên Phụ, nhờ vậy chấm dứt được mọi tai nạn về đường nước trên sông Nhị Hà và vùng Hồ Tây, trong đó ân huệ của thần là cao nhất. Từ đó hàng năm đền được cấp 30 quan tiền dùng cho việc tế tự.

Đền Sơn thần Đồng Cổ

Đền trên bên sông Tô Lịch, thuộc địa phận thôn Yên Thái Đông huyện Vĩnh Thuận. Sự tích xem ở phần tỉnh Thanh Hóa.

Đền thần Chiêu Ứng

Đền ở phường Yên Thái huyện Vĩnh Thuận. Tương truyền vua Lí Nhân Tông mắc bệnh đau mắt. Mời nhà sư đến bói, nói rằng đó là bởi "Thủy Kiền tuất" bắn vào La Thành gây nên. Bấy giờ có người tên là Vũ Phục cùng với vợ, hai người đều tình nguyện xả thân nhảy xuống chỗ hợp lưu của hai con sông Tô Lịch và Thiên Phù để yểm thủy hoạn. Vua liền khỏi bệnh, bèn lập đền thờ, phong là Chiêu Ứng Tôn thần.

Đền thần Linh Lang

Đền ở trại Thủ Lệ huyện Vĩnh Thuận. Tương truyền thần là con trai của vua Lí Thái Tông, hiển linh hóa thành rồng ở đây. Người đời sau dựng đền thờ phụng.

Đền Bạch Mã

Đền ở phường Hà Khẩu huyện Thọ Xương. Tương truyền vào niên hiệu Hàm Thông nhà Đường, Cao Biền đắp thành Đại La. Một hôm đang đi chơi ở Cửa Đông bất chợt có mây mù kéo tới đen trời, rồi thấy có một dị nhân mặc áo màu, tay cầm thẻ vàng, cưỡi trên con rồng nhỏ màu đỏ đang đi tiêu dao trong mây. Cao Biền kinh hãi, định yểm. Đêm đó mộng thấy thần về bảo rằng: Ta là thần Long Đỗ, hay tin ông đang đắp thành nên đến thăm, cớ sao lại ghét ta? Cao Biền bèn lập ngôi đền ngay tại chỗ ấy để thờ thần, phong là thần Long Đỗ. Về sau Lí Thái Tổ phong cho là thần Thành hoàng của thành Thăng Long. Các triều về sau cũng theo như thế mà phong là Quảng Lợi Bạch Mã Tối linh Thượng đẳng thần.

Đền Cao Sơn

Đền ở phường Kim Liên huyện Thọ Xương. Thần là một trong 50 người con của Lạc Long Quân đi theo mẹ lên núi, chính là vị thần núi

thứ hai bên tả thờ tại đền Tản Viên. Thời Lê, vua Tương Dực đem quân đi đánh giặc thắng trận trở về lập đàn ở Thăng Long để lễ tạ, rồi nhân chỗ ấy dựng thành đền thờ phụng. Đền có bia đá khắc bài văn bia, nay vẫn còn.

Đền Quí Minh

Đền ở phường Đông Hà huyện Thọ Xương. Thần là một trong 50 người con của Lạc Long Quân đi theo mẹ lên núi, là vị thần núi thứ ba bên hữu thờ tại đền Tản Viên.

Đền Phạm Thái úy

Đền ở thôn Ngự Sử huyện Thọ Xương. Thần là Phạm Cự Lạng, làm quan Thái úy dưới triều vua Lê Đại Hành. Vào thời Lí Thái Tông, phủ Đô hộ tồn đọng nhiều nghi án, các quan không giải quyết nổi. Đang đêm vua mộng thấy một sứ giả áo đỏ đến báo Thượng đế có sắc chỉ ban cho Phạm Cự Lạng làm Ngục chủ phủ Đô hộ An Nam. Tỉnh giấc, vua liền cho lập đền ở phía tây Kinh thành, phong cho thần làm Ngục chủ.

Đền Trung Liệt

Đền ở thôn Cổ Tân huyện Thọ Xương, được xây dựng từ thời Chính Hòa nhà Lê, thờ Quan Thánh Đế quân, phối thờ Quan Bình và Chu Thương, và các vị Công thần hi sinh vì nước vào thời kì đầu triều Lê.

Đền Ngọc Sơn

Đền nằm trên đảo đất trong hồ Tả [Vọng] huyện Thọ Xương. Đền có hai tòa, tòa phía sau thờ Quan Thánh Đế quân, tòa phía trước thờ Văn Xương Đế quân. Có bia ghi chép.

Đền Hỏa Thần

Đền ở thôn Yên Nội huyện Thọ Xương, do tỉnh thần tấu xin xây

dựng vào niên hiệu Minh Mệnh, thờ thần vị Ngũ Hiển Hoa Quang Tôn thần. Đền được trùng tu vào năm Thiệu Trị nguyên niên (1841).

Đền thần Hữu Vĩnh

Đền ở xã Hữu Vĩnh huyện Hoài An. Tương truyền thần húy Quảng Xung, là con trai của Kinh Dương vương, được triều Lê phong làm An Nam Thượng đẳng thần.

Đền Chu Văn Trinh

Đền ở xã Cung Hoàng huyện Thanh Trì. Ông tên là Chu Văn An, tính cương trực, sống thanh bạch, không theo đòi lợi danh, tinh thông kinh sách, dạy dỗ nhiều người được thành đạt. Vua Trần Minh Tông mời vào triều giữ chức Quốc Tử giám Tư nghiệp, dạy Thái tử học tập kinh sách. Đến thời vua Dụ Tông lơ là chính sự, quần thần nhiều kẻ vi phạm phép nước. Ông viết tờ sớ xin chém đầu 7 kẻ nịnh thần. Sớ dâng lên rồi nhưng không thấy hồi âm, ông liền treo mũ từ quan về làng. Sau khi ông mất được ban thụy là Văn Trinh, được lập đền thờ phụng.

Đền Trưng Vương

Đền ở xã Hương Viên huyện Thọ Xương. Tương truyền Trưng Vương tự vẫn ở sông Nhị Hà, sau hóa thành hai pho tượng ngồi ở giữa dòng nước phát ra ánh lửa hào quang. Năm Đại Định thứ 2 (1141) đời Lí Anh Tông xây dựng ngôi đền ở bờ sông để thờ phụng.

Đền thần núi Tản Viên

Đền ở xã Phúc Am huyện Thanh Trì. Sự tích xem ở phần tỉnh Sơn Tây.

Đền thần Bổ Đầu

Đền ở xã Bộ Đầu huyện Thượng Phúc. Thần người xã Bộ Đầu,

Tương truyền mẹ của thần bị giao long làm bị thương, thần liền lấy chân đạp chết giao long, rồi tự nhiên biến mất. Dân trong làng dựng đền thờ. Đến thời Lê sơ, đền được trùng tu, tạc tượng thần để thờ phụng.

Đền thần Đông Hải họ Nguyễn

Đền ở xã Mộc Phàm huyện Phú Xuyên. Sự tích xem ở phần tỉnh Hải Dương.

Đền Sĩ Vương

Đền ở xã Giá Cầu huyện Phú Xuyên. Sự tích xem ở phần tỉnh Bắc Ninh.

Đền Lê Văn Trinh

Đền ở xã Mộc Phàm huyện Phú Xuyên. Thần họ Lê, tên là Trọng Thứ, đỗ Tiến sĩ triều Lê, làm quan giữ chức Hình bộ Thượng thư. Hôm về hưu đi qua xã Mộc Phàm, thì có người dân xã kể rằng, vào đêm hôm trước được báo mộng rằng sẽ có vị thần bản thổ đi đến bờ sông của làng. Dân xã liền bày nghi lễ sẵn rước ông vào đền của làng đón tiếp. Sau khi ông mất được dân làng lập đền thờ phụng.

Đền thần Trung Thành

Đền ở xã Đa Chất huyện Phú Xuyên. Tương truyền thần là thủy thần ở ngã ba sông Bạch Hạc. Vua Lí Thái Tông sắc phong cho hai chữ "Trung Thành". Ngày nay dân các xã Bất Náo, Đường Xuyên, Lương Xá, Thần Qui, Yên Khoái, Văn Trai huyện Phú Xuyên và xã Đông Lỗ, Thanh Hội huyện Sơn Minh đều có đền thờ thần.

Đền thần Quảng Bác

Đền ở xã Thịnh Đức huyện Phú Xuyên. Tương truyền thần là thủy thần ở ngã ba sông Sa Giang. Vua Lê Thần Tông sai quan đem

quân đi đánh giặc, được thần hiển linh phù trợ. Thắng trận trở về dựng đền thờ phụng. Các triều đều tặng sắc gia phong.

Đền Nguyệt Nga Thần nữ

Đền ở xã Hương Lâm huyện Phú Xuyên. Người đời truyền nhau rằng, thần là tiên trên trời hiển linh ở bến sông Ngã ba Tam Giang, nhân đó lập đền thờ phụng. Vua Lê Thánh Tông đi tuần qua đây bất chợt gặp gió to sóng lớn. Vua cầu đảo thần, sóng gió bèn lặng. Vua phong cho là Thượng đẳng thần. Các triều đều tặng sắc gia phong.

Đền Mị Ê Phu nhân

Đền ở hai xã Lị Nhân và Lam Cầu huyện Nam Xương. Phu nhân là cung phi của chúa nước Chiêm Thành Xạ Đẩu. Vua Lí Thái Tông đi đánh Chiêm Thành, giết chết Xạ Đẩu. Phu nhân thủ tiết nhảy xuống biển tự vẫn. Vua Lí phong cho là Hiệp chính Hựu thiện Phu nhân. Về sau, dân lập đền trên bờ thờ phụng. Các triều đại đều ban tặng sắc gia phong.

Miếu Tiền Lí Nam đế

Miếu ở xã Kim Thìa huyện Đan Phượng. Vua họ Lí, người Long Hưng phủ Thái Bình. Sự tích xem ở phần tỉnh Nam Định.

LĂNG MỘ

Lăng Lê Chiêu Tông

Lăng ở xã Quỳnh Đô huyện Thanh Trì, được trùng tu và dựng bia vào năm Minh Mệnh thứ 21 (1840).

Mộ tổ Lê Đại Hành

Mộ ở bên cạnh miếu tại xã Ninh Thái huyện Thanh Liêm.

Mộ Lí Ông Trọng

Mộ ở xã Thụy Hương huyện Từ Liêm.

CHÙA QUÁN

Lầu Tĩnh Bắc

Lầu ở bên trong cửa Bắc Kinh thành. Năm Minh Mệnh thứ 2 (1821) khi nhà vua xa giá bắc tuần đã sai xây ngôi lầu bằng gạch ngói. Tầng trên lầu giữa thờ Huyền Thiên Chân Vũ Đại đế, bên trái thờ Phật Già Lam, bên phải thờ Ngô Đạo Tử, đặt tên là lầu Tĩnh Bắc.

Chùa Hoằng Ân

Chùa ở phường Quảng Bố huyện Vĩnh Thuận, do Công chúa Ngọc Tú xây dựng vào năm Vĩnh Tộ thứ 10 (1628). Nguyên tên chùa là Long Ân tự, năm Minh Mệnh thứ 2 (1821) đổi thành Sùng Ân tự, đến năm Thiệu Trị nguyên niên (1841) mới đổi lại thành tên gọi ngày nay.

Chùa Trấn Bắc

Nguyên tên chùa là Trấn Quốc, ở phường Yên Phụ phía đông hồ Tây, được xây dựng từ niên hiệu Hoằng Định triều Lê, qui mô rất rộng rãi. Trạng nguyên Nguyễn Xuân Chính có soạn bài kí khắc bia, nay vẫn còn. Vào năm Thiệu Trị được ban biển ngạch đổi tên thành Trấn Bắc tự.

Chùa Nhất Trụ (Một Cột)

Chùa ở thôn Thanh Bảo. Đất chùa có một cái hồ vuông, trong hồ xây một cột trụ bằng đá cao khoảng 1 trượng, vòng thân tròn cỡ 9 thước, đỉnh cột dựng tòa Phật tự lợp ngói, trông như hình bông hoa sen từ dưới nước ngoi lên. Sử chép rằng, vua Lí Thái Tông nằm mộng

được gặp Phật Quan Âm dắt lên đài hoa sen. Tỉnh giấc kể lại với quần thần, cho là điềm tốt lành. Nhà sư Thiền Tuệ khuyên vua dựng cây cột đá, bên trên xây đài sen của Phật Quan Âm giống như đã thấy trong giấc mộng, rồi vời các nhà sư đi vòng xung quanh tụng kinh cầu kéo dài tuổi thọ. Vì thế đặt tên chùa là Diên Hựu tự. Năm Long Phù Nguyên Hóa thứ 5 (1105) đời Lí Nhân Tông trùng tu chùa, xây tháp Bạch Manh (chỏm trắng), đào ao sen Linh Chiểu, xây hành lang bao quanh bên ngoài. Bên ngoài nữa lại đào ao Bích Trì, bắc cầu để thông vào chùa, phía trước xây bảo tháp. Lại đúc một quả chuông lớn, nhưng đúc xong gõ không kêu, bèn đem để ở ruộng Qui Điền bên cạnh chùa. Đầu thời Lê sơ, tướng Minh Vương Thông chiếm cứ thành Đông Quan, bị vua Lê Thái Tổ vây hãm ở trong thành, khi giới cạn kiệt, đem phá hủy quả chuông ấy làm đạn pháo.

Chùa Địa Linh

Chùa được xây dựng vào năm Vĩnh Tộ thứ 4 (1622) ở Hồ Tây.

Chùa Chiêu Thiền

Chùa ở trại Yên Lãng[50], là nơi tu luyện của nhà sư Từ Đạo Hạnh. Trong chùa có thờ tượng Từ Đạo Hạnh và vua Lí Thần Tông. Chùa có một cái hòm gỗ chứa những lá đồng có viết chữ Phạn, đó là di tích của nhà sư.

Chùa Dục Khánh

Chùa ở thôn Huy Văn huyện Thọ Xương. Tương truyền Quang Thục Hoàng hậu nhà Lê đã sinh ra vua Thánh Tông tại đây. Về sau nhân chỗ ấy dựng thành chùa. Bên phải chùa có điện Huy Văn thờ Quang Thục Hoàng hậu. Năm Tự Đức thứ 18 (1865) quan tỉnh Hà

---

[50] Nguyên văn chép "trại Lãng Yên".

Nội trùng tu. Bên ngoài là 3 gian điện thánh, mái hiên nhiều tầng xếp chồng lên nhau. Bên trong là tòa thờ Phật, bao quanh bởi hành lang, mỗi chiều 5 gian. Chùa có bia ghi chép.

Chùa Khán Sơn

Chùa trên núi Khán Sơn, tu sửa vào thời Hồng Đức nhà Lê. Ở gian chính điện thờ chân dung vua Lê Thánh Tông. Thời Tây Sơn dỡ bỏ chùa này. Sư chùa dời đi xây lại ở chùa Chúc Khánh. Vào niên hiệu Tự Đức, quan tỉnh là Lê Hữu Thanh tiến hành trùng tu.

Chùa Báo Thiên

Chùa do Lí Thánh Tông xây dựng ở thôn Tiên Thị, ngày xưa gọi là phường Báo Thiên, lại cho xây tòa bảo tháp Đại Thắng Tư Thiên cao vài chục trượng, qui mô 12 tầng, phát kho 1 vạn 2 nghìn cân đồng đúc thành quả chuông lớn. Trải hai thời kì loạn lạc thời Nhuận Hồ và Tây Sơn nên ngày nay chùa đã bị đổ nát hủy hoại hết.

Chùa Phúc Tiên

Chùa ở thôn Thanh Miến, tên cũ là Ngọc Hồ tự. Tương truyền vua Lê Thánh Tông du ngoạn đến chùa gặp người đẹp ở gác chuông, cùng lên lầu xướng họa, xong mệnh cho đi theo hầu xa giá về cung. Trở về đến cổng Đại Hưng, người đẹp bỗng bay lên trên không đi mất. Vua biết là tiên, bèn dựng tòa lầu ở bên ngoài cổng điện ngóng theo, gọi là lầu Vọng Tiên. Về sau trở thành chùa Tiên Phúc.

Chùa Quán Sứ

Chùa ở thôn Yên Tập. Hồi đầu triều Lê, sứ giả các nước chư hầu như Chiêm Thành, Vạn Tượng, Nam Chưởng sang nộp cống đều lưu trú tại đây. Vì những nước này đều chuộng đạo Phật nên dựng thành chùa để cho họ ở lại, vì thế có tên gọi là chùa Quán Sứ.

Chùa Liên Trì

Chùa ở thôn Cựu Lâu, nơi đặt lầu Ngũ Long triều Lê ngày xưa. Từ cổng Tuyên Vũ của Đô phủ đi cắt ngang hồ Thủy Quân có xây cầu đá để qua lại, về sau bị quân Tây Sơn phá hoại. Đến năm Thiệu Trị thứ 6 (1846) Tổng đốc Nguyễn Đăng Giai dựng lại chùa, gồm 36 tòa lớn nhỏ, cộng 180 gian, chùa rất hoành tráng mĩ lệ, khắp nơi trồng đầy hoa sen, nên có tên Liên Trì tự. Ngày nay trở thành trụ sở của quí quan [Pháp], các gian chùa đều bị dỡ bỏ.

Chùa Hương Tích

Chùa ở núi Hương Tích huyện Hoài An. Tương truyền Quan Thế Âm Bồ tát bay tới phương nam đã trụ trì tại đây. Trong chùa tượng Phật trang nghiêm, đèn nhang không dứt. Chùa nhờ có núi nên rất đẹp, thuộc hàng đệ nhất của Hà Thành.

Chùa Tuyết Sơn

Chùa ở trên núi Tuyết Sơn phía nam huyện Hoài An. Chùa có tượng Phật bằng đá, trống đồng, chuông đồng, vị trí vẫn y nguyên ngày xưa. Cây cổ thụ um tùm, đỉnh núi nhấp nhô, thấp thoáng bóng thuyền qua lại ở dưới khe suối, văng vẳng tiếng hát thuyền chài mang lại cho du khách cảm giác về một vùng mịt mờ sương khói.

Chùa Thắng Lãm núi Vân Mộng

Chùa ở trên núi Bát Cảnh Sơn thuộc huyện Kim Bảng. Nay thuộc về tỉnh Hà Nam.

Chùa Bồ Tát

Chùa ở xã Quang Trác huyện Hoài An. Tục gọi là Chùa Ông. Ông cụ là người Bối Khê đã xây dựng nên chùa này. Dân địa phương thường đến chùa cầu tự, rất linh nghiệm. Vào triều Lê vua đã lên chùa

ban cho biển ngạch, đề chữ "Bảo Ngã Tử Tôn" (nghĩa là: Hãy che chở cho con cháu ta), nay vẫn còn.

Chùa Pháp Vân

Chùa ở xã Châu Cầu, chùa có cây cột bằng gỗ quế vân hoa, đóng mộng rất kiên cố. Phía trước chùa có đầm nước, tương truyền loài thủy tộc dâng nước lên định lấy cây gỗ quế vân hoa nhưng không được mới tạo thành đầm. Chùa cầu đảo rất linh nghiệm.

Chùa Cao Sơn

Chùa ở xã Vĩnh Lãng huyện Chương Đức. Ở đây có một quả núi cao chót vót, chỗ lưng chừng núi uốn cong như hình cái ghế tựa, chùa dựng ở trong chỗ ấy, rất đông người đến cầu cúng.

Chùa Y Đới (Dải Áo)

Chùa ở xã Đãng Ngạn huyện Chương Đức. Tương truyền chùa rất thiêng, người đến cầu tự đều được ứng nghiệm. Dân Bắc Kì xưa có phong tục mặc vận bắt chéo cổ áo. Khi đi cầu tự thì cắt một dải áo treo vào cổng chùa. Nếu mặc áo cổ tròn thì cắt một dải giấy kim tuyến đính treo vào đấy.

Chùa Đại Bi

Chùa ở hai xã Bối Khê và Thanh Khê huyện Thanh Oai, thờ vị Bồ tát Chân nhân. Tương truyền Chân nhân họ Nguyễn, hiệu là Bình An, người xã Bối Khê, từ nhỏ đã xuất gia trụ trì làng. Khi trưởng thành đi trụ trì chùa Quảng Nghiêm ở Sơn Tây, rồi lại trở về xây dựng chùa Đại Bi. Sau khi ông mất được dân hai xã tô tượng thờ phụng.

Chùa Long Hưng

Chùa ở các xã Đông Phù Liệt, Đông Trạch huyện Thanh Trì. Tương truyền thời Lí có hai vị Công chúa tới qui y ở chùa này. Vua Lí

tức giận đốt cháy chùa, hai Công chúa bỏ trốn đến chùa Hưng Phúc ở xã Động Trúc cùng tổng. Vua biết hai người thật lòng qui theo đạo Phật, bèn cho dựng lại ngôi chùa cũ cho họ về ở, ban cấp cho 300 mẫu ruộng hương hỏa và 1 mẫu ruộng để xây phần mộ. Đến tháng 3 năm Hội Phong thứ 4 (1095), hai Công chúa cùng hai tỳ nữ cùng vào trong hầm mộ mà qua đời. Về sau hàng năm cứ vào ngày tháng ấy thường có mây từ phía đông kéo tới, gió to sấm sét nổi lên. Đến lúc tạnh thấy trên mộ có dấu vết lưu lại trên đám cỏ như hình rồng. Dân chúng tưởng nhớ hai vị liền tô tượng thờ phụng.

Chùa Phật Tích

Chùa ở núi Cẩm Long xã Động Châu huyện Thanh Liêm, xây dựng vào niên hiệu Chính Hòa triều Lê. Cột chùa đều là cột vuông. Vì đá trên đỉnh núi có hình dáng giống Phật nên đặt tên chùa là Phật Tích. Nay đổi sang thuộc tỉnh Hà Nam.

Chùa Đôi Hồi

Chùa ở xã Thu Quế huyện Đan Phượng. Bên trong thờ Phật, bên ngoài thờ thần Tam phủ. Tương truyền vua Trần đi tuần thăm các địa phương đã dừng xa giá nghỉ lại ở đây, nên tục gọi là chùa Đình Giá. Trên trán các tấm bia ở chùa đều khắc những chữ ghi "Đôi Hồi tự" với "Đình Giá xứ". Chùa trùng tu vào niên hiệu Chính Hòa triều Lê. Những tấm bia nay vẫn còn.

Quán Chân Vũ

Quán ở phường Thụy Chương huyện Vĩnh Thuận, thờ Trấn Thiên Chân Vũ Đại đế. Quán được dựng vào niên hiệu Vĩnh Trị, đến thời Chính Hòa trùng tu gác chuông, đúc tượng đồng cao 8 thước 2 tấc, chu vi 8 thước 7 tấc, nặng 6600 cân, tay phải cầm kiếm chống lên mai rùa, có rắn cuốn ở trên lưng. Thần rất linh thiêng. Đặng Công Chất soạn bài kí khắc

vào bia. Quán nguyên có tên là Trấn Vũ quán. Năm Minh Mệnh thứ 2 (1821) triều ta vua ngự giá bắc tuần ban cho 52 lạng bạc. Năm Minh Mệnh thứ 21 (1840) đổi thành tên gọi ngày nay là quán Chân Vũ, sai quan đến làm lễ tế, ban cho thần một chiếc áo lụa tơ màu vàng, lại ban cho một tấm biển đồng khắc bài thơ ngự chế, một đôi câu đối thêu trên gấm. Tương truyền vào thời vua An Dương vương có con yêu tinh gà trắng cùng với ma quỉ thường ẩn hiện ở núi Thất Diệu. Thần liền hiển linh trên núi Xuân Lôi diệt trừ hết loài yêu quái. An Dương vương lập đền thờ ngài ở Cửa Bắc Kinh thành. Vào niên hiệu Vĩnh Lạc đời vua Minh Thành Tổ có giặc Hoàng Mao làm phản, đánh quân nhà Minh thua chạy tan tác. Bất chợt từ trên không xuất hiện thần nhân tay khua kiếm huy động gió bão sấm sét đánh giết giặc Hoàng Mao. Vua Thành Tổ biện lễ tế thần. Trương Thiên Sư bảo đó là thần Bắc Phương Chân Vũ. Bèn dựng điện đàn tạc tượng thờ phụng. Vào đời Thành Thái, quan Đại thần Kinh lược Bắc Kì họ Hoàng[51] (nay là Vũ Hiển Quận công) cải tạo lại quán, qui mô mười phần to đẹp, có bia ghi chép lại.

Quán Huyền Thiên

Quán ở phường Đồng Xuân huyện Thọ Xương, thờ Huyền Thiên Đế quân, được trùng tu vào năm Thiệu Bình thứ 7 (1440), có bia đá ghi lại, nay vẫn còn.

Hội quán Việt Đông

Ở phường Hà Khẩu huyện Thọ Xương, do các hộ khách Minh Hương[52] quyên góp tiền của xây dựng vào năm Gia Long thứ 2 (1803), thờ Thọ Đình hầu Quan Thánh Đế quân đời Hán.

---

[51] Họ Hoàng, tức Hoàng Cao Khải.

[52] *Minh hương*: cách gọi thường dùng trong thư tịch cổ, chỉ những người gốc Hoa đã di cư sang ta sinh sống vào cuối triều Minh đầu triều Thanh.

Quán Lâm Dương

Quán ở xã Đa Sĩ huyện Thanh Oai. Tương truyền hồi trước Bắc triều đô hộ lập ra 4 quán, một là Hội quán Việt Đông, hai là quán Trấn Vũ, ba là quán Tự Tháp, bốn là quán Lâm Dương. Quán này gồm một tòa 3 gian, tiền đường 5 gian, có thờ tượng Phật. Trước sân dựng một cây cột đá cao hơn 1 trượng, trên có khắc 3 chữ đại tự "Lâm Dương quán".

Quán Linh Tiên

Quán ở xã Cao Xá huyện Đan Phượng. Biển ngạch đề 4 chữ đại tự "Ngọc Kinh Sơn Thượng". Văn bia ở đây kể rằng, khi Lữ Gia đi đến làng này thì thấy có tiên đang đánh cờ. Lữ Gia vội tới bái yết thì các vị tiên bất chợt cùng bay lên trời. Nhân đó gọi tên là quán Linh Tiên. Bấy giờ lại có rồng thần hiện ra rắc đan sa, rất linh thiêng kì lạ. Có vị pháp sư là Lí Bùi tu đạo ở đây thường trồng rau hẹ để ăn, hàng ngày tụng kinh *Ngọc Hoàng bản hạnh*. Về sau cây hẹ già hóa thành cát bồ đá. Pháp sư thấy sự lạ cố ý ăn vào, từ đó có thể bay lên không trung giữa ban ngày. Thời ấy nhân đó đặt ra huyện Đan Sơn. Tấm bia ở quán khắc vào niên hiệu Hoằng Định, nay vẫn còn.

TỈNH NAM ĐỊNH

CỔ TÍCH

Cố cung triều Trần

Cung tại xã Tức Mặc huyện Mĩ Lộc. *Sử kí* chép: Năm thứ 5 đời Trần Thánh Tông (1262) đổi hành cung Tức Mặc thành cung Trùng Quang. Các vua Trần kế nối nhau đều ở tại đây. Cung này ngày nay đã bị phế bỏ.

Đỉnh cổ Phổ Minh

Đỉnh ở chùa Phổ Minh thuộc huyện Mĩ Lộc, nặng nghìn cân, tương truyền Thiền sư đời Lí Dương Không Lộ đi học phép thuật sang Bắc quốc tìm kiếm đồng đỏ, đến kho nhặt một túi mang về đúc đỉnh đặt trước cửa chùa. Hồi đầu thời Lê Thái Tổ, tướng Minh Vương Thông sau khi thua trận ở Tốt Động đã huỷ đỉnh lấy đồng đúc súng đạn. Trước chùa có ngọn tháp cao 14 tầng. Năm Cảnh Trị thứ 5 (1667) dựng bia khắc chữ đặt trước tháp. Về sau nhà Tây Sơn đem quân đến phá huỷ tháp, phá đến tầng thứ 3 phát hiện một khám đá, rồi có một vật tựa như dải lụa đỏ từ bên trong bay vọt lên trời biến mất. Bọn họ sợ hãi bèn sai sắp xếp xây đền lại như cũ. Về sau tháp bị nghiêng đổ, vận nhà Tây Sơn[53] cũng suy.

---

[53] Nguyên văn chép "Trần tộ suy" (vận nước nhà Trần suy yếu), như vậy là mâu thuẫn về thời gian. Chúng tôi tạm sửa lại cho phù hợp.

Thành cổ Cổ Lộng

Thành ở hai xã Thọ Cách và Bình Cách huyện Ý Yên, do người Minh đắp nên. Vua Trần Giản Định phá quân Minh ở Bô Cô, Mộc Thạnh thua chạy về thành Cổ Lộng, tức là thành này. Di chỉ nay vẫn còn.

NÚI

Núi Phi Lai

Núi ở xã Tử Mặc, mạn tây bắc huyện Ý Yên. Núi có hai ngọn, rừng cây ở sườn núi âm u rậm rạp. Núi còn có tên gọi là Phi Sơn. Các vua nhà Lí thường lên du ngoạn, dựng chùa gọi là Phi Lai tự, nhân đó gọi tên núi là Phi Lai. Trên núi có tháp đá, cảnh trí cũng đẹp đẽ.

ĐỀN MIẾU

Miếu Triệu Vũ vương

Ở các xã Thụy Lũng, Kim Khê huyện Chân Định mỗi nơi đều có miếu thờ. Vương họ Triệu, húy Đà, người Chân Định, làm quan Long Xuyên lệnh vào thời cuối nhà Tần, sau giữ chức Nam Hải úy, dấy quân đánh An Dương vương rồi tự lên ngôi. Sau khi mất được dân lập miếu thờ. Các địa phương khác thuộc tỉnh hạt phía bắc cũng có miếu thờ ông.

Miếu Triệu Việt vương

Miếu ở xã Độc Lạc huyện Đại An. Ngoài ra còn 15 xã khác trong tỉnh cũng có miếu thờ ông. Sự tích xem ở phần tỉnh Hà Nội.

Miếu Đinh Tiên Hoàng

Ở các xã Dương Hồi, Phong Doanh, Cát Đằng mỗi nơi đều có miếu thờ

Miếu Lê Đại Hành Hoàng đế

Do xã Phú Khê huyện Đại An thờ phụng.

Miếu thờ Mười hai vua nhà Trần

Miếu ở xã Tức Mặc huyện Mĩ Lộc. Đây là quê của các vua. Ngày nay, các tỉnh hạt khác đều có miếu thờ các vị.

Miếu Trần Nhân Tông

Miếu ở xã Dưỡng Hối huyện Ý Yên. Vào cuối đời, vua Nhân Tông nhường ngôi để về qui thiền, dựng chùa tại đây. Dân tưởng nhớ lập miếu thờ phụng.

Miếu Trần Anh Tông

Miếu do dân xã Tu Cổ huyện Ý Yên thờ phụng.

Đền Bố Cái Đại vương

Tại các huyện Đại An, Ý Yên, Thư Trì đều có đền thờ. Sự tích xem ở phần tỉnh Sơn Tây.

Đền Trần Minh Công

Đền ở hai xã Kì Bố và Bổ Xuyên huyện Vũ Tiên. Thần họ Trần, húy Lâm. Vào cuối đời nhà Ngô, dấy binh chiếm cứ cửa biển Bố Hải, trở thành một trong mười hai Sứ quân. Sau khi ông mất được dân địa phương lập đền thờ phụng.

Đền Kiều Tam Chế

Đền ở các xã Nam Chân, Hợp Luật, Bái Dương. Thần họ Kiều, húy Công Hãn, người Phong Châu. Cuối đời nhà Ngô dấy binh chiếm cứ Hảo Châu và Đằng Xuyên, tự xưng là Tam Chế, trở thành một trong mười hai Sứ quân. Đinh Tiên Hoàng dẹp loạn thống nhất đất nước, ông

thế cùng phải tự tử. Dân địa phương lập đền thờ phụng. Về sau khi vua Lê Đại Hành đánh quân nhà Tống ở phương bắc, thần đã hiển linh phù trợ. Vua lệnh cho trùng tu đền, ghi tên thần vào danh sách điển thờ, lấy hiệu là Long Kiều. Thần được bao phong vào các niên hiệu Thái Ninh đời Lí và Vĩnh Tộ đời Lê. Triều ta cũng ban sắc phong.

Đền Trần Hưng Đạo Đại vương

Đền thờ ông được dựng tại các xã Đông Mặc, Thượng Lôi huyện Mĩ Lộc, xã An Xuyên, A Sào, Vạn Đường, Hưng Nhượng, An Hiệp, Nam Lỗ huyện Phụ Dực. Vương họ Trần, là em của Trần Thánh Tông, con trai của An Sinh vương Trần Liễu. Lúc mới sinh ra, có thày tướng trông thấy đã nói: Cậu bé này về sau có tài giúp nước cứu đời. Lúc trưởng thành thông minh hơn người, kiêm tài văn võ. Hai lần đánh bại quân Nguyên, bắt sống tướng Nguyên là Ô Mã Nhi, là bậc công thần bậc nhất trên đời. Sau khi mất được tặng là Hưng Đạo Đại vương. Ông được lập đền thờ khắp các địa phương trong cả nước.

Đền Phạm Tướng quân

Đền ở hai xã Hữu Dụng và Hoàng Lão huyện Vụ Bản. Thần họ Phạm, tên là Ngũ Lão. Sự tích xem ở phần tỉnh Hải Dương.

Đền Nguyễn Trạng nguyên

Đền ở xã Dương An huyện Thượng Nguyên. Thần là Nguyễn Hiền, vào niên hiệu Thiên Ứng Chính Bình nhà Trần, 12 tuổi thi đỗ Trạng nguyên. Sau khi ông mất được triều đình lập đền, cấp ruộng để thờ phụng.

Đền Lê Bảng nhãn

Đền ở bốn xã Thượng Lao, Xối Tây, Xối Thượng và Xối Trì

huyện Nam Chân. Thần họ Lê, húy Hiến Phủ. Sự tích xem ở phần tỉnh Hải Dương.

Đền Lương Trạng nguyên

Đền ở xã Cao Hương huyện Vụ Bản. Thần họ Lương, húy Thế Vinh, là người thông minh sáng suốt tuyệt trần, có khí chất đặc biệt, thi đỗ Trạng nguyên năm Quang Thuận, ra làm quan tính tình cương trực, tất cả những công văn giấy tờ bang giao bấy giờ đều do ông soạn thảo. Làm quan giữ chức Hàn lâm viện Thị thư Chưởng viện sự. Sau khi mất được dân địa phương lập đền thờ phụng.

Đền Lương Quận công

Đền ở xã Trần Biểu huyện Phong Doanh. Thần họ Bùi (khuyết danh), người xã Quất Động huyện Thượng Phúc tỉnh Hà Nội, đỗ Tiến sĩ vào cuối đời Trần. Không bao lâu sau thì quân Minh sang xâm lược, ông mai danh ẩn tích chốn núi rừng. Về sau theo Lê Thái Tổ khởi nghĩa, tham mưu nơi màn trướng. Sau khi quân Minh thua trận phải rút về nước, nhà Lê dâng biểu cầu phong nhưng nhà Minh không cho, chỉ trao cho Quyền thự An Nam quốc sự (tạm giữ quyền trông coi việc nước An Nam). Sang đời Thiệu Bình, vua Thái Tông sai ông làm Tuế cống sứ sang Minh. Người Minh khâm phục tài năng của ông, ban thưởng rất hậu cho về rồi phong cho Thái Tông làm An Nam Quốc vương. Do có công lao đi sứ, ông được ban quốc tính, làm quan đến chức Công bộ Thị lang, sau khi mất được tặng chức Thượng thư, Thái bảo Lương Quận công, được lập đền thờ phụng.

Đền thần Thủy Tế

Đền ở xã Kim Tông huyện Đại An. Khi Đinh Tiên Hoàng dẹp yên mười hai Sứ quân được thần phò giúp, sau đó không biết đi đâu. Vua lấy làm lạ, bèn phong là Thượng đẳng thần, lập đền thờ phụng. Đến thời Trần Nghệ Tông, năm Thiệu Khánh thứ 2 (1371), vua thân

chinh đánh Chiêm Thành, thần cũng hiển linh phù hộ. Chiến thắng Chiêm Thành trở về, vua sai dựng miếu thờ và gia phong cho thần.

Đền Thiên Hậu

Đền ở phía tây tỉnh thành, do dân xã Minh Hương thờ phụng. Thần là người Bắc quốc hóa thành tiên, vì thế khắp trong nước, hễ nơi nào có phố chợ người Thanh là đều có lập đền thờ phụng.

Đền Liễu Hạnh Phu nhân

Đền ở hai xã Yên Thái, Vân Cát huyện Vụ Bản. Phu nhân họ Trần, tương truyền là vị tiên trên trời, tức Vân Cát Thần nữ giáng thế, rất linh thiêng. Các triều đại đều phong cho thần là Thượng đẳng thần, các em gái của thần là Đệ nhị Quỳnh cung Duy Tiên Phu nhân và Đệ tam Quảng cung Quế Anh Phu nhân đều được phong là Trung đẳng thần. Nhiều địa phương thuộc các tỉnh hạt ở miền bắc miền nam trong nước đều dựng đền thờ phụng.

Đền Không Lộ Thiền sư

Nhiều xã ở hai huyện Giao Thủy, Phụ Dực đều có đền thờ. Thiền sư họ Dương, tên là Không Lộ, rất giỏi pháp thuật, có thể bay trên trời, lặn dưới nước, có tài hàng long phục hổ. Sau khi ông mất được dân địa phương lập đền thờ phụng. Nhiều nơi khác ở Bắc Kì cũng có đền thờ.

Đền Đạo Hạnh Thiền sư

Đền có ở 5 xã thôn Chân Nguyên, Vân Chàng, Kinh Lũng, Cẩm Nang và Gia Cẩm thuộc huyện Nam Chân. Thiền sư họ Từ, tự là Đạo Hạnh. Tuổi trẻ ưa thích du ngoạn, đến xã Chân Nguyên sáng lập ra chùa Đại Bi rồi trụ trì tại đó. Người đời sau thờ ông là Tổ sư, hiện còn di tượng của ông. Nhiều nơi khác ở Bắc Kì cũng có đền thờ.

CHÙA QUÁN

Chùa Thần Quang

Chùa[54] ở xã Dũng Nghĩa huyện Giao Thủy. Chùa có qui mô rất lớn. Đây là chùa do Thiền sư Dương Không Lộ từng trụ trì.

Chùa Phổ Minh

Chùa ở xã Tức Mặc huyện Mĩ Lộc. Năm Thiệu Long thứ 5 (1262) đời Trần Thánh Tông xây dựng chùa ở phía tây cung Sùng Quang. Nhưng bài kí trên tấm bia dựng vào niên hiệu Cảnh Trị đời Lê có câu: "Đời Lí mở đầu khai sáng, Đời Trần lại làm cho rạng rỡ", như vậy thì chùa phải được xây dựng từ đời nhà Lí.

---

[54] Nguyên bản chép là "từ" (đền).

TỈNH THÁI BÌNH

ĐỀN MIẾU

Miếu Tiền Lí Nam đế

Ở xã Hậu Tải huyện Thư Trì và xã Tử Đương huyện Thụy Anh mỗi nơi đều có miếu thờ. Vua tên là Lí Bí, người Thái Bình, Long Hưng. Tổ tiên là người Bắc quốc, cuối đời Tây Hán lánh sang ở lại nước ta trải đã 7 đời. Lí Bí làm quan nhà Lương nhưng bất đắc chí về Thái Bình xưng Đế, đặt quốc hiệu Vạn Xuân, lấy niên hiệu là Thiên Đức. Sau khi mất được dân lập đền thờ.

Đền Đỗ Thượng thư

Đền ở xã Ngoại Lãng huyện Thư Trì. Thần tên là Đỗ Oanh, đỗ Tiến sĩ năm Thụy Khánh[55] đời Lê, làm quan đến chức Lễ bộ Thượng thư. Về sau không chịu theo nhà Mạc. Sau khi mất được dân địa phương lập đền thờ.

Đền Quách Thượng thư

Đền ở hai xã Thiền Quan và Phú Châu huyện Thanh Quan. Thần họ Quách, tự Hữu Nghiêm, đỗ Tiến sĩ niên hiệu Quang Thuận đời Lê, làm quan đến chức Lại bộ Thượng thư. Sau khi mất được dân địa phương lập đền thờ.

---

[55] Thời Lê không có niên hiệu Thụy Khánh, có lẽ là niên hiệu Đoan Khánh (1505-1509). Sách *Đồng Khánh địa dư chí* chép ông tên là Lí Khiêm, đỗ Trạng nguyên đời Lê Cảnh Thống (1498-1504).

Đền Việt Vũ vương Trình Hậu

Đền ở xã Đường Sâm huyện Chân Định. Hậu người xã này, là mẹ đẻ của Trọng Thủy. Trong huyện còn đến 10 nơi có đền thờ bà.

Đền Đại Càn Nam Hải Tứ vị Thánh nương

Đền ở hai xã Diêm Hộ và Vạn Xuân huyện Thụy Anh. Sự tích xem ở phần tỉnh Nghệ An.

TỈNH HƯNG YÊN

CỔ TÍCH

Đầm Nhất Dạ

Đầm ở huyện Đông Yên, gần với bãi Tự Nhiên ở huyện Thượng Phúc tỉnh Hà Nội. Tương truyền vua Hùng đem quân đi hỏi tội Tiên Dung, vì cách sông không kịp tiến quân nên đóng lại ở bãi Tự Nhiên. Nửa đêm hôm ấy bỗng nhiên trời nổi mưa to gió lớn, nơi ở của Chử Đồng Tử và Tiên Dung cả nhà cửa, người và gà chó trong chốc lát đều bốc cả lên trời, chỗ cũ hõm sâu biến thành đầm lớn. Người đời sau lập đền thờ phụng, gọi đầm ấy là đầm Nhất Dạ.

Dinh cổ Hiến Nam

Ở xã Nhân Dục huyện Kim Động, lị sở của trấn Sơn Nam thời Lê. Các nhà buôn người nước ngoài đều tụ tập cả về đây, gọi là vạn Lai Triều, cảnh vật hoa lệ, mái ngói nối tiếp nhau. Ở Bắc Kì chỉ có Thăng Long với nơi này được coi là chốn đô hội mà thôi.

Lũy cổ nhà Mạc

Lũy ở mạn đông bắc huyện Diên Hà, đoạn trên bắt đầu từ xã Nông Canh nối tiếp đến đoạn dưới là xã Đông Quỳnh. Tương truyền ngày xưa nhà Mạc bị nhà Lê truy bức phải đắp thành này để kháng cự, chỉ sau một đêm đã đắp xong.

Đền Tiền, Hậu Ngô vương

Đền ở xứ Kê Lạc huyện Tiên Lữ, thờ Tiền Ngô vương, Hậu Ngô vương và Thiên Sách vương, còn gọi là đền Kê Lạc. Mộ tổ của Ngô vương đặt tại đây, nay vẫn còn ở phía trước đền.

Đền Phạm Sứ quân

Đền ở huyện Kim Động. Thần họ Phạm, tự là Phòng Át, một trong mười hai sứ quân, chiếm giữ Nham Châu, bị thua ra hàng Đinh Tiên Hoàng, được cử làm Thân vệ Tướng quân. Sau khi mất được dân lập đền thờ.

Đền Nguyễn Sứ quân

Đền ở huyện Đông Yên. Thần họ Nguyễn, tên là Siêu, một trong mười hai sứ quân, chiếm giữ Tây Phù Liệt, đi đánh giặc bị thua, một kiếm một ngựa chạy về hóa tại địa phận sông Bái Xuyên, trải 3 tháng thi thể vẫn không nát, sắc mặt tươi tỉnh như khi còn sống. Dân chúng cho là người thần, đem an táng ngoài bãi cát rồi lập đền thờ phụng.

Đền Lí Thái úy

Đền ở huyện Kim Động. Thần họ Lí, tự Thường Kiệt. Sự tích xem ở phần tỉnh Hà Nội.

Đền Khuông Tín hầu họ Nguyễn

Đền ở huyện Đông Yên. Thần tên là Nguyễn Lang, Khai quốc Công thần nhà Lí, kiêm chức Hành dinh Tổng quản đạo Bắc Giang, tước Khuông Tín hầu, sau được tặng Quận công. Triều Lê phong là Thương đẳng thần và ban tặng 4 chữ "Thiết khoán như tại"

Đền Tiết độ sứ họ Lưu

Đền ở huyện Hưng Nhân. Thần họ Lưu, tự Khánh Đàm, người

thôn Yên Lãng đến ở tại đây. Ông là công thần nhà Lí. Sau khi mất được dân lập đền thờ, có bia ghi chép.

Đền Tống Trạng nguyên

Đền ở huyện Phù Cừ. Tương truyền thần họ Tống, tên Trân, người xã này, không rõ sống vào thời nào. Sinh ra đã thông minh sáng láng, mới 5, 6 tuổi đã làu thông Thi, Thư và lục nghệ, 8 tuổi thi đỗ Trạng nguyên. Vâng mệnh đi sứ bị giữ lại hơn 10 năm mới được trở về. Sau khi mất được phong làm Phúc thần. Trải các triều đều được tặng phong. Năm Thiệu Trị thứ 6 (1846) được phong là Tuấn lương Lượng trực chi thần.

Đền Trạng nguyên họ Phạm

Đền ở huyện Hưng Nhân. Thần họ Phạm, húy Đôn Lễ, đỗ Trạng nguyên đời Hồng Đức, trải ba kì thi Hương, thi Hội, thi Đình đều đứng đầu, làm quan đến chức Thị lang. Hồi vâng mệnh đi sứ, ông thấy người phương bắc dệt chiếu, bèn học lấy nghề ấy mang về dạy lại cho dân trong xã, tổng, giúp dân có nghề sinh sống. Sau khi ông mất, dân tưởng nhớ ân đức của ông lập đền thờ. Triều ta nhiều lần ban sắc gia phong.

Đền Dương phi nhà Tống

Đền ở thôn Hương Dương huyện Kim Động, thờ Quí phi họ Dương nhà Tống. Các triều đều đã nhiều lần ban sắc gia phong.

Đền Lê Thánh Tông Hoàng hậu

Đền ở huyện Phù Cừ. Sự tích xem ở phần tỉnh Hải Dương.

LĂNG MỘ

Mộ Tổ nhà Trần

Ở xã Đại Đường huyện Hưng Nhân. Ngày xưa có bia ghi chép, đến nay bia ấy đã mất, chỉ còn lại bệ rùa mà thôi.

Lăng Tương Dực đế nhà Lê

Ở xã Bùi Xá huyện Hưng Nhân. Lăng được tu sửa và dựng bia vào năm Minh Mệnh thứ 21 (1840).

Lăng Cung đế nhà Lê

Ở xã Phù Xá huyện Hưng Nhân. Lăng được tu sửa và dựng bia vào năm Minh Mệnh thứ 21 (1840).

TỈNH HẢI DƯƠNG

CỔ TÍCH

Lũy cổ An Nhân

Lũy cổ ở xã An Nhân huyện Đường Hào, do Đoàn Thượng đắp nên khi chiếm cứ Hồng Châu vào hồi cuối đời Lí. Di chỉ nay vẫn còn.

Điện cổ Lạc Thị

Ở tổng Lạc Thị huyện Gia Lộc. Hành điện được dựng ở đây vào niên hiệu Thống Nguyên nhà Lê.

Thành cổ Phao Sơn

Ở xã Phao Sơn huyện Chí Linh. Thành được đắp vào năm Vĩnh Lạc nhà Minh, về sau nhà Mạc tu bổ mở rộng thêm. Di chỉ nay vẫn còn.

Vườn cổ Dược Sơn

Tại xã Dược Sơn huyện Chí Linh, là nơi ở ngày xưa của Hưng Đạo vương nhà Trần. Di chỉ nay vẫn còn.

Nhà cổ Tiều Ẩn

Ở sườn núi Phượng Hoàng xã Kiệt Đặc huyện Chí Linh, là nơi ở ngày xưa của Chu Văn Trinh, hiệu là Tiều Ẩn. Nơi ấy nay xây dựng thành đền.

Lớp dạy học cổ của Trạng nguyên

Ở xã Linh Khê huyện Chí Linh, là nơi đặt lớp dạy học ngày xưa của Trạng nguyên Mạc Đĩnh Chi. Ngày nay người trong huyện đã dựng đền thờ ở đấy.

Quán cổ Trung Tân

Ở xã Trung Am huyện Vĩnh Bảo. Trạng nguyên Nguyễn Bỉnh Khiêm khi về hưu đã dựng ngôi quán tại bến sông Tuyết Giang. Có bia đá và văn khắc.

Điện cổ Lũng Động

Ở xã Lũng Động huyện Chí Linh. Tổ tiên nhà Mạc vốn là người Lũng Động. Con cháu họ về sau di cư đến làng Cổ Trai. Sau khi tiếm ngôi lấy được nước quay về quê cũ ở Lũng Động xây điện Sùng Đức để thờ phụng tổ tiên.

NÚI

Núi Côn Sơn

Núi ở huyện Chí Linh, trên có động Thanh Hư, dưới có ao gọi là Giếng Mắt Rồng. Trước mặt núi là dòng suối chảy quanh, có cầu Lạt vương, am Bạch Vân, đỉnh núi có chùa Tư Phúc, nơi vua Trần Thái Tông thường lên thăm viếng.

Núi Phượng Hoàng

Núi ở phía bắc huyện Chí Linh. Chân núi này có một cái giếng, trong giếng có chứa bùn đỏ, đem phơi khô bùn biến thành son, vì thế gọi là giếng Son.

ĐỀN MIẾU

Miếu Lí Thần Tông

Miếu ở xã Hàm Hi huyện Tứ Kì. Nhiều địa phương ở các tỉnh hạt phía bắc đều có lập đền thờ.

Miếu Trần Nhân Tông

Miếu ở xã Diên Lão huyện Tiên Minh. Nhiều địa phương ở các tỉnh hạt trong nam ngoài bắc đều có lập đền thờ.

Miếu Trần Trùng Quang đế

Miếu ở xã An Lão huyện Thanh Hà. Nhiều địa phương ở các tỉnh hạt phía bắc đều có lập đền thờ.

Miếu Trần Huệ Vũ đế

Miếu ở xã Kiệt Đặc huyện Chí Linh. Ông là người tôn thất nhà Trần, tự là Quốc Chẩn, dưới triều Trần Minh Tông làm quan đến chức Nhập nội Hành Khiển. Sau bị gian thần Trần Khắc Chung gièm pha hãm hại mà chết. Dân làng địa phương lập đền thờ phụng.

Đền Hoàng thân nhà Trần

Đền trên đỉnh núi Yên Phụ huyện Giáp Sơn. Thần tên húy là Liễu Đô, khi đi đánh giặc miền đông qua đời trên núi này, được phong là Thượng đẳng thần.

Đền Tôn thất nhà Trần

Đền ở xã Hà Châu huyện Tiên Minh. Thần tên tự là Quốc Thành, từng theo Hưng Đạo Đại vương phá quân Nguyên ở bến đò Chương Dương, cửa quan Hàm Tử. Sau khi mất được dân địa phương lập đền thờ phụng.

Đền Trần Nhân Huệ vương

Đền ở xã Linh Giang huyện Chí Linh. Vương là tôn thất nhà Trần, tên tự là Khánh Dư, từng bị khiển trách tịch thu hết gia cư. Đến đời Trần Minh Tông lại được đắc dụng. Sau khi mất được dân địa phương lập đền thờ phụng.

Đền thần Cao Sơn

Đền ở xã Lương Giản huyện Chí Linh. Tương truyền thần vốn giỏi nghề y, thường hóa thành người thường đi chữa bệnh. Một người có con mắc bệnh đậu gặp được một ông già nói rằng có thể chữa được bệnh ấy, liền rước về nhà, cho uống thuốc quả nhiên khỏi. Hỏi tính danh quê quán thì người ấy nói: Ta tên là Cao Sơn, quê ở xứ Đầu Hồ xã Lương Giản. Người ấy y theo lời tìm đến tạ thì thấy nơi ấy có ngôi đền cao sừng sững, cây cối mọc um tùm, bèn vào đến bái lễ rồi về. Từ đó lan truyền việc thần chữa bệnh. Nay đền vẫn còn. Nhiều địa phương ở các tỉnh hạt phía bắc đều có lập đền thờ.

Đền thần Bắc phương Trấn Vũ

Đền ở xã An Cư huyện Gia Lộc. Sự tích xem ở phần tỉnh Bắc Ninh. Nhiều địa phương ở các tỉnh hạt Bắc Kì đều có lập đền thờ.

Đền thần Đế Thích

Đền ở xã Liêu Hạ huyện Đường Hào. Người đời truyền rằng, vào năm Long Thụy thứ 2 (1055) đời Lí, có người làng Liêu Hạ tên là Trương Ba ba đời tu dưỡng làm điều thiện, lại đánh cờ rất giỏi, trong nước không có ai là đối thủ. Tìm sang Bắc quốc, gặp một ông lão tên là Kị Như cũng nổi tiếng giỏi cờ, bèn kết làm bạn. Một hôm hai người bảo nhau rằng, nghe đồn trên Thượng giới có Đế Thích là cao cờ nhất. Bao giờ gặp được sẽ cùng đấu trí với ông ta một phen. Dứt lời thì thấy có một ông lão mặc phanh áo, đội nón chống gậy đi đến xin

cùng chơi một ván cờ. Thế rồi bày cờ ra đánh dãm ba ván ông lão đều thắng. Trương Ba kinh ngạc xin hỏi tính danh. Ông lão đáp: Ta là Tam thập Tam thiên Đế Thích, nhà ta ở trên thượng giới. Hai người vội vàng quì xuống thềm vái lễ. Thần bèn lấy từ trong tay áo ra ba nén hương "Trầm đàn giáng chân" đưa cho và dặn: Sau này gặp nạn thì đốt hương ta sẽ đến cứu. Nói xong bay lên trời đi mất. Hai người nhận hương đem cất kĩ, lâu ngày rồi cũng quên đi. Mãi về sau mắc bệnh mà chết, người nhà quét dọn mới tìm thấy mấy nén hương còn sót lại, đem ra đốt, thần bèn giáng trần, thấy hai người đều đã chết bèn triệu Công đồng Tam phủ tới hoàn hồn cho họ. Hai người lại được hồi sinh, bèn lập đền thờ thần. Ở đền có bia. Ngày nay nhiều địa phương ở các tỉnh hạt phía bắc đều có lập đền thờ.

Đền thần Cao Vương

Đền ở xã Minh Loan huyện Đường An. Tương truyền thần là người Bắc quốc, họ Cao, tên Hiền, đỗ Tiến sĩ triều nhà Tống. Thời Khánh Lịch làm quan đến chức Thừa tướng. Khi người Di ở phía Đông làm phản, ông được sai đi hỏi tội, được phong làm Đại Thừa tướng, sau khi mất được tặng Đại vương, thiên triều lệnh cho các nước chư hầu lập đền thờ phụng. Lại có thuyết khác nói thần là Cao Biền đời Đường, được phong làm Bột Hải Quận vương, từng sang nước ta làm Tiết Độ sứ. Có thể hồi đó các tướng của Cao Biền có lập ra ngôi đền, về sau dân địa phương cũng nhân theo đó mà thờ. Ngày nay nhiều địa phương các tỉnh hạt trong nước đều có lập đền thờ.

Đền Phò mã nhà Trần

Đền ở xã Kim Độ huyện Thanh Lâm. Thần họ Kim, người xã này. Thời Lê Đại Hành, ông nhờ có tài văn học nên may mắn được chọn làm Phò mã lấy hai nàng Công chúa thứ 7 và thứ 8. Đến khi nhà

Lí lên thay nhà Lê, ông lui về làng quê, triều đình nhiều lần đến vời nhưng không chịu ra, đến khi bị ép trao ấn thụ thì uống thuốc độc rồi chết. Hai nàng Công chúa cũng tự vẫn đi theo. Dân kính trọng nghĩa tiết cao cả của ông lập đền thờ ông làm Phúc thần.

Đền Triều nghị họ Đỗ

Đền ở xã Liêu Xuyên huyện Đường Hào. Thần họ Đỗ, trúng Tiến sĩ vào năm Trinh Phù đời vua Lí Cao Tông, làm quan đến chức Triều nghị Đại phu. Nhà ở của ông nay trở thành chùa, mé bên phải là đền thờ, trước đền có bia đá nhưng chữ khắc đã mờ mòn nhiều, nay vẫn còn.

Đền Thống lĩnh họ Ngô

Đền ở xã Cẩm Khê huyện Tiên Minh. Thần họ Ngô, tên là Lí Tin, là Thượng tướng quân dưới triều Lí Cao Tông, được thăng là Đốc tướng. Đi đánh Ai Lao được thăng Thái phó, dẫn đoàn thuyền theo đường biển trở về đến đây thì qua đời. Dân làng lập đền thờ phụng.

Đền thần Đông Hải

Đền được lập ở các xã Cẩm Giàng, Bái Dương, Đông Am tổng An Nhân huyện Đường Hào. Thần họ Đoàn, húy Thượng, người Thung Độ huyện Gia Lộc. Vào thời kì nhà Lí suy yếu bị họ Trần lấn bức, ông trước sau không theo nhà Trần, dựng đồn lũy ở An Nhân thuộc Hồng Châu, liên tiếp chiến đấu cầm cự lại quân nhà Trần, vừa đánh vừa lui. Vừa lúc gặp một bà lão đến bảo rằng, Thượng đế đã hiểu rõ tấm lòng trung nghĩa của khanh. Ở xã này có một gò đất rỗng, đó chính là địa cục được hưởng huyết thực muôn đời, Thượng đế ban cho khanh đó. Đoàn Thượng cầm giáo nằm ngay xuống đó. Chỉ thoáng chốc hàng trăm nghìn con mối tha đất đến lấp kín. Về sau dân làng dựng ngôi đền ngay tại chỗ đó để thờ ông.

Đền Kinh lược sứ họ Nguyễn

Đền ở xã Vụ Bản huyện Giáp Sơn. Thần là Nguyễn Thung, Kinh lược sứ triều Trần, có công theo Trần Hưng Đạo đánh giặc Nguyên. Sau khi ông mất, vua Trần Nhân Tông thương xót cho lập đền thờ phụng.

Đền thần Yết Kiêu

Đền ở xã Hạ Bi huyện Gia Lộc. Thần tên Yết Kiêu, là tướng của Hưng Đạo vương nhà Trần, lập được nhiều công tích trong chiến đấu đánh tan giặc Nguyên của Toa Đô, Ô Mã Nhi. Sau khi ông mất, vua Trần cho lập đền thờ phụng.

Đền Chu Văn Trinh

Đền ở xã Kiệt Đặc huyện Chí Linh thờ thần là Chu Văn Trinh. Quan Án sát sứ triều Lê là Lê Đản Bích đến đền làm bài văn bia khắc vào đá, nay vẫn còn.

Đền Nguyễn công

Đền ở xã Phạm Xá huyện Tứ Kì. Thần họ Nguyễn, tự Minh Biện, làm quan Đặc tiến Phụ quốc Thượng tướng quân Thự vệ sự triều Lê. Thân phụ họ Trịnh của Hoàng hậu triều Nguyễn vì có quan hệ họ hàng bên ngoại với ông nên cho lập đền thờ ở quê hương. Đền được trùng tu vào năm Minh Mệnh thứ 4 (1823), thần được phong là Trung đẳng thần.

Đền Minh Không Thiền sư

Đền ở xã Hán Lí huyện Vĩnh Lại. Thiền sư họ Nguyễn, tự Chí Thành. Thời trẻ cùng Từ Đạo Hạnh lên trụ trì chùa Vân Mộng, sau về làm cao tăng trong triều Lí, được vua Lí Thần Tông tôn làm Quốc sư. Tương truyền Thiền sư siêu hóa ở núi Tam Viên xã Hán Lí. Di tích nay vẫn còn.

Đền Hoàng Thái hậu nhà Lí

Do dân hai xã Cẩm Cầu và Cẩm Đới huyện Gia Lộc thờ phụng. Bà là Phu nhân Ỷ Lan, Hoàng hậu của vua Lí Thánh Tông, sinh ra Thái tử Càn Đức, về sau trở thành vị vua thịnh trị nhất triều Lí. Phu nhân được tôn là Hoàng Thái hậu. Sau khi bà mất dân hai xã lập đền thờ phụng.

CHÙA QUÁN

Chùa Bao Sơn

Chùa ở xã Phù Ủng huyện Đường Hào, do Phạm Ngũ Lão triều Trần xây dựng. Con gái của Phạm Ngũ Lão là Thuận phi của Trần Anh Tông, hiệu Tĩnh Huệ, một hôm lên thăm chùa, cảm thán nói rằng: Chùa này do Tiên quân ta xây dựng nên. Thế rồi tiến hành trùng tu lại chùa, ở phía đông dựng tòa từ đường thờ tổ tiên. Vua Minh Tông đến thăm chùa cảm kích tấm lòng hiếu kính của bà, ban cho một tấm biển.

Chùa Minh Khánh

Chùa ở xã Hương Đại huyện Thanh Hà, xây dựng từ triều nhà Lí, trùng tu vào niên hiệu Hồng Đức nhà Lê. Trong chùa thờ vua Trần Nhân Tông.

Chùa Lệ Kì

Chùa ở núi Phượng Hoàng phía bắc huyện Chí Linh. Ở đây còn có cung Tử Cực, điện Lưu Quang là di tích đời Trần, nay vẫn còn.

Chùa Dương Nham

Chùa trong động trên núi thuộc xã Dương Nham huyện Giáp Sơn. Ở giữa thờ Phật, bên trái thờ tượng Thiền sư Không Lộ, Đạo Hạnh và Huyền Quang, bên phải thờ tượng vua Trần Anh Tông.

Phong cảnh trong động đẹp đẽ, tịch mịch, có thơ của Thuần Hoàng đế đời Lê[56] khắc trên vách đá, nay vẫn còn.

Chùa Hưng Long

Chùa ở xã Hán Lí huyện Vĩnh Lại, do Không Lộ Thiền sư xây dựng, dân trong thôn tạc tượng Thiền sư để thờ.

Chùa Quang Minh

Chùa ở xã Hậu Bổng huyện Gia Lộc. Ngày trước, nhà sư Huyền Chân trụ trì ở chùa, mộng thấy Phật Di Đà tới bảo: Ngươi từ lâu đã có công với Phật giáo, tấm lòng thiện ấy đã thấu lên cõi huyền vi, kiếp sau cho được làm vua ở Bắc quốc. Tỉnh giấc, dặn lại các đồ đệ rằng, sau khi siêu thoát, hãy lấy bút son ghi lên vai ông 10 chữ "An Nam quốc Quang Minh tự Sa Việt Tỳ khưu". Thế rồi ông hóa. Các sư làm y lời dặn và đưa hỏa táng, lưu giữ xá lị vào trong tháp đá. Đến năm Hoằng Định đời Lê, Nguyễn Tự Cường được sai đi sứ Bắc quốc. Vua Minh Thế Tông vời vào hỏi: Khanh có biết chùa Quang Minh của nước khanh ở đâu không? Tự Cường đáp không biết. Vua Minh lại nói: Khi trẫm mới sinh ra, trên vai đã có vết chàm hình nét bút son, theo ý chữ ghi thì rõ ràng kiếp trước trẫm là sư ở chùa ấy. Nay muốn tẩy xóa vết chữ ấy đi thì làm thế nào? Tự Cường đáp: Thần nghe nói nhà Phật có phương pháp lấy nước công đức để tẩy trần. Nếu quả Hoàng thượng là kiếp sau của nhà sư thì hãy lấy nước giếng của chùa ấy mà tẩy rửa. Vua bảo: Khanh về nước hãy gắng tìm lấy nước đó dâng lên. Tự Cường trở về, đem sự việc tâu triều đình, cho tìm kiếm khắp các châu huyện, mãi mới tìm được nước giếng chùa này. Lần đi sứ sau đem dâng, vua Minh dùng nước rửa nét chữ quả nhiên biến mất, tấm tắc khen là kì lạ, rồi xuống dụ ban tặng cho 300 lạng vàng mang về trùng tu chùa để tôn vinh sự linh thiêng kì dị của nước Nam.

---

[56] Nguyên văn chép nhầm là đời Lí.

HẢI PHÒNG

CỔ TÍCH

Tháp cổ Đồ Sơn

Tháp ở xã Đồ Sơn huyện Nghi Xuân, cao hàng trăm thước, dựng từ niên hiệu Long Thụy Thái Bình đời nhà Lí. Năm Gia Long thứ 3 (1804) tháp bị phá hủy để lấy gạch xây thành tỉnh Hải Dương.

Lũy cổ Ngọa Vân

Lũy trên đỉnh núi Thiếp Tử xã Nam Mẫu huyện Đông Triều. Khi vua Trần Nhân Tông băng hà, thi thể quàn trong một khối đá lớn gọi là đá Niết bàn rồi đưa vào hỏa đàn thiêu hóa, một nửa xá lị được đưa đi cất ở Đức lăng, còn một nửa cất ở tháp này. Đến đời Chính Hòa triều Lê tiến hành xây thành chùa, nhưng về sau chùa bị đổ chỉ còn lại tháp.

Kinh cổ Nghi Dương

Ở xã Cổ Trai huyện Nghi Dương. Họ Mạc tiếm ngôi đặt ra Dương Kinh. Khi nhà Lê Trung hưng đã cho lấp mộ, chặt bia, đốn cây cối ở xung quanh.

Lũy cổ Tiên Hội

Di chỉ lũy cổ ở trên đỉnh núi Tượng Sơn xã Tiên Hội huyện An Lão, do nhà Mạc đắp nên. Trên đồi núi Diễm Khê huyện Thủy Đường cũng có ngôi thành cổ của nhà Mạc.

Làng Thiên Lôi

Ở hai xã An Dương và Vĩnh Niệm huyện An Dương. Ngày xưa có người làng Vĩnh Niệm tên là Phạm Tử Nghi có sức khỏe như thần. Tục kể rằng Tử Nghi từng đắp đoạn đê dài ước 3 dặm, trên mặt đê ở hai đầu đắp ụ đất cao 5 thước. Tử Nghi cầm gậy đi đến ụ đất gạt một cái, ụ đất bay hết sạch. Đê ấy nay vẫn còn.

NÚI

Núi Yên Tử

Núi ở mạn đông bắc huyện Đông Triều, nổi tiếng được các vua Trần lấy làm nơi dựng am tham thiền. Phía nam núi có am Tử Tiêu. Viện Thạch Thất do vua Trần Nhân Tông xây dựng. Trên núi có chùa Giải Oan, chùa Thanh Thạch (Đá Xanh). Quả núi ở bên phải gọi là núi Hạ Kiệu, vua Trần Anh Tông đi đến đây thì lên xe nên có tên như thế. Ở giữa có 3 tòa am. Còn có chùa Hoa Yên, chùa Vân Tiêu và chùa Đồng do nội nhân họ Trịnh xây dựng, mái lợp toàn bằng ngói đồng, đúc tượng đồng. Đến thời Cảnh Hưng nhà Lê di chỉ chùa vẫn còn. Phía dưới chùa có bàn cờ, quân cờ toàn bằng đá xanh, tạc khắc đường nét chữ rất tinh xảo, không biết có từ thời nào.

Núi Thiên Kì

Núi ở huyện Đông Triều. Các vua Trần thường xa giá đến thăm dừng chân ở lại. Phong cảnh rất đẹp.

Núi Dương Nham

Núi ở phía bắc huyện Giáp Sơn. Núi vươn cao nhất, có bài thơ đề vịnh của Phạm Sư Mạnh đời Trần khắc trên vách đá, nay vẫn còn. Trong núi này có 3 hang đá và miếu thờ Lí Thần Tông.

ĐỀN MIẾU

Miếu Trần Minh Tông

Miếu ở xã An Sinh huyện Đông Triều. Nhiều nơi ở các tỉnh phía bắc đều có đền thờ.

Miếu Trần Hoàng tôn

Miếu ở xã Tràng Kênh huyện Thủy Đường. Thần là cháu thứ của vua Trần, tự Quốc Bảo, đem quân đi đánh giặc Phạm Bá Linh ở sông Bạch Đằng từng trú quân ở xã này. Sau khi ông mất, dân địa phương ở chân núi Phỉ Sơn lập đền thờ phụng.

Đền Thủy thần Đồ Sơn

Đền ở chân núi xã Đồ Sơn huyện Nghi Dương, thờ Thủy thần.

Đền Phạm Quận công

Đền ở huyện Giáp Sơn. Thần người huyện này, thi đỗ Tiến sĩ vào niên hiệu Vĩnh Hựu đời Lê, có tài văn võ, đánh dẹp giặc Đông Hải, được thăng chức Thượng thư, tước Quận công, sau khi mất được tặng tước Vương, lập đền thờ phụng.

Đền thần Hiển Linh

Đền ở xã Chung Linh huyện Thủy Đường. Thần là con trai thứ 5 của Hưng Đạo vương, tên là Hưng Trí, theo cha đi đánh giặc Nguyên, lập chiến công. Trở về xã này chiêu tập dân lưu tán làm ăn. Sau khi mất được dân bản xã lập đền thờ.

Đền Phạm Thượng thư

Tại các xã An Lão, Khinh Dao, Thanh Liễu huyện Giáp Sơn đều có đền thờ ông. Thần là Phạm Ngũ Lão, tài năng hơn người, từng phò nhà Trần đi chinh phạt Ai Lao, đánh dẹp Chiên Thành, lập nhiều

chiến công, trở thành viên tướng nổi tiếng, làm quan Chưởng ngũ phủ Thượng tướng quân. Ông là người sống giữ gìn phẩm hạnh, ham thích đọc sách, ngâm thơ. Sau khi mất được dân địa phương lập đền thờ.

Đền Phạm Tướng quân

Đền ở xã Ngư Uyên huyện Giáp Sơn. Thần tên là Phạm Luân, khi giặc Minh sang xâm lược, ông cùng với các em 6 người cùng theo Lê Thái Tổ khởi nghĩa ở Lam Sơn, có nhiều công trạng, được tặng Đại tướng quân, tước Vương. Về sau đánh nhau với giặc ở Kì Sơn, quân ta thế yếu không chống cự nổi giặc, 6 anh em nhà ông cùng tuẫn tiết. Về sau, Lê Thái Tổ thương xót công lao của ông sai lập đền thờ phụng.

Đền Phạm Tử Nghi

Đền ở hai xã An Dương và Vĩnh Niệm huyện An Lạc. Ông làm quan Thái úy triều Mạc, tước Tứ Ẩm hầu. Về sau ra chiếm cứ Quảng Yên, rồi thâm nhập vào đất người Minh, quân đội tung hoành khắp vùng Quảng Đông, Quảng Tây, người Minh không sao kiềm chế nổi. Sau khi mất được dân bản thôn lập đền thờ. Năm Chính Hòa đời Lê đền được dựng bia. Nhiều địa phương ở phía bắc cũng có đền thờ ông.

CHÙA QUÁN

Chùa Tường Vân

Chùa cổ trên núi Yên Phụ, phía bắc huyện Giáp Sơn. Vào năm Hoằng Định đời Lê phát tiền trong công khố ủy cho Nam Nhạc Thiền sư tiến hành trùng tu chùa. Nay vẫn còn di chỉ.

Chùa Quang Khánh

Chùa ở xã Dưỡng Mông huyện Kim Thành. Cao tăng đời Trần là

Ông Ái từng trụ trì tại chùa này, được vua Trần Minh Tông phong làm Từ Giác Quốc sư, lại cấp tiền để tu sửa mở mang nhà chùa, gọi là Quang Khánh tự. Đời Hồng Đức, Thuần Hoàng đế đã đề bài thơ khắc vào đá ở chùa, nay vẫn còn.

Chùa Quỳnh Lâm

Chùa ở núi Quỳnh Lâm xã Hà Lôi huyện Đông Triều, do Thiền sư Nguyễn Minh Không đời Lí xây dựng, tạc tượng đồng đặt thờ trong chùa. Vua Thái Tông, Nhân Tông nhà Trần thường lui tới thăm viếng. Trước chùa có viện Quỳnh Lâm và am Bích Động.

TỈNH YÊN QUẢNG

CỔ TÍCH

Thành cổ Mai Phong

Thành ở ngoài biển thuộc phủ Tân An, tức nơi ranh giới của huyện Nghiêu Phong.

Kè đá Kinh Nhiệt

Tại xã Kinh Nhiệt có một kè đá, tương truyền ngày xưa do nhà Trần dựng lên để chặn quân Nguyên.

Ba tòa thành cổ

Một tòa thành ở xã Phù Lạc huyện Yên Hưng, đắp bằng đất; một tòa ở xã Xích Thổ huyện Hoành Bồ, đắp bằng đất và một tòa ở núi Thủ Cung xã Cẩm Phả châu Tiên Yên, xây bằng đá. Có người cho rằng thành do nhà Mạc đắp nên.

Thành cổ An Bang

Thành ở xã Vạn An huyện Hoành Bồ, nay đã đổ nát. Còn có di chỉ một tòa thành đất và Văn miếu, nay vẫn còn.

NÚI

Núi Lôi Âm

Núi ở huyện Yên Quảng, ngọn núi cao vút, trên đỉnh vuông vắn rộng rãi, không có cây cỏ, tương truyền là bàn cờ tiên

Núi Võ Tướng

Núi ở xã Động Linh huyện Yên Hưng, trên có thành, trong thành có giếng, tương truyền do nhà Mạc xây dựng. Vào thời Tự Đức, Tổng đốc Đại thần Nguyễn Tri Phương khi đi dẹp giặc cũng xây đồn tại đây.

Núi Bàn Cờ

Núi ở xã An Lương châu Tiên Yên. Có con đường ăn thông với động Tư Lặc nước Thanh.

Đảo Truyền Đăng

Đảo nằm trên biển Đông, chỗ cửa biển huyện Hoành Bồ. Ngày xưa vua Lê Thánh Tông đã duyệt binh ở đây, có làm bài thơ và lời tựa khắc lên đá.

ĐỀN MIẾU

Miếu Lê Đại Hành

Miếu ở xã Trí Châu huyện Hoành Bồ.

Miếu Hưng Đạo vương đời Trần

Miếu nằm trên tả ngạn sông Bạch Đằng thuộc xã Yên Hưng huyện Yên Hưng.

Miếu Hoàng Tiết chế

Miếu ở cửa biển Suất Tân, Cẩm Phả, châu Tiên Yên. Tương truyền vào thời Lê có bọn cướp miệng vàng răng trắng chuyên hoành hành cướp bóc dân chúng trong châu. Có người làng Hải Lãng là Hoàng Cần tự chỉ huy thủ hạ đi đánh cướp, tay cầm gậy tre đánh đuổi chúng đến xã Vô Ngại thì cắm ngược cây gậy xuống đất làm ranh giới. Ngày nay những cây tre ở đây đều mọc ngược. Sau khi ông mất

được tặng chức Khâm sai Đông đạo Tiết chế, dân địa phương lập đền thờ phụng.

CHÙA QUÁN

Chùa Lôi Âm

Chùa trên núi Lôi Âm xã An Cư huyện Yên Hưng. Trong chùa có giếng nước rất trong. Đây cũng là một danh thắng.

Chùa Vạn Triều

Chùa trên núi Vạn Triều phía đông huyện Yên Hưng. Phong cảnh rất đẹp.

Chùa Đá

Chùa ở xã Vạn Yên huyện Hoành Bồ, ở cổng chùa có cột trụ đá, nên đặt tên như thế.

TỈNH BẮC NINH

CỔ TÍCH

Thành cổ Xương Giang

Thành ở xã Thọ Xương, do người Minh đắp. Ngày nay thành đã hoang phế, nhân dân khai phá thành ruộng trồng trọt.

Thành cổ núi Bát Vạn

Thành ở huyện Tiên Du, do Sứ quân Nguyễn Thủ Tiệp đắp nên.

Thành cổ Thị Cầu

Thành ở địa giới huyện Võ Giàng, do người Minh đắp nên.

Thành Cổ Loa

Thành ở xã Cổ Loa huyện Đông Ngàn, do Thục An Dương vương đắp nên. Thành rộng hàng nghìn trượng, uốn thành hình chôn ốc nên gọi là Loa Thành. Thành còn có tên là thành Tư Long, người Đường gọi là thành Côn Luân ý nói thành đắp cao. *Đại Thanh nhất thống chí* chép kinh đô cũ của An Dương vương là thành Việt Vương. *Sử ký* chép Tiền Ngô vương Ngô Quyền cũng đóng đô ở đây.

Thành cổ Điêu Diêu

Thành ở địa giới huyện Gia Lâm, do người Minh đắp.

Thành cổ Lũng Khê

Thành ở xã Lũng Khê huyện Siêu Loại, tương truyền là lâu thành của Sĩ vương.

Thành cổ Nam Định

Ở huyện Gia Bình. Tương truyền ngày trước Cao Biền làm Đô hộ từ cửa biển tiến quân vào Nam Định đánh tan người Man Phong Châu chính là ở chỗ này.

Cố cung Kim Môn

Cung ở núi Vũ Tuyết xã Thụy Tuyết[57] huyện Yên Phong, do An Dương vương xây dựng. Nay vẫn còn bi kí.

Cố cung Cổ Bi

Cung ở xã Cổ Bi huyện Gia Lâm, xây dựng vào niên hiệu Bảo Thái đời Lê. Về sau lại đặt phủ Kim Thành[58], lấy gò Tượng Phục làm án. Di chỉ hiện vẫn còn.

Cố cung Phúc Long

Cung ở núi Thiên Thai huyện Gia Bình, tu tạo vào niên hiệu Vĩnh Thịnh đời Lê, di chỉ hiện vẫn còn.

Điện cổ Xuân Quan

Điện ở xã Xuân Quan huyện Gia Lâm, do Triệu Vũ để xây dựng. Nay dân xã ấy nhân lấy chỗ điện xưa làm đền thờ.

---

[57] *Xã Thụy Tuyết*: ngờ là chép nhầm. Tra trong một số sách địa dư không thấy có tên xã như vậy ở huyện Yên Phong. *Đồng Khánh địa dư chí* có chép xã Thụy Lôi huyện Yên Phong, có núi Vũ Đương (sau đổi là Vũ Thường). Có lẽ chữ "Lôi 雷", "Đương 當" hay "Thường 常" bị chép lẫn thành "Tuyết 雪" do tương cận về tự dạng chăng?

[58] Theo sách *Cương mục*, tháng 11 năm Bảo Thái thứ 8, Trịnh Cương tự ý dựng phủ đệ mới ở Cổ Bi, công việc làm một tháng hoàn thành, đặt tên là phủ Kim Thành.

Cố cung Bồ Đề

Cung ở bờ tây sông Nhị Hà thuộc thôn Phú Viên xã Lâm Hạ huyện Gia Lâm. Ngày trước khi Lê Thái Tổ đánh nhau với tướng Minh Vương Thông chính tại nơi đây đã đắp núi đất, dựng tầng lầu cao ngang với tháp Báo Thiên, hàng ngày ngồi trên lầu quan sát tình hình giặc ở thành Đông Quan, sai Thừa chỉ Học sĩ Nguyễn Trãi ngồi ở tầng thứ nhất biên thảo thư tráp qua lại.

Người đá đọc sách

Tại xã Dĩnh Uyên huyện Phượng Nhãn từ xưa có một gò đất cỏ mọc um tùm, trong có một tảng đá hình giống người. Cổ nhân truyền lại rằng vào đêm khuya từ đó văng vẳng có tiếng người đọc sách. Dân xã ấy bèn nhân chỗ ấy dựng ngôi đền thờ Tiên hiền.

Bia Xạ Trường

Bia đặt tại bãi tập bắn của Hồ Quí Li tại xã Dũng Vi huyện Tiên Du. Bia hiện vẫn còn nhưng nét chữ mờ mòn không thể đọc được.

Bãi lửa Bát Tràng

Ở xã Bát Tràng huyện Gia Lâm. Khoảng năm Vĩnh Thịnh đời Lê, sông nổi lên một bãi cát trên địa phận của xã, trong có một khoảnh cát rất nóng, ném cỏ rơm vào lập tức bốc khói lửa thiêu cháy hết.

Giếng cổ Minh Châu

Tương truyền An Dương vương bị Triệu Đà đánh bại, thua chạy ra đến bờ biển, nghe lời cảnh báo của Thanh Giang Sứ giả chém chết con gái là Mị Châu, máu chảy xuống nước, những con trai ngậm vào biến thành ngọc châu. Trọng Thủy ôm xác Mị Châu về an táng tại thành Cổ Loa, đau đớn khôn xiết cũng nhảy xuống giếng mà chết. Người đời sau lấy được ngọc trai ngoài biển Đông đem về rửa bằng

nước giếng ấy thì sắc ngọc càng trở nên rực rỡ. Vì thế đặt tên giếng là giếng Minh Châu (Giếng Ngọc).

NÚI SÔNG

Núi Nguyệt Hằng

Còn gọi là núi Bạch Sơn, ở phía đông nam huyện Tiên Du. Tương truyền vua Lí Thánh Tông đã lên đây và ban cho tên núi Nguyệt Hằng[59]. Núi hơi cao, chất đá lẫn đất, thường mọc những cây thông. Chân núi có miếu thờ Sơn thần.

Núi Lạn Kha

Núi ở phía nam của huyện [Tiên Du], trên núi có thú đá, ao long trì và nhà đá, trên đỉnh có bàn cờ. Tương truyền người tiều phu tên là Vương Chất lên núi gặp hai ông già ngồi đánh cờ ở dưới gốc cây thông, bèn chống rìu ngồi xem, mải mê đến lúc cán rìu mục nát ra. Nhân đó mới có tên là núi Lạn Kha (mục cán rìu). Chân núi có chùa Vạn Phúc, phong cảnh u nhã, tương truyền chùa được dựng từ đời nhà Lí. Cũng theo người xưa kể lại thì đây cũng chính là nơi Triệu Đà bị An Dương vương đánh cho thua trận. Đời Trần lập ra thư viện Lạn Kha, cứ đến ngày trùng dương hàng năm nhà vua lại ngự giá đến thăm viếng. Cách vài dặm về phía tây có chùa Vĩnh Phúc, am Nguyệt Thường. Góc mé bắc núi có chùa Kim Ngưu, là nơi Cao Biền nhìn thấy trâu vàng chạy ra. Đá núi ở đây có sắc như vàng, ban đêm phát ra ánh sáng nên có tên là núi Kim Ngưu.

Núi Tam Sơn

Núi ở xã Tam Sơn phía tây bắc huyện Đông Ngàn. Giữa đồng bằng

---

[59] Vì kiêng húy nên đổi gọi là núi Nguyệt Thường.

nổi lên ba ngọn núi như hình hạt ngọc xâu vào nhau. Tại chân núi có một dải sống đá nhô lên những ngọn bút nhọn, uốn quanh co như hình rồng rắn. Đỉnh núi có một chỗ lõm vào, gọi là Long tị (mũi rồng).

Núi Tiêu Sơn

Núi ở phía tây nam huyện Yên Phong, trên có chùa Thiên Tâm, chùa Trường Liêu. Tương truyền ngày xưa thân mẫu của vua Lí Thái Tổ lên núi Tiêu Sơn mộng gặp được thần rồi sinh ra vua.

Núi Thất Diệu

Núi ở phía tây bắc huyện Yên Phong. Những ngọn núi đất nối tiếp nhau, nổi lên núi Thất Diệu. Tương truyền vua Thục An Dương vương xây thành Cổ Loa, cứ xây lại đổ. Vua chay giới cầu đảo, có vị thần đến báo rằng hãy đợi sắp có sứ giả từ sông Thanh Giang tới. Hôm sau có một con rùa vàng nổi lên trên mặt sông bơi lại gần nói lên tiếng người, tự xưng là sứ giả Thanh Giang. Vua bèn hỏi thành cớ sao bị đổ, đáp rằng đó là bởi Vương tử đời trước báo thù đó. Nay y ẩn náu ở núi này, cùng với yêu quái nguyên là tinh con gà trắng hóa thành ở quán Ma Lôi bên núi Sùng Sơn cùng nhau tụ tập gây hại, vì thế mà làm đổ thành. Thế rồi An Dương vương cùng thần Kim Qui đi đánh yêu quái, bắt được yêu tinh gà trắng đem giết đi, đào những đồ nhạc khí cổ đem đốt hết, nạn yêu quái từ đấy chấm dứt.

Núi Trâu Sơn

Còn có tên là núi Vũ Ninh, ở huyện Quế Dương. Núi nối liền nhau, trên có giếng Việt Tỉnh. Tương truyền vào thời Hùng Vương, vua nước Ân mang quân sang xâm lược, đến chân núi này bị Đổng Thiên vương đánh tan, Ân Vương chết trên núi này, được dân địa phương dựng miếu thờ. Lâu năm miếu bị đổ nát. Đến đời Tần, Thôi

Lượng trùng tu lại miếu. Ân vương biết ơn, sai tiên Ma Cô đến trao cho Thôi Lượng thuốc tiên để chữa bệnh. Bên cạnh núi có đền thờ tiên Ma Cô.

Núi Sóc Sơn

Núi ở xã Vệ Linh huyện Kim Anh, tương truyền là nơi Đổng Thiên vương cưỡi ngựa bay về trời. Hiện có đền thờ. Thế núi quanh co, phía trước có ngọn núi hình lư hương, bờ khe xanh mướt, phong cảnh vắng vẻ thanh tao.

Sông cổ Kim Ngưu

Sông cổ ở phía đông nam huyện Văn Giang. Bắt nguồn từ sông Nhị Hà tách thành dòng nước chảy vào bãi Sơn Hô, qua cống đê Công Luận, chảy qua các xã Kim Ngưu, Đa Ngưu, quanh co dài 29 dặm, chảy vào các tổng Khóa Nhu, Bình Dân, An Cảnh, Đại Quan thuộc địa phận tỉnh Hưng Yên rồi vòng ra sông Nhị. Đoạn thượng lưu sông này nhỏ hẹp và nông, hạ lưu dòng chảy nay đã bị tắc. Tương truyền ngày xưa có con trâu vàng từ châu Vũ Ninh chạy tới trốn ở đây, Cao Biền nhà Đường sai đào đất lên để trâu mà thành sông.

ĐỀN MIẾU

Miếu Kinh Dương vương

Miếu ở xã Á Lữ huyện Siêu Loại. Các tỉnh hạt phía bắc đều có lập đền thờ.

Miếu Lạc Long Thần[60]

Miếu ở các xã Đại Bái, Minh Linh, Nghi Khúc huyện Gia Bình.

---

[60] Nguyên văn chép nhầm là Miếu Lạc Long Quân.

Thần là cháu của Kinh Dương vương, con trai của Lạc Long Quân. Ngày nay nhiều tỉnh hạt phía bắc đều có lập đền thờ.

Miếu Thục An Dương vương

Miếu ở xã Cổ Loa huyện Đông Ngàn. Sự tích xem ở phần tỉnh Nghệ An. Nhiều tỉnh hạt trong cả nước đều có đền thờ.

Miếu Triệu Vũ đế

Miếu ở xã Xuân Quan huyện Gia Lâm. Vua tên húy Đà, người Chân Định. Hồi đầu đời Tần làm Long Xuyên lệnh, rồi giữ chức Nam Hải úy. Nhà Hán phong làm Nam Việt vương. Vua tuần du đến đây đỗ thuyền ở bờ phía đông nam thì có con rồng hiện ra, bèn dựng cung điện gọi là điện Long Hưng. Sau khi ông mất, dân địa phương nhân lấy điện ấy làm đền thờ phụng. Nhiều tỉnh hạt ở Bắc Kì đều có lập đền thờ.

Miếu Triệu Việt vương

Miếu ở xã Trâu Cầu huyện Quế Dương, nằm ở bên phải miếu Triệu Vũ đế.

Miếu Lí Nam đế

Miếu ở xã Tình Quang huyện Gia Lâm. Ngày trước có người bản xã là Cao Dương theo vua Nam vào động [Khuất] Liêu, sau trở về cùng dân xã lập đền thờ.

Miếu Lí Bát đế

Miếu ở xã Đình Bảng huyện Đông Ngàn. Ngoài ra nhiều tỉnh hạt ở Bắc Kì đều có lập đền thờ.

Miếu Lí Thánh Tông

Miếu ở xã Ái Mộ huyện Gia Lâm.

Miếu Lê Uy Mục đế

Miếu ở xã Phù Chẩn huyện Đông Ngàn.

Đền Đổng Xung Thiên Thần

Đền ở xã Phù Chẩn huyện Đông Ngàn, tương truyền do vua Hùng Vương lệnh cho lập đền ở làng này để thờ thần. Vào thời Tiền Lê, thần trợ giúp cho vua Lê Đại Hành đánh vào Kinh sư, được phong Thượng đẳng thần. Vua Lí Thái Tổ phong cho thần là Xung Thiên Thần vương. Ngoài ra nhiều tỉnh hạt ở Bắc Kì đều có lập đền thờ.

Đền Đổng Xung Thiên Thần mẫu

Đền ở xã Thị Cầu huyện Võ Giàng. Thần người làng Phù Đổng, chưa lấy chồng, dẫm vào vết chân người khổng lồ mà có mang, đến ở tại chùa Điệu Sơn làng Thị Cầu, đến kỳ sinh ra Xung Thiên Thần vương. Sau khi bà mất được dân làng này lập đền thờ phụng.

Đền Trấn Thiên Chân Vũ

Đền ở xã Thụy Lôi huyện Yên Phong, còn gọi là đền Vũ Đương Nguyên Quân. Tương truyền vua Thục An Dương vương xây thành Cổ Loa, đi cùng với giang sứ là thần Kim Qui diệt trừ yêu quái trở về đến núi này thì thấy có dấu chân người khổng lồ, vua hỏi, thần Kim Qui đáp đây là vị thần từ thượng giới giáng trần giúp nước diệt trừ yêu quái. Đến thời Triệu Vũ đế sai Lưu Quĩ Điển sang Giao Chỉ, thấy có yêu khí bèn lập đàn trên núi này để làm lễ cầu trừ tà, bỗng nhiên có một vị từ trên trời giáng xuống xưng rằng: Ta là Nguyên Quân, được Thượng đế sai xuống diệt yêu quái. Nói đoạn cưỡi mây bay đi. Từ đấy nạn yêu quái dứt hết. Sự tích xem ở phần tỉnh Hà Nội. Ngoài nơi này ra, nhiều tỉnh hạt khác ở Bắc Kì đều có lập đền thờ.

Đền thần Quí Minh

Đền trên đỉnh núi Hàm Sơn xã Nội Trà huyện Yên Phong. Tương truyền thần là một trong 50 người con trai theo mẹ lên núi của Lạc Long Quân. Thần hiển linh ở đây nên được dân bản xã lập đền thờ. Nhiều tỉnh hạt khác ở Bắc Kì cũng có đền thờ.

Đền thần Phụ Quốc

Đền ở xã Tam Tảo huyện Yên Phong. Thần là một cụ già người bản xã, có công lớn che chở giúp đỡ cho vua Lí Thái Tổ. Sau khi nhà vua có được đất nước, phong cho cụ ông là Phụ quốc Đại vương, cụ bà là Vương phi. Sau khi mất được dân xã lập đền thờ.

Đền Sĩ Vương

Đền ở xã Tam Á[61] huyện Siêu Loại. Vương họ Sĩ, húy Nhiếp, tự Ngạn Uy, người huyện Quảng Tín quận Thương Ngô, đời vua Hán Linh đế làm Thái thú ở Giao Châu. Vương tính khiêm tốn, lễ phép, được kẻ sĩ và dân chúng trong nước yêu mến, tôn gọi là Vương. Cai quản châu trong 40 năm, mất thọ 90 tuổi. Đến thời nhà Đường, Cao Biền đi qua nơi này, gặp một dị nhân áo mũ nghiêm chỉnh, ăn nói nhã nhặn. Vừa mới hỏi chuyện với nhau đã không thấy người ấy đâu nữa. Hỏi thăm người địa phương mới biết ở đây có di tích ngôi miếu thờ Sĩ Vương. Cao Biền tần ngần than tiếc hồi lâu, làm một bài thơ để ở trong miếu. Bài thơ nay vẫn còn.

Đền Lã Sứ quân

Đền ở xã Phụng Công huyện Văn Giang. Thần họ Lã, húy Đường, cuối đời Ngô tự xưng là Sứ quân chiếm cứ vùng Tế Giang, nhân dân nhờ có ông mà được yên ổn. Sau khi mất được dân xã lập đền thờ.

---

[61] Nguyên văn chép nhầm là xã Tam Liễu.

Đền Chử Đồng Tử

Đền ở xã Chử Xá Châu huyện Văn Giang. Toàn xã này là một dải bãi cát nối dài tới đầm Nhất Dạ của huyện Đông An tỉnh Hưng Yên, nơi Chử Đồng Tử cùng Tiên Dung bay về trời. Xem sự tích ở phần tỉnh Hưng Yên. Nhiều tỉnh hạt khác ở Bắc Kì cũng có lập đền thờ.

Đền Trưng Nữ vương

Đền ở xã Phụng Công huyện Văn Giang. Vương người Phong Châu. Xem sự tích ở phần tỉnh Sơn Tây. Nhiều tỉnh hạt khác ở Bắc Kì cũng có lập đền thờ.

Đền thần Tam Giang Khước Địch

Đền ở trên bờ sông Tam Kì xã Hương La huyện Yên Phong. Thần là Trương Hống, cùng với người em là Trương Hát, nguyên đều là tướng của Triệu Việt vương. Khi nhà Triệu mất, hai người ẩn cư vào trong núi Phù Long. Lí Nam đế ra sức vời ra nhưng không chịu, cùng uống thuốc độc mà chết. Khi Nam Tấn vương đánh Lí Huy, quân đi đến cửa sông Phù Nam[62], mộng thấy hai anh em họ Trương đến yết kiến xin theo trợ giúp quân đội nhà vua. Trận ấy thắng giặc trở về, phong người anh là Đại Đương Giang Hộ Quốc vương, lập đền thờ ở cửa sông Như Nguyệt, phong người em là Tiểu Đương Giang Hộ Quốc vương, lập đền thờ ở cửa sông Nam Bình. Vua Lê gia phong cho Đại Đương Giang Hộ Quốc vương là Khước Địch Đại vương, Tiểu Đương Giang Hộ Quốc vương là Uy Địch Đại vương.

Đền Than Lại Cao công

Đền ở bờ sông xã Đại Than huyện Gia Bình. Bên đền có tảng đá cao sừng sững. Tương truyền Cao Biền đi qua châu Vũ Ninh mộng

---

[62] *Toàn thư* chép là Phù Lan.

gặp thần nhân xưng là Cao Lỗ, xưa giúp An Dương vương chế tạo ra nỏ thần "Linh quang kim trảo", có công dẹp trừ giặc, sau lại bị Lạc hầu gièm pha. Sau khi mất được Thượng Đế thương xót lòng trung thành, ban cho cai quản một dải núi sông. Nay đã theo ngài đi đánh giặc trở về đến bản bộ nên đến để từ tạ. Cao Biền tỉnh giấc kể lại với các quan rồi làm một bài thơ để ở miếu. Thơ ấy nay vẫn còn[63]. Người đời sau lập đền thờ phụng.

Đền Trần Hưng Đạo vương

Đền ở xã Vạn An huyện Phượng Nhãn. Vương họ Trần, húy Quốc Tuấn. Vào thời Trùng Quang nhà Trần Vương hai lần đánh tan quân Nguyên, rồi lập sinh từ ở chân núi. Sau khi mất an táng tại đây. Vua Trần Thánh Tông từng ngự chế bài văn bia ở sinh từ của ông, ví ông với Thượng phụ[64]. Đền rất linh thiêng, có chiếc hộp đựng kiếm bên trong, mỗi khi cảnh báo có giặc tới mà hộp kiếm phát ra tiếng vang thì nhất định sẽ thắng trận. Sự tích xem ở phần tỉnh Nam Định. Ngoài nơi này ra, nhiều tỉnh hạt khác ở Bắc Kì đều có lập đền thờ.

Đền Nguyễn Hoài Đạo vương

Đền ở xã Phù Dực huyện Tiên Du. Thần họ Nguyễn, húy Nộn, người bản xã. Ban đầu là cư sĩ tại chùa Phù Đổng, có được thanh kiếm thần. Vua Lí Huệ Tông từng sai đi đánh giặc Man ở Quảng

---

(63) *Toàn thư* có chép nội dung bài thơ này như sau: "Mĩ hĩ Giao Châu địa, Du du vạn tải lai. Cổ hiền năng đắc kiến. Chung bất phụ linh đài". (Nghĩa là: "Đẹp thay đất Giao Châu, Dằng dặc trải muôn thâu. Người xưa nay được thấy, Hả tấm lòng bấy lâu").

(64) *Thượng phụ*: Khương Tử Nha giúp Chu Vũ vương giành được thiên hạ, Vũ vương tôn làm thầy, gọi là Thượng phụ.

Oai[65]. Khi nhà Lí mất, Hoài Đạo vương chiếm cứ vùng Bắc Giang chống lại nhà Trần. Sau khi ông mất được dân xã lập đền thờ phụng.

Đền Nguyễn Lai Giang

Đền ở xã Kim Đôi huyện Võ Giàng. Thần họ Nguyễn, tên là Gia, làm quan nhà Lê, thà chết không theo nhà Mạc. Ông mất rồi, dân xã lập đền thờ phụng.

Đền thần núi Bắc Lũng

Đền ở núi Yên Phú xã Bắc Lũng huyện Phượng Nhãn. Tương truyền mẹ của thần nhà ở dưới chân núi, dẫm vào vết chân người khổng lồ mà mang thai sinh 3 người con. Một hôm trời nổi mưa to gió lớn, vẳng nghe trên không trung có tiếng nói rằng vâng mệnh thần núi Bắc Lũng đưa ba người con cùng bà mẹ bay lên trời. Dân làng đổ ra xem thì thấy quả núi bị xẻ ra thành 3 hang đá thông tới bờ sông Xuân Giang, bèn lập ngôi đền dưới chân núi để thờ phụng.

Đền tam vị Thủy Du

Đền ở hai xã Kì Hoạch, Hoạch Trung huyện Yên Phong, thờ ba vị là Thủy tộc Long quân, Hoàng Hà Thụy Khiết Phu nhân và Tam Giang Công chúa. Trước đền có hồ nước, nhìn ra xa là sông Nguyệt Đức.

Đền thần Cần Dinh

Đền ở xã Cần Dinh huyện Bảo Lộc, thờ hai vị thần là Đô Thiên Phụ Quốc và Minh Giang Đô Thống.

---

[65] Theo *Cương mục*, Nguyễn Nộn là cư sĩ chùa Phù Đổng, vì bắt được vàng và ngọc không đem dâng triều đình nên nhà vua hạ chiếu cho bắt. Tự Khánh xin cho Nguyễn Nộn tòng quân đánh giặc để chuộc tội. Vua ưng thuận, sai Nguyễn Nộn đem quân đi đánh Man Quảng Oai.

Đền Bồ Đề Thiền sư

Đền ở xã Đồng Húc xã Đại Đôi huyện Võ Giàng. Thần người bản xã, họ Nguyễn húy Xuyên. Khi sinh ra có ánh sáng thần tỏa sáng khắp nhà. Khi trưởng thành, ứng nghiệm vào điềm báo gà thần mà có bùa thiêng cứu người. Sau khi ông mất được dân địa phương lập đền thờ phụng.

LĂNG MỘ

Lăng Kinh Dương vương

Lăng ở xã Á Lữ huyện Siêu Loại, được xây dựng tu sửa và dựng bia vào năm Minh Mệnh thứ 21 (1840).

Lăng Tám vị vua đời Lí

Lăng ở đất thang mộc nhà Lí tại xã Đình Bảng huyện Đông Ngàn. Khu đất lăng rộng khoảng trăm mẫu, cây cổ thụ um tùm. Lăng tám vị vua đặt tại đây. Lăng được xây dựng tu sửa và dựng bia vào năm Minh Mệnh thứ 21 (1840).

Lăng vua Lê Uy Mục

Lăng ở xã Phù Chẩn huyện Đông Ngàn.

Mộ Sĩ Vương

Mộ ở xã Tam Á huyện Siêu Loại.

Mộ Trần Hưng Đạo vương

Mộ tại xã Vạn An huyện Phượng Nhãn.

CHÙA QUÁN

Chùa Thiên Tâm

Chùa ở trên núi xã Tiêu Sơn huyện Yên Phong, tương truyền là

nơi ra đời của vua Lí Thái Tổ. Bên cạnh là viện Cảm Tuyền. Lại có chùa Trường Liêu, nơi nhà sư Vạn Hạnh tới trụ trì.

Chùa Cổ Pháp

Chùa ở xã Đình Bảng huyện Đông Ngàn, nơi nhà sư Lí Khánh Văn trụ trì. Tương truyền khi Lí Thái Tổ mới lên 3 tuổi, mẹ của ngài là Phạm thị ôm con lên chùa được nhà sư thu nhận nuôi dưỡng. Ngày nay trong chùa có thờ tượng của bà là Thánh Tổ mẫu.

Chùa Vạn Phúc

Chùa trên núi Lạn Kha xã Phật Tích huyện Tiên Du, do Lí Thánh Tông xây dựng. Trong chùa có tượng đá cao 5 thước, to 6 thước.

Chùa Đại Lãm

Chùa ở địa phận trên núi thuộc tổng Lãm Thượng huyện Quế Dương, được xây dựng vào năm Quảng Hựu thứ 2 (1086) đời Lí Nhân Tông, năm sau là năm Quảng Hựu thứ 3 (1087) vua lên chùa, mở yến hội ban đêm thết đãi quần thần. Năm Long Phù thứ 5 (1105) xây 3 tòa tháp bằng đá ở chùa.

Chùa Quan Nghiêm

Chùa ở xã Vọng Nguyệt huyện Yên Phong, do Nguyệt Sinh Công chúa nhà Lí xây dựng. Năm Khai Hựu thứ 5 (1333) đời Trần Hiến Tông, dân làng địa phương trùng tu. Đến thời Trần Dụ Tông, Hàn lâm viện Học sĩ Trương Hán Siêu soạn bài văn bia, nay vẫn còn.

Chùa Diên Ứng

Chùa ở xã Khương Đình[66] huyện Siêu Loại. Chùa thờ tượng Tứ

---

[66] Nguyên văn chép "xã Khương Kì".

Pháp là Pháp Vân, Pháp Vũ, Pháp Lôi, Pháp Điện. Vào triều Trần, Mạc Đĩnh Chi xây dựng ngôi chùa có trăm gian, tháp 9 tầng. Di tích nay vẫn còn.

Chùa Phả Lại

Chùa trên núi xã Phả Lại huyện Quế Dương. Chùa cúi nhìn xuống dòng sông Lục Đầu giang, phong cảnh đẹp nổi tiếng. Tương truyền đây là nơi trụ trì của nhà sư Dương Không Lộ. Chùa có đúc một quả chuông lớn, về sau bị chìm dưới bờ sông bên cạnh chùa, nơi ấy tương truyền gọi là vũng Rơi Chuông.

Chùa Lệ Mật

Chùa ở xã Lệ Mật huyện Gia Lâm. Vào triều Lí có nàng Công chúa đi chơi bị chết đuối ở bờ sông cửa Chiêm Đức, tìm không thấy xác. Triều đình hứa thưởng tước lộc cho ai tìm vớt được lên. Trong xã có một người rất khỏe nhảy xuống sông đánh nhau với thủy quái đưa được thi thể Công chúa lên bờ. Triều đình nghị bàn thưởng tước lộc, nhưng ông không nhận, chỉ xin cho dân nghèo ở xã ông được vào nhập cư trong thành Thăng Long sinh sống. Về sau dân cư đông đúc dần, thành lập nên 13 trại. Sau khi ông mất được dân các trại về thờ phụng tại chùa bản xã.

Chùa Hàm Long

Chùa trên núi thuộc xã Lãm Sơn huyện Quế Dương. Có tháp đá cao khoảng 1 trượng. Phía đông núi có hai lỗ đá nước từ đó chảy ra không bao giờ dứt. Tương truyền đây là nơi chân tu của Thiền sư Dương Không Lộ.

Chùa Bảo Quang

Chùa ở xã Lãm Sơn Đông huyện Quế Dương. Trên đỉnh núi nổi

lên một tảng đá hình giống người, do Thiền sư Như Thông tạo ra vào năm Cảnh Thịnh[67].

Chùa Bát Vạn

Chùa ở xã Trùng Minh huyện Tiên Du. Tương truyền Cao Biền làm tám vạn cái tháp nhỏ rồi xây gộp lại trên một tòa tháp lớn 10 tầng, nhân đó lấy làm tên chùa. Trải lâu năm tháp đã bị đổ, dân xã lấy các phần tháp để xây tường chùa. Nay vẫn còn.

---

[67] Nguyên văn chép "Lê Cảnh Thịnh". Cảnh Thịnh là niên hiệu của vua Nguyễn Quang Toản đời Tây Sơn, còn trong đời Lê thì không có niên hiệu Cảnh Thịnh.

TỈNH SƠN TÂY

CỔ TÍCH

Phế thành An Dương vương

Tại thôn Việt Trì huyện Bạch Hạc hiện có một gò đất, đó là di chỉ của thành này.

Phế lũy Trưng Vương

Ở xã Cư An huyện Yên Lãng. Có hai lũy nằm cách nhau không xa. Di chỉ nay vẫn còn.

Phế thành Kiều Sứ quân

Ở xã Phù Lập huyện Bạch Hạc, thành do Sứ quân Kiều Công Hãn đắp nên, tục vẫn gọi là thành nội, thành ngoại, đó chính là thành này.

Vịnh Nguyễn Gia

Đó là một đầm nước sâu ở chân núi Biện Sơn xã Vĩnh Mỗ huyện Yên Lạc, tương truyền Sứ quân Nguyễn Khoan chiếm cứ vùng Tam Đới, chính là nơi đây.

Phế thành Đa Bang

Thành ở hai xã Vân Hội và Cổ Pháp huyện Tiên Phong, tục gọi là thành Cựu. Nhằm chống lại quân Minh sang xâm lược, Hồ Quí Li sai Hoàng Hối Khanh đắp thành Đa Bang[68]. Thành bao quát rất rộng để chống giặc.

---

[68] Theo *Toàn thư*, thì tháng 9 năm Ất Dậu (1405) Hồ Hán Thương (chứ không

Phế thành Kiều công

Thành ở xã Trương Xá huyện Cẩm Khê, do Sứ quân Kiều Thuận đắp. Di chỉ hiện vẫn còn.

Phế thành Văn Phú

Thành ở xã Văn Phú huyện Hạ Hòa. Thành xây bằng gạch đất, nay vẫn còn. Tương truyền là do quan Trấn thủ Tuyên Quang Vũ Văn Mật xây đắp vào thời Lê Trung hưng, tục gọi là thành Chúa Bầu.

Phế thành Tang Lâm

Tục gọi là thành Bầu, ở xã Phú Thọ huyện Sơn Vi. Di chỉ nay vẫn còn. Tương truyền là do quan Trấn thủ Tuyên Quang Vũ Văn Mật xây đắp vào thời Lê Trung hưng.

Phế thành Dục Mĩ

Di chỉ thành cũ nay vẫn còn ở xã Dục Mĩ huyện Sơn Vi, không rõ được đắp từ thời nào.

Phế thành Câu Lậu

Thành cổ ở huyện Thạch Thất, không rõ được đắp từ thời nào.

Phế thành Bình Đạo

Ở huyện Yên Lãng. Tương truyền do An Dương vương đắp nên để ở, hoặc cũng có người nói đó là thành cổ Phong Khê.

Phế thành Tam Đới

Thành cổ ở bờ bắc sông Phú Lương, không rõ được đắp từ thời nào.

---

phải Hồ Quí Li) sai Thái thú Đông lộ Hoàng Hối Khánh đốc suất dân phu đắp thành Đa Bang để chống giặc.

NÚI

Núi Tản Viên

Núi nằm ở địa giới hai huyện Tòng Thiện và Bất Bạt. Mạch núi bắt đầu từ Mường Thanh châu Ninh Biên trập trùng tầng lớp đổ về, từng dải kéo dài, nổi lên ba ngọn hình dáng tựa như cái dù, dàn ngang đến khoảng giữa hai dòng sông ở Lâm Thao, cảnh sắc thanh tú, khí thế trang nghiêm, là ngọn núi trấn giữ cho cả nước. Hai chỗ cao nhất của núi có hai ngôi đền thờ Thượng đẳng linh thần. Tại đỉnh núi, sườn núi và chân núi cũng có các đền Thượng, đền Trung và đền Hạ, hình dáng đẹp đẽ linh thiêng không thể kể xiết.

Núi Tùng Sơn

Núi ở huyện Tiên Phong. Ngày xưa Đinh Tiên Hoàng đi đánh dẹp Sứ quân Nguyễn Khoan thường nghỉ chân tại núi này.

Núi Sài Sơn

Còn gọi là núi Phật Tích, ở phía bắc huyện Yên Sơn. Trên núi có chùa Thiên Phúc, đằng sau là chùa Bối Am, chùa Tư Phúc, am Cực Lạc. Trên đỉnh núi có hang đá, trong hang còn lưu lại dấu chân người khổng lồ. Vào đời Cảnh Thống dựng bia ghi chép, nay vẫn còn.

Núi Tam Đảo

Núi ở phía bắc huyện Tam Dương. Có ba đỉnh núi vươn cao, giữa là Thạch Bàn, phía bên trái Thạch Bàn là Thiên Thị, bên phải là Phù Nghĩa, vì vậy có tên Tam Đảo. Trên ngọn Thạch Bàn có di tích bàn cờ tiên, xung quanh hơn nửa mẫu, bên dưới có suối nước lượn vòng 11 khúc. Lưng chừng núi có chùa Tây Thiên, tre xanh thông biếc, phong cảnh thanh cao khoáng đạt. Trên đỉnh có chùa Cổ Động. Từ chùa theo suối Giải Oan vượt núi đến Liên Hồ (hồ Sen). Bên ngoài hồ, hai bên có

suối. Dòng bắt nguồn từ sườn núi chảy xuống gọi là Ngân tuyền, dòng chảy ra từ khe đá đầu núi gọi là Kim tuyền. Từ chùa bên phải đến chùa đá cách hơn trượng, nhà toàn bằng vách đá, hai cánh cửa đóng kín bằng khóa sắt. Đá ở phía trên có khắc dòng chữ triện "Địa ngục tự", không rõ có từ thời nào. Hai dòng suối hợp lại ở trước Liên Hồ rồi lại quanh co chảy xuống hợp với suối Giải Oan. Từ hồ trở xuống tương đối bằng phẳng, có tường thành đá sừng sững, bên trong là ba nền đất, có dựng 8 phiến đá vuông như như hình bát bộ Kim cương. Có một tấm bia có khắc chữ "La Thành bất loạn", bên cạnh khắc dòng chữ "Minh Thượng thư Hoàng Phúc cẩn đề". Từ đây đi lên tới chùa Đồng, toàn đúc bằng đồng, bên trong có tượng Phật, không rõ đúc từ thời nào.

Núi Nga Sơn

Núi ở xã Bồ Lí huyện Tam Dương. Trên núi có miếu thờ bảy vị thần núi Lỗ Đỉnh Sơn. Sau miếu có một khóm tre, tương truyền rằng bảy vị thần tướng triều Trần đem quân đi đánh giặc Mông Cổ đến núi này thì dừng chân nghỉ hút thuốc lào, hút xong cắm ống điếu xuống đất. Về sau ống điếu nảy măng non mà thành bụi tre. Người ở đây không ai dám đốn chặt.

ĐỀN MIẾU

Miếu Hậu Lí Nam đế

Miếu ở xã Hương Nha huyện An Lạc. Vua họ Lí, nguyên là tướng trong dòng họ vua Tiền Lí Nam đế, đấy binh diệt Triệu Quang Phục, kế tiếp lấy hiệu là Nam đế, dời đô tới Phong Châu. Sau khi mất được dân địa phương lập miếu thờ phụng.

Miếu Tiền Ngô Vương

Miếu ở xã Cam Lâm huyện Phúc Thọ. Vương người bản xã, họ

Ngô. Lúc sinh ra có ánh sáng lạ tỏa khắp nhà. Lớn lên tinh thông thao lược, thời Ngũ Đại làm Nha tướng cho Dương Đình Nghệ cai quản vùng Ái Châu. Dương Đình Nghệ bị Kiều Công Tiễn sát hại, ông cử binh giết chết Kiều Công Tiễn. Vua Nam Hán sai con là Hoằng Thảo sang cứu Công Tiễn, ông lại giết chết Hoằng Thảo, rồi tự lập lên làm vua. Sau khi ông mất, con trai là Ngô Xương Văn dựng miếu thờ ở quê cho dân làng thờ phụng. Năm Quang Thái thứ 3 (1390) dân dựng bia ở miếu, nay vẫn còn.

Miếu Lê Đại Hành Hoàng đế

Miếu ở xã Mộ Chu huyện Bạch Hạc.

Đền Hai Bà Trưng

Đền ở xã Hát Môn huyện Phú Thọ. Hai Bà người Lộc Lãnh, Phong Châu, nay là huyện Yên Lãng, vốn mang họ Hùng. Chị tên là Trắc, hận Tô Định giết hại chồng mình, bà cùng em gái là Nhị dấy binh vây hãm trị sở của châu, bình định 65 thành trì ở vùng Lĩnh Nam, tự lên ngôi vua, đổi thành họ Trưng. Về sau bị Mã Viện đánh bại. Sau khi mất, nhân dân tưởng nhớ Hai Bà, dựng đền thờ ở cửa sông Hát Môn. Ngày nay nhiều tỉnh hạt ở Bắc Kì đều có đền thờ Hai Bà.

Đền Bố Cái Đại vương họ Phùng

Đền ở xã Cam Lâm huyện Phúc Thọ. Vương người bản xã, họ Phùng, sinh ra trong một gia đình giàu sang quyền thế, lại có sức khỏe, có thể can trâu hăng, vật hổ dữ. Vào năm Trinh Nguyên nhà Đường, quan Đô họ là Cao Chính Bình thi hành chính sách cai trị thuế má nặng nề, hình phạt hà khắc, dân chúng không sao sống nổi, bèn suy tôn ông làm vua rồi đánh bắt Cao Chính Bình, thống nhất cai trị đất nước trong 11 năm. Sau khi ông mất, con trai lên nối ngôi, suy tôn ông là Bố Cái Đại vương. Sau được dân địa phương lập đền thờ

phụng. Năm Hồng Đức đời Lê trùng tu đền, dựng bia, hiện vẫn còn. Ngày nay nhiều tỉnh hạt ở Bắc Kì đều có đền thờ phụng.

Đền Thiên Sách vương họ Ngô

Đền ở hai xã Ngọc Canh và Hương Canh[69]. Ông là con trưởng của Tiền Ngô Vương. Khi em trai là Xương Văn lên ngôi, ông cùng em trông coi việc nước, xưng là Thiên Sách vương.

Đền Nguyễn Sứ quân

Đền ở hai xã Vĩnh Mỗ, Tiên Mỗ huyện Yên Lạc. Thần người huyện Yên Lạc, họ Nguyễn, là một trong 12 Sứ quân, tự xưng là Nguyễn Thái Bình, đem quân chiếm cứ Nguyễn Gia Loan ở Tam Đới. Sau khi mất được dân địa phương lập miếu thờ phụng.

Đền Sơn thần núi Tản Viên

Đền ở sách Thủ Pháp huyện Bất Bạt. Có ba ngôi đền Thượng, Trung, Hạ. Tương truyền có ba vị thần là Nguyễn Hương, Nguyễn Tuấn và Nguyễn Lang. Có thuyết nói thần tên là Hương, là con của Lạc Long Quân, sống vào thời Đường Nghiêu, có phép tiên, có thể diệt trừ thủy tai. Về sau lại đánh quân Thục, rồi đi du ngoạn các danh thắng trong nước, đến núi Tản Viên dựng cung điện ở lại. Về sau được dân địa phương lập miếu thờ phụng. Sơn thần rất linh thiêng, ở đền thường có hạc múa voi quỳ, rồng cuộn hổ ngồi. Cao Biền muốn yểm nhưng không được. Thời vua Ý Tông đời nhà Đường ban cho tiền vàng để sửa chữa đền. Nay vẫn còn. Tương truyền con gái vua Hùng là Mị Nương kén chồng, có hai chàng trai, một chàng tự xưng là Sơn Tinh, một chàng là Thủy Tinh đến xin cầu hôn. Hùng vương

---

[69] Nguyên văn chép "xã Vương Canh và Tiên Canh". Tra trong *Đồng Khánh địa dư chí* phần tỉnh Sơn Tây không thấy hai tên xã này, tại huyện Yên Lãng chỉ thấy hai tên xã Ngọc Canh và Hương Canh thuộc tổng Hương Canh.

hẹn rằng ai đưa sính lễ đến trước thì sẽ gả con gái cho. Hôm sau, Sơn Tinh biện lễ vật đem đến trước, được đón Mị Nương về núi Tản Viên. Thủy Tinh đến lỡ, bèn dẫn các loài thủy tộc đuổi theo, nhưng vì Sơn Tinh có phép thần biến hóa nên Thủy Tinh không làm gì được. Tương truyền Sơn Tinh chính là Nguyễn Tuấn. Theo sách *Địa Dư chí* của Nguyễn Trãi đời Lê, vua Lí Nhân Tông sai dựng đền thờ ở đỉnh ngọn núi thứ nhất, có lầu cao 12 tầng, nay vẫn còn. Ngoài nơi này ra, nhiều tỉnh hạt ở Bắc Kì cũng đều có đền thờ phụng.

Đền Sơn thần núi Tam Đảo

Đền ở xã Sơn Đình huyện Tam Dương, không rõ có từ thời nào. Nay vẫn còn tượng đồng thờ ở trong đền. Tương truyền đền thờ Sơn thần núi này. Vào triều Lê, quân triều đình đi đánh giặc Ngọc Bội, được thần hiển linh phù hộ. Thắng trận trở về phong cho thần là Thượng đẳng thần.

Đền thần Tam Giang

Còn gọi là quán Thông Thánh ở xã Bạch Hạc huyện Bạch Hạc. Vào niên hiệu Vĩnh Huy nhà Đường, Đô đốc Phong Châu là Nguyễn Thường Minh xây dựng quán Thông Thánh ở bờ sông Bạch Hạc, đặt tượng Tam Thanh để thờ.

Đền thần Sanh Uyên

Đền ở thôn Cát xã An Nhiên huyện Bạch Hạc. Vực Sanh rộng 12 mẫu, sâu không nhìn thấy đáy, bên dưới có loài cây sanh, nên đặt tên là vực Sanh. Tương truyền ngày trước ở tây nam thôn này có một ngôi miếu cổ, thờ hai vị thần là vua Lí Nam Đế và Thông phán Dương Đường. Xung quanh có nhiều hoa thơm cỏ lạ tạo thành rừng. Phía tây khu rừng là chợ. Mé đông của chợ có chùa. Thế rồi một hôm bỗng dưng đất bị nứt ra, trong chốc lát chỗ đó lõm xuống như miệng giếng,

cả chợ và chùa biến thành cái vực sâu. Rồi lại có một tượng đá nhô lên, trên có đề chữ "Linh uyên", các loài thủy tộc bò cả ra biển. Long vương khi ấy mới tới bệ của đền thì chợt biến mất. Về sau dân địa phương lập đền thờ phụng.

Đền Cao Vương

Đền ở xã Khê Xuyên huyện Yên Lãng, thờ thần họ Cao. Sự tích xem ở phần tỉnh Hải Dương. Nhiều tỉnh hạt khác ở Bắc Kì đều có đền thờ phụng.

Đền Tử Chàng Đế quân

Đền ở xã Hoàng Xá huyện Yên Sơn. Thần họ Trương, sống vào thời nhà Tấn, sau chuyển tới Tử Chàng thuộc Thục quận sinh sống. Tuổi trẻ thi đỗ, là một danh sư thời nhà Thục, có công phát triển Nho giáo. Sau khi ông mất, các học trò dựng đền thờ, đề biển "Văn Xương quân từ". Vua Đường Minh Hoàng tấn phong cho hiệu Vương, đời sau lại gia phong hiệu Đế. Vào đời Hồng Đức nhà Lê, quan Thượng thư Nguyễn Địch Tâm đi sứ Bắc quốc xin được tượng của ông rước về nam rồi dựng đền tại xã Hoàng Xá để thờ.

Đền Lí Thiếu úy

Đền ở xã Yên Sở huyện Đan Phượng. Thần người xã này, thời trẻ có tài năng hơn người, thờ vua Lí Nam Đế có nhiều công lao lớn, nổi tiếng là trung liệt, được phong làm Tướng quân, cai quản hai xã Đỗ Động, Đường Lâm, giặc man di bặt tăm, dân chúng được sống yên ổn. Lại cất quân đánh bại Lâm Ấp. Vua Nam đế khen ngợi công lao bình định giặc man, nên ban cho tên là Phục Man, được mang họ Lí, thăng chức làm Thiếu úy. Về sau đi trấn Lâm Ấp, bị người Chiêm đánh lại, thua trận phải tự vẫn. Thi hài mang về an táng tại bến Hồ Mã ở bờ sông của xã Cổ Sở. Về sau, vua Lí Thái Tổ khi đi thăm các địa

phương đến bến Cổ Sở, đang đêm mộng thấy thần hiện ra, tự xưng là Lí Phục Man đến trước mặt vái lễ và ngâm bài thơ. Vua bèn sai dựng đền, tạc tượng thờ phụng quanh năm. Vào niên hiệu Cảnh Trị đời Lê, Nguyễn Tuấn Ngạn soạn bài văn bia của đền, nay vẫn còn.

Đền thần Đô Thống

Đền ở xã Đồng Bảng huyện Tòng Thiện. Tương truyền thần là người xã này, thân cao một trượng, sức khỏe có thể nâng vật nặng trăm cân. Vào đời nhà Trần có giặc phương bắc tới xâm lược, quân lính đóng đồn ở dọc bờ sông Bạch Hạc và Sơn Vi. Thần cầm gậy sắt đánh cho giặc thua tan tành. Vua Trần ban cho 8 chữ: "Nam thiên tráng khí, Bắc khấu hàn tâm". Sau khi mất được dân địa phương lập đền thờ phụng, gọi là đền Đô Thống.

Đền Thượng thư họ Nguyễn

Đền ở xã Xuân Lôi huyện Lập Thạch. Thần thi đỗ Tiến sĩ đời Hồng Đức, làm quan đến chức Hộ bộ Thượng thư, đã về hưu trí. Bấy giờ nhà Mạc tiếm ngôi. Con trưởng của ông là Nguyên đi theo nhà Mạc, ông bèn phế bỏ, lập con thứ làm người thừa tự, rồi hướng về phía Lam Sơn khóc mà tự vẫn. Đến đời Lê Trung hưng, ông được triều đình ban khen là tiết nghĩa, lập đền tế lễ, thờ phụng.

Đền Thượng thư họ Phùng

Đền ở xã Phùng Xá huyện Thạch Thất. Ông thời trẻ nổi tiếng về tài văn học, không chịu ra ứng thí khoa thi của nhà Mạc. Đến năm Quang Hưng thứ 2 (1579) thi đỗ Nhị giáp Tiến sĩ, làm quan giữ chức Công bộ Tả Thị lang, sung vào đoàn sứ bộ đi sứ Bắc quốc, được vua Minh khen ngợi tài năng và ban thưởng. Trở về ông được thăng làm Hộ bộ Thượng thư, tấn thăng Thái phó, tước Quốc công. Sau khi mất được tặng Thái tể. Năm Gia Long nguyên niên (1802) được liệt vào

danh sách Trung hưng Công thần, cho hậu duệ của ông được tập ấm để trông coi việc thờ tự.

Đền Tham chính họ Nguyễn

Đền ở xã Lí Hải huyện Yên Lãng. Thần thi đỗ Tiến sĩ vào niên hiệu Đoan Khánh, nhưng không nhận, đến niên hiệu Hồng Thuận lại thi đỗ, ra làm quan giữ chức Tham chính. Gặp khi nhà Mạc cướp đoạt ngôi nhà Lê, ông chỉ huy hương binh chống lại, đánh nhau bị thua, phải tự vẫn. Đến thời Trung hưng, ông được ban khen ghi nhận là tiết nghĩa, phong là Phúc thần.

Đền Thị lang họ Lê

Đền ở huyện Thiên Lộc[70]. Thần là Tiến sĩ đời Hồng Đức, làm quan đến chức Lễ bộ Hữu Thị lang. Khi nhà Mạc tiếm ngôi, ông theo vua Lê Chiêu Tông về Thanh Hóa, bị giặc bắt, tự vẫn mà chết. Sau khi Trung hưng nhà Lê, ông được ban khen ghi nhận là tiết nghĩa, phong là Phúc thần.

LĂNG MỘ

Mộ Bố Cái Đại vương họ Phùng

Mộ ở xã Cam Lâm huyện Phúc Thọ.

Mộ Tiền Ngô Vương

Mộ ở xã Cam Lâm huyện Phúc Thọ.

Mộ Lí Phục Man

Mộ ở xã Yên Sở huyện Đan Phượng[71].

---

[70] Nguyên bản chép huyện Thiên Lộc, có lẽ nhầm, vì tỉnh Sơn Tây không có tên huyện này.

[71] Nguyên bản chép là xã Cam Lâm huyện Phúc Thọ, có lẽ nhầm. Ở đoạn trên

CHÙA QUÁN

Chùa Thiên Phúc

Chùa ở chân núi Sài Sơn[72] huyện Yên Sơn, ngày xưa gọi là am Hương Hải, hoặc còn có tên là viện Bổ Đà. Chùa bên trái thờ tượng Thiền sư Từ [Đạo Hạnh], bên phải thờ tượng vua Lí Thần Tông, ở giữa thờ Phật. Thiền sư họ Từ, tên Lộ, tự Đạo Hạnh, người Hà Nội, là vị cao tăng nổi tiếng ở đời, lên tu hành tại chùa này. Phía trước chùa có 70 mẫu ruộng, tương truyền là ruộng của nhà sư, nay là ruộng tự điền của dân thôn sở tại. Thời ấy, vua Lí Nhân Tông tuổi cao mà chưa có con trai kế vị, bèn nói với Đạo Hạnh xin cầu tự. Đạo Hạnh hẹn với vua rằng, khi nào Phu nhân sắp sinh hãy đến báo trước cho mình. Nhân Tông theo hẹn đến báo, Đạo Hạnh liền thay quần áo bước vào khám trút xác mà hóa. Phu nhân liền sinh ra Thần Tông. Đến đời Quang Thuận, Trường Lạc Hoàng hậu cũng đến đây cầu tự, bỗng nhiên có một hòn đá từ trong hang bay ra. Hoàng Hậu mang về tạc thành tượng Phật để thờ, sau đó bà sinh ra vua [Lê] Hiến Tông. Đến năm Cảnh Thống, vua sắc cho dựng bia am Hiền Thụy, nay vẫn còn[73].

Chùa Hoa Long

Chùa ở bờ sông thôn Việt Trì huyện Bạch Hạc, không rõ có từ

(mục Đền Lí Thái úy) có nói Lí Phục Man đi trấn Lâm Áp, bị người Chiêm đánh lại, thua trận phải tự vẫn. Thi hài mang về an táng tại bến Hồ Mã ở bờ sông của xã Cổ Sở.

[72] Nguyên văn chép nhầm là núi Từ Sơn.

[73] Nguyên văn chép nhầm là "năm Cảnh Thuần". Tấm bia *Hiền Thụy am bi* này khắc vào năm Cảnh Thống thứ 3 (1500) do Nguyễn Bảo, Tiến sĩ khoa Nhâm Thìn (1472) soạn (Thác bản Thư viện Viện Nghiên cứu Hán Nôm, kí hiệu số 1223).

thời nào. Bên cạnh chùa có một bàn đá trượt rơi xuống bến sông, trên có dấu chân người khổng lồ.

Chùa Tây Thiên

Chùa nằm trên núi Tam Đảo thuộc địa phận xã Sơn Đình huyện Tam Dương, không rõ có từ thời nào, lần lượt được trùng tu vào các niên hiệu Long Đức, Chính Hòa, Bảo Thái. Các tấm bia ghi chép hiện vẫn còn.

Chùa Quảng Nham

Chùa trên núi xã Tiên Lữ huyện Yên Sơn. Ngày trước có một người ở Quảng Oai họ Nguyễn, tự Bình An trụ trì ở chùa này, tương truyền là vị chân nhân đắc đạo. Từ đời Trần trở về sau sắc phong cho ông là Đại Từ Bi Bồ tát. Triều ta cũng gia phong cho là Xung tịnh Trạm không Mặc linh Đoan túc chi thần.

TỈNH HƯNG HÓA

CỔ TÍCH

Cựu trấn Hưng Hóa

Tại xã Phương Giao huyện Thanh Sơn có tòa thành cổ, từ niên hiệu Quang Thái đời Trần trở về sau là trị sở của trấn Thiên Hưng. Từ thời Hồng Đức nhà Lê mới đặt ra Tam ti, trị sở của trấn đặt nhờ ở xã Cổ Pháp huyện Tiên Phong; hai ti Thừa, Hiến đặt nhờ ở Trinh Xá huyện Sơn Vi Sơn Tây. Từ Lê Trung hưng về sau, trị sở Tam ti hợp lại ở Cổ Pháp. Sau đó bỏ hai ti Thừa, Hiến, còn Trấn ti dời trị sở đến động Bách Liêm huyện Trấn Yên, rồi lại đặt nhờ ở xã Trúc Phê huyện Tam Nông.

Bia cổ Hoài An

Bia trên núi đá ở thượng lưu sông Phá Giang, Lai Châu. Năm Thuận Thiên thứ 4 (1431), vua Lê Thái Tổ thân chinh Đèo Cát Hãn qua đây làm bài văn bia và lời Tự khắc vào đá, nay vẫn còn.

Bia cổ Hào Trang

Bia trên núi Thác Pha huyện Đà Bắc. Trên sườn núi có tảng đá lớn có khắc một bài thơ của vua Lê Thái Tổ kèm lời tiểu dẫn. Bia ấy nay vẫn còn.

Lũy cổ Ngọc Uyển

Lũy ở châu Thủy Vĩ, tương truyền ba cha con Gia Quốc công Vũ Văn Mật dựng lũy ở xứ Ngọc Uyển Trung Đô cầm cự đánh nhau với

quân Mạc trong hơn 20 năm. Nay vẫn còn sót lại một vài đoạn đá xếp. Ở đây còn có 3 ngôi đền do dân địa phương thờ phụng rất linh thiêng.

Thành Thủy Vĩ

Giáp giới với Vân Nam, ti Tuyên Úy Lão Qua, từ Thủy Vĩ đến thành ti Lão Qua cách nhau 567 dặm. Năm Tuyên Đức thứ 2 triều Minh, cánh quân của Mộc Thạnh theo đường Vân Nam tiến đến Trại Cao châu Thủy Vĩ. Quân ta chính tại thành này chống trả cả hai cánh thủy bộ của chúng.

Thành Biểu Gia

Thành ở xã Phan huyện Trấn Yên, không rõ đắp từ thời nào. Di chỉ cũ hiện còn, gồm thành nội, thành ngoại xây bằng gạch đất. Cũng có một tấm bia nhưng chữ đã mờ mòn hết.

NÚI SÔNG

Núi Động Đình

Núi ở phía tây châu Yên. Đây là ngọn núi cao nhất, đỉnh núi trập trùng, xung quanh suối khe quanh co, là quả núi nổi tiếng của tỉnh.

Núi Điềm Thiệt

Núi ở phía nam huyện Thanh Thủy, chiều ngang rộng hơn trăm dặm. Trên đỉnh có một gò và một hồ vuông, nước rất trong. Trong hồ có loài cá lạ, dài hơn 4 thước, có bốn chân như chân vịt, lưng đỏ, bụng có dải màu đỏ.

Núi Ngải Sơn

Núi ở châu Đà Bắc, phía trước ăn ra đến sông lớn, đá nhọn dựng đứng, rất ít có dấu chân người qua lại. Tương truyền trên

núi có giống cây ngải tiên, mùa xuân đơm hoa. Sau trận mưa, nước cuốn theo lá, loài cá ăn vào thì có thể vượt long môn mà hóa thành rồng.

Núi Cổ Thành

Núi ở châu Ninh Biên. Núi hình tròn, rộng, cỏ cây mọc xanh um tùm. Dòng sông lớn chảy dưới chân núi, tiếp giáp với biên giới nước Nam Chưởng. Trên núi có thành cổ Tam Vạn. Bên trái châu Ninh Biên là châu Chiêu Tấn, thông với Mường Lự, bên phải là thành Tam Vạn, thông với Ai Lao, có sông Hắc Long Giang có thể thông với nước Hàm Cẩu và Mường Cân.

Sông Kim Tử

Sông ở phía tây châu Chiêu Tấn, nước từ núi Lương Thiện chảy ra, theo hướng nam đổ vào thượng lưu sông Đà Giang. Nước sông mỗi ngày ba lần đổi màu.

Suối nước nóng Ôn Tuyền

Suối ở xã Ngọc Tiễn châu Quỳnh Nhai, vào mùa xuân và mùa hạ nước hơi ấm, sang mùa thu mùa đông trở nên nóng rát như nước sôi, thả cá vào là chết ngay.

ĐỀN MIẾU

Đền Liễu Hạnh Công chúa

Đền ở phố Minh Hương. Sự tích xem ở phần tỉnh Nam Định.

Đền thần núi Tản Viên

Ở 3 xã Hùng Nhị, Phù Yên và Quang Huy huyện Thanh Sơn đều có đền thờ. Sự tích xem ở phần tỉnh Sơn Tây.

Đền Đại Tướng quân họ Đinh

Đền ở xã Phù Khoán huyện Thanh Thủy. Thần là người bản huyện, có công theo phò vua Thái Tổ, được phong Đại Tướng quân Vũ Quận công, cai quản việc binh dân bản xứ. Sau khi mất được dân địa phương lập đền thờ phụng.

Đền thần Linh Ý

Đền ở xã Phương Giao huyện Thanh Sơn. Tương truyền thần là người bản xã sống vào đầu thời nhà Đinh. Bấy giờ có người đàn bà là vợ của nhà họ Đỗ. Một hôm đi làm ruộng, gặp phải mưa gió sấm sét, bà phải náu lại trên núi. Ban đêm có một dải sáng từ trên trời phóng xuống quấn quanh thân mình, bà cảm động mà mang thai. Rồi sinh ra một người con gái nhan sắc kiều diễm, tính tình đoan trang, người làng gọi là người tiên. Về sau chết ở trên núi, chưa kịp chôn cất mối đã đùn lên thành nấm mộ. Từ đó mỗi khi trời đổ mưa gió khắp nơi, riêng chỗ này tạnh ráo. Hoặc đang trong đêm tối mà chỗ này lại sáng rực. Dân địa phương lập đền thờ phụng.

Đền Trần Đại tướng

Đền ở xã Vân Lung huyện Thanh Sơn. Tương truyền thần là Đại tướng thời Trần đem quân đi đánh giặc rồi tử tiết ở đây, được dân địa phương lập đền thờ phụng.

CHÙA QUÁN

Chùa Cổ Thành

Chùa ở trị sở phủ Điện Biên, tương truyền là do người Man Ai Lao xây dựng.

Chùa Thiền Viện

Chùa ở xã Mộc Thượng Mộc Châu. Trong chùa có tượng đồng,

gồm 1 pho tượng lớn, 4 pho tượng khá lớn, 8 pho tượng vừa và 56 pho tượng nhỏ. Còn có 2 pho tượng bằng thiếc và 1 pho tượng bằng ngà.

Chùa Đà Môn

Chùa ở xã Mộc Thượng Mộc Châu. Trên núi ở đây mở ra một cửa động, ở sâu trong động là chùa. Chùa có 1 pho tượng đá, 5 pho tượng gỗ, rất linh thiêng.

Chùa cổ Hắc Viên

Chùa ở động Túc Mục Mộc Châu. Trong chùa có pho tượng đồng đen, rất linh thiêng. Người đến cầu xin, nếu trai giới sạch sẽ, lại phải là người thật thà, thấy của rơi không nhặt thì sẽ được ứng nghiệm. Trước cửa chùa có một chiếc chiêng cổ bề ngang to đến 4, 5 thước.

TỈNH TUYÊN QUANG

CỔ TÍCH

Phế thành Nghị Lang

Ở xã Lương Sơn châu Lục Yên. Đầu niên hiệu Nguyên Hòa đời Lê, Vũ Văn Uyên chiếm đóng ở đây chống lại nhà Mạc, còn gọi là phủ Bô, hay thành Bầu, di chỉ hiện còn. Vào những đêm thanh vắng, dân địa phương thường nghe thấy từ trong thành vẳng ra tiếng chuông trống và lập lòe ánh lửa. Tương truyền Vũ Văn Uyên ở đất Giao Cương, chính là nơi này.

Phế thành Cát Tường

Thành ở xã Khánh Vân huyện Hàm Yên, tương truyền do quan Trấn thủ Tuyên Quang Vũ Văn Mật xây dựng. Xung quanh thành cây cối rậm rạp, khoảng giữa bằng phẳng thoáng rộng. Còn gọi là Bô Thành, di chỉ hiện vẫn còn.

Phế thành Bình Ca

Thành ở xã Bình Ca huyện Hàm Yên[74], được xếp chồng bằng gạch đất, trong có một ngôi miếu cổ và hai pho tượng đá.

Phế thành Việt Tĩnh

Thành ở xã Diên Gia, Thu Châu, trước mặt là sông. Di chỉ hiện còn.

---

[74] Nguyên văn chép nhầm là huyện Thành Yên.

Đình bia Đổ Chú

Bia ở sông Đổ Chú huyện Vĩnh Tuy. Bia khắc chỉ giới châu Vị Xuyên trấn Tuyên Quang nước An Nam, lấy mốc là sông Đổ Chú. Năm Bảo Thái thứ 9 (1728), triều đình phái Lại bộ Tả Thị lang Nguyễn Huy Nhuận, Quốc tử giám Tế tửu Nguyễn Công Thái hợp cùng quan Tri phủ phủ Quan Hóa nhà Thanh là Ngô Sĩ Hiện vâng chỉ dựng nhà bia địa giới. Trải lâu ngày đã bị đổ. Năm Minh Mệnh thứ 13 (1832) mệnh cho tỉnh thần tu sửa lại, nay vẫn còn.

NÚI SÔNG

Núi Lão Quân

Ngọn núi cao nhất ở phía đông bắc huyện Vĩnh Tuy, phía tây sông Lô, nối liên tiếp với các núi khác ở Tụ Long. Núi có nhiều cây thông già cổ thụ, lớn đến 10 vòng tay ôm. Ngày xưa có một cụ già có tài yểm trừ ma quỷ sống ở đây, vì thế có tên là núi Lão Quân.

Núi Tụ Long

Núi ở phía đông huyện Vĩnh Tuy. Đỉnh núi trập trùng nối tiếp nhau như những con rồng, nên mới có tên như thế. Núi có đá nam châm và đồng đỏ, cũng có cát lẫn bạc, nên còn gọi là Xưởng Đồng hay Xưởng Bạc. Từ xưa đã lập những hộ khai thác để thu thuế.

Núi Thiên Tạo

Núi ở phía đông huyện Vĩnh Tuy, ngọn núi cao đứng trơ vơ, đường nét như qui khắc thần tạc được trời dựng nên ở đây, nên mới có tên núi Thiên Tạo.

Núi Ngọc Nữ

Núi nằm ở chỗ tiếp giáp giữa huyện Vĩnh Điện với châu Bạch

Thông của tỉnh Thái Nguyên. Núi đá cao chọc trời, xung quanh các núi khác trực hầu nhiều không kể xiết. Huyện Trấn Yên của nước Thanh ở cách xa đến 5 ngày đi đường mà từ đây vẫn nom thấy. Tương truyền trên núi có cái hồ sen, các tiên nữ thường hay xuống chơi nên có tên là Ngọc Nữ. Trèo lên núi chưa tới nửa chừng, gió đã cuốn theo sương mù thổi vào mặt, mây giăng mù mịt không nhận ra đường mà leo. Chân núi trở xuống nối tiếp với những núi khác của huyện Đương Đạo, nổi lên ba hòn đảo, còn các nhánh núi chia ra nhiều không kể hết.

Núi Vân Trung

Núi ở phía tây huyện Để Định, đỉnh núi trập trùng uốn lượn nhấp nhô như ngọn sóng, mịt mù lam khí dày đặc nhất vào mùa thu đông. Người chỉ đứng cách một trượng cũng không trông thấy nhau, cứ như ở trong đám mây, nên mới có tên là núi Trong Mây.

Núi Ngọc Mạo

Núi ở phía tây huyện Để Định, xa trông bằng phẳng thoáng rộng đến 2 nghìn mẫu. Ở giữa một ngọn nhô cao hình dáng giống chiếc mũ, nên mới đặt tên như vậy. Phía trước núi có hồ nước gọi là hồ Ngọc Mạo, nước trong vắt, cảnh sắc rất đẹp.

Sông An Long

Sông ở huyện Vĩnh Tuy, bắt nguồn từ phía đông tỉnh Hưng Hóa chảy vào huyện Vĩnh Tuy, đến xã An Long thì nhập vào sông Lô. Nước vào mùa xuân, hạ rất nông có thể lội qua, đến mùa thu, đông nước dâng lên đến châu Lục Yên hợp với nước sông Lô đổ về xuôi. Tương truyền ở sông An Long và các dòng suối ở đây có cát vàng, dân địa phương đi đãi mỗi ngày kiếm được đến 2, 3 mạch. Nhà nào nuôi ngan vịt mổ ra trong bụng cũng lấy được 1, 2 quan, chí ít cũng được 3, 4 mạch.

Á tuyền (Suối Câm)

Suối ở phía đông bắc huyện Đề Định, nước từ huyện Vĩnh Điện tách dòng chảy ra hợp với sông Ngô Giang, màu nước đen như mực. Uống phải nước này lòng dạ trở nên mê lú, không nói được, râu tóc rụng hết. Dân địa phương phải dựng tấm bảng cảnh báo cho người đi đường, đề là "suối Câm"

ĐỀN MIẾU

Đền Phương Dung Công chúa

Đền trên bờ phải sông Lô thuộc huyện Vĩnh Tuy. Tương truyền ngày xưa có hai nàng Công chúa là Ngọc Lân và Phương Dung theo xa giá nhà vua đi chơi, đậu thuyền ở bờ sông Lô. Đến đêm chợt mưa to gió lớn nổi lên, cả hai nàng cùng bay lên trời. Dân địa phương cho là chuyện kì lạ, bèn dựng đền thờ phụng. Đến triều ta, Lê Văn Đức vâng mệnh đi đánh giặc Vân, qua đền vào cầu đảo. Thắng trận trở về đem sự việc tâu lên. Triều đình ban sắc mệnh gia phong là Hiệp thuận chi thần. Văn bia ở đền nay vẫn còn.

Đền Ngọc Lân Công chúa

Đền trên bờ trái sông Lô thuộc huyện Vĩnh Tuy. Lê Văn Đức triều ta vâng mệnh đi đánh giặc Vân, qua đền vào cầu đảo. Thắng trận trở về đem sự việc tâu lên. Triều đình ban sắc mệnh gia phong là Quang thuận Hiệp linh chi thần.

Đền thần Quảng Tế

Đền ở xã Đồng Yên huyện Hàm Yên. Tương truyền thổ dân sống ven sông này thường bị thủy quái rồng rắn quấy nhiễu gây hại, bèn cùng hợp sức xây ngôi đền thờ Quảng Lợi vương, gọi là đền thần Quảng Tế. Các triều đại đều ban sắc gia phong.

Đền Cao Sơn

Đền trên núi Biền Sơn thuộc xã Vũ Linh châu Thu.

Đền Đạt Công chúa

Đền ở bờ sông xã Đạo Ngạn châu Thu, được ban sắc phong vào năm Tự Đức thứ 7 (1854).

Đền Gia Quốc công

Đền ở xã Đại Đồng châu Thu. Vào đầu thời kì Trung hưng nhà Lê, quan Trấn thủ Tuyên Quang Vũ Văn Mật do có công đánh nhà Mạc nên được phong là Gia Quốc công, cho được thế tập chức Trấn thủ trấn Tuyên Quang. Dân địa phương cảm nhớ ân đức của ông dựng đền thờ phụng.

Miếu Lịch Sơn

Miếu ở huyện Sơn Dương. Trên đỉnh núi có bàn đá phẳng gọi là bàn cờ tiên. Bên sườn núi có tảng đá hình cái thuyền, gọi là Túc xác (vỏ trấu). Đỉnh núi có đền thờ vua Thuấn rất thiêng. Phía trên đền vua Thuấn là đền vua Nghiêu. Dân xã An Lịch đặt ruộng tự điền thờ phụng.

CHÙA QUÁN

Chùa Hương Nham

Chùa ở xã Đông Thủy huyện Hàm Yên. Ở đây có một động đá rất rộng, trong có tảng đá giống hình người. Người đời trước nhân nơi đây mở ra thành chùa gọi là Hương Nham tự. Năm Đại Chính thứ 8 (1537) nhà Mạc, quan Án sát sứ Tuyên Quang là Ngô Mật Trinh soạn bài văn bia chùa, nay vẫn còn.

TỈNH LẠNG SƠN

CỔ TÍCH

Thành cổ Mai Lăng

Dưới chân núi đá ở phía tây con đường dịch lộ châu Ôn có tòa thành cổ cao 5 thước, tương truyền là do người Minh đắp nện.

Quỷ Môn quan

Ở xã Mai Lăng cách châu Ôn 16 dặm về phía nam. Cửa ải đường đi nhỏ hẹp, đá núi lởm chởm, sát hai bên là bờ khe sâu, cây cối rậm rạp, địa thế rất hiểm trở. Có ngọn núi hình đầu con quỷ đứng sừng sững rất đáng sợ. Vì thế đặt tên là Qui Môn quan. Người miền bắc có câu ngạn ngữ: "Lên Quỷ Môn quan, mười người đi chỉ một người trở về". Sách *Hoàn vũ kí* chép: Quỷ Môn quan ở cách huyện Bắc Lưu 30 dặm về phía nam, hai bên vách đá đứng sừng sững châu đầu vào nhau. Mã Viện đời Hán đi đánh dẹp người Man Lâm Ấp đã dựng bia tại đây.

Thành cổ Kì Giang

Thành ở bờ phía đông sông Kì Cùng châu Thoát Lãng, do người Minh đắp nên. Cũng có thuyết nói đó là thành của nhà Mạc xây dựng. Di chỉ hiện vẫn còn.

NÚI

Núi Mã Yên

Núi ở phía tây con đường dịch trạm thuộc địa phận xã Mai Sảo

phía tây châu Ôn. Ngày xưa danh tướng Lê Sát của vua Lê Thái Tổ đã chém chết tướng Liễu Thăng nhà Minh tại đây. Ngày nay mé bên đường bên chân núi có hai tảng đá, một tảng hình thanh kiếm gọi là kiếm Thái Tổ, còn một tảng hình người nằm gọi là đá Liễu Thăng.

Núi Khiếu Lịch

Núi ở huyện Thất Khê, trên có lũy cổ. Chân núi có tấm bia, chiều dài và rộng cỡ 1 thước 5 tấc, nét chữ lâu ngày đã mờ mòn hết, tương truyền là do Tiến sĩ triều Lê Ngô [Thì] Sĩ dựng nên.

ĐỀN MIẾU

Đền Qui Môn

Đền ở châu Ôn, phía trước nhìn ra suối Thái Khê, đằng sau gối lên núi đá. Hang đá cây rừng mọc rậm rạp, địa hình hiểm trở. Tương truyền là đền thờ Phục Ba Tướng quân Mã Viện thời Hán. Có tượng đá.

Đền Pha Long

Đền ở chân núi Mai Pha Long bên ngoài cổng phía nam tỉnh thành, thờ Sơn thần. Đền cực kì trang nghiêm tráng lệ, thuộc hàng đệ nhất của tỉnh thành.

Đền sông Kì Cùng

Đền nằm trên bờ sông Kì Cùng thuộc xã Vĩnh Trại châu Ôn. Bên cạnh đền là hang đá giao long.

Đền Tả Phủ

Đền ở phố Khâu Lừa, tương truyền thờ phụng quan Trấn thủ triều Lê là Đô đốc phủ Tả Đô đốc Hán Quận công, người từng thi hành nhiều chính sách cai trị đem lại ân huệ cho dân và cũng là người

khai mở ra phố này. Sau khi ông mất, được dân địa phương nhớ ơn lập đền thờ phụng.

CHÙA QUÁN

Chùa Song Tiên

Chùa ở núi Đại Tượng xã Mai Pha châu Ôn, bên ngoài cổng tỉnh thành. Động đá ở đây rộng rãi, có tảng đá lớn giống như tượng Phật Bồ tát. Vào thời Hồng Đức triều Lê, dân địa phương tô tượng thờ phụng. Đây là một chốn danh lam của tỉnh thành.

Chùa Tam Thanh

Chùa ở xã Vĩnh Trại châu Thoát Lãng. Động trên núi đá, bên trong là cửa mây nhũ đá vô cùng thanh tịnh, dân địa phương cùng người Minh Hương tô tượng Phật thờ phụng, gọi là Thanh Thiền tự. Vào niên hiệu Vĩnh Trị đời Lê, quan tỉnh Quảng Tây nước Thanh sai người trùng tu, có lập bia đá nhưng chữ đã mòn mờ hết không đọc được.

Chùa Linh Quang

Chùa ở xã Cẩm Sơn huyện Thất Khê, do dân ba tổng Cẩm Sơn, Bằng Quân và Kim Phái cùng thờ phụng. Tương truyền Lê Thái Tổ xây nên chùa này. Đây cũng là một di tích đẹp.

TỈNH CAO BẰNG

CỔ TÍCH

Thành Na Lữ

Trên núi thuộc phường Na Lữ phía tây huyện Thạch Lâm có một tòa thành đất, trên xây bằng gạch đất, dưới xếp chân đá, phía đông sát bờ sông, ba mặt còn lại đều dựa vào núi. Thành có ba cửa phía đông, tây và nam. Bên dưới phía bắc xây cống thoát nước. Tương truyền thành này do Cao Biền xây dựng vào niên hiệu Hàm Thông nhà Đường.

Thành Phục Hòa

Thành ở xã Phục Hòa phía đông nam huyện Thạch Yên, qui mô đại để cũng ngang bằng thành Na Lữ. Cổng thành có bia đá nhưng nét chữ đã mờ mòn. Ngày nay trong thành có ngôi đền lợp tranh thờ Lê Thái Tổ. Vào niên hiệu Vĩnh Thọ, họ Mạc chiếm cứ Cao Bằng. Người xã Phục Hòa là Cống Hổ không chịu phục tùng nhà Mạc, đứng lên kêu gọi tập hợp dân hai tổng Phục Hòa, Thượng Pha, tự xưng là Thiên Hòa vương chiếm đóng tỉnh thành chống lại quân Mạc. Về sau ông bị quân Mạc giết chết. Tương truyền Cống Hổ sau khi chết hóa thành chim. Di tích thành này nay vẫn còn. Ở đây có loài chim rất đông, tiếng hót dị thường. Dân không biết loài chim gì, nhân gọi là chim Thiên Hòa.

Thành cổ nhà Mạc

Thành ở phố Cao Bằng huyện Thạch An và ở xã Vu Thủy huyện Thạch Lâm, tương truyền là thành cũ của nhà Mạc, nay vẫn còn những tên gọi xưa như Vườn Hoa, Ao Sen.

NÚI

Núi Ba Sơn

Núi ở phía nam huyện Thạch Yên. Núi cao, cây cỏ rậm rạp. Năm nào mùa hạ nắng nhiều, cỏ cây tự bốc cháy, dân địa phương coi là điềm báo được mùa.

Núi Ba Lâm

Núi ở phía nam huyện Thạch Lâm, trong núi có hang. Tương truyền bao giờ nghe thấy tiếng trống và kim loại vang lên trong hang thì năm đó nếu không có chiến tranh loạn lạc cũng có dịch bệnh hoành hành.

Núi Hiến

Núi ở phía nam huyện Thạch Lâm. Tương truyền Lí Vĩ người thôn Phù Cát có cô con gái nhan sắc tuyệt trần. Một hôm Lí Vĩ có việc đi xa, con gái ở nhà đang ngồi dệt vải thì bỗng phát hiện một chàng trai ở trên xà nhà tự xưng là rồng vàng giáng xuống trần. Cô gái hoảng sợ bỏ chạy, chàng trai hiện hình giao long uốn mình cuộn lấy thân cô gái đưa đến bờ sông Hiến Giang thì lặn xuống nước biến mất. Lí Vĩ trở về đi tìm con, thấy có sợi tơ vương từ khung cửi nối ra tới bờ sông thì mất tích, bèn lội xuống nước thì thấy một hốc đá. Đi vào trong vài chục bước, hang dần dần mở rộng, có nhà cửa lâu đài cao đẹp như trong cung điện, lại vẳng nghe thấy tiếng đàn tiếng sáo râm ran như trong buổi lễ tân hôn. Lí Vĩ bèn lấy một ống tre nạp đầy diêm tiêu, rồi dùng sáp bọc kĩ bên ngoài, lặn xuống nước ném vào phía sau nhà rồi mau chóng leo lên bờ. Vừa khi lửa từ dưới đất bùng lên, cả tòa núi Hiến đổ sụp. Mãi tới niên hiệu Bảo Thái triều Lê, chỗ núi lở dường như vẫn âm ỉ lửa cháy ngầm. Dân ở đây thử ném củi khô vào thì lửa bất chợt bùng lên cháy suốt ba ngày mới tắt.

Núi Khắc Thiệu

Núi ở phía tây huyện Thạch Lâm. Vào niên hiệu Thuận Thiên

triều Lê, đầu mục phiên man là Bế Khắc Thiệu nghe tin viên Thổ tù Nùng Văn Vân được thần ban cho cung nỏ bắn một lần phóng ra trăm mũi tên, không mũi nào trượt đích, Thiệu bèn dụ dỗ cho Nùng Văn Vân uống rượu say rồi giết chết chiếm lấy nỏ. Từ đấy y cậy có sự trợ giúp của nỏ thần bèn nảy ý hùng cứ một phương. Lê Thái Tổ đích thân đi đánh dẹp, Thiệu đem nỏ ra bắn nhưng chẳng thấy hiệu nghiệm, liền bị vua bắt được. Núi nhân đó mà đặt tên.

ĐỀN MIẾU

Miếu Lê Thái Tổ

Đền ở thành cổ Na Lữ thuộc huyện Thạch Lâm. Vào niên hiệu Thuận Thiên triều Lê, thổ tù Bế Khắc Thiệu làm phản. Vua Thái Tổ đem quân đi đánh dẹp, bình định xong vua đóng quân tại đây, thấy phong cảnh núi sông tươi đẹp bèn sai lập ngôi sinh từ, tới nay vẫn còn thờ phụng. Nhiều địa phương ở các tỉnh hạt Bắc Kì cũng có đền thờ phụng nhà vua.

Đền Lũng Điện

Đền ở xã Lũng Điện huyện Thượng Lang, thờ thần là Hoàng Lục người bản xã sống vào thời nhà Lí. Hoàng Lục căm giận giặc Tống xâm lược, tập hợp dân chúng trong châu chống lại, đánh lui được quân Tống, giữ cho cả vùng tránh được nạn binh đao. Nhân dân nhớ ơn lập đền thờ phụng.

Đền Giang Châu

Đền ở xã Vu Thủy huyện Thạch Lâm. Thần người xã Minh Luân huyện Hạ Lang, sống thời Lê sơ, họ Phù, anh tên là Thắng, em tên là Nhuệ, gia đình nối đời làm Tù trưởng. Khi nhà Mạc chiếm cứ Cao Bằng, hứa trao cho chức tước nhưng không chịu nhận, lại bí mật nuôi dưỡng

binh mã có chí diệt trừ nhà Mạc. Sau bị nhà Mạc sát hại. Đến niên hiệu Cảnh Trị, quân triều đình tiến lên tiễu trừ nhà Mạc, hai thần họ Phù hiển linh phù hộ quan quân thắng trận. Sự việc tâu lên, triều đình truy tặng cho thần hiệu là Giang Châu Tiết chế và dựng đền thờ phụng.

Đền Xuân Lĩnh

Đền ở xã Xuân Lĩnh huyện Thạch Yên. Vào năm Chính Hòa đời Lê, người xã Cẩm Dã huyện Thạch Lâm là Trần Vị có công theo quân đội đánh quân Mạc, nên sau khi mất được lập đền thờ phụng.

Đền Đống Lân

Đền ở xã Vu Thủy huyện Thạch Lâm. Tương truyền hai anh em người bản huyện là Trần Quí và Trần Kiên giết chết xà tinh, tiêu diệt điều quái giữ cho dân được sống yên ổn. Sau khi mất được dân địa phương nhớ ơn lập đền thờ phụng, gọi là Song từ.

Đền Quán Triều

Đền ở xã Xuân Lĩnh huyện Thạch Yên. Thần họ Dương, tên là Tự Minh. Sự tích xem ở phần tỉnh Thái Nguyên.

Đền Thanh Trung

Đền ở xã Kim Giáp huyện Thạch Yên. Thần là Nguyễn Đình Bá, đỗ Tiến sĩ triều Lê. Niên hiệu Cảnh Hưng, ông làm Đốc lãnh Cao Bằng, rất được dân chúng yêu mến. Ông đang làm quan thì mất, được dân địa phương lập đền thờ phụng. Triều đình hay tin, phong cho ông làm Phúc thần.

Đền Đốc đồng họ Nguyễn

Đền ở xã Xuân Quang huyện Thạch Yên. Thần họ Nguyễn, tên Hàn, người xã Phú Thị tỉnh Bắc Ninh, đỗ Tiến sĩ thời Lê Cảnh Hưng, lên giữ chức Đốc Đồng Cao Bằng. Khi thổ tù nổi loạn tấn công vào

doanh trấn, Nguyễn Hàn bị giết chết. Dân địa phương tưởng nhớ công đức của ông lập đền thờ phụng.

Đền Tam Trung

Đền ở xã Gia Thái huyện Thạch Yên. Vào năm Minh Mệnh triều ta, toán giặc của thổ tù Bế Văn Cẩn theo tên đầu sỏ phản nghịch Nùng Văn Vân ở Tuyên Quang tiến công vây đánh tỉnh thành. Quan Bố Chính Bùi Tăng Huy, Án sát sứ Nguyễn Đình Diệu và Lãnh binh Phạm Văn Lưu bị tử trận. Triều đình hay tin, lệnh cho dựng đền thờ, biển đề "Tam Trung từ".

CHÙA QUÁN

Chùa Quán Triều

Chùa ở xã Xuân Lĩnh huyện Thạch Yên. Chùa có quả chuông đồng cao 4 thước 5 tấc, bề ngang rộng 3 thước, một đêm bỗng chuông bị rơi xuống đầm nước ở bên cạnh chùa. Nhà sư nom thấy có giao long quấn vào quanh thân chuông, lúc chìm lúc nổi khuấy động mặt nước. Lát sau lại thấy chuông trở về chỗ cũ. Sau đó đêm nào cũng xảy ra như vậy. Được tám chín hôm thì chuông mất hẳn, giao long cũng không thấy tăm hơi. Nhân đó gọi đầm ấy là đầm Chuông. Thế rồi vào khoảng thời Vĩnh Thịnh, Chính Hòa triều Lê, có khách buôn người Thái Bình tới kể rằng hồi trước có quả chuông đồng ngược theo dòng sông Long Châu mà trôi đến bờ sông Hắc Hà châu Thái Bình. Quan châu ấy sai thợ đem chuông ra đục, thì thấy quả chuông đổ mồ hôi túa ra như mưa, phát ra tiếng kêu giận dữ vang như tiếng sấm rền. Quan châu hoảng sợ không dám phá chuông nữa, đem treo lên, biện lễ thái lao thờ riêng. Dân địa phương nghe chuyện biết ngay đích thị là quả chuông của chùa Quán Triều. Vào đời Cảnh Hưng, văn thần đem chuyện ấy lược soạn thành văn khắc lên bia. Bia nay vẫn còn.

TỈNH THÁI NGUYÊN

CỔ TÍCH

Thành cổ Hanh Sơn

Thành ở phía nam huyện Tư Nông. Thời Lê thiết lập tỉnh thành tại đây.

Thành cũ nhà Mạc

Thành ở huyện Động Hỉ. Vào cuối thời Quang Hưng nhà Lê, khi họ Mạc lên chiếm cứ Cao Bằng, quân Mạc đã xây thành ở đây để chống cự lại với tướng triều Lê là Trần Đăng Minh. Thành nối dài đến xã Đồng Mỗ. Di chỉ hiện vẫn còn.

Thành cổ Tượng Sơn

Thành ở huyện Động Hỉ, do nhà Mạc xây dựng vào cuối đời Lê.

NÚI

Núi Pháo Sơn

Núi ở phía nam huyện Phú Lương, ngọn núi cao hùng vĩ. Vào ban đêm thường nghe thấy từ trên núi có tiếng vang như tiếng đại bác, nên đặt tên là núi Pháo.

Núi đá Nghênh Tường

Núi ở xã Nghênh Tường phía bắc huyện Võ Nhai, bốn mặt đều là vách

đá dựng cao sừng sững, ở giữa có một động đá to, rộng đủ chỗ chứa 1, 2 vạn người, phía trên có ngách thông lên trời, bên dưới là vực nước. Muốn leo lên đây phải chăng thang dây, dùng đuốc soi đường mới vào được.

Núi đá Hóa Trung

Núi ở phía tây bắc huyện Tư Nông, trên núi có động, bên trong nhũ đá rủ xuống như cột chống. Có ngách thông ra đằng sau núi. Ngay ở cửa ngách có ngôi chùa. Phía tây chùa này, bên trên có ngách thông lên trời, phía dưới có ngách thông xuống đất. Phía nam có hồ nước gọi là Long trì, bên ngoài hồ có giếng gọi là Long tỉnh. Thiên nhiên nơi đây rất kì thú, quả là một thắng cảnh.

ĐỀN MIẾU

Đền Trần Quận công

Đền ở xã Đồng Mỗ huyện Động Hỉ. Vào khoảng đầu thời Trung hưng triều Lê, cha con Nông Quận công Trần Đăng Minh đánh nhau với quân nhà Mạc bị tử trận, được dân địa phương lập đền thờ phụng.

Đền thần Cao Sơn

Đền ở xã Huống Thượng huyện Động Hỉ. Sự tích xem ở phần tỉnh Hải Dương. Tại xã Cao Kinh huyện Võ Nhai cũng có đền thờ.

Đền Sơn thần núi Bội Ngọc

Đền ở thôn Bội Ngọc huyện Bình Xuyên, thờ viên Đô hộ đời Đường Cao Biền.

Đền thần Quí Minh

Tại các xã Đăng Nhân, Loa Lâu huyện Tư Nông, xã Quán Triều, Động Vi huyện Phú Lương và xã Thanh Lãnh huyện Bình Xuyên đều

có đền thờ vị thần này. Thần là một trong 50 người con của Lạc Long Quân đã theo mẹ lên núi. Sự tích xem ở phần tỉnh Hà Nội.

Đền thần Tam Giang

Đền ở Loa Lâu huyện Tư Nông, thờ hai vị thần Trương Hống, Trương Hát là hai danh tướng của Triệu Việt Vương. Sự tích xem ở phần tỉnh Bắc Ninh.

Đền Dương Phò mã

Đền ở xã Quán Triều huyện Phú Lương. Thần là Dương Tự Minh. Năm thứ 3 đời Lí Anh Tông (1140) làm Thủ lĩnh phủ Phú Lương; năm thứ 4 (1141) cai quản việc công các khe động dọc theo biên giới về đường bộ, được lấy Công chúa Thiều Dương, phong làm Phò mã lang[75]. Sau đó, Đàm Hữu Lượng kẻ có yêu thuật người nước Tống sang cướp phá, vua Lí sai ông đem quân đi đánh dẹp, bắt được đồ đảng của chúng, Hữu Lượng phải chạy về Tống, dân địa phương nhờ thế được yên ổn. sau đó ông được về triều, cùng các vương hầu mưu giết gian thần Đỗ Anh Vũ nhưng không thành công. Sau khi ông mất, dân địa phương nhớ ơn công đức lập đền thờ phụng.

CHÙA QUÁN

Chùa Thạch Sơn

Chùa ở xã Hóa Trung huyện Động Hỉ. Trên quả núi ở đây có động đá, dân địa phương nhân động làm chùa, lấy vách núi làm tường, lấy đá làm bộ thờ. Phong cảnh cũng đẹp đẽ thanh tịnh.

---

[75] Theo *Toàn thư*: Năm Thiên Phù Khánh Thọ thứ 1 (1127), gả công chúa Diên Bình cho thủ lĩnh thủ Phú Lương là Dương Tự Minh. Năm Đại Định thứ 5 (1144), gả công chúa Thiều Dung cho Dương Tự Minh, phong Tự Minh làm Phò mã lang.

TỈNH QUẢNG NAM

CỔ TÍCH

Thành cổ Hoàn Vương

Thành ở xã Thăng Bình huyện Diên Phước, tục gọi là thành Vệ. Tương truyền Cổ Lũy vương đã đặt đô tại đây. Ba mặt phía trước và hai bên phải trái của thành đều đã bị nước sông xói mòn hết, chỉ còn lại một góc thành phía tây bắc. Lại còn một thành nữa của người Chiêm ở xã Trà Kiều huyện Than Xuyên, xung quanh xây bằng gạch đá, nay vẫn còn.

Tháp cổ Chiêm Thành

Ở xã Đông Phan huyện Diên Phước. Hai tòa tháp Đông và Tây đều đã bị sụp đổ, trong đó một tòa tháp đổ xuống tạo thành gò đống rộng đến hơn một mẫu. Vào những năm hạn hán đến cầu đảo đều được ứng nghiệm. Một tòa tháp ở xã Câu An hiện vẫn còn, tại đây còn có đền thờ Dương Phu nhân. Tại huyện Hả Đông có hai tòa, một ở xã Chiên Đàn đã bị đổ, chỉ còn lại di tích, một tòa ở xã Khương Mĩ, 3 tháp nằm liên tiếp nhau cao 80 thước, phía trên tháp có lỗ thông thiên, trong tháp bày tượng đá. Tương truyền đây là chỗ an táng Vương hậu nước Chiêm Thành.

Núi Ngũ Hành Sơn

Núi ở hai xã Hóa Khuê, Quán Cái phía đông bắc huyện Diên Phước. Giữa vùng cát nổi lên 6 ngọn núi, đỉnh núi la liệt toàn đá,

phía tây có dòng sông chảy qua, mé đông bắc là biển cả. Dáng núi vươn cao thanh tú, ngày đẹp trời nhìn từ xa nom như bức gấm mây, rất ngoạn mục (tục gọi là hòn Non Nước. Đỉnh núi ở phía đông bắc có hình Tam thai, người xưa gọi là núi Tam Thai hay còn có tên là Ngũ Chỉ Sơn (núi Năm Ngón). Trên núi Tam Thai xưa có tòa tháp, trên vách đá động Hoa Nham có chữ khắc đánh dấu. Năm Minh Mệnh thứ 6 (1825) nhà vua nam tuần lên núi Tam Thai ngắm cảnh đã ban tên cho các hang động ở núi này đem khắc lên đá, gọi là động Huyền Không, động Linh Nham, động Lăng Không, động Vân Thông, động Tàng Chân, hang Vân Nguyệt, hang Thiên Long. Xét, lời chú của nhà vua đại lược nói: "Động Huyền Không như ngôi nhà không có dầm xà, phía trên có 5 lỗ lớn nhỏ, có thể nhìn thấy cả mặt trời mặt trăng. Các hang động phần nhiều đều tối tăm u ám, riêng động này cao rộng, có ánh mặt trời chiếu xuống, nên vào trong động hòa khí thông thoáng như mùa xuân, thực rất hiếm thấy". Lại nói rằng: "Đỉnh núi ở động này cao chót vót không có đường lên, vì thế từ xưa chưa có người leo tới. Trẫm lần này lên đây phải nằm bò người xuống mà leo lên, rồi từ trên động thả dây mà đo được đến 7 trượng 7 thước. Đường đi xuống động lại rất bằng phẳng. Bên ngoài cửa động là cát, còn trong động là đất, rất trong sạch không có bụi bặm, dẫu ở nhà có người chăm chỉ quét dọn lau chùi cũng không sạch sẽ bằng". Động Lăng Không ở phía trên động Linh Nham, nằm ở khoảng lưng chừng núi. Vách đá cheo leo, ngửa mặt trông tưởng như chỉ gần trong gang tấc nhưng không có bậc mà lên. Tìm cách leo được lên đỉnh núi thì động lại ở phía dưới, rốt cuộc chẳng có cách nào mà vào động. Hang Vân Nguyệt nằm ở giữa hai quả núi. Từ chùa Tam Thai vào cửa hang phía tây đường đi bằng phẳng, đi vài chục trượng vào cửa hang phía đông rẽ bên trái là đến chùa Ứng Chân. Trên cửa hang phía đông có khắc 4 chữ "Vân căn nguyệt quật", còn trên cửa động phía

tây khắc 4 chữ "Động thiên phúc địa". Động Vân Thông ở về bên phải hang Vân Nguyệt. Thoạt vào thì bằng phẳng, đi độ vài trượng thu hẹp dần, phải bám vịn mà leo lên. Nền đất bằng phẳng, bên trên tròn mà dài, cao rộng thoáng đạt như cung điện lâu đài. Phía trên có lỗ thông trông thấy được ánh sáng mặt trời. Vào sâu vài bước nữa thì không đi được nữa. Chốn này còn có một cái động sâu, rộng chừng 27 trượng, dường như không thông với nhau. Chỗ đối diện theo chiều ngang thì trong cao ngoài thấp nên không qua được. Hang Thiên Long ở về phía đông hang Vân Nguyệt. Hang Vân Nguyệt là hang sáng, còn hang này là hang tối, người vào phải bám nối vào nhau như đàn kiến mà đi xuống. Ra đến chùa Ứng Chân đường đi quanh co khúc khuỷu đến hơn 40 trượng. Động Tàng Chân ở phía sau chùa Ứng Chân. Ở đây thờ Tam Thanh và Bát động Thiên Chân nên đặt tên như vậy. Trong động phía bên phải thông với hang Thiên Long. Năm Minh Mệnh thứ 18 (1837) sắc ban tên cho núi Tam Thai là núi Thuỷ Sơn, ba đỉnh ở phía tây nam là Mộc Sơn, Dương Hỏa Sơn và Âm Hỏa Sơn, hai đỉnh ở phía tây là Thổ Sơn và Kim Sơn, tên núi đều được khắc vào đá ở từng quả núi. Phía đông có đài Vọng Hải, phía tây có đài Vọng Giang, mỗi nơi đều được dựng một tấm bia. Bên phải chùa Tam Thai là nơi đặt hành cung Động Thiên Phúc Địa. Đây là một danh thắng lớn của Quảng Nam. Núi ở đây có đá thạch anh, đá trắng vân đen, dân đem chế tạo các đồ vật mang hoa văn màu sắc rất đẹp. Lại có loại đá trắng mặt mịn như lát cắt dùng làm bia đá trắng rất tốt. Giữa vách đá động Huyền Không có một chỗ đá lồi ra rủ xuống phía dưới, từ đây có nước nhỏ xuống tí tách không bao giờ dứt, nên đặt tên là Vú Đá. Bên phải Thủy Sơn là chùa Tam Thai. Chùa được trùng tu vào năm Minh Mệnh thứ 6 (1825), đến năm thứ 20 (1839) cửa sơn môn đổi thành Mai môn, có biển đá đề 4 chữ đại tự "Động Thiên Phúc Địa". Năm Thiệu Trị thứ 5 (1845) đổi tên chùa Hoa

Nghiêm thành chùa Trang Nghiêm. Vào năm Đinh Sửu hồi đầu Trung hưng triều ta, đại quân tiến công Đà Nẵng, đã sai Nguyễn Công Thái đóng đồn ở núi Tam Thai để tập kích vào sau lưng giặc, đó chính là núi này vậy.

Núi Trà Sơn

Núi ở phía đông huyện Diên Phước. Đỉnh núi cao chọc trời, mịt mờ mây mù che phủ, cây cối rậm rạp, hươu nai tụ tập từng bầy. Phía đông ăn ra tới bờ biển. Mạn đông nam nối liền với một quả núi, xa trông như hình con sư tử, tục gọi là Nghê Sơn (Hòn Nghê). Tương truyền trên núi có ngọc, ban đêm tỏa sáng bờ biển. Phía tây có đảo Diên Chủy (Mỏ Diều), nơi đặt pháo đài phòng vệ bờ biển. Mé bắc là ngọn núi Mã Cảnh (Cổ Ngựa) và đảo Ngự Hải đối diện với cửa biển. Mé tây là vũng Trà Sơn là nơi đậu thuyền bè tránh sóng bão. Trên núi chướng khí dày đặc. Có giếng độc sâu hơn trượng, ngày trước có thuyền buôn vào đây tránh gió bị hại bởi nước độc này. Phía tây nam của huyện còn có một quần thể những ngọn núi nhỏ cao, đều có tên riêng như núi Bào Nghi, Mĩ An, Tân An, Hữu Trinh, Lập Thạch, Trường An, Nam Phước... nhưng phong cảnh đẹp nhất vẫn là núi Ngũ Hành , thứ đến là núi Trà Sơn.

Núi Trường Định

Núi ở huyện Diên Phước, còn gọi là núi Thạch Phi. Núi có tảng đá lớn mặt trước nhìn ra sông, hình dáng tựa như hình người đang ngồi nhìn, nên mới đặt tên là Thạch Phi (bà Cung phi đá). Trên núi có cái am nhỏ, tương truyền ngày xưa có một đạo sĩ tu luyện ở trong am, có phép thuật sai khiến ma quỉ, thường cưỡi trên chiếc nón mà qua lại trên sông đi cầu cúng cho mọi người, đều rất linh nghiệm. Nay đằng sau am còn khoảng trống rộng vài mẫu, những người kiếm củi cắt cỏ không ai dám lại gần.

Núi Trà Cai

Ở phía tây huyện Hà Đông nổi lên ngọn núi tròn, xung quanh có dân cư sinh sống. Mạn đông chân núi có đền Bà Chúa Cao Các rất thiêng, gặp khi hạn hán đến cầu đảo là có mưa ngay. Mé nam gần với núi Đại Hanh.

Đảo Đại Chiêm

Còn gọi là ngọn Tiêm Bút (ngọn bút) hay núi Bất Lao, tục gọi là Cù Lao Chàm, nằm giữa vùng biển Đông của huyện Diên Phước, có đảo Ngọa Long, là núi trấn ngoài của cửa biển Đại Chiêm. Dân phường Tân Hợp sinh sống ở mé nam của đảo núi, trên núi có ruộng nương có thể trồng trọt. Những người đi biển của nước ta cũng như nước ngoài đều lấy đảo này làm mốc chuẩn, thuyền bè qua lại đều ghé vào tiếp nước uống và rau cỏ. Ở đây có 3 ngôi đền là đền Phục Ba Tướng quân, đền Tứ Dương hầu và đền Bích Sơn. Có thuyết lại nói 3 đền đó là đền thần Cao Các, đền Phục Ba Tướng quân và đền thần Bô Bô. Lại còn đền thờ các thần Ngọc Lân, Thành hoàng, Chúa Lỗi, Bạch Mã, Ngũ Hành. Đằng sau cửa tấn cách khoảng 3 dặm về phía tây là đảo Lỗi; cách 7 dặm về phía nam là đảo Nhĩ, cách 10 dặm về phía bắc là đảo La; 17 dặm về phía bắc là đảo Đại Khô, đảo Trường, đảo Mậu; Trên đảo Nhĩ ở phía nam có động, tục gọi là đảo Yến, chim yến thường làm tổ ở hai bên vách động nên đặt tên như vậy. Dân khai thác yến đến đây lấy tổ yến và nộp thuế. Còn núi Ngọn Bút là nơi Thiền sư Hương Hải từng tới trụ trì.

LĂNG TẨM

Lăng Vĩnh Diễn

Lăng trên núi xã Chiêm Sơn, là lăng của Hiếu Văn Hoàng hậu. Năm Gia Long thứ 7 (1808) xây sửa tường lăng, vòng trong cao 3

thước 5 tấc, chu vi 16 trượng 3 thước, vòng ngoài cao 5 thước 3 tấc, chu vi 40 trượng, xây bằng gạch. Mặt trước mở một cổng.

Lăng Vĩnh Diên

Lăng trên núi xã Chiêm Sơn, là lăng của Hiếu Chiêu Hoàng hậu. Năm Gia Long thứ 7 (1808) xây sửa tường lăng, vòng trong cao 3 thước 5 tấc, chu vi 14 trượng 9 thước 6 tấc, vòng ngoài cao 6 thước 4 tấc, chu vi 40 trượng, xây bằng gạch. Mặt trước mở một cổng.

ĐỀN MIẾU

Đền Vân Long

Đền ở phía bắc trạm khe Nam Chân. Tương truyền ngày xưa có con tê núi đến đây gây hại. Có ông quan là Cai đội Vân đánh nhau với con tê, cả hai cùng bị thương. Sau khi ông mất được tiên triều lập đền thờ phụng.

CHÙA QUÁN

Chùa Tam Thai

Chùa ở phía tây Thủy Sơn của núi Ngũ Hành. Núi này vốn có rất nhiều di tích cổ, nhưng trải qua chiến tranh đều bị đổ nát. Năm Minh Mệnh thứ 6 (1825) triều đình cử quan đến trùng tu các nơi gồm hành cung Động Thiên Phúc Địa, chùa Tam Thai, chùa Hoa Lệ, miếu Thiên Y, chùa Ứng Chân, chùa Thượng Thanh, chùa Từ Tâm, cổng tam quan Vân Căn Nguyệt Quật, trạm sơn phòng Linh Quan và các cổng nghi môn. Công việc hoàn thành lại làm các biển ngạch, tượng đồng, tượng vẽ, Phật bài, chuông trống và đồ thờ, đồng thời in ấn các bộ kinh Địa tạng, Thủy tạng, Đại Lai cấp phát cho các chùa, giao cho dân hai xã Hóa Khuê, Quán Cái trông giữ bảo vệ.

Chùa Bảo Châu

Chùa ở xã Trà Kiều huyện Duy Xuyên, xây dựng từ năm Đinh Mùi thời Thái Tổ triều ta. Nay vẫn còn.

Chùa Long Hưng

Chùa ở xã Cần Húc huyện Duy Xuyên. Triều ta hồi đầu dựng nước đã đặt dinh Quảng Nam tại đây. Tại phía đông của dinh xây chùa Long Hưng. Chùa nay đã phế bỏ.

Chùa Vĩnh An

Chùa ở xã Chiêm Sơn huyện Duy Xuyên, gần kề bên cạnh hai lăng Vĩnh Diễn và Vĩnh Diên. Ở giữa chùa đặt tòa Phật, hai bên đặt bài vị thần ngự. Chùa xây dựng vào năm Minh Mệnh thứ 4 (1823), có binh lính canh gác trông giữ.

Chùa Phúc Hải

Chùa ở xã Hải Châu huyện Hòa Vang, có bia của Hiển Tông Hiếu Minh Hoàng đế. Chùa được trùng tu vào năm minh Mệnh thứ 5 (1824), được ban biển ngạch đề "Phúc Hải tự".

TỈNH QUẢNG NGÃI

CỔ TÍCH

Phế thành Chu Sa

Thành ở xã Chu Sa huyện Bình Sơn, tinh xung quanh rộng 5 mẫu 5 sào. Có thuyết nói đây là thành Đại La của người Chiêm Thành, lại có người bảo đây là thành bảo vệ Tam ti thời tiền Lê, không biết thuyết nào là đúng.

Thành cổ Xuân Quang

Ở thôn Xuân Quang phía đông huyện Chương Nghĩa. Thành đắp bằng đất cao 5 thước, chiều rộng từ đông sang tây 50 trượng, hiện vẫn còn. Tương truyền là do Quang Chiêu vương dinh Trấn Nam xây dựng. Bên thành có ngôi miếu thờ ông.

Đồn cổ Minh Long

Đồn ở sách Minh Long của người Man thuộc huyện Chương Nghĩa, tương truyền do quan Trấn thủ Quảng Nam thời Lê sơ họ Bùi xây dựng. Di chỉ nay hiện còn.

Chùa cổ Phụ Nghiêu

Ở hai xã Diên Phước, Than Hội huyện Bình Sơn. Trên núi có một khu nền đất, phía trước là ao, nước rất trong. Tương truyền chùa do một nhà sư Chiêm Thành xây dựng, nay còn sót lại 35 phiến đá hình vuông.

Chùa cổ Man Tân

Chùa trên núi Man Tân huyện Mộ Đức, tương truyền là di tích chùa của Chiêm Thành. Bên chùa có giếng cổ, nước rất trong lành.

NÚI SÔNG

Núi Thiên Ấn

Núi ở phía nam huyện Bình Sơn, trải rộng ngoài trăm dặm, cao hơn trăm trượng. Đỉnh núi bằng phẳng rộng khoảng vài trăm mẫu, bốn mặt vuông vức ngay ngắn, trông như hình cái ấn triện, nên đặt tên là Thiên Ấn. Trên núi có chùa, giếng trước chùa sâu 55 thước, nước trong và ngọt. Tương truyền ngày trước có nhà sư đến đây xây dựng chùa, vì trên núi không có nước nên phải đào giếng này ngay trên đỉnh núi trước chùa, gắng sức ròng rã suốt 20 năm mới đào tới mạch nước, vừa khi nhà sư qua đời. Từ đó về sau các sư khác đến trụ trì đều được ơn nhờ. Mặt trước chùa nhìn xuống sông Trà Khúc. Thắng cảnh đầu tiên trong mười cảnh đẹp của Quảng Ngãi được gọi là "Thiên Ấn niêm hà" (núi Thiên Ấn áp kề dòng sông), đó chính là nơi này. Năm Minh Mệnh thứ 11 (1830) hình núi Thiên Ấn được đem khắc lên đỉnh đồng. Năm Tự Đức thứ 3 (1850) núi được liệt vào hàng danh sơn, đăng kí vào điển thờ.

Núi Long Đầu

Núi ở phía nam huyện Bình Sơn. Núi này từ núi Tham Hội dọc theo hướng nam chạy tới gối đầu lên sông Trà Khúc. Hình thế quanh co uốn lượn như giao long uống nước, nên có tên Long Đầu. Ở một mặt núi có đền Phu Bồng Tướng quân. Trên sườn núi có 3 con đường, đều sâu thăm thẳm như dưới giếng, tương truyền là nơi Cao Biền cưỡi ngựa giấy đi cắt đứt mạch đất. Trong mười cảnh đẹp của Quảng Ngãi có cảnh được gọi là "Long Đầu hí thủy" (đầu rồng

giõn nước), đó chính là nơi này. Gần đấy có núi Thủy Mẫu. Xét: vào thời nhà Đường đất này vẫn còn thuộc Chiêm Thành, nên Cao Biền chưa chắc đã đến đây. Vì thế thuyết theo tương truyền nói trên là sai, không đáng tin cậy.

Núi Ngũ Chỉ

Núi nằm trên địa phận huyện Bình Sơn, tục gọi là núi Răng Cưa, ở về phía tây bắc của huyện, thuộc vùng người Man, nơi là ranh giới giữa Quảng Nam và Quảng Ngãi. Núi nổi lên 5 ngọn như các ngón của bàn tay, nên có tên Ngũ Chỉ. Trên đỉnh có một khoảng bằng phẳng, tương truyền là vườn của quan Trấn họ Bùi, những cây cam, quýt, bưởi, chuối rất nhiều, người có thể hái ăn thoải mái nhưng không được lấy đem về. Gần đó có núi Bạch Thạch, trên có tảng đá cao vài trượng, vuông vức như cái chiếu, trên rộng dưới hẹp, bên cạnh có những tảng đá như bàn ghế, dân gọi đó là chùa Bạch Thạch.

Núi Vân Phong

Núi nằm trên vùng người Man, ở phía nam huyện Bình Sơn. Đỉnh núi vươn lên cao chót vót, vượt ra khỏi tầng mây, trên ngọn lúc nào cũng có sương mù che phủ, nên mới gọi tên là Vân Phong. Trên đỉnh có một khoảng bằng phẳng, mọc nhiều quýt và bưởi xum xuê xanh tốt trông rất đẹp. Tương truyền đó là vườn của quan Trấn họ Bùi. Trong mười cảnh đẹp của Quảng Ngãi có cảnh được gọi là "Vân Phong túc vũ" (mưa đêm núi Vân Phong), đó chính là nơi này. Phía đông núi này có các ngọn núi Cống Cung, núi Thạch Diêm, núi An Hòa.

Núi Thạch Bích

Núi ở bên ngoài Trường lũy, phía tây huyện Bình Sơn. Núi cao chất ngất, cây cỏ um tùm hoang sơ, chưa hề có tiều phu tới đốn chặt. Dưới ánh nắng chiều chiếu xiên, cả sườn núi toàn vách đá lấp lánh

sáng như ánh sao. Con đường dưới chân núi nhỏ hẹp đi về phía tây thông tới các sách người Man ở Minh Long, Tử Tuyền, vô cùng chon von hiểm trở. Bọn trộm cướp, thổ phỉ người Man thường đi trên con đường ấy qua núi mà xuống xuôi. Đằng sau lũy có hai đỉnh núi Tập Lĩnh và Hoàng Trung. Trong mười cảnh đẹp của Quảng Ngãi có cảnh được gọi là "Thạch Bích tà dương" (nắng tà Thạch Bích), đó chính là nơi này. Xét: Có hai núi cùng tên là Thạch Bích. Các bậc cố lão truyền lại rằng, vào đầu thời Gia Long, Tả quân Lê Văn Duyệt đánh giặc Man đi qua một quả núi cũng mang tên Thạch Bích ở phía tây hai sách người Man là Minh Long và Tử Tuyền, tiêu diệt được những sách Man đó xong, theo hướng tây bắc từ Trường lũy đi ngược lên một ngày đường là tới sào huyệt của bọn ác man. Lại có một núi nữa ở bên ngoài lũy thuộc huyện Mộ Đức, cách khoảng một ngày đường, có điều núi này có phần thấp hơn.

Núi Trấn Công

Núi ở phía bắc huyện Chương Nghĩa, phía dưới ăn sát bến sông. Phía đông có miếu Trấn Công, vì thế mà có tên núi Trấn Công. Núi này có rất nhiều dơi, nên còn gọi là núi Dơi. Chỉ từ sau ngày rước Trấn Công qui về thờ ở miếu Hội Đồng, lũ dơi đột nhiên tản mát đi mất. Mãi đến năm Tự Đức thứ 17 (1864) chúng mới trở về tụ tập như xưa. Trong núi có động, nước chảy thông với đầm Trà Đàm. Có con cá to bằng chiếc thuyền, mỗi lần cá quẫy tiếng ầm vang như sấm dậy. Năm nào gặp hạn hán vào miếu cầu đảo cũng đều được ứng nghiệm.

Núi Man Tân

Núi ở phía tây nam huyện Mộ Đức. Trên đỉnh núi có khu ruộng rộng hơn chục mẫu, có một nền đất, tương truyền là di tích để lại của một nhà sư Chiêm Thành. Bên cạnh có giếng cổ, nước trong sạch. Vào triều trước, quan Cai bạ Quảng Nam Đặng Đại Lược đi kinh lí

vùng người Man từng trú quân tại đây, được các đầu mục người Man ra đón tiếp, vì thế mới gọi tên núi là Man Tân. Gần đó là núi Long Cốt, núi Tam Hoang và núi Dương Thượng.

Núi Sở Thủy Lĩnh

Núi ở vùng người Man bên ngoài Trường lũy, mé tây huyện Bình Sơn, phía tây của núi Trà Quân. Theo con đường núi gập ghềnh đi chừng 5 ngày đường thì tới man Hưu Chung. Dân man ở đây kể rằng, từ man này đi tiếp về phía tây 3 ngày đường nữa thì có tộc man có hai đầu, đi lại phải dựa vào nhau. Lại có một man nữa là chỗ ở của tộc man gọi là Linh Xoang Tụy, ở đó có một con vật hình dáng giống như con ngựa. Những người Man đi qua nếu bước qua con vật đó thì thôi, nhưng nếu không bước qua được thì bị cả bọn người Man xúm lại bắt ăn thịt. Bọn ác man bắt người thường đem mua bán trao đổi tại đây.

Núi Huyện Quan Lĩnh

Núi ở phía tây huyện Mộ Đức, còn gọi là núi Huyện Nho Lĩnh. Ngày xưa nha môn của huyện Mộ Đức đặt ở trên này. Dân trong huyện lui tới thường phải từ đỉnh Tiêm Trúc Lĩnh đi theo lối mòn trên núi gập ghềnh gian nan, rất bất tiện. Bấy giờ có một ông quan Huyện doãn tên là Nho mới cho mở ra con đường sơn lộ này, dân chúng đi lại được dễ dàng hơn nhiều. Vì thế mới có tên núi như thế. Đi xuống chân núi ở phía đông có 11 tảng đá Mẹ và 9 tảng đá Con, to thì bằng quả đạn đại pháo, nhỏ chỉ bằng quả trứng gà, nhưng rất linh thiêng, chẳng ai dám động vào. Cạnh đó có ngôi miếu cổ gọi là miếu Thạch Tướng quân. Phía đông bắc là núi Bồ Kì Lĩnh, phía tây có Phác Chi Lĩnh, Độ Tác Lĩnh.

Ngọn Bạch Thạch

Ở phía đông bắc huyện Mộ Đức. Giữa ngọn núi có 3 tảng đá to cao ngất đến vài trượng, giống như cây cột trụ chống trời. Sắc đá

đều màu trắng, nên lấy làm tên núi. Mạn đông nam núi này có loài dây lan nên còn gọi là núi Lan. Trên đỉnh núi vẫn còn ngôi miếu Cao Các rất thiêng.

Đảo Lí (Rí)

Đảo ngoài biển ở phía đông huyện Bình Sơn, tục gọi là Cù Lao Rí. Đảo này bốn mặt cao mà ở giữa thấp, rộng vài chục mẫu. Có hai phường dân cư là Vĩnh An và An Hải sinh sống ở đây. Phía đông có động, trong động có ngôi chùa rộng vài gian, có đầy đủ bàn thờ đá, ghế đá. Hai bên chùa đều có giếng, nước rất trong và ngọt. Hễ khi nào có cướp biển mò đến là dân hai phường lại kéo vào đây ẩn tránh. Đảo này sản xuất lạc và ngô, nộp thuế bằng dầu lạc, được miễn phu dịch. Trên đảo cũng có đồn phòng thủ để chống cướp biển.

Đảo Hoàng Sa

Đảo ở phía đông đảo Rí. Từ bờ biển Sa Kì ra khơi đi thuận chiều gió 3 ngày đêm thì tới nơi. Trên đảo có đến 130 ngọn núi giăng la liệt, đều nằm cách xa biển từ 1 ngày đến vài canh giờ đi đường. Giữa đảo có bãi Cát Vàng kéo dài hàng nghìn dặm, tục gọi là bãi Vạn Lí Trường Sa, trên có giếng nước ngọt, nước rất trong. Chim biển kéo về tụ tập thành bầy, đông đúc không sao đếm xuể. Thổ sản ở đây có nhiều ốc vằn, hải sâm, đồi mồi, rùa biển. Hàng hóa, đồ vật của những chiếc thuyền gặp nạn bởi gió bão trôi giạt tích tụ cả về đây. Hồi đầu dựng nước của triều ta đã lấy dân người xã An Vĩnh sung vào lập ra đội Hoàng Sa, hàng năm cứ đến tháng 3 vượt biển ra đây thu gom những vật trôi giạt trên biển, đến tháng 8 đem giao nộp ở cửa biển Tư Hiền[75]. Lại lập ra đội Bắc Hải, giao cho đội Hoàng Sa kiêm quản, để

[75] Trong *Đại Nam thực lục*, ghi chép về đội Hoàng Sa được xuất hiện từ tháng 7 năm 1739 đời chúa Nguyễn Phúc Khoát với sự kiện "dân đội Hoàng Sa ở

đi đến khắp các hải đảo tìm vớt đồ vật trên biển. Phía đông đảo gần với Hải Nam, phủ Quỳnh Châu của nước Thanh. Vua Gia Long cũng phỏng theo lệ cũ lập đội Hoàng Sa[76], rồi về sau bãi bỏ. Đầu triều Minh Mệnh thường sai quan thuyền đi đến đảo này thăm dò đường biển[77]. Có một cồn cát trắng tích tụ thành đống, chu vi đến 1070 trượng, cây cối rậm rạp. Trong cồn cát có giếng. Phía tây nam đảo có ngôi miếu cổ không rõ được dựng từ thời nào. Bia của miếu khắc 4 chữ "Vạn lí ba bình" (sóng yên nghìn dặm). Ngày xưa gọi là chùa thờ Phật. Bờ nam của núi toàn là đá san hô nằm dốc nghiêng bao lấy mặt nước. Mạn tây bắc đảo nổi lên một gò, chu vi 340 trượng, cao 1 trượng 2 thước, ngang bằng với bãi cát, gọi là đá Bàn Than. Năm [Minh Mệnh] thứ 16 (1835) sai quan đi thuyền đến dựng chùa, dựng bia ở mé bên trái chùa để ghi dấu[78]. Lại bắc cầu gỗ ở ba mặt phía sau, bên

---

Quảng Ngãi đi thuyền ra đảo Hoàng Sa, gặp gió dạt vào hải phận Quỳnh Châu nước Thanh. Tổng đốc Thanh hậu cấp cho rồi cho đưa về. Chúa sai viết thư cám ơn".

(76) Theo *Đại Nam thực lục* (Đệ nhất kỉ, quyển 22), tháng 7 năm Gia Long thứ 2 (1803): Sai mộ dân ngoại tịch lập làm đội Hoàng Sa.

(77) *Đại Nam thực lục* (Đệ nhị kỉ, quyển 122), tháng 3 năm Minh Mệnh thứ 15 (1836): Sai Giám thành đội trưởng Trương Phúc Sĩ cùng thủy quân hơn 20 người đi thuyền đến đảo Hoàng Sa thuộc tỉnh Quảng Ngãi vẽ bản đồ.

(78) Về sự kiện này, *Đại Nam thực lục* chép: Tháng 8 năm Minh Mệnh thứ 14 (1833): Vua bảo bộ Công rằng: "Trong hải phận Quảng Ngãi, có một giải Hoàng Sa, xa trông trời nước một màu, không phân biệt được nông hay sâu. Gần đây, thuyền buôn thường [mắc cạn] bị hại. Nay nên dự bị thuyền mành, đến sang năm sẽ phái người tới đó dựng miếu, lập bia và trồng nhiều cây cối. Ngày sau cây cối to lớn xanh tốt, người dễ nhận biết, ngõ hầu tránh khỏi được nạn mắc cạn. Đó cũng là việc lợi muôn đời". (Đệ nhị kỉ, quyển 108); Tháng 6 năm Minh Mệnh thứ 16 (1835): Năm ngoái vua toan dựng miếu lập bia ở chỗ ấy, bỗng vì sóng gió không làm được. Đến đây, mới sai Cai đội Thuỷ quân là Phạm Văn Nguyên đem lính thợ Giám thành cùng phu

phải và bên trái. Khi lính và dân phu san sửa nền chùa đã đào được hơn hai nghìn tấm lá bằng đồng và sắt.

Hồ Vuông

Hồ ở thôn Thạch Trụ, phía tây bắc huyện Mộ Đức. Hồ rộng khoảng vài mẫu, nước sâu và trong. Hồ rất thiêng, vào ban đêm yên tĩnh thường nghe thấy ở đó vẳng ra tiếng đàn tiếng sáo.

Trường lũy người Man

Ở cách tỉnh thành 23 dặm về phía tây. Phía bắc lũy giáo huyện Hà Đông tỉnh Quảng Nam, phía nam giáp huyện Bồng Sơn tỉnh Bình Định. Lũy dài 177 dặm. Xét: Một dải dọc theo ranh giới xung quanh tỉnh thành trước nay thường có bọn ác man Thạch Bích ngang ngạnh hoành hành. Hồi đầu dựng nước đã lập ra 6 đạo binh lính bám sát địa phương để phòng thủ. Năm Gia Long thứ 3 (1804) lập ra 6 Kiên cơ đạo Bình Man. Năm thứ 18 (1819) Chưởng Tả quân Lê Văn Duyệt đắp Trường lũy, trồng hàng rào, đào hào chắn. Bên trong dọc theo lũy thiết lập 115 đồn bảo, mỗi đồn đóng 18 người lính, tổng cộng 1150 người. Lại lấy các xã thôn thượng du của 3 huyện đặt làm 27 lân theo binh lính của 6 Kiên cơ tiến hành phòng thủ. Cơ Nhất có 4 lân: Trung Phấn, Trung Vũ, Trung Uy, Trung Tín; cơ Nhị có 5 lân: Tiền Thái, Tiền Mĩ, Tiền An, Tiền Vân, Tiền Sơn; cơ Tam có 4 lân: Tả Sơn, Tả Thanh, Tả Dũng, Tả Hùng; cơ Tứ có 5 lân: Hữu An, Hữu Trí, Hữu Hội, Hữu Hòa, Hữu Dũng; cơ Ngũ có 4 lân: Hậu Thành, Hậu Nghĩa, Hậu Tường, Hậu Quỳnh; cơ Lục có 5 lân: Nội Phước, Nội Lộc, Nội Thọ, Nội Bảo, Nội Tài. Mỗi lân đặt ra chức Cai lân, Phó lân để cai

---

thuyền hai tỉnh Quảng Ngãi, Bình Định, chuyên chở vật liệu đến dựng miếu (cách toà miếu cổ 7 trượng). Bên tả miếu dựng bia đá, phía trước miếu xây bình phong. Mươi ngày làm xong, rồi về. (Đệ nhị kỉ, quyển 154).

quản. Năm Minh Mệnh thứ 3 (1822), đổi chức Cai lân là Chánh bát phẩm Bá hộ, Phó lân là Chánh cửu phẩm Bá hộ, đổi 6 Kiên cơ thành 6 cơ Tĩnh Man, xây tăng thêm đồn bảo vệ, thành 117 đồn. Năm thứ 17 (1836) trích cơ thứ 6 ra lập thành vệ Nhất Quảng Ngãi, tùy theo tình hình địa bàn mà bổ sung thêm cho 5 cơ còn lại để tiện cho kế hoạch ứng phó. Năm thứ 20 (1839), chuyển giao cho Lãnh binh của tỉnh quản lãnh công việc này. Sang đời Thiệu Trị, cắt giảm số đồn xuống chỉ con 56 đồn, số lính của 5 cơ là 2150 người, mỗi cơ đặt ra 1 viên Chánh Quản cơ và 1 viên Phó Quản cơ, mỗi đồn đặt 1 viên Suất đội, đóng ở các cửa tấn để phòng thủ, tất cả do viên Lãnh binh cai quản chung. Trải lâu năm lũy bị đổ nát, nhiều toán dân Man vượt quan lũy đến cướp bóc các làng dưới xuôi. Năm Tự Đức thứ 8 (1855) trùng tu lại Trường lũy, năm thứ 9 (1856) chia đặt ra 80 đồn, bổ sung thêm binh lính thành 8 cơ, chia thành 3 ban, cứ 2 tháng thay phiên nhau một lần. Năm thứ 10 (1857) đặt chức Tuần phủ 1 viên, về sau lại bãi bỏ. Năm thứ 16 (1863) đặt chức Tiễu phủ 1 viên, Phó lãnh binh 1 viên để khi có xảy ra sự việc thì cùng bàn bạc với nhau mà giải quyết. Năm thứ 17 (1864) lại đổi 8 cơ thành 6 cơ, mỗi cơ 10 đội, lại kén tuyển lính chiến thành 1 vệ, vệ có 12 đội, chiêu mộ 5 đội Nghĩa Hùng, 2 đội Tĩnh Man, đặt 3 đồn lớn Tĩnh Man, còn các cơ đồn khác tùy xét mà cắt giảm. Những nơi xung yếu thì do binh lính của cơ đóng giữ, nơi dễ dàng hơn thì do dân của các lân canh giữ. Hiện nay chỉ còn 47 đồn nhỏ và 3 đồn lớn, tổng cộng 50 đồn.

ĐỀN MIẾU

Đền Bùi Đô đốc

Đền ở xã Thu Phố huyện Chương Nghĩa. Thần họ Bùi, tên là Tá Hán, người Bắc Kì, thời vua Lê Anh Tông làm Trấn thủ Quảng Nam, Bắc quân Đô đốc Trấn Quận công. Ở trấn, ông chỉ huy xây dựng đồn,

trồng rào tre dọc theo biên giới để đề phòng nạn người Man. Người Man vì thế không dám vào xâm phạm, nhân dân được sống yên ổn. Sau khi ông mất được tặng Thái bảo, dân địa phương lập đền thờ, gọi là đền Trấn Công. Con trai của ông là Tứ Dương hầu Bùi Tá Thế cũng được phụ thờ. Mộ của ông ở xã Thu Phố.

Đền Hoàng Đề lãnh

Đền ở huyện Mộ Đức. Thần họ Hoàng, húy Thiệu, người Lộ Bôi. Hồi đầu ông làm quan Đề lãnh, khai khẩn ruộng nương, đào kênh mương mưu lợi cho dân. Về sau ông đi đánh giặc Man bị tử trận, được dân địa phương lập đền thờ phụng.

Đền Nguyễn Tướng quân

Đền ở huyện Mộ Đức. Thần họ Nguyễn, húy Địch. Hồi đầu dựng nước của triều ta, ông làm quan Cai giám, có công trong việc bình định người Man, từng cùng người Man phân định ranh giới ở núi Tượng Đầu. Sau khi ông mất được tặng là Phụ quốc Thượng Tướng quân.

Đền thần Lộ Bôi

Đền trên núi xã Lộ Bôi. Tương truyền hồi đầu dựng nước của triều ta, Nguyễn Hữu Kính trên đường đánh giặc Chiêm Thành đi qua xã này, ban đêm nhìn thấy có ngôi sao lớn từ trên trời rơi xuống núi. Ông thầm khấn thần phù hộ. Khi thắng trận trở về bèn dựng một ngôi đền tại chỗ đó để thờ phụng.

CHÙA QUÁN

Chùa Thiên Ấn

Chùa trên núi Thiên Ấn huyện Bình Sơn, từng được vua tiên triều ban tặng biển ngạch đề "Thiên Ấn tự". Chùa nay vẫn còn, vườn

chùa cây cối rậm rạp tươi tốt, hương hoa không bao giờ dứt, là một di tích đẹp.

Chùa Kì Hi

Chùa ở huyện Bình Sơn. Năm Tự Đức thứ 5 (1852) người trong xã đào đất bắt được một pho tượng mình người đầu voi bằng đá trắng và hai hòn đá to bằng quả trứng ngỗng, bèn đem về lập đền thờ.

TỈNH BÌNH ĐỊNH

CỔ TÍCH

Tháp cổ Chiêm Thành

Có 8 tòa tháp ở thôn Vân Tường huyện Tuy Viễn, một tòa tháp Đồng ở thôn Thủ Hượng, một tòa tháp Tiên Vũ (tục gọi là tháp Cánh Tiên) ở thôn An Nam, một tòa tháp đổ ở thôn Hưng Thịnh huyện Tuy Phước, một tòa tháp Thanh Trúc ở thôn Bình Lâm, một tòa tháp Long Triều ở thôn Xuân Mĩ, một tháp Thị Thiện ở trên núi đất chỗ giáp giới của 4 thôn Đại Lộc, Hoàng Kim, Vạn Bảo và Phong Niên, một tháp thôn Phước Lộc ở trên núi đất chỗ giáp giới của 2 thôn Phú Thành và Châu Thành huyện Phù Cát.

Phế thành Đồ Bàn

Thành nằm trên địa phận ba thôn Nam Định, Bắc Thuận, Bả Canh thuộc phía bắc huyện Tuy Viễn, vốn là Kinh đô nước Chiêm Thành, chu vi có thể tới 30 dặm, trong thành có tháp cổ, nghê đá, voi đá đều là đồ vật của người Chiêm. Nguyễn Văn Nhạc nhà Tây Sơn chiếm thành này, nhân di chỉ cũ xây lên bằng đá ong, tiếm xưng là thành Hoàng Đế. Năm Đinh Mùi hồi đầu Trung hưng ta thu phục lại thành này, đổi tên là thành Bình Định. Năm Nhâm Thìn đổi thành trấn, dời trị sở đến chỗ hiện nay, thành trở nên hoang phế. Di chỉ nay vẫn còn. Trong thành có đền Chiêu Trung thờ Hoài Quốc công Võ Tánh và Ninh Hòa Quận công Ngô Tòng Chu.

Phế thành An Thành

Tục gọi là Bắc Thành, ở thôn An Thành phía đông huyện Tuy An, do người Chiêm Thành xây dựng, nay đã đổ nát, hiện còn di chỉ.

Phế thành Phú Phong

Tục gọi là thành Bách Bích, ở trên núi thôn Tây Phú Phong, phía đông huyện Tuy Viễn. Thành nay đã đổ nát, hiện còn di chỉ. Thành còn có tên là thành Ủy Trì, là một trong những lũy cổ của Ôn Công ngày trước.

NÚI

Núi Kì Sơn

Núi ở phía đông huyện Tuy Phước. Trên sườn núi có một chỗ lõm vào. Lại có một đỉnh, ở phía tây có hồ Quang, tục gọi là ngọn Quang Hồ. Mé tây bắc ở đỉnh cao nhất có mỏm đá dài hình như chim phượng, tục gọi là Phượng Sơn, thôn ở đây cũng mang tên là thôn Phượng Sơn. Cách vài bộ dưới chân núi có hố đất, địa thế bằng phẳng, rộng chừng vài mẫu, rìa hố nổi lên một khối đá lớn hình con rùa, tục gọi là hố Rùa. Từ đây đi xuống phía dưới có hang đá, cạnh hang có hai tảng đá, trẻ chăn trâu thường tới gõ chơi, nên có gọi là núi Tiếng Trống. Phía bắc núi Phượng Sơn lại nổi lên một ngọn núi uốn cong như hình bán nguyệt, tục gọi là gò Nguyệt. Nhìn về phía đông, hơi chếch xuống các xóm thôn bên dưới có núi Ngư Cốt (Xương cá), tương truyền vị cao tăng đời Lí là Không Lộ ăn cá chất xương cá thành núi, nên đặt tên núi như vậy. Năm Nhâm Tuất vào thời kì đầu dựng nước, Nguyễn Văn Thành sai Nguyễn Đức Xuyên đánh đồn giặc ở núi Kì Sơn, giặc bị giết rất nhiều. Tướng giặc là Trần Quang Diệu dẫn quân từ phía sau núi đột kích ra bao vây, Tiền quân Phó tướng Nguyễn Huệ bị tử trận, Nguyễn Đức Xuyên phải lui quân

về cố thủ. Về sau, Nguyễn Văn Thành lại đem quân lên núi này phá được giặc, rồi sai quân dựng đồn cố thủ để phòng hậu hoạn. Giặc phải bỏ thành chạy trốn.

Núi Bà

Núi ở huyện Phù Cát, còn gọi là núi Phô Chiêng. Núi cao hùng vĩ, trên đỉnh có khối đá lớn thẳng thắn ngay ngắn như cái mâm. Chân núi có đá dựng thẳng đứng giống hình người. Dân địa phương lập đền ở đây để thờ, đến cầu mưa luôn được ứng nghiệm. Ở phía tây có núi Thạch Quán, nơi con đường dịch lộ đi ngang qua. Phía đông có núi Đạm Thủy, núi Tố Mộ, phía Tây bắc có núi Lang Sơn, phía nam có núi Thạch Đà, phía Đông nam có núi Lại Sơn, Thế Sơn.

Núi Càn Dương

Núi ở phía đông nam huyện Phù Cát. Ở chân núi ngày xưa có kho Càn Dương, Nguyễn Văn Huệ nhà Tây Sơn lấy làm phủ mới, tục gọi là Phủ Mới, hiện vẫn còn lại di chỉ của ao chuôm, lũy cổ ngày trước ở thôn Trường Thịnh, tạo thế ỷ giốc với thành Qui Nhơn. Năm Quí Tị đầu thời Trung hưng, quân ta tấn công lên, bọn chúng cậy mạnh lại chiếm vị trí trên cao, cho rằng quân ta không thể lên được. Bấy giờ có Trần Công Hiến người Quảng Ngãi tình nguyện xin vào trại giặc làm nội ứng. Quân ta bên ngoài khua trống hò reo xông lên, từ bên trong Công Hiến cũng tả xung hữu đột, bọn chúng tán loạn bỏ chạy ra bốn phía. Đồn ấy bị ta san phẳng chính là tại nơi này. Phía bắc núi có đỉnh Càn Dương. Từ trên đỉnh này có đường đi thông tới núi Thế Sơn, Đàn Lâm, Khưu Sơn. Phía nam đỉnh Càn Dương có núi Đồn, núi Linh Phong Tự, núi Sơn Cốc, phía tây có núi Lương Quản.

Đá Vọng phu

Ở phía Đông nam huyện Phù Cát, phía bắc núi Càn Dương. Trên núi có tảng đá hình người đàn bà đang bồng một đứa trẻ con, bên trái

lại dắt một đứa bé nữa, lưng dựa vào núi cao, mặt hướng ra biển Nam Hải. Tương truyền ngày xưa có người đàn bà ở thôn Chính Uy sinh ra được hai người con một trai một gái, đều còn nhỏ tuổi. Một hôm nhà phơi thóc, đàn gà xúm vào ăn. Mẹ bảo đứa bé trai đuổi chúng đi, cậu bé cầm ngay viên đá ném, chẳng may trúng ngay vào đầu em gái. Bà mẹ tức giận đuổi cậu bé đi. Cậu bé sợ hãi bỏ đi biệt xứ hơn hai mươi năm, khi trở về thì mẹ già đã qua đời, em gái cũng lưu lạc nơi nào, dò tìm mãi không có tin tức. Người con trai đành ở lại thôn Chính Uy làm ăn sinh sống. Sau lấy người con gái thôn Chính Minh làm vợ, sinh được một con trai và một con gái. Một hôm rỗi rãi vợ chồng ngồi bắt chấy cho nhau. Chồng phát hiện đầu vợ có vết sẹo, hỏi ra mới biết mình đã lấy nhầm phải em ruột. Vì quá xấu hổ, chàng lẳng lặng lên thuyền bỏ đi xa không quay trở về nữa. Người vợ nhớ thương chồng dắt hai con lên núi ngóng trông, vì quá bi thương mà cùng hóa thành đá.

ĐỀN MIẾU

Đền Chiêu Trung

Đền ở thôn Nam Định huyện Tuy Viễn. Hồi đầu Trung hưng triều ta, Hoài Quốc công Võ Tánh và Ninh Hòa Quận công Ngô Tòng Chu lưu giữ thành Bình Định bị tướng Tây Sơn là Trần Quang Diệu, Võ Văn Dũng hợp sức vây đánh. Suốt hơn một năm hai ông bám thành cố thủ, lại bí mật dâng biểu khuyên vua thừa dịp này mà đánh lấy thành Phú Xuân. Vua nghe theo kế ấy. Đến khi trong thành hết sạch lương ăn, Ngô Tòng Chu uống thuốc độc tự vẫn, còn Võ Tánh thì tự thiêu ở lầu Bát giác. Sau khi quân ta đã thu phục được Kinh thành Phú Xuân, quay lại cứu viện thì hai ông đều đã tuẫn tiết. Bèn lập một ngôi đền ở ngay tại chỗ ngôi lầu để thờ phụng hai ông, gọi là đền Lầu Bát Giác. Năm Tự Đức thứ 4 (1851) đổi thành tên gọi ngày

nay là đền Chiêu Trung. Phía sau đền còn có mộ của bà Võ Thị Cơ và của một viên Đội trưởng không rõ tên cùng chết theo với hai ông.

Đền Bao Trung

Đền ở thôn Hưng Thịnh huyện Tuy Phước. Vào khoảng năm Canh Thân, Tân Dậu thời kì đầu dựng nước triều ta, khi Vương Sư tấn công thành Qui Nhơn, Nghi Giang Quận công Vũ Di Nguy bị tử trận ở cửa biển Thi Nại, Bình Giang Quận công Chu Viết Phúc tử trận ở sông Tân Khai. Sau ngày đại định đất nước, hai ông được lập đền thờ, gọi là Miếu Công thần núi Hưng Thịnh. Năm Tự Đức thứ 6 (1853) đổi thành tên gọi ngày nay là đền Bao Trung.

Đền Uy Minh vương

Đền ở huyện Tuy Phước, còn có tên là đền Sơn thần núi Tam Tháp tại cửa biển Thi Nại. Thần họ Lí, tên là Nhật Quang, là con trai thứ 8 của vua Lí Thái Tổ, được phong là Uy Minh vương, cai quản phủ Nghệ An có nhiều chính sách ơn huệ với dân, được cả quan và dân thương yêu kính phục. Bấy giờ có bộ lạc Chiên Thành làm phản, chúa Chiêm xin cầu viện. Quân của Vương đóng ở chân núi Tam Tòa, chúa Chiêm ra nghênh yết. Bộ lạc kia hay tin đều đến trước cửa quân vái lạy, xin từ nay nghe theo lệnh của chúa Chiêm, không dám ăn ở hai lòng nữa. Vương đưa quân về. Người Chiêm cảm ơn ân đức của Vương lập đền thờ tại chân núi Tam Tòa. Đến thời vua Lê Thánh Tông đi đánh Chiêm Thành, quân đi đến cửa biển Thi Nại cầu thần phù hộ được ứng nghiệm, sau khi hạ thành Đồ Bàn, phong cho Vương là thần núi Tam Tòa.

Đền thần Thịnh Xuân

Đền ở phường Thịnh Xuân huyện Bồng Sơn, thờ 3 vị thần, là Tứ Dương Thành Phủ quân, Dương Long Phủ quân và Thế Nhạc Phủ

quân. Tương truyền ba vị lúc sinh thời tử tiết, sau khi mất hiển linh. Đền thờ nằm bên cửa biển An Dụ, bến cát ở hai bên thường hay bị bồi tắc. Tàu thuyền qua lại gặp khó khăn, nếu cầu khấn thần phù hộ thì luôn tìm được luồng nước sâu và rộng mà đi. Mùa vận chuyển năm Minh Mệnh thứ 11 (1830) gặp phải kì nước biển xuống nông, quan địa phương tới đền cầu đảo, hôm sau ra đã thấy ở chỗ cửa biển mới khai thông tàu thuyền đi về rất thuận lợi. Được vài ngày lại trở về như cũ. Sự việc tâu lên, triều đình xuống chiếu sai biện lễ vật đem tới đền lễ tạ.

Đền Tráng Bang hầu

Đền ở thôn Chính Hòa huyện Phù Cát. Thần là người bản thôn, họ Chu, húy Tá An, thi đỗ Hương cống vào hồi đầu dựng nước triều ta, làm quan giữ chức Khám lí, tước Tráng Bang hầu. Thần có công bình định người Man, mở mang đất đai. Sau khi mất được dân bản thôn lập đền thờ phụng.

CHÙA QUÁN

Chùa Thạch Cốc

Chùa ở núi Hắc Thạch (tục gọi là xứ Đá Đen) thôn Hội Khánh huyện Phù Cát. Chu vi 19 trượng có lẻ. Từ tiền đường ra đến cổng chính và vào trong nội từ đều dài hơn 3 thước. Cửa chùa rộng 5 thước, cao hơn 4 thước. Chùa có 12 cái bàn vuông, bên trong đặt 3 cái, bên phải 5 cái, bên trái 4 cái. Hai bên cửa đều có thềm với bậc đá lên xuống. Bên trên chùa có khe ngách thông tới lưng núi đằng sau, phía dưới chùa cũng có ngách thông ra các hộ phía bắc. Chùa hướng ra núi La Hơi ở phía nam. Tương truyền vào năm hạn hán, nếu nghe thấy trên núi có tiếng rào rào như xay lúa thì ắt sẽ có mưa, còn năm nào mưa nhiều mà nghe thấy tiếng ấy thì sẽ tạnh.

Chùa Vân Phong

Chùa ở núi Ỳ Cao thôn Phương Phi huyện Phù Cát. Chùa mặt hướng ra đầm phá ngoài biển, có suối nước chảy quanh, phong cảnh rất đẹp. Tương truyền đây là chùa Dũng Tuyền ngày trước, do nhà sư Lê Ban (tục gọi là Ông Núi) xây dựng vào năm Nhâm Ngọ, tức năm thứ 11 thời Hiển Tông Hoàng đế triều ta (tương truyền là năm Chính Hòa thứ 13)[79]. Năm thứ 8 Qui Sửu đời Túc Tông (tức năm Long Đức thứ 2 (1733), sắc phong cho nhà sư là Tịnh Giác Thiện Trì Thiên Lão Ông Thiền sư và ban cho biển ngạch đề tên chùa là "Linh Phong thiền tự" cùng với một đôi câu đối, hiện vẫn còn. Năm Minh Mệnh thứ 10 (1829) ban cho tiền để trùng tu.

Chùa Thập Tháp

Chùa ở thôn Thuận Chính huyện Tuy Viễn. Sau chùa có 10 tòa tháp cổ[80], nên gọi là chùa Thập Tháp. Tháp nay đã bị đổ. Chùa do nhà sư người Đường[81] là Hoán Bích Hòa thượng xây dựng vào năm thứ 21, Qui Hợi đời Thái Tông triều ta (tức năm Chính Hòa thứ 4 (1683). Năm thứ 10, Tân Tị đời Hiển Tông (tức năm Chính Hòa thứ 12)[82], sắc ban biển ngạch tên chùa là Thập Tháp Di Đà tự cùng câu đối. Năm Minh Mệnh nguyên niên (1820) chùa được nhà sư chùa Thiên Mụ là Mật Hoằng Hòa thượng tiến hành trùng tu. Chùa này cùng với chùa Vân Phong đều nổi tiếng là nơi danh thắng

---

(79) Năm Nhâm Ngọ đời chúa Hiển Tông Nguyễn Phúc Chu là năm 1702, còn năm Chính Hòa thứ 13 là năm Nhân Thân (1692).

(80) Nguyên văn chép nhầm là "thành cổ".

(81) *Người Đường*: cách gọi những người Hoa di cư sang nước ta.

(82) Năm Tân Tị đời chúa Hiển Tông Nguyễn Phúc Chu là năm 1701, còn năm Chính Hòa thứ 12 là năm Tân Mùi (1691).

Chùa Nhạn Sơn

Chùa ở thôn Nhạn Tháp huyện Tuy Viễn, nằm ở phía nam thành Đồ Bàn. Trong chùa có hai hòn đá đặt đứng trên tảng đá tròn hướng mặt vào nhau, thân đá cao hơn 6 thước, vòng lưng hơn 5 thước, một tảng sơn màu đỏ, một tảng sơn màu đen. Sư chùa cho may khăn đao áo mũ mặc lên đá rồi vẽ hình rồng mây trang trí như người thật. Tương truyền đây vốn là tượng Phật của người Chiêm Thành.

TỈNH PHÚ YÊN

CỔ TÍCH

Phế thành An Nghiệp

Thành ở bờ bắc sông Đà Diễn thuộc xã An Nghiệp, phía tây huyện Tuy Hòa, chu vi 1400 trượng, tương truyền do người Chiêm Thành xây dựng, tục gọi là thành Hồ. Vào năm Mậu Dần thời Thái Tổ triều ta, Quận công Lương Văn Chính tiến công san phẳng thành này. Hiện vẫn còn di chỉ.

Tháp cổ Chiêm Thành

Tháp ở trên núi thuộc xã Bảo Tháp, phía đông huyện Tuy Hòa, tương truyền là nơi an táng của Vương hậu nước Chiêm Thành. Phía dưới tháp có miếu Chùa Sắt.

NÚI

Núi Đại Lĩnh

Núi ở phía Đông nam huyện Tuy Hòa, chỗ giáp ranh giữa Phú Yên và Khánh Hòa, nơi đặt trạm Phú Hòa. Núi từ phía tây Ngọc Sơn đổ về chạy theo hướng đông ra sát bờ biển. Mé nam có dòng suối lớn. Năm Ất Mão hồi đầu Trung hưng, đại quân của ta đi cứu viện Diên Khánh, sai Tống Viết Phúc thủ giữ đồn Đại Lĩnh, đó chính là nơi này. Năm Minh Mệnh thứ 7 (1826) hình núi này được lấy để khắc vào Tuyên đỉnh. Xét: Chương *Hoàn Vương truyện* trong sách *Tân Đường*

thư chép rằng, ở Nam Đại Phố châu Bôn Đà Rằng nước Lâm Ấp có núi Ngũ Đồng Trụ, chếch phía tây toàn núi đá trùng trùng, phía đông núi đá chạy ra tới biển. Cột đồng là do Mã Viện trồng. Xem thế thì núi Ngũ Đồng Trụ ngờ rằng chính là núi Đại Lĩnh. Nhưng nghiên cứu truyện về Mã Viện thì ông ta chưa từng đi đến vùng này.

Núi Thạch Bi

Núi ở phía đông huyện Tuy Hòa. Vào năm thứ 6 Tân Mão thời Duệ Tông triều ta có sét đánh, đá trên núi đang từ màu đen trở nên trắng toát, nhìn từ xa nom như tấm bia đá lớn dựng sừng sững, sắc trắng như vôi, Triều đình đã cử quan đến làm lễ cầu đảo. Trên núi có nhiều ác thú, hiếm có dấu chân người lên đây. Sách *Thủy lục trình kí* của Trần Công Hiến chép rằng, núi này có một nhánh ăn ra tới ngoài biển thì tách ra làm đôi, cây cối thảo mộc cũng chia ra hai loại. Có một mỏn đá đầu nghiêng về hướng đông giống hình người. Ngày xưa vua Lê Thánh-Tông đi đánh Chiêm Thành qua đây cảm kích mà nói rằng: Trời đất mở ra đã phân chia lãnh thổ, thế mà bọn giặc kia dám nghịch mệnh trời tất sẽ bị trời giáng tai họa. Nhân đó đem lời ấy khắc lên vách đá. Sách *Dư địa chí* của Lê Quang Định chép: Vua Lê Thánh Tông đi đánh Chiêm Thành, mở mang lãnh thổ ở phương nam, khi đi đến đây mài đá ở vách núi dựng đứng lập thành bia để phân định rõ ranh giới với Chiêm Thành. Vì vậy núi mang tên là Thạch Bi. Ngày nay nét chữ khắc đã bị vỡ không nhận ra được nữa, nhưng bia miệng thì vẫn còn truyền tụng câu nói: "Chiêm Thành vượt qua đây thì quân bại nước mất; An Nam vượt qua đây thì tướng chết lính toi".

ĐỀN MIẾU

Đền Biểu Trung

Đền ở cửa tấn Cù Mông thuộc thôn Vĩnh Cửu, phía bắc huyện

Đồng Xuân, thờ hơn 500 tướng sĩ bị chết trận và chết bệnh vào hồi đầu Trung hưng triều ta.

Đền thần Định Phú

Đền ở phía đông núi Tượng Sơn xã Định Phú, tục gọi là đền Sư Loan. Tương truyền sư Loan là viên Đội trưởng dưới trướng chỉ huy của Quận công Lương Văn Chính, ông mất chôn cất ở đây, sau đó hiển linh. Có một viên quan Điều khiển[83] dẫn quân đánh giặc qua đây thì dừng lại nghỉ chân. Đêm ấy mộng thấy một cụ già chống gậy trúc tới chỉ bảo cho thế trận đánh giặc. Vái hỏi tên hiệu, cụ già tự xưng là sư Loan. Quan Điều khiển tỉnh giấc, ghi nhớ lời thần dạy. Khi gặp giặc bày trận đúng theo những điều được nghe trong mộng, quả nhiên thắng to. Khải hoàn trở về, ông lập ngôi đền để thờ phụng thần.

CHÙA QUÁN

Chùa Từ Quang

Chùa ở xã Xuân Đài, phía bắc huyện Đồng Xuân. Vào đầu triều Gia Long, Diệu Lệ Hòa thượng đã xây dựng chùa và trụ trì tại đây.

---

[83] *Điều khiển* : tên chức quan. *Theo Đại Nam thực lục*, tháng 4 năm Tân Hợi (1731), Chúa Nguyễn Phúc Chú cho rằng việc quân ở nơi biên khốn cần phải có người thống nhiếp, cho nên sai Phúc Vĩnh làm việc điều khiển, quan binh các dinh trấn đều thuộc về cả. Lại đặt riêng một nha lị ở phía nam dinh Phiên Trấn gọi là dinh Điều khiển. Chức Điều khiển đặt từ đấy.

TỈNH KHÁNH HÒA

CỔ TÍCH

Tháp cổ Thiên Y

Ở xã Ngọa Lao huyện Vĩnh Xương. Trên đỉnh núi ở đây có tòa tháp đổ, bên trái cao 6 thước, thờ tượng đá thần Thiên Y A Na Diễn phi; bên phải cao 2 trượng, thờ Bắc Hải Thái tử. Tương truyền Thiên Y là vị tiên nữ, khởi đầu hiển linh giáng trần xuống núi Đại Điền (Cựu An). Bấy giờ có hai ông bà già không có con cái, trồng dưa sinh sống ở trên núi. Đến vụ thu hoạch cứ thấy dưa bị ai hái mất. Ông bà lấy làm quái lạ, ban đêm đi rình thì thấy có một cô gái tuổi chừng mười ba mười bốn từ trong lùm cây rón rén bước ra hái dưa rồi đùa giỡn dưới ánh trăng. Xông lại gần xét hỏi thì đúng là kẻ vẫn thường ra hái dưa của ông bà. Hai người thương cô gái ít tuổi lại xinh xắn bèn dắt về nuôi. Thấy cô gái có phong thái thanh tao nhã nhặn, đúng là người trời nên ông bà rất quí mến thương yêu. Một hôm mưa lũ đổ về mà cô gái vẫn ra ngoài hái hoa, chọn đá xếp ngọn núi giả đùa chơi, bị ông lão tức giận mắng cho một trận. Cô gái lòng buồn bã, rồi nhân thấy có cây gỗ ca nam đang cuốn trôi theo dòng nước lũ bèn thác thân nhập vào thân cây. Cây gỗ theo lũ trôi xuôi mãi rồi giạt vào bờ biển phương bắc. Người Bắc quốc thấy cây gỗ hương rất quí bèn hùa nhau vớt lên, không ngờ gỗ nặng không sao nhấc lên được. Thái tử nước ấy hay tin cũng ra bờ biển xem, rồi bước xuống nước tự tay kéo cây gỗ, cây gỗ ngoan ngoãn nghe theo, được đưa về để ở trong cung điện. Thái tử mới đến tuổi đội mũ, còn chưa lấy vợ, lòng thấy bồi hồi, hễ cứ ôm lấy

cây gỗ là lại thấy có ánh trăng ẩn hiện, thoang thoảng bay ra mùi hương thơm dìu dịu như có ai vừa mới đi qua, khiến Thái tử xao xuyến trong lòng. Một đêm Thái tử định thần tỉnh táo trở lại, một mình đến bên cây gỗ để tìm hiểu rõ chuyện. Lại thấy bóng người và hương thơm như hôm trước, Thái tử bèn níu lại truy hỏi, thì ra đó là một mĩ nhân. Cô gái thấy người vội hoảng hốt lẩn trốn, bị Thái tử níu lại hỏi, không đi được nữa đành kể lại đầu đuôi câu chuyện. Thái tử mừng rỡ, đem sự việc tâu lên vua. Vua cũng cho là duyên lạ, bèn cho họ lấy nhau. Sau đó ít lâu, hai người sinh được một con trai đặt tên là Chi, và một con gái đặt tên là Quí. Một hôm người vợ chợt thấy nhớ núi cũ, bèn ôm hai con nhập vào cây gỗ hương vượt biển trôi về phương nam, thẳng tới bờ biển Cù Huân lên bờ, tìm về nơi ở cũ trên núi, thì ông bà già đã mất từ lâu. Bà bèn ở lại mở mang vườn tược, dựng ngôi miếu thờ ông bà già. Lại thấy dân cư vùng núi rừng chất phác mông muội, không biết cách làm ăn sinh sống và phòng chống tai họa, bà liền đặt ra phép tắc kỉ cương, dạy dỗ nghề nghiệp sinh nhai. Sau đó lên đỉnh núi Cù Lao khắc đá tạo thành tượng để lại rồi giữa ban ngày bay thẳng về trời. Thái tử Bắc Hải thấy vợ bỏ đi mất, bèn đi thuyền đến tìm. Vì bọn thuyền nhân ấy uy hiếp ngược đãi dân địa phương, lại tỏ ra bất kính đối với tượng thần nên trời nổi gió bão làm chúng bị lật thuyền, tất cả hóa thành một đống đá. Từ đó pho tượng càng thể hiện sự linh thiêng, dân địa phương thờ phụng làm thần, bèn dựng hai tòa tháp ở trên núi, tháp bên trái thờ Tiên chúa, tháp bên phải thờ Thái tử. Đằng sau tháp lập một ngôi đền nhỏ thờ hai người con trai và con gái của bà Chúa, bên trái lập ngôi đền nhỏ thờ ông bà già đã nuôi bà Chúa. Tấm bia chùa ở đằng trước tháp đều ghi bằng kiểu chữ hình con sâu, không đọc hiểu được. Hiện nay vườn tược ở đấy vẫn còn, hoa quả có thể tùy ý hái ăn nhưng không được lấy đem về. Mỗi khi gặp kì lễ tiết, thú rừng cá biển đều về chầu phục. Người Chiêm gọi thần là Thánh Bà Thiên Y A Na Diễn Phi Chúa

Ngọc. Vào đầu triều ta phong tặng cho thần là Hồng nhân Phổ tế Linh ứng Thượng đẳng thần, cho dân Ngọa Lao được sung làm từ phu[84].

Phế lũy Chiêm Thành

Tại xã Phú Thịnh ở phía bắc huyện Vĩnh Xương có một đoạn lũy cổ, tương truyền là đồn ngày xưa của người Chiêm. Di tích hiện vẫn còn.

NÚI

Núi Đại Điền

Núi ở phía bắc huyện Phước Điền, tên ngày xưa là Đại An, tục gọi là Núi Chúa. Thế núi hùng vĩ, chu vi hơn trăm dặm, tương truyền là nơi hiển linh của thần Thiên Y A Na Diễn Phi. Núi này cấm tiều phu lên lấy củi, thường có ánh sáng thiêng từ trên chiếu xuống. Năm Tự Đức thứ 3 (1850) núi được liệt vào hàng đại sơn và liệt ghi vào điển thờ.

Núi Thị Sơn

Núi ở phía tây huyện Đại Điền, chân núi có miếu thờ Thái tử (xem ở phần Cổ tích). Trong miếu có một đôi hài bằng đá, một bàn cờ và những quân cờ bằng đá. Phía nam là đường đi. Phía tây có vụng nước sôi hình vuông rộng khoảng hơn 1 mẫu. Trong vụng có những bụi cây cỏ bốn mùa xanh tốt. Phía tây có hồ sen, nước một nửa trong một nửa đục.

Núi Diễn Sơn

Núi ở huyện Vĩnh Xương. Trên núi có đường đi qua. Năm Đinh

---

[84] *Từ phu*: dân trông nom thờ phụng đền.

Tị đầu thời Trung hưng, ở đây xuất hiện nhiều hổ sói, không có bóng dáng khách buôn qua lại. Quan Án trấn là Nguyễn Văn Thành đến cầu đảo Chúa Ngọc Tiên nương, qua vài tháng quả nhiên bắt được hổ dữ, khách buôn nhân đó được ơn nhờ, bèn lập ngôi đền tại đây, gọi là đền Diễn Sơn. Ngoài ra còn có núi Hoàng Ngưu (núi Bò Vàng) ở đông nam huyện Vĩnh Xương, chu vi hơn 10 dặm, phía bắc giáp bờ biển, gần đó có núi Lũy Thạch.

ĐỀN MIẾU

Đền Tinh Trung

Đền ở núi Hà La thôn Mĩ Thạnh huyện Vĩnh Xương, thờ 350 vị công thần tử trận thời Trung hưng của triều ta.

Đền Quá Quan

Đền ở xã Đắc Lộc huyện Phước Điền, thờ Thiên Y Tiên nương. Phía trước đền là đường cái quan, ngày xưa sứ thần của Thuận Thành, Chân Lạp sang nộp cống đi qua chỗ này thường vào bày lễ bái yết ở đền rồi mới đi tiếp, vì thế mới gọi tên đền là Quá Quan.

Chùa Kim Sơn

Chùa ở thôn Ngọc Toản hyện Vĩnh Xương. Ngày xưa tên là chùa Kim Sơn, về sau Thế Tông Hoàng đế triều ta đổi là "Tôn tự" (chùa Tôn), ban cho biển ngạch, bên phải khắc 8 chữ "Quốc chúa Từ Tế Đạo nhân ngự đề", nay vẫn còn. Năm Thiệu Trị nguyên niên lấy lại tên gọi cũ, làm biển mới cấp cho.

Chùa Linh Sơn

Chùa ở xã Xuân Sơn huyện Vĩnh Xương. Thế Tông Hoàng đế triều ta ngự chế ban cho một đôi câu đối, nay vẫn còn.

TỈNH BÌNH THUẬN

CỔ TÍCH

Thành cổ Chiêm Sơn

Thành ở xã Vĩnh An huyện Hòa Đa, nơi ở của Quốc vương Chiêm Thành. Phía trước có khoảnh ao vôi, di tích nay vẫn còn.

Cựu trấn Thuận Thành

Ở phía tây bắc huyện Hòa Đa, đây là nơi ở của Phiên vương Thuận Thành. Xét: Theo sử nhà Lê, vua Lê Thánh Tông sau khi đã bình định được Chiêm Thành, mở mang bờ cõi đến núi Thạch Bi. Con cháu của vua sau đó còn chiếm cả vùng đất phía tây sông Phan Rang mà đem phong. Đến năm Nhâm Thân (1692) thời Hiển Tông Hiếu Minh Hoàng đế triều ta, bọn Bà Tranh làm phản, chúa sai tướng đi đánh, bình định được toàn bộ đất ấy, chia vẽ cương giới cho bộ lạc của Vương phụ nước ấy ở, đổi tên thành trấn Thuận Thành, phong cho con cháu được thế tập làm Thuận Thành vương, hàng năm nộp cống sản vật, trở thành nước phiên thuộc. Khi nhà Tây Sơn nổi lên, Chưởng cơ Tá (khuyết danh) của Thuận Thành đầu hàng Tây Sơn, đem đất nước của báu truyền đời trao cho họ. Năm Mậu Thân, Thế Tổ Cao Hoàng đế thu phục Gia Định, nhiều lần truyền dụ nhưng Tá sợ tội không dám ra. Binh lính của ta qua đây nhiều lần bị hại. Đến năm Giáp Dần, đạo quân của viên Tù trưởng Thuận Thành là Nguyễn Văn Hào bắt được Tá đem giết, từ đó bỏ tước hiệu Thuận Thành vương, trao cho Hào làm Chưởng cơ,

Giếng cổ Phiên vương

Giếng ở thôn Tăng Phú huyện Hòa Đa. Tương truyền Phiên vương Bà Tranh thường ra nghỉ ngơi ngắm biển tại đây, cho đào giếng để lấy nước uống chống khát, tục gọi là giếng Vương tỉnh.

NÚI

Núi Hương Ấn

Núi ở phía tây huyện Hòa Đa. Thế núi cao chót vót, trên có án đá gồm hai bậc. Bậc thứ nhất thờ Dương thần (tục gọi là Dương Tu), bậc thứ hai thờ Dương Phu nhân. Dưới hai bậc này đá lõm vào in hằn thành ngấn như hình bàn chân người. Tương truyền đó là dấu chân của Dương Phu nhân. Phía trước núi đá xếp hình như sống lưng con cá, bên dưới có đầm nước sâu, lại có các hốc đá, tương truyền là nơi Phu nhân nuôi cá. Bên phải núi có bàn đá cao khoảng 4 trượng, mặt vuông 4 thước, nom như hình cái chuồng voi. Gặp năm hạn hán đến cầu đảo, nghe trong núi có ba tiếng sấm thì chỉ chốc lát trời sẽ mưa. Gần đó có núi Ích Sơn, La Sơn.

Ngọn Vật Thăng

Núi ở phía nam huyện Hòa Đa, nằm ở mé đông con đường dịch lộ. Tương truyền Phiên vương Thuận Thành cứ bảy năm lại lên đây một lần để tịnh dưỡng, rồi ném gạo ở đó để cầu trời cho được kéo dài tuổi thọ.

Tam động

Động ở con đường dịch lộ, phía tây nam huyện Hòa Đa. Động toàn là đá và cát, nhìn rộng ngút tầm mắt. Động thứ nhất cao 12 trượng 5 thước; động thứ hai cao 10 trượng; động thứ ba cao 7 trượng 5 thước. Phía đông có 2 cái hồ và đền thờ thần Chúa Động. Đá xếp

chênh vênh, người đi qua lại mà không hề bị lún sụt. Đây cũng là một kì quan.

Bạch hồ

Có hai hồ Thượng và Hạ, ở phía tây Tam động, thuộc phía tây nam huyện Hòa Đa. Hồ Thượng chu vi hơn 8 dặm, hồ Hạ chu vi hơn 12 dặm. Nước hồ trong và ngọt, quanh năm bốn mùa nước không tăng không giảm. Phía đông bắc là động cát, phía tây nam là rừng chân núi. Trên bờ hồ có đền thần Chúa Động. Tương truyền vào năm Tân Dậu, có người phu dịch trạm tên là Thư đang đi chuyển công văn thì bị hổ vồ. Qua mấy ngày sau bỗng thấy trong hồ có xác hổ chết đuối, đó chính là con hổ đã giết hại phu trạm Thư bữa trước. Lại có người lái trâu tên là Phú lùa trâu đi qua hồ, lên đền làm điều thất lễ, bỗng nhiên trong đàn trâu có một con bỏ chạy xuống hồ chấp chới rồi chìm nghỉm, hồi lâu mới thấy nổi lên mặt nước. Nhiều chuyện khác cũng linh thiêng kì lạ như thế. Phía nam còn có một cái ao Thạch Bàn.

ĐỀN MIẾU

Đền Thiên Y A Na Diễn phi

Đền ở thôn Vĩnh An huyện Hòa Đa, thờ tượng thần là Nữ Chúa Ngọc Thiên Y A Na Diễn phi. Phía sau đền có 5 phiến đá. Một phiến dài 1 thước 9 tấc, tròn 1 thước 8 tấc; một phiến dài 1 thước 2 tấc, tròn 1 thước 9 tấc; một phiến dài 6 tấc, tròn 1 thước 2 tấc; một phiến dài 6 tấc, tròn 1 thước 8 tấc; một phiến dài 5 tấc, tròn 1 thước 8 tấc. Tương truyền 5 phiến đá này nguyên là những khúc gỗ giáng hương chẳng biết từ đâu bay tới đây. Dân địa phương bao lần muốn lấy mang đi nhưng không sao lấy được. Trải lâu năm gỗ hóa thành đá. Lại có một phiến đá xanh trên có hai chữ "Thiên Y", thổ dân cho là linh thiêng kì

lạ bèn lập đền để thờ. Đầu triều Gia Long đặt một viên Tự thừa. Sự việc chép trong *Khánh Hòa chí.*

Đền Thiên Hậu

Đền ở ngoại quách của tỉnh thành. Đền nhìn ra dòng sông trước mặt. Phía bắc sông là đồi Cát đô. Khách buôn người Thanh xây dựng đền này, thờ thần Thiên Hậu. Thần là người Tiêu Điền, họ Lâm, thuộc dòng dõi của Cửu Mục công, con gái thứ hai của Ôn Công, lên 8 tuổi theo học đạo tiên, đến 16 tuổi thì đắc đạo, hô gió gọi mưa đều ứng nghiệm. Vào đời nhà Tống, có một người đi biển gặp bão, thuyền sắp lật. Chợt thấy trên không trung hiện ra một người tự xưng là con gái của Ôn Công giáng trần để cứu nạn. Thoáng chốc quả nhiên trời dứt bão, thuyền ấy may được bình yên vô sự. Sự việc tâu lên, nhà Tống phong cho thần là Phu nhân; Triều Minh phong là Thiên phi; triều Thanh phong là Thiên hậu. Hàng năm cứ vào ngày rằm tháng 7 mở hội, người trảy hội đến xem đông đúc như nêm. Phàm các nước có người Thanh đến mở phố thì đều dựng đền thờ thần.

Đền thần Thiện Mĩ

Đền ở thôn Thiện Mĩ huyện Hòa Đa. Hồi đầu Trung hưng triều ta có người tên là Nhị Lan (không rõ họ) tụ tập dân chúng khởi nghĩa ở núi Trà Na, dùng những đồng tiền kết lại thành áo giáp, mặc vào xung trận, đi đến đâu đối phương chết như ngả rạ đến đấy. Nhưng về sau bị giặc sát hại, hiển linh ở nơi này, được dân địa phương lập đền thờ phụng.

Đền thần Dương Tu

Đền ở huyện Tuy Lí, tục gọi là đền Dương Tu. Đền có voi đá. Xứ đất này có một trăm con trâu, số lượng không bao giờ tăng giảm, thường qua lại quanh chỗ bến bên bờ biển. Trâu tính thuần, không

hung dữ như trâu rừng. Tương truyền đó là đàn trâu của thần, cánh thợ săn không ai dám phạm.

Đền Kha Họa Bát

Đền ở huyện Hòa Đa. Kha Họa Bát là La Uyển đầu mục của người Man sống ở Bình Thuận. Năm Minh Mệnh thứ 15 (1834), quân triều đình tiến đánh, Bát tự ra đầu hàng, dẫn đường cho quan quân bắt chém tên đầu sỏ. Sau khi binh lính rút về, dư đảng là Tuân Lí lại tụ tập dân Man lùng bắt Bát, hùng hổ quát nạt dọa dẫm nhưng Bát không chịu phục tùng, còn mắng lại chúng mà nói: Ta đã là thần dân của Thiên vương, lẽ nào lại đi theo bọn nghịch đảng chúng bay hay sao. Đoạn húc trán vào gốc cây thông mà chết. Sự việc tâu về triều, chiếu cho dựng đền thờ, cấp tiền bạc cho gia quyến. Vua làm bài thơ Ngự chế để điếu phúng rồi đem khắc vào bia đá.

CHÙA QUÁN

Chùa Bảo Sơn

Chùa trên núi Bảo Sơn thuộc địa phận ba thôn Thiện Chính, An Hải và Xuân Hòa huyện Tuy Lí. Sau chùa có hai tòa tháp cổ, nên tục gọi là chùa Tháp. Đầu thời kì Trung hưng triều ta, Thế Tổ Hoàng đế đã lên thăm chùa, ban cho biển ngạch mang tên hiện nay là chùa Bảo Sơn.

MỤC LỤC

Lời giới thiệu 5
VIÊM GIAO TRUNG CỔ KÍ TỰ 7
THỪA THIÊN 9
Cổ tích 9
Núi 9
Lăng tẩm 11
Điện 23
Đàn miếu 24
Chùa quán 27
TỈNH QUẢNG TRỊ 34
Cổ tích 34
Núi 35
Đền miếu 35
Chùa quán 37
TỈNH QUẢNG BÌNH 38
Cổ tích 38
Núi sông 39
Đền miếu 41
Chùa quán 42
TỈNH HÀ TĨNH 44
Cổ tích 44
Núi sông 45
Đền miếu 47

Chùa quán 49
TỈNH NGHỆ AN 51
Cổ tích 51
Núi 53
Đền miếu 55
Chùa quán 57
TỈNH THANH HÓA 58
Cổ tích 58
Núi 60
Đền miếu 62
Lăng 69
Chùa quán 71
TỈNH NINH BÌNH 75
Cổ tích 75
Đền miếu 77
Lăng mộ 79
Chùa quán 80
TỈNH HÀ NỘI 82
Cổ tích 82
Núi 85
Đền miếu 85
Lăng mộ 92
Chùa quán 93
TỈNH NAM ĐỊNH 101
Cổ tích 101
Núi 102
Đền miếu 102
Chùa quán 107

TỈNH THÁI BÌNH 108
Đền miếu 108
TỈNH HƯNG YÊN 110
Cổ tích 110
Lăng mộ 112
TỈNH HẢI DƯƠNG 114
Cổ tích 114
Núi 115
Đền miếu 116
Chùa quán 121
HẢI PHÒNG 123
Cổ tích 123
Núi 124
Đền miếu 125
Chùa quán 126
TỈNH YÊN QUẢNG 128
Cổ tích 128
Núi 128
Đền miếu 129
Chùa quán 130
TỈNH BẮC NINH 131
Cổ tích 131
Núi sông 134
Đền miếu 136
Lăng mộ 143
Chùa quán 143
TỈNH SƠN TÂY 147
Cổ tích 147
Núi 149

Đền miếu 150
Lăng mộ 156
Chùa quán 157
TỈNH HƯNG HÓA 159
Cổ tích 159
Núi sông 160
Đền miếu 161
Chùa quán 162
TỈNH TUYÊN QUANG 164
Cổ tích 164
Núi sông 165
Đền miếu 167
Chùa quán 168
TỈNH LẠNG SƠN 169
Cổ tích 169
Núi 169
Đền miếu 170
Chùa quán 171
TỈNH CAO BẰNG 172
Cổ tích 172
Núi 173
Đền miếu 174
Chùa quán 176
TỈNH THÁI NGUYÊN 177
Cổ tích 177
Núi 177
Đền miếu 178
Chùa quán 179

TỈNH QUẢNG NAM 180
Cổ tích 180
Lăng tẩm 184
Đền miếu 185
Chùa quán 185
TỈNH QUẢNG NGÃI 187
Cổ tích 187
Núi sông 188
Đền miếu 195
Chùa quán 196
TỈNH BÌNH ĐỊNH 198
Cổ tích 198
Núi 199
Đền miếu 201
Chùa quán 203
TỈNH PHÚ YÊN 206
Cổ tích 206
Núi 206
Đền miếu 207
Chùa quán 208
TỈNH KHÁNH HÒA 209
Cổ tích 209
Núi 211
Đền miếu 212
TỈNH BÌNH THUẬN 213
Cổ tích 213
Núi 215
Đền miếu 216
Chùa quán 218

NHÀ XUẤT BẢN THỜI ĐẠI
Nhà B15, Mỹ Đình 1 - Từ Liêm - Hà Nội
ĐT: 04.62872630

VIÊM GIAO TRƯNG CỔ KÍ

Chịu trách nhiệm xuất bản:
BÙI VIỆT BẮC

Biên tập: Nguyên Thắng
Vẽ bìa: Hải Nam
Trình bày: Đông Tây
Sửa bản in: Thu Trang

In 1.500 cuốn khổ 14,5x20,5cm tại Công ty in Sông Lam
Số đăng kí KHXB: 1066-2009/CXB/03-22/TĐ cấp ngày 17/12/2009
In xong và nộp lưu chiểu Quý I năm 2010.

1999-2009

KỈ NIỆM 10 NĂM THÀNH LẬP
TRUNG TÂM VĂN HOÁ NGÔN NGỮ ĐÔNG TÂY

* ĐẠI VIỆT SỬ KÍ TOÀN THƯ
* VIÊM GIAO TRUNG CỔ KỈ
* CÁC NHÀ VĂN GIẢI NOBEL
* CÁC NHÀ VĂN THỤY ĐIỂN GIẢI NOBEL
* TUYỂN TẬP KỊCH SCHILLER
* QUO VADIS
* HỢP TUYỂN VĂN HỌC NHẬT BẢN
* ĐỒNG CHU LIỆT QUỐC
* CẢNH THẾ THÔNG NGÔN
* SỬ KÍ THANH HOA
* NHỮNG CÂU CHUYỆN VĂN NHÂN TÀI TỪ TRUNG HOA
* TẠP CHÍ SÔNG HƯƠNG (Bộ sưu tập)

Phát hành: Nhà sách Đông Tây - 34 Trần Quý Kiên - Cầu Giấy - Hà Nội, 30B Ba Triệu - Hà Nội
Thư viện Cafe Đông Tây, Nhà N11A, Trần Quý Kiên, Cầu Giấy, Hà Nội.
Sách Hà Nội - 245 Nguyễn Thị Minh Khai - Quận 1 - TP. Hồ Chí Minh
ĐT/Fax: 04.37733041 - Email: sachdongtay@gmail.com - Website: www.sachdongtay.com

VIÊM GIAO TRUNG CỔ KỈ

8 936046 613275
Giá: 39.000đ